VIỆT SỬ LƯỢC

越史略

Việt sử lược nguyên tên là *Đại Việt sử lược* 大越史略 do một tác giả khuyết danh đời Trần soạn xong vào năm Xương Phù nguyên niên (1377). Sách gồm có 3 quyển. *Quyển I* lược chép từ thời Hùng Vương Thục Phán An Dương Vương, Triệu Đà 趙佗 đến Lê Ngọa Triều 黎臥朝 (207 TCN—1009). *Quyển II* chép từ Lý Thái Tổ 李太祖 đến Lý Nhân Tông 李仁宗 (1010—1128). *Quyển III* chép từ Lý Thần Tông 李神宗 đến Lý Chiêu Hoàng 李昭皇 (1128—1225) (1). Cuối sách có phụ lục một bản *Trần triều kỷ niên* 陳朝紀年 trong đó ghi rõ các niên hiệu của một số vua đời Trần, kể từ Trần Thái Tông 陳太宗 (2) đến Trần Phế Đế 陳廢帝.

Nếu so sánh về nội dung, ta sẽ thấy *Việt sử lược* có nhiều chỗ chép rất giống với *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 của Ngô Sĩ Liên 吳士連 sau này, ngay cả đến một số chi tiết vụn vặt. Từ đó có người cho rằng cũng như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử lược* đã chép theo *Đại Việt sử ký* 大越史記 của Lê Văn Hưu 黎文休. Không những thế, còn có thể xem *Việt sử lược* như bản tóm tắt bộ *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu nữa (3).

Ở nước ta từ lâu *Việt sử lược* đã thất truyền. Riêng ở Trung Quốc, đến đời Càn Long nhà Thanh, sách ấy được đưa ra in, nói là dựa theo bản do viên Tuần phủ Sơn Đông 山東 sưu tầm được. Tiền Hy Tộ 錢熙祚 hiệu Tích Chi 錫之 (4), người Kim Sơn 金山 (thuộc tỉnh Giang Tô 江蘇 Trung Quốc) đã hiệu đính cuốn *Việt sử lược* này trong khi biên tập bộ *Thủ sơn các tùng thư* 守山閣叢書. Ngoài ra, trong một số sách khác như *Khâm định tứ khố toàn thư* 欽定四庫全書, *Hoàng triều phiên thuộc dư địa tùng thư* 皇朝藩屬輿地叢書 v.v... của Trung Quốc cũng còn in lại bản *Việt sử lược* đó.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một số đoạn trích từ cuốn *Việt sử lược* do Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải (5). Trong phần phiên dịch, chú giải, về cơ bản chúng tôi theo bản dịch trên, nhưng có thay đổi một số điểm cho hợp với

yêu cầu biên soạn. Ngoài ra, ở những nơi cần thiết, chúng tôi có chú thích thêm và ghi rõ là của Nhóm biên soạn.

Riêng bản chữ Hán chúng tôi sử dụng ở đây, là dựa vào bộ *Hoàng triều phiên thuộc dư địa tùng thư* hiện có ở Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu P.264(4

(1) Trong *Việt sử lược*, tác giả chỉ kể tới Lý Huệ Tông 李惠宗, nhưng trên thực tế, cuốn sách đã nói cả đến Lý Chiêu Hoàng.

(2) *Việt sử lược* viết là Trần Thái Tổ 陳太祖.

(3) Xem phần *Mấy lời của người dịch*, trong cuốn *Việt sử lược* do Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải ; Nxb Văn-Sử-Địa ; Hà Nội ; 1960.

(4) *Từ hải* chép Tiền Hy Tộ hiệu Tuyết Chi 雪之.

(5) *Việt sử lược* : Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải ; Sđd.

171

前吳王

諱權，姓吳氏，先府之子也。事楊廷藝爲將軍。後晋高祖天福三年冬十二月，權自愛州舉兵攻公羨。公羨使人求救於南漢。劉龑以其子萬王宏操爲靜海軍節度使將兵救公羨。宏操舟師自白藤江入，欲攻權，而權已殺公羨矣。權聞宏操至，於海口潛植鐵頭大杙。及漲潮，使以小舟挑戰而陽北。宏操追之。潮退，杙露，宏操拒戰不暇而潮落甚急，舟盡礙於杙內，權奮擊大破之，溺死過半，殺宏操。權始稱王。以晋出帝開運元年王薨，在治凡七年。

（越史略，卷一，吳紀）

PHIÊN ÂM :

TIỀN NGÔ VƯƠNG

Húy Quyền, tính Ngô thị, Tiên Phủ chi tử dã. Sự Dương Đình Nghệ vi Tướng quân. Hậu Tấn Cao Tổ, Thiên Phúc tam niên, đông thập nhị nguyệt, Quyền tự Ái Châu cử binh công Công Tiễn. Công Tiễn sử nhân cầu cứu ư Nam Hán. Lưu Nghiễm dĩ kỳ tử Vạn Vương Hoằng Thao vi Tĩnh hải quân tiết độ sứ, tương binh cứu Công Tiễn. Hoằng Thao chu sư tự Bạch Đằng giang nhập, dục công Quyền, nhi quyền dĩ sát Công Tiễn hĩ. Quyền văn Hoằng Thao chi, ư hải khẩu tiềm thực thiết đầu đại dặc. Cập trướng triều, sử dĩ tiểu chu khiêu chiến nhi dương bắc. Hoằng Thao truy chi. Triều thoái, dặc lộ, Hoằng Thao cự chiến bất hạ nhi triều lạc thậm cấp, chu tận ngại ư dặc nội, Quyền phấn kích đại phá chi, nịch tử quá bán, sát Hoằng Thao. Quyền thủy xưng vương. Dĩ Tấn Xuất Đế, Khai Vận nguyên niên, Vương hoăng, tại trị phàm thất niên.

(Việt sử lược; Quyển nhất, Ngô kỷ)

DỊCH NGHĨA :

TIỀN NGÔ VƯƠNG

Húy là Quyền, họ Ngô, là con Tiên Phủ (1). Ngô Quyền thờ Dương Đình Nghệ, làm chức Tướng quân. Năm thứ ba hiệu Thiên Phúc đời Cao Tổ, nhà Hậu Tấn (938), mùa đông, tháng chạp, Quyền đem binh từ Ái Châu ra đánh Công Tiễn. Công Tiễn sai người cầu cứu Nam Hán. Lưu Nghiễm cho con là Vạn Vương Hoằng Thao (2) làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ, đem binh sang cứu Công Tiễn. Hoằng Thao đem thủy quân từ sông Bạch Đằng vào nước ta toan đánh Quyền, nhưng Quyền đã giết được Công Tiễn. Quyền nghe tin Hoằng Thao đến, bèn đóng ngầm những cọc lớn đầu bịt sắt ở cửa biển. Khi nước triều dâng cao, Quyền sai người đem thuyền nhỏ ra khiêu chiến, giả vờ thua chạy. Hoằng Thao đuổi theo. Nước triều xuống, cọc nhô ra ; Hoằng Thao phải chống cự luôn tay, mà nước triều xuống rất nhanh, thuyền bè đều bị vướng vào trong cọc. Quyền đánh hăng, đại phá được Hoằng Thao, quân Nam Hán bị chết đuối đến quá nửa, giết được Hoằng Thao. Quyền mới bắt đầu xưng vương.

Năm đầu hiệu Khai Vận đời Tấn Xuất Đế (944), Vương mất, trị vì khoảng 7 năm.

Theo *TRẦN QUỐC VƯỢNG*
(Bd. VSL ; *Quyển I* ; *Ngô kỷ*)

CHÚ THÍCH :

(1) ĐVSKTT và VSTGCM đều chép cha của Ngô Quyền tên là Ngô Mân 吳旻 .
(2) *Tân ngũ đại sử* 新五代史 chép là Hồng Thao 洪操 ĐVSKTT chép là Hoằng Thao 弘操

172

先王

諸部領，姓丁氏，華閭洞人，小孤，與母媼五人居山神祠側，門外有山荷叢，葉上蝸迹成「天子」字。

王爲兒時，與群童牧牛於山野，皆推爲衆兒長，以君臣禮事之。相與嬉戲，則共交手爲椅以捧王，又取蘆花爲前導，以左右引，象天子隊仗。暇日，群兒相率摘柴以供役課，晚歸共母。母見之喜，爲烹豚以饗之。鄉中父老皆相戒曰：「此兒器宇非常，必能濟世安民；我輩若不早附，異日必悔其晚！」率子弟往從之，居於洎澳柵。其叔獨據柵不從，王率衆攻之，不勝，奔至潭家灣，橋壞，陷于溥。叔欲刺之，見二黃龍覆其上，叔懼而退，乃降。

時境內無主。王聞陳明公賢而無嗣，乃以其子往依焉。明公一見爲器重之，養爲己子，盡付以所部兵，使攻十二使君，皆平之。戊辰，明公卒。京府吏民多往歸之。王以趙宋太祖開寶元年稱皇帝於華閭洞，起宮殿，制朝儀，置百官，立社稷，尊號曰「大勝明皇帝」。置大鼎於庭，養虎於檻下，令曰：「有犯法者，受烹，噬之！」罪人皆懾伏，不敢違命。己巳，二年，閏五月，封長子璉爲南越王。庚午，三年，改元曰「太平元年」。宋封王爲「安南郡王」。立王后五人(有年號自此始。辛未，太平二年，置文武僧道階品，以劉某爲都護府太師，阮匐爲定國公，黎桓爲十道將軍。宋聞王稱尊號，使遺王書，其略曰：「中夏之於蠻貊，猶人之有四肢也；苟心腹未安，四體庸能治乎？蕞爾交州遠在天末，唐季多難，未遑區處。今聖朝蓋覆萬國，太平之業，亦既成矣。俟爾至此，康乎帝躬。爾毋何隅，

爲我小患，俾我爲絕蹯斷節之計，用屠爾國，悔其焉追！」壬申，太平三年，封子璿爲衛王，立季子項郎爲太子，命阮子猷如宋修好。甲戌，太平五年，王得讖曰：「杜釋弑丁丁，黎家出聖明，競頭多横死，道路絕人行」。丙子，太平七年。己卯，太平十年，春，越王璉使人殺太子項郎。冬十一月，王夜宴，爲福侯宏杜釋所弑及越王璉等。

先是，釋爲桐閔吏，夜卧橋上，見流星入口，釋以爲休徵，萌弑逆之心。王既遇害，釋潛入宮中，匿於霤下。踰三日，渴甚，以手盛雨水而食，宮女見之，告定國阮匐，收斬之。與其將軍黎桓奉衛王璿即皇帝位。追尊王爲先王，母爲太后。

王在位十一年，壽五十五，改元者一。

(越史略,卷一,丁紀)

PHIÊN ÂM :

TIÊN VƯƠNG

Chư Bộ Lĩnh, tính Đinh thị, Hoa Lư động nhân, thiếu cô, dữ mẫu ổn ngũ nhân cư sơn thần tự trắc, môn ngoại hữu sơn hà tùng, diệp thượng oa tích thành «Thiên tử» tự.

Vương vi nhi thời, dữ quần đồng mục ngưu ư sơn dã, giai suy vi chúng nhi trưởng, dĩ quân thần lễ sự chi. Tương dữ hy hý, tắc cộng giao thủ vi ỷ dĩ phủng vương, hựu thủ lư hoa vi tiền đạo, dĩ tả hữu dẫn, tượng Thiên tử đội trượng. Hạ nhật, quần nhi tương suất trích sài dĩ cung dịch khóa, vãn quy kỳ mẫu. Mẫu kiến chi hỉ vị phanh đồn dĩ hưởng chi. Hương trung phụ lão giai tương giới viết : «Thử nhi khi vũ phi thường, tất năng tế thế an dân ; ngã bối nhược bất tảo phụ, dị nhật tất hối kỳ vãn !». Suất tử đệ vãng tùng chi, cư ư Tế Áo sách. Kỳ thúc độc cứ sách bất tùng, vương xuất chúng công chi, bất thắng, bôn chí Đàm Gia loan, kiều hoại, hãm ư ninh. Thúc dục thích chi, kiến nhị hoàng long phú kỳ thượng, thúc cụ nhi thoái nãi hàng.

Thời cảnh nội vô chủ. Vương văn Trần Minh Công hiền nhi vô tự, nãi dĩ kỳ tử vãng y yên. Minh Công nhất kiến vị khi trọng chi, dưỡng vi kỷ tử, tận phó dĩ sở bộ binh, sử công thập nhị sứ quân, giai bình chi. Mậu thìn, Minh

Công tốt. Kinh phủ lại dân đa vãng quy chi. Vương dĩ Triệu Tống Thái Tổ, Khai Bảo nguyên niên xưng Hoàng Đế ư Hoa Lư động, khởi cung điện, chế triều nghi, trí bách quan, lập xã tắc, tôn hiệu viết «Đại Thắng Minh Hoàng Đế». Trí đại đỉnh ư đình, dưỡng hổ ư hạm hạ, lệnh viết : «Hữu phạm pháp giả, thụ phanh, phệ chi». Tội nhân giai nhiếp phục, bất cảm vi mệnh. Kỷ tị, nhị niên, nhuận ngũ nguyệt, phong trưởng tử Liễn vi Nam Việt Vương. Canh ngọ, tam niên cải nguyên viết «Thái Bình nguyên niên». Tống phong vương vi «An Nam Quận Vương». Lập Vương hậu ngũ nhân (Hữu niên hiệu tự thử thủy). Tân mùi, Thái Bình nhị niên, trí văn vũ tăng đạo giai phẩm, dĩ Lưu Mỗ vi Đô hộ phủ Thái sư, Nguyễn Bặc vi Định quốc công, Lê Hoàn vi Thập đạo Tướng quân. Tống văn Vương xưng tôn hiệu, sử di vương thư, kỳ lược viết : «Trung hạ chi ư man mạch, do nhân chi hữu tứ chi dã ; cầu tâm phúc vị an, tứ thể dung năng trị hồ ? Toát nhĩ Giao Châu viễn tại thiên mạt, Đường qui đa nạn, vị hoàng khu xử. Kim thánh triều cái phú vạn quốc, thái bình chi nghiệp, diệc kỳ thành hĩ. Sĩ nhĩ chi chỉ, khang hồ đế cung. Nhĩ vô hướng ngung, vi ngã tiểu hoạn, tỷ ngã vi tuyệt phiên đoạn tiết chi kế, dụng đồ nhĩ quốc, hối kỳ yên truy !» Nhâm thân, Thái Bình tam niên, phong tử Toàn vi Vệ Vương, lập qui tử Hạng Lang vi Thái tử, mệnh Nguyễn Tử Du như Tống tu hiếu. Giáp tuất, Thái Bình ngũ niên, vương đắc sấm viết : «Đỗ Thích thi Đinh Đinh, Lê gia xuất thánh minh, Cạnh đầu đa hoạnh tử, Đạo lộ tuyệt nhân hành». Bính tí, Thái Bình thất niên. Kỷ mão, Thái Bình thập niên, xuân, Việt Vương Liễn sử nhân sát Thái tử Hạng Lang. Đông, thập nhất nguyệt, vương dạ yến, vi Phúc hầu hoằng Đỗ Thích sở thí, cập Việt Vương Liễn đẳng.

Tiên thị, Thích vi Đồng Quan lại, dạ ngọa kiều thượng, kiến lưu tinh nhập khẩu, Thích dĩ vi hưu trưng, manh thí nghịch chi tâm. Vương ký ngộ hại, Thích tiềm nhập cung trung, nặc ư lựu hạ. Du tam nhật, khát thậm, dĩ thủ thịnh vũ thủy nhi thực, cung nữ kiến chi, cáo Định quốc Nguyễn Bặc, thu trảm chi. Dữ kỳ Tướng quân Lê Hoàn phụng Vệ Vương Toàn tức Hoàng Đế vị. Truy tôn vương vi Tiên Vương, mẫu vi Thái Hậu.

Vương tại vị thập nhất niên, thọ ngũ thập ngũ, cải nguyên giải nhất.

(Việt sử lược; Quyển nhất, Đinh kỷ)

DỊCH NGHĨA :

TIÊN VƯƠNG

Húy (1) là Bộ Lĩnh, họ Đinh, người động Hoa Lư (2), mồ côi cha từ bé, cùng với mẹ, năm người ở cạnh đền sơn thần (3), ngoài cửa có đám khoai san hà trên lá có dấu sên bò (4) thành chữ «Thiên tử».

Khi Vương còn bé, cùng bọn trẻ con chăn trâu ở thung lũng, được chúng tôn lên đứng đầu đám trẻ con, lấy lễ vua tôi mà thờ. Vương cùng bầy trẻ vui chơi, bầy trẻ cùng khuỳnh tay nhau làm kiệu để rước Vương (5), lại lấy hoa lau làm cờ

đi tiền đạo, có hai bên tả hữu đưa rước, giống như nghi vệ Thiên tử. Những ngày nhàn rỗi, đám trẻ con đều đi hái củi nộp cho Vương, chiều về đưa cho mẹ(6). Mẹ thấy thế, vui mừng giết lợn để khao thưởng bọn chúng. Các phụ lão ở trong hương bảo với nhau rằng : «Thằng bé này khí độ khác thường, tất có thể cứu đời yên dân ; lũ ta nếu không theo sớm, ngày sau tất hối là đã muộn !». Bèn cho con em đến theo Vương, đóng ở trong sách Tế áo (7). Chú của Vương giữ sách (8) không theo, Vương đem quân đến đánh, không thắng, chạy đến vũng Đàm Gia (9), cầu gãy, Vương bị hãm ở trong bùn lầy. Chú toan đâm chết, nhưng thấy hai con rồng vàng che chở ở trên, bèn sợ lui về (10) và theo hàng Vương (11).

Bấy giờ trong nước vô chủ. Vương nghe tin Trần Minh Công là người hiền mà không có người kế tự, bèn cùng (12) con sang nương nhờ. Minh Công trông thấy, qui trọng lắm, nuôi làm con mình, phó thác cho tất cả quân linh, sai đi đánh mười hai sứ quân, (13) đều bình được. Năm Mậu thìn (968), Minh Công mất, lại dân ở kinh phủ, phần nhiều theo về với Vương. Năm đầu hiệu Khai Bảo, đời Thái Tổ nhà Triệu Tống (968), Vương xưng làm Hoàng Đế ở động Hoa Lư, xây cung điện, chế triều nghi, đặt trăm quan, lập nền xã tắc, quần thần đàng tôn hiệu là «Đại Thắng Minh Hoàng Đế». Vua đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ ở trong cũi, hạ lệnh rằng : «Kẻ nào phạm pháp sẽ bị nấu vạc dầu, cho hổ ăn thịt». Bọn tù tội đều sợ phục, không dám trái mệnh. Năm Kỷ tị, năm thứ hai (969), tháng 5 nhuận, vua phong con trai cả là Liễn làm Nam Việt Vương. Năm Canh ngọ, năm thứ ba (970), cải nguyên là «năm đầu hiệu Thái Bình» (14). Nhà Tống phong vua là «An Nam Quận Vương». Lập 5 bà Hoàng hậu. (Có niên hiệu là bắt đầu từ bấy giờ). Năm Tân mùi, hiệu Thái Bình năm thứ hai (971), đặt thứ bậc các tăng đạo văn võ. Lấy Lưu Mỗ làm Thái sư Đô hộ phủ, Nguyễn Bặc làm Định Quốc Công, Lê Hoàn làm Thập đạo Tướng quân (15). Tống nghe tin Vương xưng tôn hiệu, sai người đưa thư cho Vương, đại lược nói rằng : « Bản quốc đối với man di, cũng như người ta có tứ chi ; nếu như lòng bụng chưa yên, thì chân tay lẽ nào trị được ? Xứ Giao Châu nhỏ bé, ở xa tại cuối trời, cuối Đường lắm việc, chưa kịp xử phân. Nay thánh triều chở che muôn nước, nghiệp thái bình đã được thành công. Đợi ngươi đến chầu, cho vui lòng trẫm. Ngươi không theo phục, làm ta bận lòng, khiến ta phải dùng kế chặt chân, tiện đốt, làm cỏ nước ngươi, hối mà sao kịp !» Năm Nhâm thân, hiệu Thái Bình năm thứ ba (972), vua phong con là Toàn làm Vệ Vương, lập con út là Hạng Lang làm Thái tử (16), sai Nguyễn Tử Du đi sứ Tống kết hiếu. Năm Giáp tuất, hiệu Thái Bình năm thứ năm (974), vua được lời sấm nói rằng :

Đỗ Thích giết hai Đinh,
Nhà Lê sinh thánh minh.
Ganh đua bao kẻ chết,
Đường đi người vắng tanh.

Năm Bính tí, hiệu Thái Bình năm thứ bảy (976). Năm Kỷ mão, hiệu Thái Bình năm thứ mười (979), mùa xuân, Việt Vương Liễn sai người giết thái tử Hạng Lang. Mùa đông, tháng 11, vua ăn yến ban đêm, bị Phúc hầu hoằng Đỗ Thích giết cùng với Việt Vương Liễn.

Vốn trước, Thích làm lại ở Đồng Quan, ban đêm nằm ở trên cầu, thấy sao rơi vào mồm, Thích cho là điềm tốt, bèn sinh lòng phản nghịch. Khi vua đã bị giết hại, Đỗ Thích ngầm vào trong cung, trốn ở dưới máng nước. Quá ba ngày, khát quá, Thích thò tay hứng nước mưa để uống, bị cung nữ trông thấy, báo với Định quốc công Nguyễn Bặc bắt giết đi (17). Bặc cùng tướng quân Lê Hoàn phò Vệ Vương Toàn lên ngôi Hoàng Đế. Toàn lên ngôi Hoàng Đế, truy tôn vua là Tiên Vương, tôn mẹ làm Thái hậu (18).

Vua ở ngôi 11 năm, thọ 55 tuổi, cải nguyên một lần.

Theo *TRẦN QUỐC VƯỢNG*
(BD. VSL ; *Quyển I, Đinh kỷ)*

CHÚ THÍCH :

(1) Sách in nhầm chữ 諱 *húy* ra chữ 諸 *chư*.

(2) *Hoa Lư* : nay là vùng Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

(3) Theo ĐVSKTT, thì Đinh Bộ Lĩnh là con Thứ sử Hoan Châu Đinh Công Trứ 丁公著. Đinh Công Trứ trước là Nha tướng của Dương Diên Nghệ 楊延藝 (có sách viết là Dương Đình Nghệ 楊廷藝), quyền nhiếp Thứ sử Hoan Châu, sau theo Ngô Quyền, vẫn làm chức cũ. Khi Công Trứ mất, Bộ Lĩnh còn nhỏ, mẹ là Đàm thị 譚氏 đem tôi tớ vào ở cạnh đền sơn thần trong động.

(4) *Đám khoai san hà* : nguyên văn là «sơn hà tùng», nghĩa đen là «đám sen núi» ; ta thường gọi khoai san hà, loại khoai mọc trên núi, lá giống lá sen.
Dấu sên bò (Oa tích) : Bd. VSL viết là «dấu sò ốc» (Nhóm biên soạn).

(5) *Bầy trẻ cùng nắm tay nhau làm kiệu để rước Vương* (tắc cộng giao thủ vi ỷ dĩ phủng Vương) : BD. VSL viết là «bầy trẻ đều khoanh tay làm chiếc ỷ để kiệu Vương» (Nhóm biên soạn).

(6) Theo ĐVSKTT, những ngày nhàn rỗi, «đem bộ chúng đi đánh trẻ con thôn khác, đi đến đâu trẻ con đều sợ phục, đem củi đóm hái lượm được trong ngày nộp cho Bộ Lĩnh».

(7) ĐVSKTT chép là Đào Áo 陶澳 . Không rõ nay ở đâu.

(8) Theo ĐVSKTT, chú của Bộ Lĩnh giữ sách Bông 蔞 栅 . ĐVSKTT, và VSTGCM nói chú của Bộ Lĩnh tên là Dự

(9) Theo ĐVSKTT, Bộ Lĩnh chạy đến cầu Nương Loan thuộc Đàm Gia. Đàm Gia nay là xã Điềm Xá huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình.

(10) *Bèn sợ, lui về* (cụ nhi thoái) : Bd. VSL viết là «bèn lui về» (Nhóm biên soạn).

(11) Theo ĐVSKTT, thì Bộ Lĩnh lại thu nhặt dư chúng tới đánh, chú bèn hàng.

(12) Sách *Đại Việt sử ký toàn thư*; *Ngoại kỷ* ; *Quyển V* ghi : «Đinh Bộ Lĩnh nghe Trần Minh Công là người có đức mà không có con, bèn cùng với con là Liễn đến nương tựa».

(13) Ở đây có lẽ chép nhầm, vì Trần Minh Công, tức Trần Lãm, là một trong 12 sứ quân. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép : «sai đi đánh các hùng trưởng khác», chép vậy mới thật chính xác.

(14) Trước đó, các triều vẫn theo niên hiệu các triều Trung Quốc.

(15) Đinh Tiên Hoàng phong thứ bậc cho các sư ni : Tăng thống Ngô Chân Lưu 吳真流 được ban hiệu Khuông Việt Đại sư ; Trương Ma Ni 張麻尼 được làm Tăng lục, Đạo sĩ Đặng Huyền Quang 鄧玄光 làm Sùng chân uy nghi. ĐVSKTT, chép Lưu Cơ 劉基 làm Đô hộ phủ Sĩ sư. Đô hộ phủ là miền Giao Châu đời Đường (vùng đồng bằng Bắc Bộ). Lúc này ta vẫn giữ sự phân chia các khu vực hành chính như đời Đường.

(16) ĐVSKTT chép năm sau (Giáp tuất, 974), hoàng thứ tử Toàn mới đẻ, và chép việc phong này vào năm Mậu dần (978).

(17) Theo ĐVSKTT, Nguyễn Bặc bắt được Đỗ Thích; «băm xương, xát thịt, chia cho người trong nước ăn. Không ai không tranh nhau ăn».

(18) Tức là Dương Thái hậu 楊太后 .

173

大行王

諱桓，姓黎氏，長州人。父覓，母鄧氏，初懷娠夢腹生蓮花，俄而結實，收之分與人食，及寤，莫識其故。以天福元年七月十五日生王。母見其手色異常，語人曰：「此兒長成恐吾不及享其祿矣！」。逾數年而父母俱亡。本州有黎觀察者見而異之，養爲己子。王遇冬寒，覆舂而卧。觀察視之，見有黃龍覆其上，由是益奇之。及長，事南越王璉。先王嘉其勇智，累遷至十道將軍，殿前指揮使。

太平十年，先王遇殺，衛王尚幼，王乃攝行國政，稱爲副王。阮匐，丁佃以王將不利於孺子，乃相率起兵。王出師攻之，斬佃於陣，執匐送京師殺之。衛王二年，朱太常博士侯仁寶請兵伐本國。朱以仁寶爲交州路轉運使，領諸軍來攻。時諒州聞兵至，以狀聞。太后命南柵人范巨備爲大將軍率師拒之。師出之日，巨備直入省中謂王曰：「今主上幼弱，未知我輩勤勞，脫有尺寸之功，其誰知之？不如先策十道爲天子，然後出師！」軍士聞之，咸呼萬歲。太后見人情悅服，使以龍衮加王躬，請即位。庚辰之年王即位，封父爲

長興王，母鄧氏爲太后。辛巳，天福元年，春，三月，侯仁寶軍至浪山，陳欽祚至西紹，劉澄至白藤江。王自將拒之，植杙捍江。宋兵退保寧江。王令詐降以誘仁寶。北軍敗，擒斬之。欽祚等聞軍敗，引退。上尊號爲「明乾應運神武昇平至仁廣孝皇帝」。壬午，天福二年，立五王后。王遣徐穆等使占城，爲所執。王怒，自將討之，斬其王鬼眉稅於陣，俘馘不可勝數；獲宮妓數百人，遷其重器；收金銀寶貨以萬數；滅其城池，毀其宗廟。是歲還京。大饑。癸未，天福三年，初，王征占城，經銅鼓山，至婆和，以海路險阻，難於去來，使開渠，由是，舟楫乃通。甲申，天福四年，造百寶千歲殿於火雲山，其柱裹以金銀。東建風流殿，西建榮華殿，左建蓬萊殿，右建極樂殿。次構火雲樓，連起長春殿。其側起龍祿殿，蓋以銀瓦。乙酉，天福五年，秋，七月，丁巳，王之誕辰也。使造舟江中，以竹作假山於舟上，號南山，遂設競渡禮。丙戌，天福六年，宋授王靜海軍節度使。丁亥，天福七年，王初耕籍田於隊山，得金銀甕一，耕於皤梅山，得甕一，名其地曰「金銀田」。戊子，天福八年，己丑，天福九年，管甲楊進祿以驩愛二州附占城。王親征擒之，復取二州。封第三子爲南封王。庚寅，興統元年，春，正月，改元曰興統。宋命左正言宋鎬來封王。辛卯，興統二年，封弟之子爲禦蠻王，居峰州。壬辰，興統三年，春，王御乾元樓觀燈。甲午，興統五年，封第十一子爲行軍王，居北岸吉覽州。乙未，應天元年，正月，改元。命杜亨使於宋。封義子爲扶帶王，居扶帶。丙申，應天二年，王親征麻黃，大發，舟波三洞，拔之。丁酉，應天三年，秋，七月，討杜洞江賊，擒之。大水。戊戌，應天四年。己亥，應天五年，王親討何洞之十九州，平之。庚子，應天六年，討峰州賊鄭航，擒之。命劉紹如宋。辛丑，應天七年，征莒隆賊。賊見王，張弩注矢欲射之。矢尋墜，再舉，絃斷，懼而退。王御樓船入窮江追之。賊陳於兩岸，與王拒戰。王兵陷於江。衛王璿中流矢死。王呼

天三聲，賊自敗。壬寅，應天八年，造銀兜鍪數千餘頂，頒賜軍人。癸卯，應天九年，王幸驩州，鑿多蓋港直至暗州。甲辰，應天十年，王拽罾得巨蛇，忽然逆流而去。遣行軍王如來。

乙巳，應天十一年，王薨於長春殿，謂之大行王，因爲廟號。在位二十七年，壽六十五，改元者三，葬長州德陵。

(越史略,卷一,黎紀)

PHIÊN ÂM :

ĐẠI HÀNH VƯƠNG

Húy Hoàn, tính Lê thị, Trường Châu nhân. Phụ Mịch, mẫu Đặng thị, sơ hoài thần mộng phúc sinh liên hoa, nga nhi kết thực, thu chi phân dữ nhân thực, cập ngộ, mạc thức kỳ cố. Dĩ Thiên Phúc nguyên niên thất nguyệt thập ngũ nhật sinh vương. Mẫu kiến kỳ thủ sắc dị thường, ngữ nhân viết : «Thử nhi trưởng thành khủng ngô bất cập hưởng kỳ lộc hĩ !» Du sổ niên, nhi phụ mẫu câu vong. Bản châu hữu Lê Quan sát giả kiến nhi dị chi, dưỡng vi kỷ tử. Vương ngộ đông hàn, phúc thung nhi ngọa. Quan sát thị chi, kiến hữu hoàng long phú kỳ thượng, dồ thị ích kỳ chi. Cập trưởng sự Nam Việt Vương Liễn. Tiên Vương gia kỳ dũng tri, lũy thiên chi Thập đạo Tướng quân, Điện tiền Chỉ huy sứ.

Thái bình thập niên, Tiên Vương ngộ thi, Vệ Vương thượng ấu, Vương nãi nhiếp hành quốc chính, xưng vi Phó Vương. Nguyễn Bặc, Đinh Điền dĩ vương tương bất lợi ư nhụ tử, nãi tương suất khởi binh. Vương xuất sư công chi, trảm Điền ư trận, chấp Bặc tống Kinh sư sát chi. Vệ Vương nhị niên, Tống Thái thường bác sĩ Hầu Nhân Bảo thỉnh binh phạt bản quốc. Tống dĩ Nhân Bảo vi Giao Châu lộ Chuyển vận sứ, lĩnh chư quân lai công. Thời Lạng Châu văn binh chi, dĩ trạng văn. Thái hậu mệnh Nam Sách nhân Phạm Cự Bị vi Đại tướng quân suất sư cự chi. Sư xuất chi nhật, Cự Bị trực nhập sảnh trung vị vương viết : «Kim Chúa thượng ấu nhược, vị tri ngã bối cần lao, thoát hữu xích thốn chi công, kỳ thùy tri chi ? Bất như tiên sách Thập đạo vi Thiên tử, nhiên hậu xuất sư !» Quân sĩ văn chi, hàm hô «Vạn tuế». Thái hậu kiến nhân tình duyệt phục, sử dĩ long cổn gia vương cung, thỉnh tức vị. Canh thìn chi niên vương tức vị, phong phụ vi Trường Hưng Vương, mẫu Đặng thị vi Thái hậu. Tân tị, Thiên Phúc nguyên niên, xuân, tam nguyệt, Hầu Nhân Bảo quân chí Ngân Sơn, Trần Khâm Tộ chí Tây Kết, Lưu Trừng chí Bạch Đằng giang. Vương tự tướng cự chi, thực đặc hãn giang. Tống binh thoái bảo Ninh Giang. Vương linh trá

hàng dĩ dụ Nhân Bảo. Bắc quân bại, cầm trảm chi. Khâm Tộ đẳng văn quân bại, dẫn thoái. Thượng tôn hiệu vi «Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thăng Bình Chí Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế». Nhâm ngọ, Thiên Phúc nhị niên, lập ngũ vương hậu. Vương khiển Từ Mục đẳng sứ Chiêm Thành, vị sở chấp. Vương nộ, tự tướng thảo chi, trảm kỳ vương Phê Mi Thuế ư trận, phù quắc bất khả thắng sổ ; hoạch cung kỹ sổ bách nhân, thiên kỳ trọng khí ; thu kim ngân bảo hóa dĩ vạn sổ ; diệt kỳ thành trì, hủy kỳ tông miếu. Thị tuế hoàn Kinh. Đại cơ. Qui mùi, Thiên Phúc tam niên, sơ, Vương chinh Chiêm Thành, kinh Đồng Cổ sơn, chí Bà Hòa, dĩ hải lộ hiểm trở, nan ư khứ lai, sử khai cừ, do thị, chu tiếp nãi thông. Giáp thân, Thiên Phúc tứ niên, tạo Bách Bảo thiên tuế điện ư Hỏa Vân sơn, kỳ trụ khỏa dĩ kim ngân. Đông kiến Phong Lưu điện, tây kiến Vinh Hoa điện, tả kiến Bồng Lai điện, hữu kiến Cực Lạc điện. Thứ cấu Hỏa Vân lâu, liên khởi Trường Xuân điện. Kỳ trắc khởi Long Lộc điện, cái dĩ ngân ngõa. Ất dậu, Thiên Phúc ngũ niên, thu, thất nguyệt, Đinh tị, Vương chi đản thần dã. Sử tạo chu giang trung, dĩ trúc tác giả sơn ư chu thượng, hiệu Nam Sơn, toại thiết cạnh độ lễ. Bính tuất, Thiên Phúc lục niên, Tống thụ vương Tĩnh hải quân tiết độ sứ. Đinh hợi, Thiên Phúc thất niên, Vương sơ canh tịch điền ư Đội Sơn, đắc kim ngân ủng nhất ; Canh ư Bàn Hối sơn, đắc ủng nhất, danh kỳ địa viết «Kim ngân điền». Mậu tí, Thiên Phúc bát niên. Kỷ sửu, Thiên Phúc cửu niên, Quản giáp Dương Tiến Lộc dĩ Hoan, Ái nhị châu phụ Chiêm Thành. Vương thân chinh cầm chi, phục thủ nhị châu. Phong đệ tam tử vi Nam Phong Vương. Canh dần, Hưng Thống nguyên niên, xuân, chinh nguyệt, cải nguyên viết Hưng Thống. Tống mệnh Tả chinh ngôn Tống Cảo lai phong vương. Tân mão, Hưng Thống nhị niên, phong đệ chi tử vi Ngự Man Vương, cư Phong Châu. Nhâm thìn, Hưng Thống tam niên, xuân, Vương ngự Càn nguyên lâu quan đăng. Giáp ngọ, Hưng Thống ngũ niên, phong đệ thập nhất tử vi hành Quân Vương, cư bắc ngạn Cát Lãm châu. Ất mùi, Ứng Thiên nguyên niên, chinh nguyệt, cải nguyên. Mệnh Đỗ Hành sứ ư Tống. Phong nghĩa tử vi Phù Đới Vương, cư Phù Đới. Bính thân, Ứng Thiên nhị niên, vương thân chinh Ma Hoàng, Đại Phát, Chu Ba tam động, bạt chi. Đinh dậu, Ứng Thiên tam niên, thu, thất nguyệt, thảo Đỗ Động giang tặc, cầm chi. Đại thủy. Mậu tuất, Ứng Thiên tứ niên. Kỷ hợi, Ứng Thiên ngũ niên, vương thân thảo Hà Động chi thập cửu châu, bình chi. Canh tí, Ứng Thiên lục niên, thảo Phong Châu tặc Trịnh Hàng, cầm chi. Mệnh Lưu Thiệu như Tống. Tân sửu, Ứng Thiên thất niên, chinh Cử Long tặc. Tặc kiến Vương, trương nỗ chú thỉ dục xạ chi. Thỉ tầm trụy, tái cử, huyền đoạn, cụ nhi thoái. Vương ngự lâu thuyền nhập Cùng Giang truy chi. Tặc trận ư lưỡng ngạn, dữ vương cự chiến. Vương binh hãm ư giang. Vệ vương Toàn trúng lưu thỉ tử. Vương hô thiên tam thanh, tặc tự bại. Nhâm dần, Ứng Thiên bát niên, tạo ngân đâu mâu sổ thiên dư đỉnh, ban tứ quân nhân. Quý mão, Ứng Thiên cửu niên, Vương hạnh Hoan Châu, tạc Đa Cái cảng trực chí Ám Châu. Giáp thìn, Ứng Thiên thập niên, vương duệ tăng đắc cự xà, hốt nhiên nghịch lưu nhi khứ. Khiển Hành Quân vương như Tống.

Ất tị, Ứng Thiên thập nhất niên, vương hoăng ư Trường Xuân điện, vị chi Đại Hành Vương, nhân vi miếu hiệu. Tại vị nhị thập thất niên, thọ lục thập ngũ, cải nguyên giả tam, táng Trường Châu Đức Lăng.

(*Việt sử lược; Quyển nhất, Lê kỷ*)

DỊCH NGHĨA :

ĐẠI HÀNH VƯƠNG

Húy là Hoàn, họ Lê, người Trường Châu (1). Cha là Mịch, mẹ họ Đặng, khi mới có mang, nằm mộng thấy trong bụng sinh hoa sen, bỗng chốc kết thành hạt, hái lấy chia cho mọi người ăn, khi tỉnh dậy không hiểu duyên cớ ra sao. Ngày 15 tháng 7 năm đầu hiệu Thiên Phúc (936) (2) sinh ra vua. Bà mẹ thấy sắc tay vua khác thường, nói với người ta rằng : «Thằng bé này lớn lên, sợ ta không kịp hưởng lộc của nó !» Vài năm sau, cha mẹ vua đều mất. Trong bản châu có ông Quan sát họ Lê thấy vua, lấy làm lạ, bèn nuôi làm con mình. Gặp ngày đông giá rét, vua nằm úp cối, ông nhìn vua thấy có rồng vàng phủ ở trên (3), do đó lại càng lấy làm lạ. Lớn lên, vua thờ Nam Việt Vương Liễn. Tiên Vương khen là dũng cảm, có mưu trí, thăng dần đến chức Thập đạo Tướng quân, điện tiền chỉ huy sứ.

Năm thứ mười hiệu Thái Bình (979), Tiên Vương bị giết hại, Vệ Vương còn nhỏ tuổi, vua bèn quyền nhiếp chính sự trong nước xưng là Phó Vương. Nguyễn Bặc, Đinh Điền thấy vua sẽ bất lợi cho ấu chúa bèn cùng khởi binh đánh vua. Vua đem quân đánh, chém được Điền ở trước trận, bắt được Bặc đem về Kinh giết đi. Năm thứ hai đời Vệ Vương, chức Thái thường bác sĩ nhà Tống là Hầu Nhân Bảo (4) xin binh đánh nước ta. Nhà Tống cho Nhân Bảo làm Giao Châu lộ Chuyển vận sứ, đem các đạo quân tới đánh ta. Bấy giờ Lạng Châu (5) nghe tin quân Tống đến, làm tờ trạng tâu lên. Thái Hậu sai người Nam Sách là Phạm Cự Bị (6) làm Đại tướng quân đem binh ra chống cự. Ngày xuất quân, Cự Bị vào thẳng trong cung, nói với vua (7) rằng : «Nay, Chúa thượng nhỏ yếu không biết được sự khó nhọc của lũ ta, nếu có chút công lao thì ai là người biết đến ? Chi bằng trước hãy tôn quan Thập đạo làm Thiên tử, nhiên hậu hãy xuất quân !» Quân sĩ nghe nói thế đều hô «Vạn tuế». Thái hậu thấy lòng người theo phục, sai người lấy áo long cổn khoác lên mình vua, xin lên ngôi. Năm Canh thìn (980), vua lên ngôi, phong cha làm Trường Hưng Vương, bà mẹ họ Đặng làm Thái hậu. Năm Tân tị, hiệu Thiên Phúc năm đầu (981) (8), mùa xuân, tháng 3, Hầu Nhân Bảo đến Ngân Sơn (9), Trần Khâm Tộ đến Tây Kết (10), Lưu Trừng đến sông Bạch Đằng. Vua tự làm tướng đi chống Tống, sai người cắm cọc ngăn sông. Quân Tống lui giữ Ninh Giang (11). Vua sai trá hàng để dụ Nhân Bảo. Quân Tống bị thua, ta bắt chém được Nhân Bảo. Bọn Khâm Tộ nghe tin quân thua, bèn rút lui. Quần thần dâng tôn hiệu là «Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thăng Bình Chí Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế ». Năm Nhâm ngọ, hiệu Thiên

Phúc năm thứ hai (982), lập 5 bà Hoàng hậu. Vua sai bọn Từ Mục đi sứ Chiêm Thành, bị bắt giữ. Vua giận giữ, tự làm tướng đi dẹp Chiêm Thành, chém được vua nó là Phê Mi Thuế (12) ở trước trận, bắt tù vô kể. Bắt được vài trăm ca kỹ trong cung, lấy những vật quí, vàng bạc, của báu kể có hàng vạn. Diệt thành trì, hủy tông miếu của Chiêm Thành. Năm đó vua về kinh. Đói lớn. Năm Qui mùi, hiệu Thiên Phúc năm thứ ba (983), xưa vua đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cổ (13), đến Bà Hòa (14), thấy đường biển hiểm trở khó đi lại, sai người đào cừ, do đó, thuyền bè đi lại dễ dàng. Giáp thân, Thiên Phúc năm thứ tư (984), xây điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Hỏa Vân (15), cột bọc vàng bạc. Phía đông xây điện Phong Lưu, phía tây xây điện Vinh Hoa, bên trái xây điện Bồng Lai, bên phải xây điện Cực Lạc. Rồi dựng lầu Hỏa Vân, lại xây điện Trường Xuân, bên cạnh đó xây điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc. Năm Ất dậu, hiệu Thiên Phúc năm thứ năm (985), mùa thu, tháng 7, ngày Đinh tị là ngày sinh của vua. Vua sai người đóng thuyền ở giữa sông, dùng tre làm núi giả ở trên thuyền gọi là Nam Sơn, rồi bày lễ đua thuyền. Năm Bính tuất, hiệu Thiên Phúc năm thứ sáu (986), Tống phong vua làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ. Năm Đinh hợi, hiệu Thiên Phúc năm thứ bảy (987), vua bắt đầu cày ruộng tịch điền ở Đội Sơn (16) được một lọ vàng bạc; cày ở núi Bàn Hối (17) được một lọ nữa, vua đặt tên đất đó là «Ruộng kim ngân». Năm Mậu tí, hiệu Thiên Phúc năm thứ tám (988). Năm Kỷ sửu, hiệu Thiên Phúc năm thứ chín (989) (18), Quản giáp Dương Tiến Lộc đem hai châu Hoan, Ái xin phụ Chiêm Thành. Vua thân chinh bắt được Tiến Lộc, lấy lại được hai châu. Vua phong cho con thứ ba làm Nam Phong Vương (19). Năm Canh dần, hiệu Hưng Thống năm đầu (990), mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên là Hưng Thống. Nhà Tống sai chức Tả chính ngôn là Tống Cảo tới phong cho vua. Năm Tân mão, hiệu Hưng Thống năm thứ hai (991), vua phong cho con người em (20) làm Ngự Man Vương, giữ Phong Châu. Năm Nhâm thìn, hiệu Hưng Thống năm thứ ba (992), mùa xuân, vua ngự lầu Càn Nguyên xem hội đèn. Năm Giáp ngọ, hiệu Hưng Thống năm thứ năm (994), vua phong cho con thứ mười một làm Hành Quân Vương, giữ châu Cát Lãm ở bờ sông phía bắc (21). Năm Ất mùi, hiệu Ứng Thiên năm đầu (995), tháng giêng, cải nguyên, sai Đỗ Hanh đi sứ Tống. Vua phong cho con nuôi làm Phù Đới Vương, giữ Phù Đới (22). Năm Bính thân, hiệu Ứng Thiên năm thứ hai (996), vua thân chinh ba động Ma Hoàng, Đại Phát, Chu Ba (23), hạ được. Năm Đinh dậu, hiệu Ứng Thiên năm thứ ba (997), mùa thu, tháng 7, vua đánh giặc Đỗ động giang (24), bắt được nó. Lụt. Năm Mậu tuất, hiệu Ứng Thiên năm thứ tư (998). Năm Kỷ hợi, hiệu Ứng Thiên năm thứ năm (999), vua thân đi dẹp 19 châu ở Hà Động (25), đều bình được. Năm Canh tí, hiệu Ứng Thiên năm thứ sáu (1000), vua dẹp giặc Trịnh Hàng ở Phong Châu, bắt được nó. Sai Lưu Thiệu sang Tống. Năm Tân sửu, hiệu Ứng Thiên năm thứ bảy (1001), vua đi đánh giặc Cử Long (26). Giặc trông thấy vua, giương nỏ ngắm toan bắn. Tên bị rơi, lại giương lên thì dây nỏ đứt, giặc sợ hãi, rút lui. Vua ngự lầu thuyền đi vào Cùng Giang (27) đuổi theo giặc. Giặc bày trận ở hai bờ sông cùng vua cự chiến. Quân của vua bị hãm ở sông. Vệ Vương Toàn bị trúng tên chết.

Vua kêu trời ba tiếng, giặc tự vỡ. Năm Nhâm dần, hiệu Ứng Thiên năm thứ tám (1002) làm vài nghìn mũ đâu mâu bằng bạc, ban cấp cho quân nhân. Năm Quí mão, hiệu Ứng Thiên năm thứ chín (1003), vua ngự đến Hoan Châu, sai đào cảng Đa Cái (28), thẳng đến Ám Châu (29). Năm Giáp thìn, hiệu Ứng Thiên năm thứ mười (1004), vua kéo vó bắt được con rắn to, bỗng nhiên nó ngược giòng đi mất. Sai Hành Quân Vương sang Tống.

Năm Ất tị, hiệu Ứng Thiên năm thứ mười một (1005), vua mất ở điện Trường Xuân, gọi là Đại Hành Vương (30), nhân lấy làm miếu hiệu. Vua ở ngôi 27 năm, thọ 65 tuổi, cải nguyên ba lần, an táng ở Đức Lăng, tại Trường Châu.

Theo *TRẦN QUỐC VƯỢNG*
(Bd. VSL ; *Quyển I ; Lê kỷ*)

CHÚ THÍCH :

(1) *Trường Châu* : nay thuộc tỉnh Ninh Bình. Theo ĐVSKTT thì Lê Hoàn người Ái Châu. Theo *Đại Việt sử ký* của Ngô Thời Sĩ, thì Lê Hoàn người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm (nay thuộc tỉnh Nam Hà).

(2) Đây là niên hiệu của Cao Tổ 高祖 nhà Hậu Tấn.

(3) Bd. VSL viết là «Quan sát trông thấy có rồng vàng che phủ ở trên» (Nhóm biên soạn).

(4) Nguyên là viên quan coi Ung Châu (Nam Ninh, Trung Quốc).

(5) *Lạng Châu* : thuộc Lạng Sơn.

(6) ĐVSKTT chép là Phạm Cự Lạng 范巨倆 ; VSTGCM chua là em của Phạm Hạp 范盍.

(7) «Nói với quân lính» thì mời đúng với tinh thần đoạn văn tiếp sau đó : «Quân sĩ nghe nói thế đều hô *Vạn tuế* ! . . .» ĐVSKTT cũng chép : «Cự Lạng cùng các Tướng quân, đều mặc nhung phục, vào thẳng trong phủ nói với quân chúng...».

(8) Đúng ra phải là «hiệu Thiên Phúc năm thứ hai». Từ đây trở xuống, VSL đều tính hiệu Thiên Phúc lùi lại một năm.

(9) *Ngân Sơn* : thuộc tỉnh Bắc Cạn. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là Lãng Sơn (ở vùng Hà Bắc ngày nay). Trong bản dịch của Cao Huy Giu ; Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972 có chú : «*Việt sử lược* chép Ngân Sơn là sai». Ở đây chúng tôi dịch nguyên văn, bạn đọc có thể tham khảo thêm *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(10) *Tây Kết* : có thể ở phía hữu ngạn sông Hồng, đối diện với Đông Kết (Khoái Châu, Hưng Yên).

(11) *Ninh Giang* : thuộc Hải Dương (nay là Hải Hưng).

(12) Tức là Parameçvaravarman. Chính Parameçvaravarman đã cùng Ngô Nhật Khánh 吳日慶 định tấn công Hoa Lư khi Bộ Lĩnh chết. Song bị bão đắm thuyền, Ngô Nhật Khánh chết, còn Parameçvaravarman thì chạy thoát.

(13) *Núi Đồng Cổ* : trên sông Mã, thuộc xã Đan Vệ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

(14) *Sông Bà Hòa* : nay là sông ở xã Đồng Hòa, nằm về phía nam huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

(15) ĐVSKTT chép là núi Đại Văn. Nay là núi Trường An (Ninh Bình).

(16) *Đội Sơn* : thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (nay thuộc Nam Hà).

(17) ĐVSKTT chép là núi Bàn Hải. Chưa rõ ở đâu.

(18) ĐVSKTT đề năm Kỷ sửu đã là năm Hưng Thống nguyên niên.

(19) *Nam Phong Vương* : tức Long Việt 龍鉞 giữ miền đất phía nam kinh thành (theo ĐNVNQCĐ — Chú thích của nhóm biên soạn).

(20) Con người em : *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là «hoàng tử thứ tư», tức người con trai thứ tư của vua. Chép vậy mới đúng. Người con thứ tư này tên là Long Đĩnh. Bản sao *Việt sử lược* chép «đệ tứ tử 第四子 (con thứ tư) thành «đệ chi tử» 弟之子 (con người em) ; ở đây chúng tôi dịch theo bản sao ở Thư viện khoa học xã hội ; ký hiệu P.264 (4) Xin bạn đọc tham khảo *Đại Việt sử ký toàn thư*. Phong Châu thuộc đạo Sơn Tây (nay thuộc Hà Sơn Bình và Vĩnh Phú).

(21) *Hành Quận Vương* : tức Long Đề 龍鍉 . Cát Lãm (hay Cổ Lãm), thuộc Từ Sơn, Bắc Ninh (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).

(22) Phù Đổi, thuộc huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương (nay là tỉnh Hải Hưng).

(23) Ba động này vẫn chưa rõ ở đâu.

(24) *Đỗ Động* ; là miền căn cứ của Đỗ Cảnh Thạc 杜景碩 , gia tướng của Ngô Quyền trước kia (Theo ĐNVNQCĐ), thuộc vùng Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Tây — Chú thích của nhóm biên soạn).

(25) *Hà Động* : tức là động Hà Nam, miền Thạch Thành, Thanh Hóa.

(26) *Cử Long* : ở miền Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

(27) *Cùng Giang* : có thể là sông Chính Đại nối với Thanh Hóa.

(28) *Đa Cái* : là tên xã, nay là Hương Cái (Hưng Nguyên, Nghệ An).

(29) *Ám Châu* : chưa rõ là ở đâu.

(30) Theo Lê Văn Hưu 黎文休 , vua (hay hoàng hậu) mới mất, chưa an táng thì gọi là «Đại Hành Hoàng Đế» (hay «Đại Hành Hoàng Hậu»). Khi an táng xong, quần thần mới xét đức hạnh của vua lúc sinh thời để lấy tên thụy, không gọi là «Đại Hành» nữa. Lê Hoàn 黎桓 phải lấy «Đại Hành» làm tên thụy, theo Lê Văn Hưu, vì con là Ngọa Triều 臥朝 là người bất đức, triều đình lại không có nho thần giúp rập để bàn phép đặt tên thụy (Xem ĐVSKTT).

174

高宗

(摘錄)

諱龍幹，英宗第六子也。母瑞珠后，姓杜氏。王方三歲，以天感至寶二年七月即位於柩前，尊母瑞珠后曰「熙天至理太后」。上尊號曰「應乾御極宏文憲武靈瑞熙符彰道至仁愛民理物睿謀神智化感政醇敷惠示慈綏猷建美功全業盛龍見神居聖明光孝皇帝」。王方沖幼，政無巨細悉委太傅蘇憲成。太后有廢立意，伺憲成之

出，使以金帛賂其室呂氏使語憲成。憲成曰：「吾身居祖位，受先王顧託以輔幼主。今受人之賂而謀廢立，天下其謂我何？縱使衆人皆塗其耳目而無知者，則將何辭以對先王於地下乎？」太后知其謀之不濟，然意終不改。乃召憲成，謂之曰：「公於國家可謂忠矣。然公之齒亦已何暮，而事沖統之君，公之所爲其誰知之？不如立長君，則彼將德公之賜而長保富貴，豈不韙歟？憲成曰：「不義而富且貴，非忠臣義士所樂爲。況先王遺囑言猶在耳，其如公議何？臣不敢奉詔」，遂趨而出。太后乃遣促召保國王。保國且驚且喜，遂以小舟由蘇歷江而入。憲成乃召左右官職都諭之曰：「先王以吾與爾曹戮力王室，無貳厥心，故以幼主付託。今保國王以太后命謀廢主上而自立。汝等宜盡其忠，竭其力以聽吾約束。用吾命者，賞延於世，違吾命者，顯戮於市。汝其勉之！」。官職皆翕然聽命。頃之，保國王至銀河門。太后召益急。保國欲入。官職都止之曰：「未聽詔旨，不敢奉命。王苟自疆入，其犯之者非我也，兵也！」。保國聞之，慚懼而退。季秋，以太后弟杜安順爲關內憲國侯，以憲成爲太尉…

己亥，貞符四年…六月…己酉，太尉蘇憲成卒。輟朝七日，清膳三日。初，憲成寢疾，惟參知政事武贊唐夙夜侍側。諫議大夫陳忠佐以事務煩劇不暇存省。及疾篤，太后問疾，曰：「如有不諱，其誰代之？」憲成曰：「平日所知，惟忠佐而已」。太后曰：「贊唐日侍湯藥而公言不及，何也？」對曰：「陛下問其可否，故臣言及宗佐。如問其侍養，非贊唐而誰？」太后雖嘉其忠，竟不用其言。乃以杜安順聽政……

壬寅，貞符七年…… 以杜安順爲太師輔政。時人畏其威。凡有獄訟，胥吏追不逮者，安順命巾車兒追之，即立至。時優人戲以一人爲刑部尚書，差胥追獄，不至，曰：「汝何不稱爲太師巾車兒乎？」如其言，果獲。……

傅太。以卒順安杜師太……三年瑞嘉資天，申戊
傅太命王……四年瑞嘉資天，酉己……輔政信履吳
畏顯等長能，王訟。……師少按長能黎中郎官都，信履
擊是官都黎，蘭是國輔吳。曰朔之人國。……續不敢推究
太於通續顯。幼尚王。時而已踴躍，但績莫一按，
太，擊二狂人名。……故當時畏之。蘭

請臣群。改元，月正，春，年元祐寶資天，戊壬
行清海辛王，月十，冬。震地，月六，夏。號尊加
怨清聲其，曲城古擬調唱，魯婆彈樂命則夜每。宮
亂"云序詩見吾：曰常阮副僧。下泣皆聞之左右，切哀
困民其，思以哀音之國亡。下泣皆聞之左右，怒以音國
日甚而愈此至困民下，離乖教政，無度遊巡主上今
辛再不還此駕車知吾，乎？兆之亡乱，乃音怨之聞哀
二祐寶資天，癸亥。言其如果，亂大內境，後」宮其
明陽起左，殿天置中，西殿寢於宮新造，月正，年
日麗增，殿天敬構上，殿正安前，光蟾殿左，殿西
設圍周，寶月構右，閣金日構左，門城越啟右，門嚴永啟中
壽勝啟後，銀虹增日，閣月寶構右，閣日構上，閣聖構上
堂洛西閣，置石涼閣左，閣月寶，池魚養，門垣透起後，
上池。其雖池通於江。池水，木異奇以樹面三。亭
鵲巢有，成閣天敬，初。也有未古麗之木土，工之
諫因之群。雞產上其，曰：「昔魏明帝始構凌霄閣，
今居之鳩巢有雎鳩」。高堂隆曰：「詩云"雎鳩有巢，雎鳩居之"。
臣願陛下居之姓異有為以臣，巢鵲之成初宮室
工役其興乃後，修德克己，務先之言隆堂高遠鑒
成閣」：曰范秉蠡，范秉蠡曰：「王默然良久，以問宦官
也微世百支本下陛錫天，此者雞產其，巢鵲
王悅，命促修之。百姓由是益困。…

治平為元改，辰壬，月九……四年祐寶資天，丑乙
徇之。王頗燕日三，群臣瑞殿成，……元年應龍
一物產地田爭相人兩諸。獄爲事，賣官粥利，以貨於

人進納者，不問其情理曲直，皆以沒官，故府庫財貨山積而百姓咨怨，盜賊蠭起。丙寅，治平龍應二年，春，正月，王御敬天閣觀抛飛團。二月，壬子，朔，日有食之。三月，奉天宮火。夏，五月，造聖勲寺。冬，十月，重修真教寺。是歲，境內既亂而王頗好遊幸。道途梗阻無所可適，乃於應明池別爲應豐海清行宮，日率近臣宮女以遊觀爲樂。又以巨舟爲御船，以小舟爲兩隊，使宮女伶人發棹，而引其左右以倣行幸之儀。又以蠟封匹帛及海物之類沉於池中令人入水取之以爲龍宮所獻。群臣見其遊蕩無度皆畏懼莫敢言。伶人武高詠謂上品奉御鄭寧曰：「適高過透池邊，見一異人執手遵池而行，至菴羅樹下忽引入水。高懼其溺不敢進。頃之，水忽自裂。行至一處，見其宮殿顯敞，侍衛甚嚴。高問是誰所居。其人曰：「即吾所居以管攝於此池也！」遂具杯盤與高對飲。酒闌，高謝求歸。其人惠以檳榔，送至菴羅樹下，因忽不見其人，而手中檳榔已化爲石矣。乃知池中有神物也」。寧驚異具奏於王。王雖聞其言，略無畏懼，乃使以鐵厭之。至冬月，池水涸。王謂左右曰：「有能以江水漲溢於此者，吾必厚賞」。佞臣陳宿曰：「臣能之！」。王以爲然，使行其法，竟不驗。一日王至於此池，聞城外有爲剽掠者所叫，而尚耽於遊逸佯爲不聞。王性畏雷，每於動止之間便生驚怖。近臣阮餘自言有降雷之術。會雷鳴，命餘降之。餘仰天誦咒而雷聲愈厲。王詰之。餘曰：「臣戒之久矣，豈竟彼猶強暴如此！」

丁卯，治平龍應三年，大黄人費郎復反，攻雜字邑。三月，國威州賊段可刻，王滿反。夏，四月，譚以蒙復輔政。秋，八月，段尚，段主反。王命大發兵攻之：譚以蒙出大通道，保貞侯出南册道，上品奉御范秉彝出可了道，祇侯火頭陳馨出扶帶道欲會攻尚。尚密遣人賂上品奉御范猷，請以其衆歸猷。猷爲力請於王。王遣使召以蒙等軍還，尚遂得脫。自是以蒙，

東彝與猷有隙。是歲，王見盜賊蠭起，乃追悔前過，因下詔曰：「朕幼膺大業，深處九重，不知民事之艱難，自納小人之言以取怨於下民，既胥怨，朕將疇依？今其改過自新，與民更始。諸有地產業之沒於官者，悉還之」。

戊辰，治平龍應四年，大饑，餓死者相枕。冬，十月，大水。十二月，宋祿州人韋智剛攻諒州。以范猷知又安州軍事。猷言於王曰：「方今天下擾亂，姦賊輩起，或有與臣妬寵私爲暴亂，雖臣之首領不能自保，況陛下之恩德乎！願少加聖慮容臣使得選其壯勇以自備，庶免不虞之禍」。王然之。於是猷乃招納亡命，鳩聚盜賊號曰「侯人」，公行刼掠，無所忌憚，盜賊因之蠭起，而國威人亦率其徒屯於西結，文雷寨人屯於拖幕江。自此道路阻絕，舟船不通。王命上品奉御范東彝將藤州人禦之，而猷又歸古蔑鄉，與烘人尚，主等會攻藤州。藤州人請東彝攻猷，不克，乃還。

己巳，治平龍應五年，春，正月，東彝復師藤人，快人攻猷。東彝數敗。東彝怒斬其走者以狥。猷與，復戰，克之，猷奔於烘。東彝籍其家而焚之。猷官府東彝愈增怨惡。猪洞人阮破鄰領其部曲夜盜隊舍人尚財物。宋韋智剛復攻諒州。主陷於淳，爲何文雷所刺。王，主於衛橋。洪人潰。主師。秋，七月，東彝至京師，東命祇候奉御陳馨微猷歸京言，怒公未解」。東彝入奉事。有止之曰：「王既先入，猷有君命，吾其彝曰：「吾事上盡忠，而反爲人譖耶？況於水院，欲加以焉逃？」遂入。王使執之，及其子輔而入事急促，召東彝入御刑。其將郭卜等聞之，領兵鼓譟而入。王聞自御堂出，以御閤者所拒。卜等刮其扉而猷與其弟京等皆使軍士突入涼石處金晶增涼石處。俄而猷聞東彝死，遂由越城門槍殺東彝及輔。卜等舁東彝屍；以御席裹輔屍，迎王子忱，王子昱，以王所御巾車步，既而復入萬延宮，出，下朝東

并奉王子昱迎京師諸舟師大帥元祖我，寅壬。邑海於歸
王子忱既位。時昱家臣劉紹就元祖及遙濠人芫愚言曰：「忱雖長子，庶也；昱雖少，嫡也，唯二公圖之」。元祖遂與愚迎昱歸芫仁即位，徽稱勝王，降忱爲王。頃之，昱復歸於海邑，寓劉家村館，以我元祖仲女爲元妃，以譚以蒙爲太尉，阮正吏爲參知政事，元祖爲明字，愚爲上品奉御，蘇忠嗣爲殿前指揮使，餘各有差。

王命猷往烘路訓練軍士，欲伐順流人。會烘人來迎，及期而猷尚與天極公主私不覺，移時遂與烘人相失。猷乃登舟出江路而去，次古州步，陸行至麻浪阿杲社，爲北江人阮耨，阮乃所執送於王子昱，殺之。

秋，八月，順流，快以秉彝之死，大率舟師攻京師，前軍泊於東步，由左掖門直入禁中，盜取寶物。大軍泊天河步，欲從千秋門入至兩師觀，爲列侯高軻伏於軫圍射，一卒中乳，軻爲之撫掌諠譟，士卒奔北而還，船人疑有軍官來攻，皆撐舟離岸，遇北風疾吹，盡爲漂散。二軍聞舟船已失，皆自奔潰，京城人追殺之，死者三百餘人。

庚午，治平龍應六年，春，正月，勝嚴寺地裂。蘇忠嗣自以私受王子昱封爵，恐罪及己，乃勒兵攻快人，因就海邑執王子昱等歸於京師。丁未，王命上品奉御杜廣如忠嗣家迎王子昱。王子昱署官者皆逃去。以蒙竄於安朗鄉，因與其屬謀捕諸受王子封爵者以贖其罪。因移檄募諸道兵分爲五隊以攻之。以蒙領茄人及清化府人攻耶墨鄉，爲其所敗。於是，諸道兵聞之，皆引退。秋，七月，以蒙收所受王子封爵者二十八人以獻。杜英允當門數之，曰：「汝爲國大臣，既懷無君之心，私受賊子封爵，今反與吾並列。吾雖不才，復何顏與汝相見？」以蒙慚懼而退。彗星出。

冬，十月，王不豫。壬午，王寢疾，忽見二青衣執杖立座側。王問執杖者爲誰，左右曰無所見。是夜，王薨於勝壽殿，年三十七，廟號高宗，在位三十六年，葬天德府，壽陵，改元者四。

(越史略,卷三,阮紀)

PHIÊN ÂM :

CAO TÔNG

(trích lục)

Húy Long Trát, Anh Tông đệ lục tử dã. Mẫu Thụy Châu hậu, tính Đỗ thị. Vương phương tam tuế, dĩ Thiên Cảm Chí Bảo nhị niên thất nguyệt tức vị ư cửu tiền, tôn mẫu Thụy Châu hậu viết «Chiếu Thiên Chí Lý Thái hậu». Thượng tôn hiệu viết «Ứng Càn, Ngự Cực, Hoằng Văn, Hiến Vũ, Linh Thụy, Chiếu Phù, Chương Đạo, Chí Nhân, Ái Dân, Lý Vật, Duệ Mưu, Thần Trí, Hóa Cảm, Chính Thuần, Phu Huệ, Thị Từ, Tuy Du, Kiến Mỹ, Công Toàn, Nghiệp Thịnh, Long Hiện, Thần Cư, Thánh Minh, Quang Hiếu Hoàng đế». Vương phương xung ấu, chính vô cự tế tất ủy Thái phó Tô Hiến Thành. Thái hậu hữu phế lập ý, tứ Hiến Thành chi xuất, sử dĩ kim bạch lộ kỳ thất. Lã thị sử ngữ Hiến Thành. Hiến Thành viết : «Ngô thân Cư Tướng vị, thụ Tiên Vương cố thác dĩ phụ ấu chúa. Kim thụ nhân chi lộ nhi mưu phế lập, thiên hạ kỳ vị ngã hà ? Túng sử chúng nhân giai đồ kỳ nhĩ mục nhi vô tri giả, tắc tương hà từ dĩ đối Tiên Vương ư địa hạ hồ ?» Thái hậu tri kỳ mưu chi bất tế, nhiên ý chung bất cải. Nãi triệu Hiến Thành, vị chi viết : « Công ư quốc gia khả vị trung hĩ. Nhiên công chi xỉ diệc dĩ hướng mộ, nhi sự xung thống chi quân, công chi sở vi kỳ thùy tri chi ? Bất như lập trưởng quân, tắc bỉ tương đức công chi tứ, nhi trường bảo phú quý, khởi bất vĩ dư ?» Hiến Thành viết : « Bất nghĩa nhi phú thả quý, phi trung thần nghĩa sĩ sở lạc vi. Huống Tiên Vương di chúc ngôn do tại nhĩ, kỳ như công nghị hà ? Thần bất cảm phụng chiếu», toại xu nhi xuất. Thái hậu nãi khiển xúc triệu Bảo Quốc Vương. Bảo Quốc thả kinh thả hỉ, toại dĩ tiểu chu do Tô Lịch giang nhi nhập. Hiến thành nãi triệu tả hữu quan chức đô dụ chi tiết : «Tiên Vương dĩ ngô dữ nhĩ tào lục lực vương thất, vô nhị quyết tâm, cố dĩ ấu chúa phó thác. Kim Bảo Quốc Vương dĩ Thái hậu mệnh mưu phế Chúa thượng nhi tự lập. Nhữ đẳng nghi tận kỳ trung, kiệt kỳ lực dĩ thính ngô ước thúc. Dụng ngô mệnh giả, thưởng diên ư thế ; vi ngô mệnh giả, hiền lục ư thị. Nhữ kỳ miễn

chi ! » Quan chức giai hấp nhiên thỉnh mệnh. Khoảnh chi, Bảo Quốc Vương chi Ngân Hà môn. Thái hậu triệu ích cấp. Bảo Quốc dục nhập. Quan chức đô chỉ chi viết : «Vị thỉnh chiếu chỉ, bất cảm phụng mệnh. Vương cầu tự cưỡng nhập, kỳ phạm chi giả phi ngã dã, binh dã !» Bảo Quốc văn chi, tàm cự nhi thoái. Qui thu, dĩ Thái hậu đệ Đỗ An Thuận vi Quan nội Hiến Quốc hầu, dĩ Hiến Thành vi Thái úy ... (lược).

Kỷ hợi, Trinh Phù tứ niên... (lược), lục nguyệt... (lược), Kỷ dậu, Thái úy Tô Hiến Thành tốt. Thiết triều thất nhật, thanh thiện tam nhật. Sơ, Hiến Thành tẩm tật, duy Tham tri chính sự Vũ Tán Đường túc dạ thị trắc. Gián nghị đại phu Trần Trung Tá dĩ sự vụ phiền kịch bất hạ tồn tỉnh. Cập tật đốc, Thái hậu vấn tật, viết: «Như hữu bất húy, kỳ thùy đại chi ?» Hiến Thành viết : Bình nhật sở tri, duy Trung Tá nhi dĩ». Thái hậu viết: «Tán Đường nhật thị thang dược nhi công ngôn bất cập, hà dã ?» Đối viết : «Bệ hạ vấn kỳ khả phủ, cố thần ngôn cập Trung Tá. Như vấn kỳ thị dưỡng, phi Tán Đường nhi thùy ?» Thái hậu tuy gia kỳ trung, cảnh bất dụng kỳ ngôn. Nãi dĩ Đỗ An Thuận thỉnh chính... (lược).

Nhâm dần, Trinh Phù thất niên... (lược) dĩ Đỗ An Thuận vi Thái sư phụ chính. Thời nhân úy kỳ uy. Phàm hữu ngục tụng, tư lại truy bất đại giả, An Thuận mệnh «cận xa nhi» truy chi, tức lập chi. Thời ưu nhân hi dĩ nhất nhân vi Hình bộ thượng thư, sai tư truy ngục, bất chi, viết : «Nhữ hà bất xưng vi Thái sư *cận xa nhi* hồ ?» Như kỳ ngôn, quả hoạch ... (lược).

Mậu thân, Thiên Tư Gia Thụy tam niên ... (lược). Thái sư Đỗ An Thuận tốt. Dĩ Thái phó Ngô Lý Tín phụ chính ... (lược). Kỷ dậu, Thiên Tư Gia Thụy tứ niên... (lược), vương mệnh Thái phó Ngô Lý Tín, Đô quan lang trung Lê Năng Trường án Thiếu sư Mạc Hiển Tích tụng. Năng Trường đẳng úy Hiển Tích bất cảm suy cứu. Quốc nhân trào chi viết : «Ngô Phụ quốc thị Lan, Lê Đô quan thị Kích, Án nhất tụng Mạc Tích, Đản cục tích nhi dĩ». Thời vương thượng ấu. Hiển Tích thông ư Thái hậu, cố đương thời úy chi. Lan, Kích nhị cuồng nhân danh ... (lược).

Nhâm tuất, Thiên Tư Bảo Hựu nguyên niên, xuân, chính nguyệt, cải nguyên. Quần thần thỉnh vương gia tôn hiệu. Hạ, lục nguyệt, địa chấn. Đông, thập nguyệt, vương hạnh Hải Thanh hành cung. Mỗi dạ tắc mệnh nhạc công đàn Bà Lỗ, xướng điệu nghĩ Chiêm Thành khúc, kỳ thanh thanh oán ai thiết, tả hữu văn chi giai khấp hạ. Tăng phó Nguyễn Thường viết : «Ngô kiến *Thi tự* vân : *Loạn quốc chi âm oán dĩ nộ, kỳ chính quai. Vong quốc chi âm ai dĩ tứ, kỳ dân khốn.* Kim Chúa thượng tuần du vô độ, chính giáo quái ly, hạ dân sầu khốn. chi thử dũ thậm nhi nhật văn ai oán chi âm, vô nãi loạn vong chi triệu hồ ? Ngô tri xa giá thử hoàn bất tái hạnh kỳ cung hĩ !» Hậu cảnh nội đại loạn, quả như kỳ ngôn. Qui hợi, Thiên Tư Bảo Hựu nhị niên, chính nguyệt tạo tân cung ư tẩm điện tây, trung trí Thiên Thụy điện, tả khởi Dương Minh điện, hữu khởi Thiềm Quang điện, tiền an Chính Nghi điện, thượng cấu Kịnh

thiên điện, giai viết Lệ Giao. Trung khải Vĩnh Nghiêm môn, hữu khải Việt Thành môn, giai viết Ngân Hồng. Hậu khải Thắng Thọ điện, thượng cấu Thánh Thọ các, hữu cấu Nhật Kim các, hữu cấu Nguyệt Bảo các, chu vi thiết lang vũ, giai viết Kim Tinh. Nguyệt Bảo các hữu trí Lương Thạch tòa, các tây khởi Dục Đường, hậu cấu Phú Quốc các, giai viết Phượng Tiêu, hậu khởi Thấu Viên môn, Dưỡng Ngư trì. Trì thượng cấu Ngoạn Y đình. Đình tam diện thụ dĩ kỳ hoa dị mộc. Trì thủy thông ư giang. Kỳ điêu sức chi công, thổ mộc chi lệ cổ vị hữu dã. Sơ, Kính Thiên các thành, hữu thước sào kỳ thượng nhi sản sồ. Quần thần nhân chi gián viết: « Tích Ngụy Minh Đế thủy cấu Lăng Tiêu các, hữu thước sào yên. Cao Đường Long viết: *Thi* vân: *Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi.* Kim cung thất sơ thành nhi thước sào chi, thần ngu dĩ vi hữu dị tính cư chi. Thần nguyện bệ hạ viễn giám Cao Đường Long chi ngôn, tiên vụ khắc kỷ tu đức, hậu nãi hưng kỳ công dịch khả dã ». Vương mặc nhiên lương cửu, dĩ vấn hoạn thần Phạm Bỉnh Di. Phạm Bỉnh Di viết: « Các thành nhi thước sào, hữu sản kỳ sồ giả, thử thiên tích bệ hạ bản chi bách thế chi hưu trưng dã ». Vương duyệt, mệnh xúc tu chi. Bách tính do thị ích khốn... (lược).

Ất sửu, Thiên Tư Bảo Hựu tứ niên ... (lược), cửu nguyệt, Nhâm thìn, cải nguyên vi Trị Bình Long Ứng nguyên niên... (lược). Thiên Thụy điện thành, tứ quần thần tam nhật yến dĩ lạc chi. Vương phả tuần ư hóa lợi, dĩ mại quan dục ngục vi sự. Chư lưỡng nhân tương tranh điền địa sản vật nhi nhất nhân tiến nạp giả, bất vấn kỳ tình lý khúc trực, giai dĩ một quan, cố phủ khố tài hóa sơn tích nhi bách tính tư oán, đạo tặc phong khởi. Bính dần, Trị Bình Long Ứng nhị niên, xuân, chính nguyệt, vương ngự Kính Thiên các quan phao phi đoàn. Nhị nguyệt, Nhâm tí, sóc, nhật hữu thực chi. Tam nguyệt, Phụng Thiên cung hỏa. Hạ, ngũ nguyệt, tạo Thánh Huân tự. Đông, thập nguyệt, trùng tu Chân Giáo tự. Thị tuế cảnh nội kỷ loạn nhi vương phả hiếu du hạnh. Đạo đồ ngạnh trở vô sở khả thích, nãi ư Ứng Minh trì biệt vi Ứng Phong, Hải Thanh hành cung, nhật suất cận thần cung nữ dĩ du quan vi lạc. Hựu dĩ cự chu vi ngự bạc dĩ tiểu chu vi lưỡng đội, sử cung nữ linh nhân phát náo, nhi dẫn kỳ tả hữu dĩ ngạo hành hạnh chi nghi. Hựu dĩ lạp phong thất bạch cập hải vật chi loại trầm ư trì trung, lệnh nhân nhập thủy thủ chi dĩ vi long cung sở hiến. Quần thần kiến kỳ du đãng vô độ giai úy cụ mạc cảm ngôn. Linh nhân Vũ Cao trá vị Thượng phẩm phụng ngự Trịnh Ninh viết: « Thích Cao quá thấu trì biên, kiến nhất dị nhân chấp thủ tuân trì nhi hành, chí am la thụ hạ hốt dẫn nhập thủy. Cao cụ kỳ nịch bất cảm tiến. Khoảnh chi, thủy hốt tự liệt. Hành chí nhất xứ, kiến kỳ cung điện hiền xưởng thị vệ thâm nghiêm. Cao vấn thị thùy sở cư. Kỳ nhân viết: « Tức ngô sở cư dĩ quản nhiếp ư thử trì dã! » Toại cụ bôi bàn dữ Cao đối ẩm. Tửu lan, Cao tạ cầu quy. Kỳ nhân huệ dĩ tân lang, tống chí am la thụ hạ, nhân hốt bất kiến kỳ nhân, nhi thủ trung tân lang dĩ hóa vi thạch hĩ. Nãi tri trì trung hữu thần vật dã ». Ninh kinh dị cụ tấu ư vương. Vương tuy văn kỳ ngôn, lược vô úy cụ, nãi sử dĩ thiết yếm chi. Chí đông nguyệt, trì thủy hạc. Vương vị tả hữu viết: « Hữu năng

dĩ giang thủy trướng dật ư thử giả, ngô tất hậu thưởng». Nịnh thần Trần Tức viết: «Thần năng chi!» Vương dĩ vi nhiên, sử hành kỳ pháp, cánh bất nghiệm. Nhất nhật vương chi ư thử trì, văn thành ngoại hữu vi phiếu lược giả sở khiếu, nhi thượng đam ư du dật dương vi bất văn. Vương tính úy lôi, mỗi ư động chỉ chi gian tiện sinh kinh bố. Cận thần Nguyễn Dư tự ngôn hữu hàng lôi chi thuật. Hội lôi minh, mệnh Dư hàng chi. Dư ngưỡng thiên tụng chú nhi lôi thanh dũ lệ. Vương cật chi. Dư viết: «Thần giới chi cửu hĩ, khởi cánh bỉ do cường bạo như thử!»

Đinh mão, Trị Bình Long Ứng tam niên, Đại Hoàng nhân Phi Lang phục phản, công Tạp Tự ấp. Tam nguyệt, Quốc Oai châu tặc Đoàn Khả Liệt, Vương Mãn phản. Hạ, tứ nguyệt, Đàm Dĩ Mông phục Phụ chính. Thu, bát nguyệt, Đoàn Thượng, Đoàn Chủ phản. Vương mệnh đại phát binh công chi: Đàm Dĩ Mông xuất Đại thông đạo, Bảo Trinh hầu xuất Nam Sách đạo, Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bỉnh Di xuất Khả Liễu đạo, Chi hậu hỏa đầu Trần Hinh xuất Phù Đái đạo dục hội công Thượng. Thượng mật khiển nhân lộ Thượng phẩm phụng ngự Phạm Du, thỉnh dĩ kỳ chúng quy Du. Du vị lực thỉnh ư vương. Vương khiển sứ triệu Dĩ Mông đẳng quân hoàn, Thượng toại đắc thoát. Tự thị, Dĩ Mông, Bỉnh Di dữ Du hữu khích. Thị tuế, vương kiến đạo tặc phong khởi, nãi truy hối tiền quá, nhân hạ chiếu viết: «Trẫm ấu ưng đại nghiệp, thâm xử cửu trùng, bất tri dân sự chi gian nan, tự nạp tiểu nhân chi ngôn dĩ thủ oán ư hạ dân, kỳ tư oán, trẫm tương trù ý? Kim kỳ cải quá tự tân, dữ dân canh thủy, Chư hữu địa sản nghiệp chi một ư quan giả, tất hoàn chi».

Mậu thìn, Trị Bình Long Ứng tứ niên, đại cơ, cơ tử giả tương chẩm. Đông, thập nguyệt, đại thủy. Thập nhị nguyệt, Tống Lộc Châu nhân Vi Trí Cương công Lạng Châu. Dĩ Phạm Du tri Nghệ An châu quân sự. Du ngôn ư vương viết: «Phương kim thiên hạ nhiễu loạn, gian tặc bối khởi, hoặc hữu dữ thần đố sủng tư vi bạo loạn, tuy thần chi thủ lĩnh bất năng tự bảo, huống bệ hạ chi ân đức hồ! Nguyện thiểu gia thánh lự dung thần sử đắc tuyển kỳ tráng dũng dĩ tự bị, thứ miễn bất ngu chi họa». Vương nhiên chi. Ư thị Du nãi chiêu nạp vong mệnh, cưu tụ đạo tặc hiệu viết «Hậu nhân», công hành kiếp lược, vô sở kỵ đạn, đạo tặc nhân chi phong khởi, nhi Quốc Oai nhân diệc suất kỳ đồ đồn ư Tây Kết, Văn Lôi trại nhân đồn ư Đà Mạc giang. Tự thử đạo lộ trở tuyệt, chu thuyền bất thông. Vương mệnh Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bỉnh Di tương Đằng Châu nhân ngự chi, nhi Du hựu quy Cổ Miệt hương, dữ Hồng nhân Thượng, Chủ đẳng hội công Đằng Châu. Đằng Châu nhân thỉnh Bỉnh Di công Du, bất khắc, nãi hoàn.

Kỷ tị, Trị Bình Long Ứng ngũ niên, xuân, chính nguyệt Bỉnh Di phục sư Đằng nhân, Khoái nhân công Du. Bỉnh Di sác bại. Bỉnh Di nộ trảm kỳ tẩu giả dĩ tuần. Tha nhật, phục chiến, khắc chi, Du bôn ư Hồng. Bỉnh Di tịch kỳ gia nhi phần chi. Du dữ Bỉnh Di dũ tăng oán ố. Trư Động nhân Nguyễn Phá Lân lãnh kỳ bộ khúc dạ đạo Đội Xá quan phủ tài vật. Tống Vi Trí Cương phục công Lạng Châu... (lược). Đinh mùi, Bỉnh Di hựu công Hồng nhân Thượng, Chủ ư Vệ

Kiều. Hồng nhân hội. Chủ hãm ư ninh, vi Hà Văn Lôi sở thích. Vương mệnh Chỉ hậu phụng ngự Trần Hinh trưng Du quy Kinh sư. Thu, thất nguyệt, Bỉnh Di chi Kinh sư, tương nhập phụng sự. Hữu chỉ chi viết: « Vương ký tiên nhập Du ngôn, nộ công vị giải». Bỉnh Di viết: «Ngô sự thượng tận trung, nhi phản vi nhân trấm da? Huống hữu quân mệnh, ngô kỳ yên đào?» Toại nhập. Vương sử chấp chi, cập kỳ tử Phụ tù ư Thủy viện, dục gia dĩ hình. Kỳ tướng Quách Bốc đẳng văn chi, lãnh binh cổ tháo nhi nhập. Chí Đại thành môn, vi hôn giả sở cự. Bốc đẳng quát kỳ phi nhi nhập. Vương văn sự cấp xúc, triệu Bỉnh Di nhập Kim Tinh giai Lương Thạch xứ. Nga nhi Du dữ kỳ đệ Kinh đẳng giai tự ngự đường xuất, dĩ ngự thương sát Bỉnh Di cập Phụ. Bốc đẳng văn Bỉnh Di tử, toại sử quân sĩ đột nhập Lương Thạch xứ, dĩ vương sở ngự cân xa nhi Bỉnh Di thi; dĩ ngự tịch khỏa Phụ thi, do Việt thành môn xuất, hạ Triều đông bộ, ký nhi phục nhập Vạn Diên cung, nghênh Vương Tử Thầm, Vương Tử Sảm quy ư Hải Ấp. Nhâm dần, ngã Nguyên Tổ đại suất chu sư nghệ Kinh sư nghinh Vương Tử Sảm tịnh mẫu Nguyên phi Đàm thị cập đồng mẫu muội nhị nhân quy ư Hải Ấp Đoàn thị gia, toại ư kỳ gia phụng Vương Tử Thầm tức vị. Thời Sảm gia thần Lưu Thiệu tựu Nguyên Tổ cập Giao Hào nhân Phạm Ngu ngôn viết: «Thầm tuy trưởng tử thứ dã, Sảm tuy thiếu, đích dã, duy nhị công đồ chi». Nguyên Tổ toại dữ Ngu nghênh Sảm quy Mang Nhân tức vị, huy xưng Thắng vương, giáng Thầm vi vương. Khoảnh chi, Sảm phục quy ư Hải Ấp, ngụ Lưu gia thôn quán, dĩ ngã Nguyên Tổ trọng nữ vi Nguyên phi, dĩ Đàm Dĩ Mông vi Thái ủy, Nguyễn Chính Lại vi Tham tri chính sự, nguyên Tổ vi Minh tự, Ngu vi Thượng phẩm phụng ngự, Tô Trung Tự vi Điện tiền chỉ huy sứ, dư các hữu sai.

Vương mệnh Du vãng Hồng Lộ huấn luyện quân sĩ, dục phạt Thuận Lưu nhân. Hội Hồng nhân lai nghênh, cập kỳ nhi Du thượng dữ Thiên Cực Công chúa tư bất giác, di thời toại dữ Hồng nhân tương thất. Du nãi đăng chu do giang lộ nhi khứ, thứ Cổ Châu bộ, lục hành chí Ma Lãng A Cảo xã, vi Bắc Giang nhân Nguyễn Nậu, Nguyễn Nãi sở chấp tống ư Vương Tử Sảm, sát chi.

Thu, bát nguyệt, Thuận Lưu, Khoái dĩ Bỉnh Di chi tử, đại suất chu sư công Kinh sư, tiền quân bạc ư Đông Bộ, do tả dịch môn trực nhập cấm trung; đạo thủ bảo vật. Đại quân bạc Thiên Hà bộ, dục tùng Thiên thu môn nhập chí Vũ sư quán, vị Liệt hầu Cao Kha phục ư Chẩn vi xạ, nhất tốt trúng nhũ, Kha vị chi phủ chưởng huyên tháo, sĩ tốt bôn bắc nhi hoàn, thuyền nhân nghi hữu quan quân lai công, giai xanh chu ly ngạn, ngộ bắc phong tật xuy, tận vi phiêu tán. Nhị quân văn chu thuyền dĩ thất, giai tự bôn hội, Kinh thành nhân truy sát chi, tử giả tam bách dư nhân.

Canh ngọ, Trị Bình Long Ứng lục niên, xuân, chính nguyệt Thắng Nghiêm tự địa liệt. Tô Trung Tự tự dĩ tư thụ Vương Tử Sảm phong tước, khủng tội cập kỷ, nãi lặc binh công Khoái nhân, nhân tựu Hải Ấp chấp Vương Tử Sảm đẳng quy ư Kinh sư. Đinh Mùi, vương mệnh Thượng phẩm phụng ngự Đỗ Quảng như Trung Tự gia nghênh Vương Tử Sảm. Vương Tử Sảm thự quan giả giai đào khứ. Dĩ Mông thoán ư An Lãng hương, nhân dữ kỳ thuộc mưu bỗ chư thụ Vương

tử phong tước giả dĩ thục kỳ tội. Nhân di hịch mộ chư đạo binh phân vi ngũ đội dĩ công chi. Dĩ Mông lĩnh Giả nhân cập Thanh Hóa phủ nhân công Tức Mặc hương, vị kỳ sở bại. Ư thị, chư đạo binh văn chi, giai dẫn thoái. Thu, thất nguyệt, Dĩ Mông thu sở thụ vương tử phong tước giả nhị thập bát nhân dĩ hiến. Đỗ Anh Doãn đương môn sổ chi, viết : «Nhữ vi quốc đại thần, ký hoài vô quân chi tâm, tư thụ tặc từ phong tước, kim phản dữ ngô tịnh liệt. Ngô tuy bất tài, phục hà nhan dữ nhữ tương kiến !» Dĩ Mông tàm cụ nhi thoái. Tuệ Tinh xuất.

Đông, thập nguyệt, vương bất dự. Nhâm ngọ, vương tẩm tật, hốt kiến nhị thanh y chấp trượng lập tọa trắc. Vương vấn chấp trượng giả vi thùy, tả hữu viết vô sở kiến. Thị dạ, vương hoăng ư Thắng Thọ điện, niên tam thập thất, miếu hiệu Cao Tông, tại vị tam thập lục niên, táng Thiên Đức phủ Thọ Lăng, cải nguyên giả tứ.

(Việt sử lược ; Quyển tam , Nguyễn kỷ)

DỊCH NGHĨA :

CAO TÔNG

(Trích) (1)

Húy là Long Trát, con thứ sáu của vua Anh Tông. Mẹ là Hoàng hậu Thụy Châu, họ Đỗ. Vua mới lên 3 tuổi, tháng 7 hiệu Thiên Cảm Chi Bảo năm thứ hai (1175) lên ngôi ở trước linh cữu, tôn mẹ là Hoàng hậu Thụy Châu làm «Chiếu Thiên Chí Lý Thái hậu». Quần thần dâng tôn hiệu là : «Ứng Càn, Ngự Cực, Hoành Văn, Hiến Vũ, Linh Thụy, Chiếu Phù, Chương Đạo, Chí Nhân, Ái Dân, Lý Vật, Duệ Mưu, Thần Trí, Hóa Cảm, Chính Thuần, Phu Huệ, Thị Từ, Tuy Du, Kiến Mỹ, Công Toàn, Nghiệp Thịnh, Long Hiện, Thần Cư, Thanh Minh, Quang Hiến Hoàng Đế.» Vua đương tuổi non nớt, chính sự lớn nhỏ đều giao cho Thái phó Tô Hiến Thành. Thái hậu có ý phế lập, rình lúc Hiến Thành đi ra, sai người đem vàng lụa hối lộ cho vợ lẽ (2) ông ta là Lã thị, bảo nói với Hiến Thành. Hiến Thành nói rằng : «Ta ở ngôi Tể tướng, chịu lời cố thác của Tiên Vương để phò ấu chúa. Nay nhận của đút của người mà mưu phế lập, thiên hạ sẽ nói ta ra sao ? Dù cho mọi người đều là bưng tai bịt mắt không biết gì, thời ta lấy lời nào mà bẩm với Tiên Vương ở dưới suối vàng được ?». Thái hậu biết rằng mưu của mình không thành, song ý vẫn không đổi, bèn vời Hiến Thành đến bảo rằng : «Ông đối với nước có thể gọi là trung đấy. Song tuổi ông cũng đã về chiều, mà lại thờ vua non tuổi, những việc ông làm thì ai biết cho ? Chi bằng lập trưởng quân, thì người đó sẽ mang ơn ông, mà cho ông giàu sang lâu dài, há không phải ư ?» (3). Hiến Thành nói rằng : «Bất nghĩa mà được giàu sang, đó không phải là điều người trung thần nghĩa sĩ vui làm. Huống hồ di chúc của Tiên Vương lời nói còn văng vẳng bên tai thì đối với công nghị sẽ ra làm sao ? Thần không dám phụng chiếu», rồi đi nhanh ra. Thái hậu bèn sai người vời gấp Bảo Quốc Vương. Bảo Quốc Vương nửa mừng nửa sợ liền lấy thuyền nhỏ đi theo sông Tô Lịch mà vào.

Hiến Thành bèn vời các quan chức tả hữu dụ bảo rằng : «Tiên Vương thấy ta và các ngươi hết sức phò vua, không ở hai lòng nên mới phó thác ấu chúa cho chúng ta. Nay Bảo Quốc Vương nghe lời Thái hậu muốn phế Chúa thượng mà tự lập. Các ngươi phải hết lòng gắng sức, nghe ta truyền bảo. Ai nghe mệnh ta, ta thưởng cho suốt đời ; kẻ nào trái mệnh ta, sẽ bị giết ở chợ. Các ngươi nên gắng sức». Các quan chức ai nấy đều nghe mệnh. Lát sau, Bảo Quốc Vương đến cửa Ngân Hà. Thái hậu vời càng gấp. Bảo Quốc Vương toan vào. Các quan chức đều ngăn lại, nói rằng : «Chúng tôi chưa được nghe chiếu chỉ nên không dám phụng mệnh. Nếu vương cứ cố mà vào thì kẻ phạm đến vương không phải là chúng tôi, mà là gươm giáo đấy !». Bảo Quốc Vương nghe nói thế, sợ thẹn mà lui. Tháng qui thu (tháng 9), lấy em Thái hậu là Đỗ An Thuận (4) làm Quan nội Hiến Quốc hầu, lấy Hiến Thành làm Thái úy ... (lược một đoạn ngắn).

Năm Kỷ hợi, hiệu Trinh Phù năm thứ tư (1179) ... (lược mấy giòng), tháng 6... (lược mấy chữ) ngày Kỷ dậu, Thái úy Tô Hiến Thành mất. Vua bãi chầu 7 ngày, ăn chay 3 ngày. Trước đây, khi Hiến Thành ở trên giường bệnh, chỉ có quan Tham tri chính sự Vũ Tán Đường ngày đêm hầu hạ ở bên cạnh. Quan Gián nghị đại phu Trần Trung Tá vì nhiều công việc bận, không có thì giờ rỗi rãi tới thăm Hiến Thành được. Khi bệnh tình Hiến Thành đã nguy kịch, bà Thái hậu tới thăm, hỏi Hiến Thành rằng : «Nếu có mệnh hệ nào thì ai thay ông được ?» Hiến Thành đáp rằng : «Người mà bình nhật thần biết, chỉ có Trung Tá mà thôi». Thái hậu nói rằng : «Tán Đường ngày ngày hầu hạ thuốc thang cho ông, sao ông không nói tới là làm sao »?. Hiến Thành đáp lại rằng : « Bệ hạ hỏi ai có thể thay thần nên thần mới nói đến Trung Tá, nếu như bệ hạ hỏi người hầu hạ phụng dưỡng, thì phi Tán Đường còn ai nữa !». Thái hậu tuy khen Hiến Thành là trung, nhưng rồi cũng không nghe lời ông, lấy Đỗ An Thuận coi việc triều chính ... (lược một đoạn ngắn).

Năm Nhâm dần, hiệu Trinh Phù năm thứ bảy (1182)... (lược mấy giòng), lấy Đỗ An Thuận làm Thái sư phụ chính. Lúc bấy giờ mọi người đều sợ uy An Thuận. Phàm có người có việc kiện tụng mà tư lại bắt không được, An Thuận sai «cân xa nhi» đi bắt thì người ấy đến ngay. Lúc bấy giờ có phường tuồng diễn trò một người làm Hình bộ thượng thư sai tư lại đi bắt một kẻ bỏ ngục mà nó không đến, bèn nói rằng : «Sao mày không xưng là «cân xa nhi» của quan Thái sư ? ». Viên tư lại kia làm y như lời, quả nhiên bắt được kẻ cần bỏ ngục (5) ... (lược một đoạn dài).

Năm Mậu thân, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ ba (1188)... (lược mấy giòng). Thái sư Đỗ An Thuận mất. Lấy Thái phó Ngô Lý Tín làm phụ chính... (lược một câu). Năm Kỷ dậu, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ tư (1189)... (lược mấy giòng), Vua sai Thái phó Ngô Lý Tín, Đô quan lang trung Lê Năng Trường xét việc kiện Thiếu sư Mạc Hiền Tích. Bọn Năng Trường sợ Hiền Tích không dám truy cứu. Người trong nước nói giễu rằng :

Ngô Phụ quốc là Lan,
Lê Đô quan là Kích.

Xét việc kiện Mạc Tích,
Chỉ sợ hãi mà thôi!

Lúc bấy giờ vua tuổi còn non nớt. Hiền Tích tư thông với Thái hậu, cho nên người đương thời sợ Hiền Tích. Lan, Kích là tên hai thằng điên... (lược một đoạn dài).

Năm Nhâm tuất, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm đầu (1202), mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên. Quần thần xin vua thêm tôn hiệu. Mùa hạ, tháng 6, động đất. Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra hành cung Hải Thanh. Đêm nào vua cũng sai nhạc công gảy đàn Bà Lỗ, hát khúc hát theo điệu Chiêm Thành, tiếng nghe ai oán thảm thiết, tả hữu nghe hát đều rơi nước mắt. Tăng phó Nguyễn Thường nói với vua rằng: «Tôi thấy bài *Tựa Kinh thi* có nói: *Âm nhạc của nước loạn* (6), *nghe như oán như giận, vì chính sự nước ấy là sai trái. Âm nhạc của nước bị mất nghe như thương như nhớ, vì nhân dân nước ấy bị khốn cùng.* Nay Chúa thượng rong chơi vô độ, chính sự giáo hóa sai trái lìa tan, dân đen buồn khổ đến thế là cùng mà ngày nay nghe âm nhạc ai oán, đó chẳng phải là điềm nước loạn, nước mất hay sao? Tôi biết rằng xa giá chuyến này trở về tất không lại ngự ra cung ấy nữa!» Sau trong nước đại loạn, quả như lời sư nói. Năm Qui hợi, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm thứ hai (1203), tháng giêng, xây cung mới tại phía tây tẩm điện, ở giữa đặt điện Thiên Thụy, bên trái dựng điện Dương Minh, bên phải dựng điện Thiềm Quang, đàng trước xây điện Chính Nghi, ở trên xây điện Kính Thiên, thềm gọi là Lệ Giai. Ở giữa mở cửa Vĩnh Nghiêm, bên phải mở cửa Việt Thành, thềm gọi là Ngân Hồng. Đàng sau mở điện Thắng Thọ, ở trên xây gác Thánh Thọ, bên trái xây gác Nhật Kim, bên phải xây gác Nguyệt Bảo, chung quanh có dựng hành lang, thềm gọi là Kim Tinh. Bên trái gác Nguyệt Bảo đặt tòa Lương Thạch, phía tây gác xây Dục Đường (nhà tắm), phía sau xây gác Phú Quốc, thềm gọi là Phượng Tiêu, phía sau dựng cửa Thầu Viên, ao Dưỡng Ngư (nuôi cá). Trên ao xây đình Ngoạn Y. Ba mặt đình có trồng hoa thơm cỏ lạ. Nước ao thông với sông, cách chạm trổ, trang sức khéo léo, công trình thổ mộc đẹp đẽ, xưa chưa từng có vậy. Lúc trước, khi gác Kính Thiên mới làm xong, có con chim thước đến làm tổ ở trên đó mà đẻ ra chim con. Quần thần nhân việc đó can vua rằng: «xưa Ngụy Minh Đế mới xây gác Lăng Tiêu, có chim thước đến làm tổ, Cao Đường Long nói rằng: *Kinh thi* có nói: *Chim thước làm tổ, chim cưu đến ở* (7). Nay cung thất mới làm xong mà chim thước đã đến làm, tổ thần ngu hèn cho rằng có họ khác đến ở đó. Thần xin bệ hạ xét lời nói của Cao Đường Long trước cốt sửa mình tu đức, sau hãy khởi công, xây dựng mới là phải». Vua nín lặng hồi lâu rồi hỏi hoạn quan là Phạm Bỉnh Di. Bỉnh Di nói rằng: «Gác mới làm mà chim thước đến làm tổ, đẻ con, đó là điềm trời ban cho dòng dõi bệ hạ được trăm đời». Vua đẹp lòng, sai sửa sang điện gác mau chóng, trăm họ vì thế càng khốn khổ... (lược một đoạn dài).

Năm Ất sửu, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm thứ tư (1205)... (lược một đoạn ngắn), tháng 9, ngày Nhâm thìn, cải nguyên là Trị Bình Long Ứng năm

đầu ... (lược mấy chữ). Điện Thiên Thụy làm xong, vua ban yến cho quần thần ba ngày để mừng điện đã hoàn thành. Vua rất ham của cải lợi lộc, lấy việc bán quan buôn ngục làm chính sự. Hai người nào mà tranh nhau ruộng đất, sản vật, hễ một người dâng nộp thì vua chẳng hỏi tình lý phải trái thế nào, đều tịch thu sung công cả, vì thế mà kho đụn của nhà nước của cải chất như núi, còn bách tính thì kêu ca, oán thán, giặc cướp nổi lên như ong. Năm Bính dần, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ hai (1206), mùa xuân, tháng giêng, vua ngự gác Kinh Thiên xem ném phi đoàn (8). Tháng 2, ngày Nhâm tí, mồng một, có nhật thực. Tháng 3, cung Phụng Thiên bị cháy. Mùa hạ, tháng 5, xây chùa Thánh Huân (9). Mùa đông tháng 10, sửa chữa chùa Chân Giáo. Năm đó, trong nước đã loạn lạc, mà vua thích đi rong chơi. Đường sá bị ngăn trở, không đi đâu được vua bèn sai làm hành cung Ứng Phong, Hải Thanh ở chỗ ao Ứng Minh, hàng ngày đem bọn cận thần, cung nữ đi chơi bời làm vui. Lại lấy thuyền to làm thuyền ngự, lấy các thuyền bé chia làm hai đội, sai bọn cung nữ, phường tuồng chèo thuyền, vua dẫn bọn tả hữu bắt chước nghi vệ như khi vua ngự đi chơi đâu vậy. Lại lấy sáp ong bọc những tấm lụa và các thứ hải vật thả xuống ao, rồi sai người lội xuống mò lên giả làm đồ vật dưới Long cung đem dâng. Quần thần thấy vua rong chơi vô độ đều sợ hãi không dám nói. Có tên phường tuồng là Vũ Cao nói dối với Thượng phẩm phụng ngự là Trịnh Ninh rằng: «Có hôm Cao qua chơi trên bờ ao, thấy một người lạ cầm tay dắt đi vòng bờ ao, đến dưới gốc cây muỗm, bỗng người đó dẫn Cao đi xuống nước. Cao sợ chết đuối không dám tiến. Một lát nước ao bỗng tự rẽ ra. Cao đi xuống, đến một nơi, thấy cung điện nguy nga, thị vệ nghiêm chỉnh. Cao hỏi đó là chỗ ai ở. Người đó bảo rằng: «Đó là chỗ ta ở để cai quản ao này!». Người đó bèn sai dọn mâm cỗ cùng Cao uống rượu. Rượu rồi, Cao tạ ơn xin về. Người đó đưa tặng quả cau, tiễn ra đến gốc cây muỗm, bỗng không thấy người đó đâu nữa, mà quả cau cầm ở trong tay đã hóa ra đá. Cao mới biết trong ao có thần». Ninh lấy làm kinh dị, bèn tâu với vua. Vua tuy nghe nói thế nhưng không sợ hãi gì cả, sai lấy sắt để yểm thần. Đến những tháng đông, nước ao khô cạn. Vua bảo tả hữu rằng: «Ai có thể làm cho nước sông dâng đầy ao được thì ta sẽ hậu thưởng». Có tên nịnh thần là Trần Túc trả lời: «Thần có thể làm được!» Vua cho là thật, sai làm phép thuật của y nhưng không ứng nghiệm. Một hôm, vua ngự chơi ở ao đó, nghe thấy ở ngoài thành có kẻ bị ăn cướp hô hoán lên, thế mà vua vẫn ham mê chơi bời, giả vờ như không nghe thấy. Vua tính sợ sấm, mỗi khi sấm động thì sợ hãi. Có tên cận thần là Nguyễn Dư nói mình có phép cấm giáng sấm. Gặp khi có tiếng sấm nổ, vua sai Dư cấm sấm. Dư ngửng mặt lên trời đọc chú, nhưng tiếng sấm càng to. Vua căn vặn việc đó. Dư nói rằng: «Thần răn nó đã lâu, nào ngờ nó còn cường bạo như thế đó!»

Năm Đinh mão, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ ba (1207), người Đại Hoàng (10) là Phi Lang lại làm phản, đánh ấp Tạp Tự. Tháng 3, giặc ở châu Quốc Oai là Đoàn Khả Liệt, Vương Mãn làm phản. Mùa hạ, tháng 4, Đàm

Dĩ Mông lại làm Phụ chính. Mùa thu, tháng 8, Đoàn Thượng, Đoàn Chủ làm phản (11). Vua sai đem nhiều binh lính đi đánh chúng : Đàm Dĩ Mông đem đạo Đại Thông, Bảo Trinh hầu đem đạo Nam Sách, Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bỉnh Di đem đạo Khả Liễu, Chỉ hậu hỏa đầu Trần Hinh đem đạo Phù Đới (12) định gặp nhau cùng đánh Thượng (13). Thượng ngầm sai người đến đút lót cho Thượng Phẩm phụng ngự Phạm Du, xin đem đảng chúng theo Du. Du vì Thượng mà cố xin với vua. Vua sai người đi triệu bọn Dĩ Mông bảo đem quân về, Thượng bèn thoát được. Từ đó Dĩ Mông, Bỉnh Di có hiềm khích với Du. Năm đó, vua thấy giặc cướp nổi lên như ong, bèn hối lại lỗi xưa, nhân đó hạ chiếu rằng : «Trẫm còn bé mà phải gánh vác việc lớn, ở tận nơi cửu trùng, không biết cảnh khó khăn của dân chúng, nghe lời bọn tiểu nhân mà gây nên oán với kẻ dưới, dân đã oán thán thì trẫm còn dựa vào ai ? Nay trẫm sẽ sửa lỗi, cùng dân đổi mới. Ai có ruộng đất sản nghiệp bị sung công sẽ được hoàn lại».

Năm Mậu thìn hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ tư (1208), đói lớn, người đói gối lên nhau mà chết (14). Mùa đông, tháng 10, lụt. Tháng chạp, người Lộc Châu nhà Tống là Vi Trí Cương đánh phá Lạng Châu. Vua lấy Phạm Du coi việc quân ở châu Nghệ An. Du nói với vua rằng : «Nay thiên hạ rối loạn, bọn gian tặc nổi dậy khắp nơi, hoặc có kẻ ghen ghét với thần mà làm loạn, thì đầu thần còn không giữ nổi, huống chi là ân đức của bệ hạ ! Xin bệ hạ dề tâm một chút, cho phép thần được tuyển bọn trai tráng để tự đề phòng, ngõ hầu khỏi lo tai vạ». Vua bằng lòng, do đó Du bèn chiêu tập bọn vong mệnh, tụ tập bọn giặc cướp gọi là «hậu nhân» (người đi do thám tình hình) ngang nhiên cướp bóc không sợ hãi gì cả, giặc cướp do đó mà nổi dậy như ong, người Quốc Oai cũng đem đồ đảng đến đóng đồn ở Tây Kết, người trại Văn Lôi cũng đóng đồn ở sông Đà Mạc (15). Từ đó, đường sá bị cắt đứt, thuyền bè không đi lại được. Vua sai Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bỉnh Di đem người Đằng Châu (16) ra phòng ngự bọn chúng, còn Du thì lại về hương Cổ Miệt (17) cùng người Hồng là bọn Thượng, Chủ họp nhau đánh Đằng Châu. Người Đằng Châu xin Bỉnh Di đánh Du, nhưng Bỉnh Di đánh không thắng được, phải trở về (18).

Năm Kỷ tị, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ năm (1209), mùa xuân, tháng giêng, Bỉnh Di lại đem người Đằng, người Khoái đi đánh Du. Bỉnh Di bị thua luôn, giận dữ chém những kẻ bỏ chạy để ra uy. Ngày khác lại ra đánh, thắng được, Du chạy ra đất Hồng. Bỉnh Di tịch biên gia sản của Du rồi đốt hết. Du và Bỉnh Di càng tăng thêm lòng oán ghét nhau. Người Động Trư (19) là Nguyễn Phá Lân đem bộ hạ ban đêm ra ăn trộm tài vật của nhà nước ở Đội Xá (20). Vi Trí Cương bên Tống lại sang đánh Lạng Châu ... (lược mấy dòng). Ngày Đinh mùi, Bỉnh Di lại đánh bọn người Hồng là Thượng, Chủ ở Vệ Kiều. Người Hồng tan vỡ. Chủ bị hãm ở trong bùn, bị Hà Văn Lôi đâm chết. Vua sai Chỉ hậu phụng ngự Trần Hinh triệu Du về Kinh sư (21). Mùa thu, tháng 7, Bỉnh Di đến Kinh sư, toan vào triều phụng mệnh. Có người ngăn lại nói rằng : «Vua đã nghe lời Du trước, giận ông chưa nguôi đâu». Bỉnh Di nói rằng : «Ta thờ vua hết lòng mà lại bị người ta nói dèm sao ? Huống chi có mệnh vua, ta trốn đâu được ?»

bèn vào. Vua sai bắt Bỉnh Di và con là Phụ, giam ở Thủy Viện, toan làm tội. Tướng của Bỉnh Di là bọn Quách Bốc nghe thấy việc đó bèn đem binh lính hò reo mà vào triều. Đến cửa Đại Thành thì bị người coi cửa chống lại, bọn Bốc phạt ngang cánh cửa mà vào. Vua thấy việc gấp, vội vời ngay Bỉnh Di vào Lương Thạch xứ ở thềm Kim Tinh. Một chốc Du cùng em là bọn Kinh đều từ Ngự đường đi ra, lấy ngự thương giết Bỉnh Di và con là Phụ. Bọn Bốc nghe tin Bỉnh Di đã chết, bèn sai quân sĩ đột nhập Lương Thạch xứ, lấy xe cân xa của vua ngự rước thây của Bỉnh Di, lấy chiếu ngự bọc thây của Phụ, đo cửa Việt Thành ra bến Triều Đông (22), rồi lại vào cung Vạn Diên rước Vương Tử Thầm và Vương Tử Sảm về Hải Ấp. Ngày Nhâm dần, đức Nguyên Tổ ta (23) thống suất thủy quân đến Kinh thành rước Vương Tử Sảm và mẹ là bà Nguyên phi Đàm thị và hai người em gái cùng mẹ đưa về ở nhà Đàm thị ở Hải Ấp, đoạn rước Vương Tử Thầm lên ngôi ở tại nhà đó (24). Lúc bấy giờ, gia thần của Sảm là Lưu Thiệu nói với đức Nguyên Tổ và người Giao Hào là Phạm Ngu rằng : «Thầm tuy lớn nhưng là con thứ, Sảm tuy bé nhưng là con đích xin hai ông lo liệu». Đức Nguyên Tổ bèn cùng Ngu rước Sảm về Mang Nhân (25) lên ngôi, xưng là Thắng Vương, giáng Thầm làm vương. Ít lâu sau Sảm lại về Hải Ấp, ở nhà công quán thôn Lưu Gia, lấy con gái thứ hai của đức Nguyên Tổ ta làm Nguyên Phi, lấy Đàm Dĩ Mông làm Thái úy, Nguyễn Chính Lại làm Tham tri chính sự, Nguyên Tổ làm Minh tự, Ngu làm Thượng phẩm phụng ngự, Tô Trung Tự (26) làm Điện tiền chỉ huy sứ, ngoài ra mọi người đều có phẩm trật khác nhau (27).

Vua sai Du đi Hồng Lộ huấn luyện quân lính định đánh người Thuận Lưu (28). Gặp khi người Hồng Lô (29) lại đón, đúng hạn nhưng còn cùng công chúa Thiên Cực (30) tư thông, không biết, nên trong chốc lát lỡ hẹn với người Hồng Lộ. Du bèn lên thuyền, đo đường sông mà đi, đến bến Cổ Châu, lên bộ đi tới xã A Cảo ở Ma Lãng (31) bị người Bắc Giang là Nguyễn Nậu, Nguyễn Nãi bắt đưa về cho Vương Tử Sảm giết đi.

Mùa thu, tháng 8, Thuận Lưu, Khoái (32) vì việc Bỉnh Di chết, đem thủy quân đến đánh Kinh sư, tiền quân đỗ ở Đông Bộ (33), đo cửa nách bên trái vào thẳng cấm thành cướp lấy các bảo vật. Đại quân đỗ ở bến Thiên Hà, toan đo cửa Thiên Thu mà vào, đến quán Vũ Sư bị liệt hầu Cao Kha nấp ở Chần Vi bắn, một tên lính trúng vào vú, Kha vỗ tay reo cười, sĩ tốt chạy tháo lui về thuyền, người giữ thuyền ngờ là có quan quân đến đánh, đều chèo thuyền ra xa bờ, gặp gió bấc thổi mạnh, thuyền bè bị trôi dạt đi cả. Hai quân nghe thấy thuyền bè đã bị mất đều tan chạy, người Kinh thành đuổi giết chết được hơn 300 người.

Năm Canh ngọ, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ sáu (1210), mùa xuân, tháng giêng, ở chùa Thắng Nghiêm đất bị nứt xé ra. Tô Trung Tự thấy nhận riêng tước phong của Vương Tử Sảm thì sợ tội đến mình, bèn đem binh đánh người Khoái (34), nhân đó đến Hải Ấp bắt bọn Vương Tử Sảm về Kinh sư. Ngày Đinh mùi, vua sai Thượng phẩm phụng ngự Đỗ Quảng đến nhà Trung Tự rước Vương Tử Sảm. Những người Vương Tử Sảm cho làm quan đều bỏ trốn. Dĩ Mông trốn đến hương An Lãng (35), nhân cùng bọn thuộc hạ mưu bắt những người

được Vương Tử Sảm phong tước để chuộc tội. Do đó, Dĩ Mông truyền hịch mộ binh các đạo chia làm năm đội để đi đánh bắt bọn đó. Dĩ Mông đem người ở Gia và người phủ Thanh Hóa đánh hương Tức Mặc (36), bị bại, nên các đạo binh nghe thấy thì đều lui về. Mùa thu, tháng 7, Dĩ Mông đem 28 người nhận tước phong của Vương tử dâng vua. Đỗ Anh Doãn (37) đứng giữa cửa kể tội Dĩ Mông rằng : «Mày là đại thần của nước, đã đem lòng vô quân, nhận tước phong của giặc, nay lại cùng ngồi với ta. Ta tuy bất tài, nhưng còn mặt mũi nào mà nhìn mày nữa!» Dĩ Mông thẹn sợ mà lui. Sao chổi xuất hiện.

Mùa đông, tháng 10, vua mệt (38). Ngày Nhâm ngọ, vua nằm trên giường bệnh, bỗng thấy hai người mặc áo xanh, cầm trượng đứng cạnh. Vua hỏi người cầm trượng là ai, tả hữu tâu rằng không thấy ai cả. Đêm đó, vua mất ở điện Thắng Thọ (39), thọ 37 tuổi, miếu hiệu là Cao Tông, ở ngôi 36 năm, táng ở Thọ Lăng thuộc phủ Thiên Đức (40), cải nguyên bốn lần.

Theo *TRẦN QUỐC VƯỢNG*
(Bd. VSL.; Quyển III ; *Nguyễn kỷ* (41)

CHÚ THÍCH :

(1) Trích phần này của VSL, chúng tôi muốn giới thiệu với độc giả chặng đường đi xuống của giai cấp phong kiến nhà Lý, đồng thời cũng để thấy việc nhà Trần thay nhà Lý là qui luật tất yếu của lịch sử.

(2) ĐVSKTT chép là vợ cả.

(3) *Há không phải ư* (khởi bất vĩ dư) : BD. VSL viết là «há có phải hay không» (Nhóm biên soạn).

(4) ĐVSKTT chép là Đỗ An Di.

(5) Đoạn văn từ câu «Lúc bấy giờ có phường tuồng...» đến «quả nhiên bắt được kẻ cần bỏ ngục», BD. VSL chấm câu bản chữ Hán như sau : 時優人戲以一人爲刑部尚書，差胥追獄，不至，曰：「汝何不稱爲太師巾車兒乎？如其言，果覆！」 Thời ưu nhân hi dĩ nhất nhân vi Hình bộ thượng thư, sai tư truy ngục, bất chí, viết : «Nhữ hà bất xưng vi Thái sư cân xa nhi hồ? như kỳ ngôn, quả hoạch»). Do đó, dịch cũng khác : « *Lúc bấy giờ có phường tuồng diễn trò một người làm Hình bộ thượng thư sai tư lại đi bắt một kẻ bỏ ngục mà nó không đến, nói rằng : «Sao mày không xưng là «cân xa nhi» của quan Thái sư ? Nếu nói như thế thì bắt được»* (Nhóm biên soạn).

(6) Bài tựa *Thi kinh* 詩經 chính ra viết là «đời loạn» (loạn thế).

(7) *Chim thước* : chim bồ các. *Chim cưu* : chim tu hú.

(8) Nếm còn ? (Nhóm biên soạn).

(9) Sách in nhầm chữ 寺 *tự* ra chữ 詩 *thi*. Ở bản này chúng tôi chữa lại chữ *tự*.

(10) *Đại Hoàng* : gồm vùng đất miền tây Nam Định (nay thuộc Hà Nam Ninh) (Theo ĐNVNQCĐ — Nhóm biên soạn).

(11) ĐVSKTT chép việc Đoàn Thượng làm phản vào đời Lý Huệ Tông 李惠宗, năm Nhâm thân (1212).

(12) *Đại Thông* : gồm miền Đan Phượng, Hoài Đức, (nay thuộc Hà Sơn Bình) và miền dọc sông Đáy. *Nam Sách* : tức huyện Nam Sách (nay thuộc Hải Hưng). *Khả Liễu* : chưa rõ ở đâu. *Phù Đới* : là tên một hương, nay có xã Phù Đới ở miền huyện Vĩnh Lại — Vĩnh Bảo, (nay thuộc Hải Hưng).

(13) Theo VSTGCM, Đoàn Thượng người Thung Độ, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay thuộc Hải Hưng).

(14) BD. VSL viết «Những người bị chết đói nằm chồng chất lên nhau (Nhóm biên soạn).

(15) *Sông Đà Mạc* : theo VSTGCM sông Thiên Mạc (tức Đà Mạc) là hạ lưu sông Phú Lương (sông Hồng), ở châu Mạn Trù, huyện Đông Yên (nay thuộc Hải Hưng).

(16) *Đằng Châu* : miền Kim Động (nay thuộc Hải Hưng).

(17) Đây là nói Phạm Du từ Nghệ An trở về hương Cổ Miệt. Hương Cổ Miệt ở vào địa phận tỉnh Hải Hưng, giáp Hồng Châu và Đằng, Khoái Châu (tức miền Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ, Hưng Yên) song không rõ chắc ở chỗ nào.

(18) Câu này nguyên văn là : «Đằng Châu nhân thỉnh Bỉnh Di công Du, bất khắc, nãi hoàn», BD. VSL viết là «Người Đằng Châu xin Bỉnh Di đánh Du, không được phải trở về» (Nhóm biên soạn).

(19) *Động Trư* : chưa rõ ở đâu.

(20) *Đội Xá* : Đội Sơn, huyện Duy Tiên (nay thuộc Nam Hà). ĐVSKTT chép vào tháng 7, sau việc giết Bỉnh Di.

(21) Theo VSTGCM, Phạm Du ngầm sai người đến Kinh đô đem vàng bạc đút lót cho người trong nội, nói rằng Bỉnh Di tàn ác giết hại người vô tội, lại kể lể tình oan, xin về Kinh đợi tội. Vua tin lời Du, sai vời về Kinh, và triệu cả Bỉnh Di về Kinh.

(22) ĐVSKTT chép là ra Đông bộ đầu, tức bến Đông Tân sông Hồng bây giờ. Sử chép Phạm Bỉnh Di là một hoạn quan, không hiểu sao lại có con là Phụ 輔 .

(23) Tức Trần Lý 陳李 . Qua đây có thể biết tác giả *Việt sử lược* là người đời Trần.

(24) Đoạn này lời văn khá lủng củng. Trên kia đã nói quân sĩ của Bốc vào cung Vạn Diên rước Vương Tử Thầm và Vương Tử Sảm về Hải Ấp, thế mà ở đây lại còn nói ngày Nhâm dần, đức Nguyên Tổ ta thống suất thủy quân đến Kinh thành rước Vương Tử Sảm... đưa về ở nhà Đàm thị tại Hải Ấp, đoạn rước Vương Tử Thầm lên ngôi ở tại nhà đó.

ĐVSKTT chép khác hẳn : Quách Bốc «trở lại vào cung Vạn Diên, lập Hoàng Tử Thầm làm vua. Đàm Dĩ Mông, Nguyễn Chính Lại đều nhận ngụy chức của Thầm. Vua chạy đến Quy Hóa giang (Hưng Hóa) ... Hoàng thái tử đi đến thôn Lưu Gia thuộc Hải Ấp (*Lưu Gia* : nay là Lưu Xá, huyện Hưng Nhân, Thái Bình) nghe tin con gái Trần Lý có tư sắc, bèn lấy làm vợ. Nhà Trần Lý làm nghề đánh cá trở nên giàu có, những người ở gần đó theo phụ, do đấy có binh chúng cũng nổi lên làm giặc cướp. Thái tử đã lấy con gái của Lý, phong cho Lý tước Minh tự, cho cậu vợ là Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ» (xem Bd. ĐVSKTT ; Tập I ; Nxb. Khoa học xã hội ; 1972).

ANCL cũng nói rằng vua chạy lên Quy Hóa nương nhờ nhà Hà Vận. Anh em họ Trần tụ tập hương binh dẹp loạn rồi đón vua về.

(25) *Mang nhân* : chưa rõ.

(26) *Tô Trung Tự* : ĐVSKTT và VSTGCM đều chép là «Tô Trung Từ». Theo VSTGCM thì Từ người thôn Lưu Gia, em vợ Trần Lý. Còn Trần Lý, người Tức Mặc, phủ Thiên Trường, Nam Định (nay thuộc Nam Hà).

(27) Theo ĐVSKTT thì sau đó, anh em họ Trần họp hương binh bình được loạn, rước vua về Kinh. Xa giá về cung, dẹp yên loạn Quách Bốc, xét tội, có phân biệt. Còn theo VSL thì vua vẫn ở Kinh sư.

(28) Đây có lẽ chỉ Trần Tự Khánh, người sau này được phong làm Thuận lưu bá.

(29) Chỉ Đoàn Thượng.

(30) Công chúa Thiên Cực là vợ Châu mục Lạng Châu Hoài Trung hầu. ĐVSKTT lại chép công chúa Thiên Cực là Trần thị lấy Huệ Tông bị giáng làm công chúa Thiên Cực, gả cho Thủ Độ 守度 và cho Lạng Châu làm «thang mộc ấp».

(31) *Ma lãng :* chưa rõ ở đâu.

(32) Có lẽ là chỉ Trần Tự Khánh và Quách Bốc. Hầu như bấy giờ có một sự đồng minh giữa Phạm Du và Đoàn Thượng một bên, giữa Phạm Bỉnh Di, Quách Bốc và anh em họ Trần một bên.

(33) Có lẽ là *Đông bộ đầu.*

(34) Có lẽ là đánh Quách Bốc.

(35) *An Lãng* : chưa rõ ở đâu.

(36) *Tức Mặc* : thuộc phủ Thiên Trường, Nam Định (nay thuộc Nam Hà), là quê hương nhà Trần.

(37) ĐVSKTT chép là Đỗ Anh Triệt.

(38) ĐVSKTT chép thêm : «Vua với Đỗ Kính Tu... đến chịu lời cố thác».

(39) ĐVSKTT chép là điện Thánh Thọ.

(40) *Thiên Đức* : thuộc lộ Bắc Giang, nay thuộc Hà Bắc.

(41) *Nguyễn kỷ* : đáng lẽ phải là *Lý kỷ*. Nhà Trần sau khi chiếm được ngôi vua, lấy cớ là «kiêng tên húy», đã đổi họ Lý ra họ Nguyễn, với mục đích dứt lòng tưởng nhớ của một số người nào đó đối với nhà Lý.

TẠ THÚC NGAO

謝叔敎

(? — ?)

Tạ Thúc Ngao là tác giả bài văn bia «Sùng Khánh tự bi minh tịnh tự» 崇慶寺碑銘并序 soạn vào năm Đại Trị thứ 10 (1367) đời vua Trần Dụ Tông trong khi ông giữ chức Phụng độc học sinh, thư sử, trực thủ. Ngoài ra quê quán và năm sinh, năm mất đều không rõ.

175

崇慶寺碑銘并序

夫境者心之光華，名者實之文飾。苟境有山水之靈而人無才德之傑，則境之清奇，名之英茂，俱泯沒於一時，況流傳於萬世者乎？

粤有富令場，通江，弘農鄉，崇慶寺者，乃父道叔姓阮名隱，字晚覺，之所剏也。公好善人也，其配則父道女阮姮，守禮貞淑女也。故先父道阮公，以幼子阮天仗屬公教養，俾主是鄉。是以天仗漸磨教誨，善性長成公不好治生喜齊人之急，意慕佛教，不茹葷酒，十齋誦經，率以爲常。鄉本無寺，而其所居之偏，岡巒鬱秀，清泉誦列，心甚愛之。乃建寺宇以爲晨昏香火之所。經始於紹豐丙申一月，迨四月望日落成，奉安佛像，扁曰崇慶，又施田壹圓以給住持者之養

。寺成有年矣。某偶因公事至于是邦，公一見之語及寺事。乃託以銘。顧某非大手筆，何敢當此。然嘉公生于膏粱袨服之家，處薄惡難化之俗，乃能自覺覺他，顧不韙歟？回視一鄉一邑之長以富貴相高，以酒色相尚，不可同日而語也，不揆謗薄乃爲銘曰：

猗歟阮公，爰立貞石，
父道之宗，誦文以記。
仁可托孤，材器非長，
教養齊同。銘詩不易。
不慕榮利，嘉公用心，
佛教是崇。好善弗替。
建立紺宇，薄氣鄙寬，
粉飾金容。懦夫立志。
捨己之田，迺述斯文，
以廣流通。以紹億祺。

皇越大治十年丁未歲三月日奉讀學生書史直首謝叔敖楚鄉撰。

PHIÊN ÂM :

SÙNG KHÁNH TỰ BI MINH TỊNH TỰ

Phù cảnh giả tâm chi quang hoa, danh giả thực chi văn sức. Cầu cảnh hữu sơn thủy chi linh, nhi nhân vô tài đức chi kiệt, tắc cảnh chi thanh kỳ, danh chi anh mậu, câu dẫn một ư nhất thời, huống lưu truyền ư vạn thế giả hồ ?

Việt hữu Phú Linh trường, Thông Giang, Hoằng Nông hương, Sùng Khánh tự giả, nãi Phụ đạo thúc tính Nguyễn Danh Ẩn, tự Văn Giác chi sở sáng dã. Công hiếu thiện nhân dã. Kỳ phối tắc phụ đạo nữ Nguyễn Ả, thủ lễ trinh thục nữ dã. Cố tiên Phụ đạo Nguyễn công dĩ ấu tử Nguyễn Thiên Trượng, chúc công giáo dưỡng, tỉ chủ thị hương. Thị dĩ Thiên Trượng tiệm ma giáo hối, thiện tính trưởng thành. Công bất hiếu trị sinh, thiện tế nhân chi cấp. Ý mộ Phật giáo, bất nhự huân tửu. Thập trai tụng kinh suất dĩ vi thường. Hương bản vô tự, nhi kỳ sở cư chi biền. Cương man uất tú, thanh tuyền dũng liệt. Tâm thậm ái chi. Nãi kiến tự vũ dĩ vị thần hôn hương hỏa chi sở. Kính thủy ư Thiệu Phong Bính thân nhất nguyệt, đãi tứ nguyệt vọng lạc thành, Phụng an Phật tượng, biển viết Sùng Khánh. Hựu thi điền nhất viên dĩ cấp trụ trì giả chi dưỡng. Tự

thành hữu niên hĩ. Mỗ ngẫu nhân công sự chi vu thị bang. Công nhất kiến chi ngữ cập tự sự. Nãi thác dĩ minh. Cố mỗ phi đại thủ bút, hà cảm đương thử. Nhiên gia công sinh vu cao lương huyễn phục chi gia, xử bạc ác nan hóa chi tục, nãi năng tự giác giác tha, cố bất vĩ dư ? Hồi thị nhất hương nhất ấp chi trưởng, dĩ phú quí tương cao, dĩ tửu sắc tương thượng, bất khả đồng nhật nhi ngữ dã. Bất quỹ tiễn bạc nãi vi minh viết :

Y dư Nguyễn công,
Phụ đạo chi tông.
Nhân khả thác cô,
Giáo dưỡng tề đồng.
Bất mộ vinh lợi,
Phật giáo thị sùng.
Kiến lập cám vũ,
Phấn sức kim dung,
Xả kỷ chi điền,
Dĩ quảng lưu thông.

Viên lập trinh thạch,
Yết văn dĩ ký.
Tài khí phi trường,
Minh thi bất dị.
Gia công dụng tâm,
Hiếu thiện phất thế.
Bạc đôn bỉ khoan,
Nhụ phu lập chí.
Nãi thuật tư văn,
Dĩ thiệu ức dị.

Hoàng Việt Đại Trị thập niên Đinh vị tuế, tam nguyệt nhật.
Phụng độc học sinh, thư sử trực thủ Tạ Thúc Ngao, Sở Khanh soạn.

DỊCH NGHĨA :

BÀI MINH VÀ BÀI TỰA (1) VỀ CHÙA SÙNG KHÁNH (2)

Kể ra : Cảnh là ánh sáng và vẻ đẹp của tâm (3) ; danh là vẻ ngoài của thực (4). Nếu cảnh có được sự linh thiêng của núi sông, mà người lại không có kẻ hào kiệt tài đức, thì sự thanh kỳ của cảnh, sự tốt đẹp của danh cũng đều chìm đắm trong một thời, còn nói gì đến chuyện lưu truyền vạn đời được nữa (5).

Nay có ngôi chùa Sùng Khánh ở hương (6) Hoằng Nông, Thông Giang ; trường (7) Phú Linh (8), là do chú của Phụ đạo (9) họ Nguyễn, tên là Ẩn, tự là Vãn Giác sáng lập ra.

Ông là người ham điều thiện, lấy bà vợ là Nguyễn Ả, con gái Phụ đạo, là một người đàn bà trinh thục, biết giữ lễ.

Vị Phụ đạo trước là Nguyễn công, đem người con nhỏ là Nguyễn Thiên Trượng giao cho ông nuôi dạy, khiến cho làm chủ hương ấy. Từ đấy Thiên Trượng dần dần được dạy bảo rèn dũa, tính thiện trưởng thành. Ông không thích chăm lo sản nghiệp riêng, mà lại ham cứu giúp người lúc khó khăn, lòng thì mộ đạo Phật, không ăn thịt, không uống rượu, mỗi tháng ăn chay 10 ngày (10) và đọc kinh, lấy đó làm lệ thường.

Hương này vốn không có chùa, mà lại ở nơi hẻo lánh, núi non sầm uất đẹp xinh, có suối trong tuôn chảy, lòng ông rất yêu cảnh đẹp này. Bèn dựng chùa để làm nơi hương hỏa sớm hôm. Bắt đầu từ tháng giêng năm Bính thân

thời Thiệu Phong (1356), đến rằm tháng tư thì hoàn thành, đặt tượng Phật vào, đặt tên là chùa Sùng Khánh. Lại cho một mảnh ruộng để cấp dưỡng cho người trụ trì.

Chùa được lập ra đã lâu năm, tôi ngẫu nhiên có việc công đi đến xứ này. Ông vừa gặp tôi, nói ngay đến việc chùa, bèn nhờ tôi làm bài minh. Tôi vốn không phải là tay đại bút, sao dám đảm đương việc đó. Nhưng tôi phục ông là người sinh trong gia đình quyền quý cao sang (11) lại ở trong vùng có phong tục bạc ác, khó giáo hóa, thế mà lại có thể tự giác giác tha (12), như thế há chẳng lớn sao ?

Quay nhìn lại các kẻ đứng đầu trong một hương một ấp, họ thường lấy sự giàu có mà tự cao với nhau, và đều ham chuộng tửu sắc, không thể đem sánh ngang với ông được.

Cho nên tôi cũng không đắn đo về tài học nông cạn của mình, mà làm bài minh rằng :

Tốt thay Nguyễn Công,
Dòng dõi Phụ đạo,
Lòng nhân của ông khiến người ta có thể gửi đứa con côi,
Ông dạy dỗ nuôi dưỡng như con mình.
Ông không màng vinh hoa lợi lộc (13),
Chỉ chăm sùng thượng đạo Phật.
Ông dựng chùa chiền,
Và tô điểm tượng Phật.
Bỏ ruộng riêng (14) của mình,
Để mở rộng sự lưu thông.
Lại dựng bia đá,
Xin bài văn để ghi lại.
Tài năng của tôi chẳng phải cao,
Làm bài thơ bài minh không dễ.
Nhưng tôi phục ông có dụng tâm,
Lòng hiếu thiện của ông không thay đổi.
Kẻ bạc ác ông biến thành đôn hậu,
Kẻ hẹp hòi ông làm cho trở nên rộng rãi (15).
Người tầm thường (46) mà lập được chí,
Bèn thuật lại bằng bài văn này.
Để lưu truyền đến ức vạn năm !

DỊCH THƠ :

Tốt đẹp thay Nguyễn Công,
Vốn dòng quan Phụ đạo.
Đức nhân sẵn vun trồng,
Người đem con ký thác.
Ông nuôi dạy hết lòng,
Coi quý như con đẻ.
Cho nối nghiệp tổ tông,
Lợi danh ông chẳng thiết.
Chỉ ham chuộng thiền tông,
Đã điểm tô tượng Phật.
Lại xây dựng Phạn cung,
Đem ruộng riêng bố thí.
Nhằm mở rộng lưu thông,
Thêm cho dựng bia đá.
Xin văn để ghi công,
Tôi tài sơ trí thiển.
Cầm bút thực khó lòng,
Nhưng phục ông có chí.
Lòng hiếu thiện không cùng,
Bạc ác thành đôn hậu.
Hẹp lượng hóa khoan hồng,
Phận hèn mà chí lớn.
Cố gắng cũng thành công,
Bèn viết văn thuật lại.
Truyền mãi tới vô cùng!

Ngày tháng 3 năm Đinh mùi, niên hiệu Đại trị thứ 10 (1367) triều vua Việt.

Phụng độc học sinh, thư sử trực thủ là Tạ Thúc Ngao, hiệu Sở Khanh (17) soạn (18).

HÀ VĂN TẤN , NGÔ THẾ LONG

CHÚ THÍCH :

(1) Tựa là một thể văn cổ, thuộc loại tự sự, trần thuật.

(2) *Chùa Sùng Khánh* nay thuộc thôn Nùng, xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Tuyên. Chùa dựng năm 1356 đời Trần Dụ Tông. Lần trùng tu chùa có dựng bia và đúc chuông là năm 1705 đời Lê Dụ Tông. Nhưng tới nay chùa chỉ còn là một phế tích, tấm bia hiện vẫn còn ở đó (Theo khảo sát điền dã của Nguyễn Đình Chiến — cán bộ Viện Khảo cổ học, năm 1976).

(3) Trong Phật giáo *cảnh* được đối lập với *tâm* ; *cảnh* chỉ thế giới hiện tượng bên ngoài. Thời Trần, nhiều nhà sư chú ý cặp phạm trù này (xem *Tuệ trung thượng sĩ ngữ lục*).

(4) Cặp phạm trù đối lập cổ, quen thuộc : *danh* và *thực* (gần như «nội dung và hình thức»).

(5) Lập luận xưa : «*Nhân kiệt địa linh*» (nơi đất thiêng phải sinh người giỏi).

(6) (7) *Hương, giang, trường* : là các đơn vị hành chính còn thấy ở đời Trần vi dụ hương Mễ Sở, giang Nam Sách.

(8) *Trường Phú Linh* : chưa rõ phạm vi của đơn vị hành chính này gồm những đâu.

(9) *Phụ đạo* : là chức quan xưa thường dành cho các tù trưởng miền núi. Thời Trần viết là 父道 , thời Lê mới viết là 輔導 (xem Nguyễn Trãi *Dư địa chí, điều XLIX*).

(10) Nguyên văn là *thập trai* (ăn chay 10 ngày) tục này bắt đầu từ vua Vũ Đế nhà Đường, mỗi năm có một số tháng, mỗi tháng có 10 ngày nhà vua ăn chay. Sau đó dần bắt chước, ăn chay vào các ngày sau đây trong tháng : 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30, gọi là thập trai (10 ngày ăn chay).

(11) Nguyên văn : *Cao lương huyễn phục* (ăn ngon mặc đẹp), dịch thoát.

(12) *Tự giác giác tha*, từ ngữ nhà Phật, nghĩa là tự giác ngộ và giác ngộ người khác.

(13) Nguyên văn chữ lợi (利) không viết theo lối kiêng tên húy, chứng tỏ bài này được khắc trước hoặc sau đời Lê.

(14) Nguyên văn là *kỷ điền* : ruộng của mình.

(15) Câu đó là dịch 1 câu có 4 chữ trong nguyên văn : «*Bạc đôn bỉ khoan*», có thể tác giả nói về ông Nguyễn, nên cũng có thể hiểu là «trong loại người bạc ác, có ông là người đôn hậu, trong bọn hẹp hòi, có ông là người rộng rãi».

(16) Nguyên văn : *nhụ phu* : kẻ hèn kém tầm thường, đây cũng có thể chỉ vào chủ nhân họ Nguyễn.

(17) Nguyên văn là *Sở Khanh* 楚卿 , đây là tên hiệu của tác giả Tạ Thúc Ngao, vì trùng tên với Tôn Thúc Ngao là một vị quan khanh giỏi của nước Sở xưa, nên ông ta lấy luôn chữ Sở Khanh làm hiệu của mình (cũng như Cao Bá Quát lấy hiệu là Chu Thần-bề tôi nhà Chu).

(18) *Mặt sau bia còn có 2 dòng chữ khắc thêm như sau* :

dòng 1 :權 父 道 阮 天 仗 洎 晚 覺 居 士 共 施 那 嫩 田 壹 圓 東 伴 近 小 澗 水 適 丙。西 二 伴 近 山 林。北 伴 近 寺 爲 界。永 爲 三 寶 物。

Quyền Phụ đạo Nguyễn Thiên Trượng tự Vãn Giác cư sĩ cộng thí Na Nộn điền nhất viên Đông bạn cận tiểu giản thủy, Thích Bính. Tây nhị bạn cận sơn lâm. Bắc bạn cận tự vi giới. Vĩnh vi Tam bảo vật.

dòng 2: 悟 善 居 士 施 奴 二 人 : 尚 大 , 美 庵 , 并 水 牛 一 頭 , 施 爲 三 寶 物 。 Ngộ Thiện cư sĩ thí nô nhị nhân : Thượng Đại, Mỹ Am, tịnh thủy ngưu nhất đầu, thí vi Tam bảo vật.

1) Quyền Phụ đạo Nguyễn Thiên Trượng và Vãn Giác cư sĩ cùng thí ruộng Na Nộn một mảnh, phía đông gần khe nước nhỏ Thích Bính. Hai bờ phía tây gần núi rừng, phía bắc gần chùa làm giới hạn, vĩnh viễn là của Tam bảo.

2) Ngộ Thiện cư sĩ cúng hai người nô là Thượng Đại và Mỹ Am và một con trâu làm của Tam bảo.

Căn cứ vào nét chữ, chúng tôi thấy những chữ ở dòng 1 là cùng một dạng như chữ ở mặt trước bia (do một người viết, khắc) còn chữ ở dòng 2 thì không giống. Nhưng xét nội dung của 2 dòng chữ đó, ta có thể thấy chúng được khắc vào sau khi hoàn thành mặt trước bia, không bao lâu. Có thể coi như cùng một thời đại.

TRẦN THIÊN TRẠCH
陳天澤

(? —1379)

Trần Thiên Trạch là con Trần Minh Tông 陳明宗 (1314—1329), người hương Tức Mặc 即墨, phủ Thiên Trường 天長 (1). Ông sinh năm nào chưa rõ, mất năm Kỷ mùi (1379) (2). Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, mùa hạ, tháng 4, năm Đinh dậu (1357), Hữu tướng quốc Trần Thiên Trạch được phong làm Cung Tín Vương (3).

Tác phẩm : Hiện còn một bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư* chép : «Mùa đông, tháng 10 (năm Kỷ mùi—1379)... Hữu tướng quốc là Cung Tín Vương Thiên Trạch chết» (Bd. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 193).

(3) *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 161.

176

題范殿帥家莊 — ĐỀ PHẠM ĐIỆN SOÁI GIA TRANG 1*

橋七八重虹矮矮，
水東西折綠迴迴。
不因看石尋梅去，
何物能招宰相來。

Kiều thất bát trùng hồng oải oải,
Thủy đông tây 2* chiết lục hồi hồi.
Bất nhân khán thạch tầm mai khứ,
Hà vật năng chiêu Tể tướng lai.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ TRANG TRẠI CỦA ĐIỆN SOÁI PHẠM (1)

Cầu bảy tám tầng như cầu vồng thấp là là,
Nước rẽ ngoặt về hai phía đông, tây thành một dải mầu xanh quanh co.
Nếu không phải vì để ngắm đá, tìm mai,
Thì có ai vời nổi quan Tể tướng (2) đến đây ?

DỊCH THƠ :

Mấy lớp cầu vồng thâm thấp xây,
Nao nao giòng biếc rẽ đông, tây.
Không vì thưởng thức mai cùng đá,
Ai dễ đưa quan đến chốn này ?

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL : chép đầu đề bài thơ là 題范五老殿帥家莊 *Đề Phạm Ngũ Lão Điện soái gia trang.*
2* TVTL1 : 水之玄 *thủy chi huyền.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Điện soái Phạm* : tức Phạm Ngũ Lão.
(2) *Quan Tể tướng* : ở đây chỉ Phạm Ngũ Lão.

LƯU THƯỜNG

劉常

(1345—1388)

Lưu Thường quê quán ở đâu chưa rõ ; về năm sinh năm mất, theo sử chép vào năm 1388, do sự dèm pha của Hồ Quý Ly 胡季犛, Trần Nghệ Tông 陳藝宗 đã buộc Đế Nghiễn phải thắt cổ chết, Lưu Thường cùng với Nguyễn Khoái 阮快, Nguyễn Vân Nhi 阮雲兒 định cứu Đế Nghiễn, nhưng việc bại lộ, tất cả đều bị giết. Cũng năm này ông làm bài thơ *tuyệt mệnh*, nói đã 43 tuổi, ta có thể suy ra ông sinh năm 1345.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Tinh tuyển chư gia luật thi*.

177

絕命詩	TUYỆT MỆNH THI
殘年四十有餘三,	Tàn niên tứ thập hữu dư tam,
忠義逢誅死正甘。	Trung nghĩa phùng tru tử chính cam.
抱義生前應不負,	Bão nghĩa sinh tiền ưng bất phụ,
暴屍原上又何慙。	Bộc thi nguyên thượng hựu hà tàm !

DỊCH NGHĨA:

THƠ TUYỆT MỆNH

Tuổi tàn nay đã bốn chục lẻ ba rồi,
Vì trung nghĩa mà bị giết, chết cũng cam tâm,
Lúc sống ta không phụ chí ôm lòng trung nghĩa,
Nay phải phơi thây ngoài đồng nội, có thẹn gì đâu!

DỊCH THƠ:

Bốn mươi ba tuổi thân tàn tạ,
Trung nghĩa, sa cơ chết cũng đành.
Giữ tiết bình sinh lòng chẳng phụ,
Phơi thây ngoài nội hẳn không kinh!

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

TRẦN NGẠC (1)

陳頰

(? — 1391)

Trần Ngạc là con của Trần Nghệ Tông, được phong chức Thái Úy Trang Định Vương. Chưa biết sinh năm nào, chỉ biết năm Tân mùi (1391), ông sợ uy quyền của Hồ Quý Ly nên chạy trốn về trang Nam Định. Trần Nghệ Tông nghe lời Quý Ly dèm pha, sai Nguyễn Nhân Liệt đưa quân tróc nã. Quý Ly lại ngầm sai Nhân Liệt đánh chết.

Tác phẩm : *Đại Việt sử ký toàn thư* chép ông hay làm thơ Nôm, song tác phẩm hầu hết thất lạc, nay chỉ còn một bài thơ chữ Hán. Bài này cũng có trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Chữ *Ngạc* có sách phiên là *Thích*.

178

贈司徒元旦	TẶNG TƯ ĐỒ NGUYÊN ĐÁN (1)
我是當年棄物,	Ngã thị đương niên khí vật,
公非大厦奇才。	Công phi đại hạ kỳ tài.
會取一般老病,	Hội thủ nhất ban lão bệnh,
田園早辦歸來。	Điền viên tảo biện qui lai.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG TƯ ĐỒ NGUYÊN ĐÁN

Tôi nay vào hạng bỏ đi,
Ông chẳng phải người tài của thiên hạ.
Cùng một phường già nua bệnh tật cả,
Cảnh ruộng vườn nên sớm lui về.

DỊCH THƠ :

Tôi nay vào hạng vất đi rồi,
Ông chẳng thế gian bậc kỳ tài.
Cùng bọn già nua suy yếu cả,
Điền viên sớm liệu thoái về thôi.

(Theo Bd. ĐVSKTT)

CHÚ THÍCH :

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép khi Trần Nguyên Đán về Côn Sơn, gửi thư cho bạn hữu có câu : *Kim cổ hưng vong chân khả giám ; Chư công hà nhẫn gián thư hy* (Còn mất xưa nay xem đã rõ ; Các ông sao nỡ ít thư can). Trần Ngạc cho rằng Nguyên Đán cũng không còn sức tài để lo việc nước, hà tất gửi thư khuyên bạn hữu như vậy, mới làm bài thơ trên gửi Nguyên Đán.

PHẠM NHÂN KHANH

范仁卿

(?)

Phạm Nhân Khanh hiệu là Cổ Sơn 古山. Chưa rõ ông sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu ; chỉ biết đỗ Tiến sĩ vào đời Long Khánh 隆慶 (1373 – 1377), từng được nhà Trần cử đi sứ Trung Quốc ; lúc về làm chức Giám tu quốc sử, kiêm An phủ sứ lộ Lạng Sơn.

Tác phẩm : hiện còn 13 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

179

扈拜山陵回京

東巡禮畢便回鑾,
仙杖扶春入九閬。
雲轉旌旗龍影動,
星移劍佩玉聲寒。
孝心昭格堯天上,
仁澤旁霑禹甸間。
扈蹕小臣新進士,
甘泉有賦獻來難。

HỖ BÁI SƠN LĂNG HỒI KINH [1*]

Đông tuần lễ tất tiện hồi loan,
Tiên trượng phù xuân nhập [2*] cửu quan.
Vân chuyển [3*] tinh kỳ long ảnh động,
Tinh di kiếm bội ngọc thanh hàn.
Hiếu tâm chiêu cách Nghiêu thiên thượng,
Nhân trạch bàng chiêm Vũ điện gian.
Hỗ tất tiểu thần tân Tiến sĩ,
Cam tuyền hữu phú hiến lai nan.

DỊCH NGHĨA :

HẦU VUA ĐI BÁI YẾT SƠN LĂNG VỀ KINH

Lễ đông tuần xong bèn quay xe loan trở về,
Gậy tiên đỡ lấy vóc xuân vào chín tầng cửa.
Cờ tựa mây vần, bóng rồng lay động,
Gươm như sao chuyển, tiếng ngọc trang nghiêm.
Lòng hiếu thảo thấu đến trời Nghiêu (1),
Ơn nhân hậu thấm sâu đất Vũ (2).
Tiểu thần là một Tiến sĩ tân khoa đi hộ giá,
Có bài phú *Cam tuyền*, mong được dâng lên.

DỊCH THƠ :

Đông tuần xong lễ trở xe loan,
Chín cửa tưng bừng rước long nhan.
Cờ tựa mây vần trời bóng lộng,
Gươm dường sao chuyển ngọc vang ran.
Hiếu tâm đà thấu trời Nghiêu rộng,
Nhân trạch thêm sâu đất Vũ tràn.
Hộ giá việc vinh, thần Tiến sĩ,
Mong dâng bài phú vịnh Cam tuyền.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* MĐT : 扈御駕謁山陵回京 *Hỗ ngự giá yết Sơn lăng hồi kinh.*
2* MĐT : 八 *bát.*
3* MĐT : 捲 *quyển.*

CHÚ THÍCH :

(1) (2) *Nghiêu, Vũ* : *Nghiêu* tức Đường Nghiêu 唐堯, *Vũ* tức Hạ Vũ 夏禹. Đường Nghiêu và Hạ Vũ là hai vị vua hiền thời xưa ở Trung Quốc.

(3) *Phú Cam tuyền* : Dương Hùng 楊雄 người đời Hán khi đi hộ giá Hán Thành Đế 漢成帝 lễ ở cung Cam Tuyền, có làm bài phú *Cam tuyền* dâng lên.

180

奉北使恭遇熙
陵大祥日有感

隆慶年間被選揄，
詔從駙使綴陪臣。
桂宮嚴邃瞻依近，
梅砌從容顧問頻。
西狩茫茫迷大駕，
北行冉冉遇哀辰。
禮文有盡情無盡，
悵望蒼梧淚滿巾。

PHỤNG BẮC SỨ CUNG NGỘ HY LĂNG ĐẠI TƯỜNG NHẬT HỮU CẢM

Long Khánh niên gian bị tuyển luân,
Chiếu tòng nhật sứ xuyết bồi thần.
Quế cung nghiêm thủy chiêm y cận,
Mai thiết thung dung cố vấn tần.
Tây thủ mang mang mê đại giá,
Bắc hành nhiễm nhiễm ngộ ai thần.
Lễ văn hữu tận [1*] tình vô tận [2*],
Trướng vọng [3*] Thương Ngô [4*] lệ mãn cân.

DỊCH NGHĨA :

PHỤNG MỆNH ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC, CẢM XÚC NHÂN GẶP NGÀY ĐẠI TƯỜNG (1) CỦA HY LĂNG (2)

Vào năm Long Khánh (3) được chọn làm sứ giả,
Chiếu vua do mã phu đưa đến bổ khuyết làm bồi thần (4).
Trong cung quế thâm nghiêm được gần gũi nương tựa,
Dưới thềm mai nhàn hạ luôn luôn hỏi han.
Đi tuần thú miền tây mênh mông, xe vua mờ mịt (5),
Đi lên phương bắc xa xăm, gặp lúc đau thương.
Lễ văn có khi hết, tình cảm không thể hết,
Buồn trông núi Thương Ngô (6), nước mắt đầm khăn.

DỊCH THƠ :

Long Khánh năm kia có chiếu đòi,
Sứ triều theo lối phận bầy tôi.
Trông chừng cung quế tầy gang tấc,
Hầu chuyện thềm mai đã mấy hồi.
Giá trở miền tây đà mất mát,
Người qua cõi bắc lại lôi thôi.
Lễ văn dầu hết tình chưa hết,
Trông nẻo Thương Ngô lệ sụt sùi.

Theo ĐINH VĂN CHẤP
(Nam Phong số 116-1927)

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 限 *hạn.*
2* MĐT : 極 *cực.*
3* TTCGLT : 滿 *mãn.*
4* TTCGLT : 梅 *mai.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Ngày đại tường* : ngày giỗ thứ hai.
(2) *Hy lăng* : chỉ Trần Duệ Tông.
(3) *Long Khánh* : niên hiệu của Trần Duệ Tông (1373-1377).
(4) *Bồi thần* : người giúp việc cho chánh sứ.
(5) Chỉ việc Trần Duệ Tông mang quân đi đánh Chiêm Thành và chết tại trận, năm Đinh tị (1377).
(6) *Núi Thương Ngô* : ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Theo *Thủy kinh chú*, vua Thuấn đi tuần thú phía nam, mất ở chân núi Thương Ngô, mộ cũng táng ở đó. Câu thơ trên, tác giả nói đến Thương Ngô, ý muốn nhắc đến việc vua Duệ Tông mất ở phía Nam.

181

守歲	THỦ TUẾ
舊歲暫從今夕別,	Cựu tuế tạm tòng kim tịch 1* biệt,
不眠挑盡五更燈。	Bất miên khiêu tận ngũ canh đăng.
送窮堪笑古人謬,	Tống cùng kham tiếu cổ nhân mậu,
飲酒未饒前背能。	Ẩm tửu vị nhiêu tiền bối năng.
冬後梅花仍態度,	Đông 2* hậu mai hoa nhưng 3* thái độ,
春前雪意尚威稜。	Xuân tiền tuyết ý thượng uy lăng.
醉中寫就新年帖,	Túy trung tả tựu tân niên thiếp,
門外曈曈曉日升。	Môn ngoại đồng đồng hiểu nhật thăng.

DỊCH NGHĨA :

GIỮ NĂM

Năm cũ ! Xin tạm biệt từ đêm nay,
Không ngủ, khêu đèn suốt năm canh.
« Tiễn nghèo » (2), thật buồn cười chuyện hoang đường của người xưa,
Uống rượu, chẳng nhường tài bậc tiền bối.

Sau mùa đông, phong độ hoa mai vẫn thế,
Trước mùa xuân, ý thái của tuyết còn hăng.
Trong lúc say, viết xong lá thiếp năm mới,
Ngoài cửa, mặt trời ban mai ửng hồng đang lên.

DỊCH THƠ :

Giã từ năm cũ đêm nay,
Năm canh khôn giấc, dầu đầy bấc khêu.
Người xưa giữ tục tiễn nghèo,
Cạn vò đua sức lệ theo nếp nhà.
Sau đông mai vẫn nở hoa,
Trước xuân bông tuyết vẫn là là rơi.
Say rồi viết thiếp chúc mời,
Trước sân le lói mặt trời đang lên.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 日 *nhật.*
2* TTCGLT : 暍 *cát.*
3* TTCGLT : 猶 *do.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Giữ năm* (thủ tuế) : phong tục thời xưa, đêm 30 tết không ngủ.
(2) *Tiễn nghèo* (tống cùng) : phong tục xưa tiễn cái nghèo đi trong đêm 30 tết.

182

春遊

穩乘欵段背春風,
路入芳園十里紅。
身在鶯花庭院裡,
眠迷錦繡畫圖中。
纖穠巧悅遊人意,
點染深誇造化功。
别有一般腸斷處,
數聲嬌燕語樓東。

XUÂN DU [1*]

Ổn thừa khoản đoạn bối xuân phong,
Lộ nhập phương viên thập lý hồng.
Thân tại oanh hoa đình viện lý,
Nhãn mê cẩm tú họa đồ trung.
Tiêm nùng xảo duyệt du nhân ý,
Điểm nhiễm thâm khoa tạo hóa công.
Biệt hữu nhất ban trường đoạn xứ [2*],
Sổ thanh kiều yến ngữ lâu đông.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI XUÂN

Cỡi êm trên lưng ngựa, đi ngược gió xuân,
Bước vào vườn thơm, suốt mười dặm đều mầu hồng.
Thân ở trong đình viện oanh hoa,
Mắt say sưa với bức tranh gấm vóc.
Vẻ xinh xắn đậm nồng, khéo chiều lòng du khách,
Tô vẽ nhuộm màu, khen cho tạo hóa tài tình,
Tuy vậy trong lòng vẫn còn một nỗi đau thương.
Khi nghe én non ríu rít ở phía lầu đông.

DỊCH THƠ :

Ung dung lưng ngựa, gió xuân về,
Mười dặm vườn thơm, sắc đỏ hoe.
Người giữa sân hoa đầy cảnh đẹp,
Mắt say gấm vóc thắm tranh quê.
Du nhân đẹp ý, muôn mầu thắm,
Tạo hóa dầy công, lắm vẻ mê.
Đứt ruột lòng đau riêng một nỗi,
Là khi én hót nhộn lầu kia.

HOÀNG LÊ

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : 春日遊 *xuân nhật du.*
2* TVTL3 : 斷腸 *đoạn trường.*

183

秋夜

秋漏迢迢聽轉長
三更夜氣透衣涼。
乾坤四顧月如晝，
草木半枯天正霜。
別浦雲遥迷泣鶴，
空階霧下湛啼蛩。
人間此景堪惆悵，
誰是平生鐵石腸。

THU DẠ

Thu lậu thiều thiều thính chuyển trường [1*],
Tam canh dạ khí thấu y lương.
Kiền khôn tứ cố nguyệt như trú,
Thảo mộc bán khô thiên chính sương.
Biệt phố vân dao mê đoạn nhạn,
Không giai vụ hạ khấp hàn tương.
Nhân gian thử cảnh kham trù trướng,
Thùy thị bình sinh thiết thạch trường.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU

Giọt đồng hồ (1) đêm thu nghe mỗi lúc một dài,
Canh ba hơi thu lạnh thấm áo.
Ngoảnh nhìn bốn phía trời đất, trăng sáng như ban ngày,
Cây cỏ nửa phần xơ xác, trời đang xuống sương.
Bóng nhạn khuất ngoài đám mây xa, bến sông ly biệt,
Tiếng dế khóc nỉ non dưới sương mù trước thềm vắng.
Cảnh ấy ở nhân gian thật đáng xót xa,
Ai trong cuộc sống giữ lòng sắt đá được.

DỊCH THƠ :

Thánh thót đồng hồ giọt điểm dài,
Canh ba khí lạnh thấm qua vai.
Đất trời bốn phía trăng soi tỏ,
Thảo mộc nửa phần nước nhạt phai.
Bến nhớ mây che đàn nhạn khuất,
Thềm sầu sương xuống lũ trùng ai.
Người đây cảnh đấy thêm rầu rĩ,
Sắt đá lòng đâu giữ được dài.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* MĐT : 遲 *trì.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Giọt đồng hồ* (lậu) : Xưa người ta đổ nước hay cát vào một cái phễu, dưới có lỗ nhỏ, giữa phễu có cắm cái cọc ghi giờ khắc. Nước hay cát theo lỗ nhỏ chảy xuống, giờ khắc ghi trên cột lộ dần ra, người ta theo đó mà biết được thời gian. *Truyện Kiều* có câu : *Đêm thâu khắc lậu canh tàn ; Gió cây trút lá trăng ngàn ngậm gương.*

184

七夕 — THẤT TỊCH

斗柄西轉火輪收,	Đẩu bính tây chuyển hỏa luân thu,
天上秋期會女牛。	Thiên thượng thu 1* kỳ hội 2* Nữ Ngưu.
銀渚高橫雲似傘,	Ngân chử cao hoành 3* vân tự tán,
星橋斜掛月如鈎。	Tinh 4* kiều 5* tà quải nguyệt như câu.
鍾分靈匹悲歡夜,	Chung phân 6* linh thất 7* bi hoan dạ,
香滿佳人針線樓。	Hương mãn giai nhân châm tuyến lâu.
笑我生來徒素拙,	Tiếu ngã sinh lai đồ 8* tố chuyết,
世間機巧亦無求。	Thế gian cơ xảo diệc vô cầu.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THẤT TỊCH (1)

Chuôi sao Bắc Đẩu chuyển về tây, mặt trời lặn,
Là kỳ hẹn mùa thu của Chức Nữ và Ngưu Lang ở trên trời.
Mây giăng chót vót trên bến sông Ngân như chiếc lọng,
Trăng vắt chênh chếch ở cầu sao như lưỡi câu.
Chén rượu chia đêm vui buồn ở chốn linh thất (2),
Mùi thơm đầy lầu kim chỉ của người đẹp (3).
Cười mình từ khi sinh ra đã mộc mạc, vụng về,
Nhưng cũng không cần sự khôn khéo của thế gian.

DỊCH THƠ :

Chuôi Đẩu về tây bánh hỏa thâu,
Duyên trời gặp gỡ Nữ và Ngâu.
Mây giăng sông bạc dường cây tán,
Trăng đứng cầu sao tựa lưỡi câu.
Mùi đủ vui buồn đêm kết ước,
Hương xông kim chỉ khách nương lầu.
Cười minh bản tính xưa nay vụng,
Khéo léo nghề ai chẳng chút cầu.

Theo *ĐINH VĂN CHẤP*
(*Nam phong* số 116 — 1927)

KHẢO ĐÍNH :

1* HVTT : 佳 *giai.*
2* HVTT : 合 *hợp.*
3* HVTT : 標 *tiêu.*
4* TVTL2 : 王 *vương.*
5* TVTL2 : 星 *tinh.*
6* HVTT : 爲 *vị.*
7* HVTT : 室 *thất.*
8* TVTL2 : 從 *tòng.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Đêm thất tịch* : đêm mồng 7 tháng 7 âm lịch. Tương truyền đêm thất tịch, Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.
(2) *Linh thất* : chỉ Khiên Ngưu và Chức Nữ.
(3) Thời xưa, cứ đến đêm thất tịch, phụ nữ bầy hoa quả trước sân rồi thi nhau xâu chỉ qua kim bẩy lỗ. Tục đó gọi là *Khất xảo* (cầu khéo).

185

七夕

天上雙星欲會期，
駿奔烏鵲役靈司。
柰雲橋合天車轉，
織錦機閑霧線垂。
暫會却從今夕別，
相逢又是隔年期。
無人再配銀河水，
添作鼉更一夜遲。

THẤT TỊCH

Thiên thượng song tinh dục hội kỳ [1*],
Tuấn bôn ô thước dịch linh ty.
Giá vân kiều hợp [2*] thiên xa [3*] chuyển,
Chức cẩm cơ nhàn vụ [4*] tuyến thùy.
Tạm hội khước tòng kim tịch biệt,
Tương phùng hựu thị cách [5*] niên kỳ.
Vô nhân tái phối [6*] Ngân Hà thủy,
Thiêm tác đà [7*] canh nhất dạ trì.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THẤT TỊCH

Kỳ hẹn gặp gỡ của đôi sao trên trời sắp đến,
Vì làm việc cho thần tiên mà chim ô thước bay gấp.
Nhịp cầu mây bắc liền lại, xe nhà trời chuyển sang,
Cửi dệt gấm được nghỉ, sương mù rủ xuống.
Cuộc gặp mặt chốc lát, lại ly biệt từ đêm nay,
Hẹn gặp nhau vào độ này năm sau.
Không ai tái phối (1) được nước sông Ngân,
Thêm tiếng cầm canh của con đà (2) cho đêm chậm lại.

DỊCH THƠ :

Hai sao hẹn gặp đêm nay,
Giúp tiên, ô thước tung bay rộn ràng.
Cầu mây nối nhịp xe sang,
Dừng tay dệt cửi, gấm vàng tỏa sương.
Gặp đây rồi, lại đôi đường,
Hẹn nhau cho đến dịp thường năm sau.
Sông Ngân xuôi nước về đâu,
Trống canh thủng thẳng, dạ sầu ngổn ngang.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* MĐT : 時 *thời.*
2* TTCGLT : 令 *lệnh.*
3* TVTL2 : 旱 *quân.*
4* TVTL1 : 開 路 *khai lộ.*
5* MĐT : 客 *khách.*
6* TVTL1 : 更 酌 *cảnh chước.*
7* MĐT : 壺 *hồ.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Tái phối* : chữ này hơi khó dịch ; nguyên văn là : *vô nhân tái phối Ngân Hà thủy* ; nghĩa là : Không ai làm cho nước sông Ngân đã chảy, lại có thể trở ngược lên chảy trở lại được. Chúng tôi tạm dịch là *tái phối.*

(2) *Tiếng cầm canh của con đà* (đà canh) : tiếng cầm canh của một loại bò sát giống cá sấu.

186

雁字

秋高澤國旱寒生,
天外遥看雁字横。
帶雨亂翻千點濕,
衝風斜草數行輕。
一聲霜信連雲起,
半幅鄉書伴月行。
笑我素無蒼頡志,
滿空鳥蹟不能名。

NHẠN TỰ

Thu cao 1* trạch quốc tảo hàn sinh,
Thiên ngoại giao khan nhạn tự hoành.
Đới vũ loạn phiên thiên điểm thấp,
Xung phong 2* tà thảo sổ hàng khinh.
Nhất thanh sương tín liên vân khởi,
Bán bức hương thư bạn nguyệt hành.
Tiếu ngã tố vô Thương Hiệt chí 3*,
Mãn không điền tích bất năng danh.

DỊCH NGHĨA :

CHỮ NHẠN (1)

Mùa thu đã muộn, đồng nước sinh rét sớm,
Xa trông bên trời hàng chữ nhạn giăng ngang.
Mang theo mưa, tung bay nước nghìn giọt,
Xông vào gió, thảo chếch chữ mấy hàng.

Một tiếng tin sương, mây tầng nổi dậy,
Nửa bức thư nhà, theo trăng đi về.
Cười ta vốn không có chí của Thương Hiệt (2),
Dấu chân chim đầy trên không mà không biết gọi chữ gì (3).

DỊCH THƠ :

Thu già mặt nước lạnh lùng thay,
Một nét bên trời chữ nhạn bày.
Nghìn điểm tung ra mưa rải rác,
Vài hàng thảo xuống gió lung lay.
Đón tin sương tới cơn mây dựng,
Đưa bức thư về bóng nguyệt ngay.
Mình hổ tài thua Thương Hiệt trước,
Dấu chim chan chứa chữ khôn hay.

Theo ĐINH VĂN CHẤP
(*Nam phong* số 11-6-1927)

KHẢO ĐÍNH :

1* HVTT : 高秋 *cao thu.*
2* TVTLI : 雲 *vân.*
3* HVTT : 意 *ý.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Chữ nhạn* : đàn nhạn bay xếp hàng giống chữ viết.
(2), (3) *Thương Hiệt* : tương truyền là sử quan của Hoàng Đế 黃帝, đã dựa vào dấu chân chim muông mà sáng tác chữ viết Trung Quốc.

187

新竹 — TÂN TRÚC

樹得琅玕三兩叢，　Thụ 1* đắc lang can tam lưỡng tùng,
只期歲晚伴吟翁。　Chỉ kỳ 2* tuế 3* vãn bạn ngâm ông.
篩金好看臨秋月，　Sư kim hảo khán lâm thu nguyệt,
戛玉纔聽遞曉風。　Dát ngọc tài thính đệ hiểu phong.
勁節匪躬能直外，　Kính tiết phỉ cung năng trực ngoại,
道心無欲故虛中。　Đạo tâm vô dục cố hư trung.
客來莫怪新條短，　Khách lai mạc quái tân điều đoản,
會見霜稍拂翠空。　Hội kiến sương sao phất thúy không.

DỊCH NGHĨA :

TRÚC NON

Trồng được vài ba khóm lang can (1),
Chỉ mong cuối năm làm bạn với nhà thơ.
Hãy xem dưới ánh trăng thu rây vàng xuống,
Hãy nghe gió sớm thổi qua, tiếng vang như ngọc xát.
Tiết cứng quên mình, thẳng thắn lộ ra bên ngoài,
Lòng đạo không dục vọng bởi trong hư không.
Khách đừng lấy làm lạ khi cành non còn ngắn,
Rồi sẽ thấy ngọn sương phe phẩy trên tầng xanh.

DỊCH THƠ :

Trồng được vài ba khóm trúc tơ,
Ngóng trông tết đến bạn cùng thơ,
Rây vàng dưới nguyệt hình lay động,
Xát ngọc trong sương tiếng vọng đưa.
Tiết cứng chẳng cong phô cốt cách,
Dạ khiêm không dục náu mưu cơ,
Khách chơi chớ lạ chồi còn ngắn,
Sẽ thấy tầng không ngọn phất phơ.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* MĐT : 裁 *tài.*
2* TVTL2 : 將 *tương.*
3* TVTL2 : 笑 *tiếu.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Lang can* : một loại như san hô, sống ở dưới nước. Ở đây tác giả ví trúc với lang can

188

佛蹟蓮池

PHẬT TÍCH LIÊN TRÌ

臨池日月坐婆娑，
喜看新開十里荷。
綠水鍊成青玉柄，
火龍初吐絳琦葩。
因風好學霓裳舞，
著雨微銷醉臉酡。
總是經營多態度，
不妨喚作水仙花。

Lâm trì nhật nguyệt tọa bà sa [1*],
Hỷ khán [2*] tân khai thập lý hà.
Lục thủy luyện thành thanh ngọc bỉnh,
Hỏa long sơ thổ giáng kỳ ba.
Nhân phong hảo học nghê thường vũ,
Trước vũ vi tiêu túy kiểm đà.
Tổng thị kinh doanh đa thái độ,
Bất phương hoán tác thủy tiên hoa.

DỊCH NGHĨA :

AO SEN CHÙA PHẬT TÍCH (1)

Đứng trước ao sen, tháng ngày thoải mái,
Vui mừng xem hoa sen nở suốt mười dặm.
Nước biếc đúc nên các cuống ngọc xanh,
Rồng lửa (2) vừa nhả bông hoa ngọc đỏ.
Nhờ gió để học điệu múa nghê thường (3),
Thấm mưa, hơi ửng cặp má say rượu.
Tóm lại, có nhiều cách để tả dáng điệu,
Chi bằng cứ gọi là hoa thủy tiên.

DỊCH THƠ :

Bên ao ngày tháng vẫn thung dung,
Bát ngát sen đua mấy dặm hồng.
Nước biếc luyện nên chồi ngọc bích,
Rồng vàng nâng nở đóa phù dung.
Gió đưa tưởng học nghê thường vũ,
Mưa thấm nhường phai má rượu nồng.
Chẳng thể hình dung bao dáng điệu,
Thủy tiên cứ gọi cũng là xong.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 娑婆 *sa bà.*
2* TVTL1, 2 : 有 *hữu.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Chùa Phật Tích* : có hai chùa Phật Tích : một ở Sài Sơn, Sơn Tây (nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình), một ở Tiên Du, Bắc Ninh (nay thuộc tỉnh Hà Bắc). Không rõ chùa Phật Tích mà tác giả tả ở đây là chùa nào.
(2) *Rồng lửa* (hỏa long) : chỉ mặt trời.
(3) *Điệu vũ nghê thường* : một điệu vũ đẹp, tương truyền có từ đời Đường Minh Hoàng 唐明皇.

189

贈八灘裨將 — TẶNG BÁT THAN TỲ TƯỚNG

八灘裨將叢林虎，　Bát Than tỳ tướng tùng lâm hổ,
老氣雄吞十萬夫。　Lão khí hùng thôn thập vạn phu.
直竪神幡劚敵壘，　Trực thụ 1* thần phan my địch lũy,
輕提慧劍剪凶徒。　Khinh đề tuệ kiếm tiễn hung đồ.
臨風密誦祈軍呪，　Lâm phong mật tụng kỳ quân chú,
向日連書破賊符。　Hướng nhật liên thư phá tặc phù.
早趂功名遄奏凱，　Tảo sấn công danh suyền tấu khải,
凌煙添畫國師圖。　Lăng Yên thiêm họa quốc sư đồ.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG TỲ TƯỚNG BÁT THAN (1)

Tỳ tướng Bát Than là con hổ trong rừng rậm,
Khí thế hùng mạnh nuốt đứt mười vạn binh.
Dựng thẳng cây phướn thần, san bằng lũy địch,
Nhẹ mang thanh kiếm tuệ (2), trừ bọn gian hung.
Đứng trước gió mật niệm thần chú cầu cho ba quân,
Hướng lên mặt trời liên tiếp viết bùa phá giặc.
Sớm tiến bước công danh, gấp tâu khúc khải hoàn,
Gác Lăng Yên (3) sẽ vẽ thêm bức tranh vị quốc sư.

DỊCH THƠ :

Hổ rừng, tỳ tướng Bát Than,
Sức cao khí nuốt muôn ngàn tinh binh.
Phướn thần dựng, san địch thành,
Nhẹ dơ kiếm tuệ tan tành lũ hung.
Miệng hô gió nổi đùng đùng,
Quăng búa áp trận, giặc cùng phải tan.
Công huân vui khúc khải hoàn,
Quốc sư bức vẽ bầy đàn Lăng Yên.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 立 *lập.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Bát Than* : chưa rõ là tên người hay tên nơi nào.
(2) *Kiếm tuệ* : kiếm thần.
(3) *Lăng Yên* : một cái gác đời Đường Thái Tông 唐太宗. Trên gác này có đề các bức chân dung công thần.

190

贈南塘公陳經略

TẶNG NAM ĐƯỜNG CÔNG TRẦN KINH LƯỢC

曹出三槐舊將門，
家傳衣鉢式猶存。
經綸庶務裨元化，
薦引群才奉至尊。
伐叛已曾施遠略，
疏勞旋復拜隆恩。
公門今日春如海，
桃李叢中願托根。

Trụ xuất tam hòe cựu tướng môn,
Gia truyền y bát thức 1* do tồn.
Kinh luân 2* thứ vụ tì nguyên hóa,
Tiến dẫn quần tài phụng chí tôn.
Phạt 3* bạn dĩ tằng thi viễn lược,
Sơ lao toàn phúc bái long ân.
Công môn kim nhật xuân như hải,
Đào lý tùng trung nguyện thác côn (căn).

DỊCH NGHĨA :

TẶNG QUAN KINH LƯỢC HỌ TRẦN (1) Ở NAM ĐƯỜNG (2)

Dòng dõi công thần vốn nơi cửa tướng,
Nhà vẫn còn truyền lại về nếp xưa.
Sửa sang mọi việc giúp cho nền giáo hóa của nhà vua,
Tiến cử nhân tài để phụng sự bậc chí tôn.
Khi đi đánh giặc đã từng bầy kế sâu xa,
Lúc thưởng công lao, nhiều lần đội ơn to lớn.
Cửa nhà ông hôm nay xuân rộng như biển,
Hiền sĩ muốn được gần gũi Người.

DỊCH THƠ :

Dòng dõi trâm anh bậc đại thần,
Nghiệp nhà nếp cũ nặng trên thân.
Kinh luân vì nước rèn phong hóa,
Tiến dẫn giúp vua đúc trí nhân.
Dẹp loạn từng phen dâng sách lược,
Công lao mấy dịp đội long ân.
Ông nay đầy cửa là xuân cả,
Hiền sĩ vui theo đứng chật sân.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : 代 *đại.*
2* TTCGLT : 繪 *hội.*
3* TTCGLT : 代 *đại.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Quan kinh lược họ Trần* : chưa rõ là người nào.
(2) *Nam Đường* : chưa rõ địa phương này ở đâu.

191

送覽山國師還山

出山幾日更還山，
爲愛山居意自閑。
松院渚茶香漠漠，
鶴泉洗鉢水潺潺。
放開禪價高千古，
發露詩名正一般。
歸向嶺雲深處卧，
暗施法雨洗人間。

TỐNG LÃM SƠN QUỐC SƯ HOÀN SƠN

Xuất san kỷ nhật cảnh hoàn san,
Vị ái san cư ý tự nhàn.
Tùng viện chử trà hương 1* mạc mạc,
Hạc tuyền tẩy bát thủy sàn sàn.
Phóng khai thiền giá cao 2* thiên cổ,
Phát lộ thi danh chính nhất ban.
Qui 3* hướng lĩnh vân thâm xứ ngọa,
Ám thi pháp vũ tẩy nhân gian.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN QUỐC SƯ LÃM SƠN (1) VỀ NÚI

Mới xuống núi mấy ngày, lại trở về núi,
Vì thích ở trong núi, ý thái tự do thảnh thơi.
Pha trà trong viện thông, hương thơm ngào ngạt.
Rửa bát ngoài suối hạc, nước đầy chứa chan.
Mở toang thiền giá, ngàn thuở chân như,
Phát lộ lời thơ, một niềm chính quả (2).
Trở về nằm nơi mây núi sâu thẳm,
Ngầm đưa «pháp vũ» (3) rửa cõi trần gian.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 煙 *yên.*
2* TVTL2 : 真 *chân.*
3* TVTL2 : 如 *như.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Lãm Sơn* : chưa rõ là người nào.

(2) *Chân như, chính quả* : lẽ ra theo nguyên văn chữ Hán ở câu 5, 6 thì dịch là :

Nêu giá thiền tông, cao hơn muôn đời,
Nổi tiếng về thơ, đứng đầu mọi người.

Nhưng theo khảo đính (2), chúng tôi thấy TVTL2 chép cũng có lý. Vậy chúng tôi tạm dịch như trên để bạn đọc tham khảo.

(3) *Pháp vũ* : mưa pháp. Nhà Phật cho rằng Phật pháp có thể phổ độ chúng sinh, như mưa thấm nhuần vạn vật.

NGUYỄN NHỮ BẬT

阮汝撥

(? — ?)

Nguyễn Nhữ Bật sinh quán ở đâu, thân thế và sự nghiệp ra sao đều chưa rõ, chỉ biết ông là người cuối đời Trần.

Tác phẩm : hiện còn một bài phú chép trong *Quần hiền phú tập*.

192

觀周樂賦

姬轍東遷，伯烱烘天。文武之禮樂未墜，周公之苗裔猶傳。偉延陵之雅識，因往使而請觀。恍洋洋而盈耳，笑俗調今難攀。

想其公堂邃密，群官肅雍，乃陳樂器，乃命樂工，吹笙鼓瑟，擊石撞鍾。閒三夏以迭奏，諧五音而相通。正聲發今嘹喨，散聲響今冲融。導太古中和之氣，洗衰世悽惋之風。念遺音今杳杳，鼓餘韻今渢渢。

是以：觀蕭韶之舞，而可知舜德之隆。聞關雎之亂，則思周南之化；聽桓賚之始，則念牧野之功。皆審樂以知政；懷古道於鴻蒙。回視當時之桑濮，益增唾啞而悲恫。追先王今耿耿，慨欲逝今焉從。

嗟夫！世至春秋，大雅亡矣。彼列國之名卿，競奔馳於名利。八佾雍徹，既萌僭竊之心；韶夏護武，豈入俗人之耳。紛鄭衛之是耽，慕雅樂今能幾。卓自拔於人群，乃獨聞於季子。

是知：以德觀樂，唯賢者然後能之；外樂求德，彼俗流安能識此。料季子之心，恨不親見於當年；而季子之嘆，益深有望於來世。

方今：時登聖哲，運屬休明。功成治定，制作斯興。放淫哇而存雅樂，諧庶尹而格百靈。鳳儀獸舞，焉負龜呈。雖覆載之盛德，亦古今之並稱。
小臣何幸，獲親覩於今日，豈但如季子，徒念其遺聲也哉！

PHIÊN ÂM :

QUAN CHU NHẠC PHÚ

Cơ triệt đông thiện, bá diệm hồng thiên. Văn, võ chi lễ nhạc vị trụy ; Chu công chi miêu duệ do truyền. Vĩ Diên Lăng chi nhã thức, nhân vãng sứ nhi thỉnh quan. Hoáng dương dương nhi doanh nhĩ, tiếu tục điệu hề nan phan.

Tưởng kỳ, công đường thúy mật, quần quan túc ung. Nãi Trần nhạc khí, nãi mệnh nhạc công. Xuy sinh cổ sắt, kích thạch chàng chung. Giản *Tam hạ* dĩ điệt tấu, hài ngũ âm nhi tương thông. Chính thanh phát hề liệu lượng, tán thanh hưởng hề xung dung. Đạo thải cổ trung hòa chi khí, tẩy suy thế thê uyển chi phong. Niệm di âm hề yểu yểu, cổ dư vận hề phùng phùng.

Thị dĩ: quan *Tiêu thiều* chi vũ, nhi khả tri Thuấn đức chi long. Văn *Quan thư* chi loạn, tắc tư *Chu Nam* chi hóa. Thích *Hoàn, Lại* chi thủy, tắc niệm Mục dã chi công. Giai thẩm nhạc dĩ tri chính, hoài cổ đạo ư hồng mông. Hồi thị đương thời chi *Tang Bộc*, Ích tăng thóa ách nhi bi đồng. Truy tiên Vương hề cánh cánh ; khải dục thệ hề yên tòng !

Ta phù ! Thế chi Xuân thu, *Đại Nhã* vong hĩ. Bỉ liệt quốc chi danh khanh, cạnh bôn trì ư danh lợi. *Bát dật, Ung triệt*, ký manh tiếm thiết chi tâm ; *Thiều Hạ Hộ Võ*, khởi nhập tục nhân chi nhĩ ! Phân Trịnh Vệ chi thị đam ; mộ nhã nhạc hề năng kỷ ? Trác tự bát ư nhân quần ! nãi độc văn ư Quí Tử.

Thị tri : dĩ đức quan nhạc, duy hiền giả nhiên hậu năng chi ; ngoại nhạc cầu đức, bỉ tục lưu yên năng thức thử ! Liệu Qui Tử chi tâm, hận bất thân kiến ư đương niên ; nhi Qui Tử chi thán, ích thâm hữu vọng ư lai thế.

Phương kim : thời đăng thánh triết ; vận thuộc hưu minh. Công thành trị định, chế tác tư hưng. Phóng dâm oa nhi tồn nhã nhạc, hài thứ doãn nhi cách bách linh. Phượng nghi thú vũ, mã phụ quy trình. Tuy phú tái chi thịnh đức, diệc cổ kim chi tịnh xưng.

Tiểu thần hà hạnh, hoạch thân đồ ư kim nhật, khởi đán như Qui Tử, đồ niệm kỳ di thanh dã tai !

DỊCH NGHĨA :

PHÚ XEM NHẠC NHÀ CHU (1)

Xe Chu sang đông (2), lửa bá rực hồng (3). Chưa dứt lễ nhạc Văn, Võ (4) ; còn truyền dòng dõi Chu Công (5). Tuyệt thay Diên Lăng (6) giỏi nhạc, nhân dịp đi sứ xin trông. Rộn ràng đầy tai tiếng nhạc, điệu tục cười kẻ không thông.

Nghĩ lúc công đường sâu kín, quan khách ung dung. Bên bầy nhạc khí, bên bảo nhạc công. Gẩy đàn thổi sáo, gõ khánh khua chuông. Nhạc *Tam hạ* (7) cử tấu mãi, hòa ngũ âm (8) giúp tương thông. Tiếng nhạc chính để làm gốc, thêm âm phụ để hưởng đồng. Khơi nguồn khí trung hòa thời cổ, bỏ âm phong buồn bã cuối cùng. Réo rắt tiếng xưa man mác ; ngân nga vần cũ mênh mông.

Bởi vậy, thấy múa khúc *Tiêu thiều* mà biết đức Thuấn (9) hưng vong ; nghe đoạn cuối *Quan thư* thì nhớ *Chu nam* (10) giáo hóa ; nghe đoạn đầu *Hoàn, Lại* (11) liền nghĩ Mục dã chiến công. Đó là xét âm nhạc mà biết chính sự, cảm đạo đức ở thuở hồng mông. Nhìn lại thói *Tang, Bộc* (12) lúc bấy giờ, càng thêm khinh bỉ và đau lòng. Nhớ đời Tiên Vương canh cánh ; muốn theo cũng chẳng được cùng !

Than ôi ! Đời đến Xuân Thu, *Đại Nhã* (13) mất hết, Công khanh các nước, danh lợi cạnh công. *Bát dật, Ung triệt* (14), tiếm thiết sinh lòng ; *Thiều, Hạ, Hộ, Võ* (15) người tục hả mong. Nhạc dâm lắm kẻ say mê, nhạc tốt chẳng ai ham dùng. Vượt lên tất cả, chỉ có Qui Trát (16) hết lòng.

Thế mới biết : lấy đức xem nhạc, hiền giả ra công. Ngoài nhạc tìm đức, thế tục ai thông; tiếc tấm lòng Qui Tử (17), giận bấy giờ chẳng người hưởng đồng; song lời than Qui Tử, đời sau còn chỗ cậy trông.

Ngày nay : vua trên thánh triết, vận nước hanh thông. Chế độ hưng thịnh, ổn định thành công. Bỏ nhạc dâm để dùng nhã nhạc, hòa trăm họ để cảm thần thông. Phượng chào thú múa, ngựa đội rùa đằng (18). Tuy đức thịnh do trời đất, sánh cổ kim danh cũng ngang đồng.

Hạ thần may mắn, chính mình được trông thấy rõ, chẳng phải như Quí Tử, chỉ mong tiếng xưa mà thôi đâu !

TRẦN LÊ SÁNG

CHÚ THÍCH :

(1) Sách *Tả truyện* chép : năm thứ 29 đời Lỗ Tương Công, sứ thần nước Ngô là Quí Trát đi sứ nước Lỗ, thấy nước Lỗ dùng nhạc Tiên Vương nhà Chu. Nghe xong, Quí Trát có nhận xét về nhạc đó, người nước Lỗ rất phục. Đầu bài phú lấy điển tích đó.

(2) Nhà Chu lúc đầu đóng đô ở Quan Trung, từ đời Bình Vương, cơ nghiệp bắt đầu suy vi mới dời sang phía đông, đóng đô ở đất Lạc. Từ đó gọi là Đông Chu.

(3) Từ khi nhà Chu dời sang phía đông, các chư hầu tranh giành bá quyền, lửa chiến tranh bốc cao khắp nơi.

(4) Văn, Võ : chỉ Chu Văn Vương và Chu Võ Vương, hai vua có công nhiều với nhà Chu.

(5) Chu Công : tức là Cơ Đán, con Chu Văn Vương. Ông là người có công giúp nhà Chu duy trì cơ nghiệp. Câu này ý nói lễ nhạc còn truyền ở nước Lỗ là dòng dõi Chu Công.

(6) Diên Lăng : tức Quí Trát (Quí Trát quê ở Diên Lăng).

(7) *Tam hạ* : nhạc dùng để tấu khi vua ra. Nhạc *Tam hạ* có ba loại : *Tứ hạ, Thiều hạ và Nạp hạ.*

(8) *Ngũ âm* : năm âm. Thời xưa cho nhạc có năm âm : *cung, thương, giốc, chủy, vũ.*

(9) *Tiêu Thiều* : tên một khúc nhạc nổi tiếng thời vua Thuấn. Tương truyền chim phượng nghe nhạc *Thiều* thì xòe cánh múa.

(10) *Quan thư* : tên một bài thơ trong thiên *Chu nam* của *Kinh thi.*

(11) *Hoàn, Lại* : tên hai bài thơ trong thiên *Chu tụng* của *Kinh thi.*

(12) *Tang, Bộc* : tức là *Tang trung, Bộc thượng,* hai bài thơ ở thiên *Dung phong* trong *Kinh thi.* Xưa cho hai bài thơ này là hai bài thơ dâm.

(13) *Đại Nhã* : một loại thơ trong *Kinh thi,* nội dung trang trọng.

(14) Theo lễ đời Chu thì Thiên tử mới được dùng lối múa *Bát dật* và hát bài thơ *Ung* khi triệt tế. Nhưng ở đời Xuân Thu, bề tôi nước Lỗ cũng dùng những nghi lễ ấy, như vậy gọi là «tiếm thiết», nghĩa là vượt khỏi nghi lễ cho phép.

(15) Tức nhạc *Đại Thiều* là nhạc đời vua Thuấn ; nhạc *Đại Hạ* là nhạc đời vua Vũ ; nhạc *Đại Hộ* là nhạc đời vua Thang ; nhạc *Đại Võ* là nhạc đời vua Võ.

(16) Quí Trát : hiệu là Diên Lăng, người đời Xuân Thu. Ông làm quan cho nước Ngô, nổi tiếng là người giỏi nghe nhạc.

(17) Quí Tử : tức Quí Trát.

(18) Sách *Sử ký* chép : đời vua Thuấn có chim phượng đến chầu, trăm muông nhảy múa ; đời Phục Hy có long mã đội *Hà đồ* ; đời Đại Vũ có rùa đội *Lạc thư* lên dâng.

NGUYỄN PHÁP

阮法

(?)

Nguyễn Pháp sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu, sự nghiệp ra sao đều chưa rõ.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài phú chép trong *Quần hiền phú tập*.

193

勤政樓賦

維皇唐之六葉，實明皇之初年，
體勤儉之美德，躬友愛之性天。
既斥遠於女色，亦屏絕於遊畋。
禁錦繡而不寶，示樸素爲民先。
不以位爲逸樂，念王業之艱難。
宵衣旰食，任使能賢。
親臨庶政，總攬化權。
其配美於唐虞之際；
踵治功於文皇之間。
勤政名樓，蓋有由然。

想其：離宮別館，隱樓蟬联；諸王邸第，羅絡連延。
華萼嵩岑兮其右，興慶窮崇兮其偏。
華榱桂棟，芝栭藻楊；璇題刷瑤空之霧；雕棟凌晴昊之煙。豁乾坤之闔闢，通羲娥之往還；壯神京之偉望，聳宇内之觀貼。

追夫：玉漏聲殘，鷄人報曙；
雉尾斜開，雲裘進御。
清蹕一聲，千官影附。
滃天香兮馥郁；淡羽葆兮容與。
柳罩朝煙；花含宿露。
珊玉佩兮將將，纊衣冠兮楚楚。
帝乃御樓，以臨庶事。
將相百官，臺院省署。
振振鷺行，秩秩鴈字。
進言以職，奏事以次。

帝於是，達四聰明四目，聽獻可與替否。
都俞與吁咈；政有未行兮思有以發，

德有未敷兮思有以洽；
形未有當兮思有以恤；
民有未安兮思有以輯；
利有未興兮思有以施；
害有未除兮思有以革。
業業競競，萬幾一日；
惟幾惟康，無樂無逸；
仁澤周流兮旁浹庶物；
萬姓謳歌兮三陲晏帖。
宜其致開元太平之盛，
光太宗貞觀之烈也。

惜乎：鮮克有終，徒有其始。
無逸之圖，換以山川；
慾心一萌，窮奢極侈。
九齡讒而楊李進；
韓休老而姚宋死。
登連昌之望仙兮，眩玉環之珠翠，
依沈香之欄杆兮，扶海棠之睡起。
霓裳羽衣，明眸皓齒；
胡雛錦繡之遊，徧觀禁內，
寧王玉笛之聲，偷傳城市。
包藏禍心，鴆毒甘美，
如厝火於積薪，謂國家之可恃。

及乎：漁陽帥臣，鼓鼙動地，
匹馬南巡，胡塵四起。
付廟社於刼灰；訪橋名於萬里；
賴天道之好還，有灵武之聖子。
修屯戍之櫓樓；築麗譙之百雉。
候朔望之驚塵；警士卒之情弛。
萬里來歸，錦江玉壘，
御樓勞軍，加黃脫紫。
南內凄涼，已無力士。
夜雨梧桐，春風桃李。
回顧初心，赧然愧恥。

於此之時，安知明皇之心，
悔不祭斯樓之層構，
培斯樓之丕址也耶？

嗟夫：後世人君殷鑑不遠。
治亂之機，君心移轉；
勤政之基，實地須踐；
務本之意，行之黽勉，
庶有始而有終，幸斯樓之不覿。

PHIÊN ÂM :

CẦN CHÍNH LÂU PHÚ

Duy hoàng Đường chi lục diệp, thực Minh Hoàng chi sơ niên ; thể cần kiệm chi mỹ đức, cung hữu ái chi tính thiên. Ký xích viễn ư nữ sắc, diệc bình tuyệt ư du điền ; Cấm cầm tú nhi bất bửu, thị phác tố vi dân tiên. Bất dĩ vị vi dật lạc, niệm vương nghiệp chi gian nan. Tiêu y cản thực, nhậm sử năng hiền. Thân lâm thứ chính, tổng lãm hóa quyền. Kỳ phối mỹ ư Đường Ngu chi tế ; chủng trị công ư Văn hoàng chi gian. Cần Chính danh lâu, cái hữu do nhiên.

Tưởng kỳ : ly cung biệt quán, ẩn lâu thiền liên ; chư vương đề đệ, la lạc liên diên. Hoa Ngạc du tốt hề kỳ hữu ; Hưng Khánh khung sùng hề kỳ thiên. Hoa thôi quế đống, chi nhi tảo biên ; toàn đề loát giao không chi vụ ; điêu đống lăng tình hiệu chi yên. Khoát càn khôn chi hạp tịch, thông Hy nga chi vãng hoàn ; tráng thần kinh chi vĩ vọng, tủng vũ nội chi quan chiêm.

Đãi phù : ngọc lậu thanh tàn, kê nhân báo thự ; trĩ vĩ tà khai ; vân cầu tiến ngự. Thanh tất nhất thanh, thiên quan ảnh phụ. Hấp thiên hương hề phức úc ; đạm vũ bảo hề dung dữ. Liễu tráo triêu yên, hoa hợp túc lộ ; san ngọc bội hề tương tương, tần y quan hề sở sở. Đế nãi ngự lâu, dĩ lâm thứ sự. Tướng tướng bách quan, đài viện sảnh thự. Chấn chấn uyên hàng, trật trật nhạn tự. Tiến ngôn dĩ chức, tấu sự dĩ thứ.

Đế ư thị, đạt tứ thông minh tứ mục, thính hiến khả dữ thế phủ. Đô du dữ hu phất ; chính hữu vị hành hề tư hữu dĩ phát, đức hữu vị phu hề tư hữu dĩ hạp ; hình hữu vị đáng hề tư hữu dĩ tuất, dân hữu vị an hề tư hữu dĩ tập ; lợi hữu vị hưng hề tư hữu dĩ thi, hại hữu vị trừ hề tư hữu di cách. Nghiệp nghiệp căng căng, vạn cơ nhất nhật ; duy cơ duy khang, vô lạc vô dật ; nhân trạch chu lưu hề bàng thiếp thứ vật ; vạn tính âu ca hề tam thùy yến thiếp. Nghi kỳ trị khai nguyên thái bình chi thịnh ; quang Thái Tông Trinh Quán chi liệt dã !

Tích hồ : tiền khắc hữu chung, đồ hữu kỳ thủy. Vô dật chi đồ, hoán dĩ sơn xuyên ; dục tâm nhất manh, cung xa cực xỉ. Cửu Linh sàm nhi Dương Lý tiến ; Hàn Hưu lão nhi Diêu Tống tử. Đăng Liên Xương chi Vọng Tiên hề, huyễn Ngọc Hoàn chi châu thúy ; ỷ Trầm Hương chi lan can hề, phò hải đường chi thụy khỉ. Nghê thường vũ y, minh mâu hạo xỉ ; Hồ sồ cầm bằng chi du, biến quan cấm nội ; Ninh Vương ngọc dịch chi thanh, du truyền thành thị. Bao tàng họa tâm, trẫm độc cam mỹ ; như thố hỏa ư tích tân, vị quốc gia chi khả thị.

Cập hồ : Ngư dương soái thần, cổ bề động địa ; thất mã nam tuần, Hồ trần tứ khỉ. Phó miếu xã ư kiếp hỏi, phỏng kiều danh ư Vạn Lý ; lại thiên đạo chi hiếu hoàn, hữu Linh Võ chi thánh tử ; tu đồn thú chi lỗ lâu, trúc Lệ Tiêu chi bách trĩ ; hậu sóc vọng chi kinh trần, cảnh sĩ tốt chi đọa thỉ. Vạn Lý lai qui,

Cẩm Giang Ngọc Lũy; ngự lâu lạo quân, da hoàng thoát tử. Nam Nội thế lương, dĩ vô lực sĩ; dạ vũ ngô đồng, xuân phong đào lý. Hồi cố sơ tâm, noãn nhiên qui sỉ.

Ư thử chi thời, an tri Minh Hoàng chi tâm, hối bất sùng tư lâu chi tằng cấu, bồi tư lâu chi phí chỉ dã da?

Ta phù : hậu thế nhân quân, ân giám bất viễn. Trị loạn chi cơ, quân tâm di chuyển; Cần Chính chi cơ, thực địa tu tiễn; vụ bản chi ý, hành chi mãnh miễn. Thứ hữu thủy nhi hữu chung, hạnh tự lâu chi bất thiến.

ĐỊCH NGHĨA :

PHÚ LẦU CẦN CHÍNH (1)

Nhà Đường đến đời thứ sáu, vua Minh Hoàng (2) lên ngôi ; cần kiệm chăm bề đức tốt, hữu ái sẵn có tính trời. Thanh sắc lánh xa chẳng thiết, bắn săn bỏ dứt không chơi. Cấm gấm vóc không cho là qui, mặc giản đơn làm trước mọi người. Dù phú qui không màng dật lạc, nghĩ nghiệp vua khó nhọc lâu dài. Thức khuya dậy sớm, sử dụng hiền tài. Thân coi chính sự, nắm hết quyền oai. Đức Nghiêu, Thuấn (3) mong rằng sánh kịp, công vua Văn (4) cố gắng theo đòi. Lầu mới đặt tên Cần Chính, ý kia vốn có sẵn rồi.

Kìa xem : cung này quán khác, san sát liên miên ; nhà cửa vương hầu, dằng dặc nối liền. Chót vót lầu Hoa Ngạc (5) phía hữu ; chênh vênh gác Hưng Khánh (6) một bên. Rường hoa cột quế, hoành vẽ đầu thêu ; xà ngọc vút khoảng không mù tỏa, cột hoa ngất trời tạnh khói chen. Rộng lối đất trời đóng mở, thông đường nhật nguyệt xuống lên ; kinh sư tăng phần trọng vọng, thiên hạ nức lòng trông xem.

Kịp đến khi : giọt ngọc (7) tiếng im, canh gà (8) báo sáng ; quạt trĩ (9) mở nghiêng, áo cừu (10) tiến ngự (11). Một tiếng hô dẹp đường, nghìn quan theo rợp bóng. Mùi hương trời phưng phức thơm đưa ; lọng vũ bảo (12) chập chờn lấp loáng. Hoa ngậm sương đêm, liễu hồng khói sớm ; rung rỉnh ngọc bội (13) leng keng, rộn rịp xiêm bào rạng rỡ. Vua bèn lên lầu để bàn chính sự, văn võ trăm quan, đài viện sảnh thự (14). Ngay ngắn uyên hàng (15), rõ ràng nhạn tự (16), tùy chức dâng lời, tâu theo thứ tự.

Nhà vua bèn lắng tai nhìn kỹ, nghe lời nên chăng. Chuẩn y hay bãi bỏ : Chính sự chưa làm nên tính mà làm, đức hóa chưa khắp nghĩ sao cho khắp ; hình chưa hay lo việc sửa sang, dân chưa yên lo bề sắp đặt. Lợi chưa nhiều lo cách thi hành, hại chưa trừ liệu phương cải cách. Ngày ngày đêm đêm, vạn ngày như một ; phải làm phải chăm, không chơi không nhác ; dòng nhân chảy khắp,

mọi vật đượm nhuần ; muôn họ âu ca, bốn phương yên ổn. Lẽ nên đời Khai Nguyên (17) thái bình thịnh trị ; làm rạng công Trinh Quán (18) Thái Tông.

Tiếc thay : ít ai giữ trọn đến sau, chỉ được có lúc ban đầu. Tranh Vô dật thay bức núi sông (19), lòng dục sinh đến càng xa xỉ. Cửu Linh bị dèm, Dương Lý nổi lên (20), Diêu Tống đã chết, Hàn Hưu về nghỉ (21). Chơi Liên Xương lên lầu Vọng Tiên (22), nàng Ngọc Hoàn (23) khoe mầu châu thúy ; tựa lan can bên đình Trầm Hương (24), đỡ hải đường vừa khi ngủ dậy (25). Xiêm áo nghê thường (26), răng trắng mắt trong. Con Hồ bọc gấm, chơi khắp hoàng cung (27) ; sáo ngọc Ninh Vương, (28) tiếng đồn thành thị. Họa tâm đã chất chứa đầy, thuốc độc lại cho là quí, như lửa chất dưới củi khô, lại bảo nước nhà đáng cậy.

Kịp đến khi : Giặc nổi Ngư Dương, (29) trống quân vang dậy ; chiếc ngựa về nam, bụi Hồ đầy rẫy. Miếu xã phó mặc tro tàn, đường Thục thăm cầu Vạn Lý (30) ; may nhờ đạo tốt đất trời, lại được con tài Linh Võ (31), việc quân gia sửa lại gác chòi, lầu Lệ Tiêu xây cao trăm trĩ (32) ; tháng ngày chờ đón tin Kinh, răn đe biếng lười quân sĩ. Muôn dặm xa về, Cẩm Giang, Ngọc Lũy (33), lầu ngự khao quân, mặc vàng cởi tía (34). Nam Nội (35) lạnh lùng, không còn lực sĩ ; mưa đêm ngô đồng, gió xuân đào lý (36). Nhắc lại chuyện xưa, thẹn thùng nhục nhã.

Lúc bấy giờ, sao biết được lòng Minh Hoàng, hối không xây cho tầng của lầu này cao, đắp cho nền của lầu này vững chãi hay sao ?

Than ôi ! Các vua đời sau, gương lớn chẳng xa (37). Trị loạn cơ trời, lòng vua dời chuyển ; Cần Chính nền kia, phải lo chiêm nghiệm ; chăm gốc ý kia, phải lo thực hiện. Mọi việc có trước lại có sau, may tiếng lầu kia khỏi thẹn.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

CHÚ THÍCH :

(1) *Lầu Cần Chính* : một lầu ở đời nhà Đường, Trung Quốc.

(2) *Minh Hoàng* : tức Đường Huyền Tông 唐玄宗 (722-790), vua thứ sáu của nhà Đường.

(3) *Nghiêu, Thuấn* : tức Đường Nghiêu 唐堯 và Ngu Thuấn 舜, hai ông vua thời cổ đại ở Trung Quốc, được ca ngợi là hiền từ.

(4) *Vua Văn (Văn Hoàng)* : tức Đường Thái Tông 唐太宗, con thứ của Đường Cao Tổ 唐高祖.

(5) *Hoa Ngạc* : tên một cái lầu, dựng cùng thời với lầu Cần Chính đời Đường Minh Hoàng.

(6) *Hưng Khánh* : còn gọi là Nam Nội, tên một cung điện xây dựng đời Đường Minh Hoàng. Các lầu Cần Chính, Hoa Ngạc đều nằm trong phạm vi cung điện này.

(7) *Giọt ngọc* (ngọc lậu) : giọt đồng hồ. Ngày xưa người ta đổ nước hay cát vào một cái phễu, ở dưới có lỗ nhỏ, giữa phễu có cắm cái cọc ghi thời khắc. Nước hay cát theo lỗ chảy xuống, thời khắc ghi trên cột lộ dần ra, người ta căn cứ vào đó mà tính thời gian.

(8) *Canh gà* : Nguyên văn là *Kê nhân*, tức người coi việc đánh thức các quan vào lúc gần sáng trong những ngày tế lễ.

(9) *Quạt trĩ* : quạt làm bằng lông đuôi chim trĩ.

(10) *Áo cừu* : Nguyên văn là *vân cầu*, tên một thứ áo quí.

(11) *Tiến ngự* : dâng lên vua.

(12) *Lọng vũ bảo* : một thứ lọng quí, dùng lông chim nhiều mầu kết thành.

(13) *Ngọc bội* : ngọc mang trên người.

(14) *Đài, viện, sảnh, thự* : các cơ quan của triều đình phong kiến. Ví dụ : Ngự sử đài, Đô sát viện, Môn hạ sảnh, Ngọc đường thự, v,v...

(15) *Uyên hàng* : xếp thành hàng như loài chim uyên lúc bay.

(16) *Nhạn tự* : có tầng lớp như loài chim nhạn lúc bay xếp thành chữ.

(17) *Khai Nguyên* : niên hiệu đầu của Đường Minh Hoàng.

(18) *Trinh Quán* : niên hiệu của Đường Thái Tông.

(19) Đường Minh Hoàng lúc mới lên ngôi, có Tể tướng là Tống Cảnh 宋景 dâng bức tranh *Vô dật*, lấy ý Chu Công 周公 trong *Kinh thư* để khuyên Minh Hoàng. Sau bức tranh đó nhạt mầu đi, Minh Hoàng cho thay vào bằng tranh núi sông.

(20) *Cửu Linh* : tức Trương Cửu Linh 張九齡 Tể tướng có tài đời Đường Minh Hoàng. *Dương Lý* : tức Dương Quốc Trung 楊國忠 và Lý Lâm Phủ 李林甫 , hai tên gian thần thời bấy giờ. Trương Cửu Linh bị hai tên này dèm pha mà phải bỏ quan về nhà.

(21) *Diêu* : tức là Diêu Sùng 姚崇 ; Tống : tức Tống Cảnh 宋景 . Diêu Sùng, Tống Cảnh và Hàn Hưu là ba tướng giỏi của nhà Đường lúc bấy giờ.

(22) *Lầu Vọng Tiên* : ở cung Liên Xương, thuộc huyện Nghi Dương tỉnh Hà Nam. Cung Liên Xương do Đường Thái Tông xây dựng.

(23) *Nàng Ngọc Hoàn* : tức nàng Dương Quí Phi, thiếp yêu của Minh Hoàng.

(24) *Đình Trầm Hương* : nằm trong phạm vi cung Hưng Khánh 興慶 .

(25) *Tùy Đường diễn nghĩa* 隋唐演義 có chép rằng : một hôm Minh Hoàng cho truyền gọi Dương Quí Phi, nàng ngủ chưa dậy, Minh Hoàng nói : «Hoa hải đường ngủ chưa đủ hay sao ?»

(26) *Xiêm áo Nghê thường* : Đời Đường Minh Hoàng có điệu vũ Nghê thường. Lúc múa, vũ nữ mặc xiêm áo rất đẹp.

(27) Dương Quí Phi nhận người rợ Hồ là An Lộc Sơn 安祿山 làm con nuôi, nhân ngày sinh nhật của An, Dương bảo cung nhân làm cái túi gấm lớn bọc lấy y rồi để trong xe đẩy đi khắp cung, gọi là lễ «tẩy nhi» (tắm trẻ). Trong câu này tác giả mượn ý từ điển tích đó.

(28) Dương Quí Phi một hôm thổi trộm sáo của em Minh Hoàng là Ninh Vương, Minh Hoàng có ý ghen. Việc này đồn đi khắp nơi.

(29) Tức huyện Ngư Dương, thuộc tỉnh Hà Bắc. An Lộc Sơn khởi loạn ở địa phương này.

(30) *Cầu Vạn Lý* : ở gần Thành Đô, đất Thục. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, Minh Hoàng chạy vào đất Thục và đi qua cầu này.

(31) *Linh Võ* : một huyện thuộc tỉnh Thiểm Tây. Khi Minh Hoàng chạy vào đất Thục, nhân dân giữ Thái tử ở lại Linh Võ và tôn lên làm vua, tức là Túc Tông 肅宗 sau này.

(32) *Lệ Tiêu* : loại lầu vừa đẹp vừa cao. Trĩ : một đơn vị để đo, dài ba trượng và cao một trượng (mỗi trượng dài gần 3m bây giờ).

(33) *Cẩm Giàng, Ngọc Lũy* : tên một con sông và một dẫy núi ở đất Thục. Minh Hoàng lánh nạn An Lộc Sơn ở vùng này.

(34) Minh Hoàng khi ở đất Thục về Trường An, Túc Tông thay áo vàng mặc áo tía ra lạy chào, ngụ ý mình không dám làm vua, nhưng Minh Hoàng nài Trúc Tông phải mặc áo vàng.

(35) *Nam Nội* : tức cung Hưng Khánh. Khi Đường Minh Hoàng trở về Trường An, công thần của Túc Tông là Lý Phụ Quốc 李輔國 bắt ép Minh Hoàng vào cung Nam Nội, đồng thời bắt đầy người thân cận của ông là lực sĩ họ Cao đi nơi khác.

(36) Bạch Cư Dị 白居易 trong bài *Trường hận ca* 長恨歌 tả cảnh buồn của Minh Hoàng lúc ở cung Nam Nội, có câu :

春風桃李花開日
秋雨梧桐葉落時

Xuân phong đào lý hoa khai nhật,
Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì.

Gió xuân là ngày đào lý nở hoa,
Mưa thu là lúc ngô đồng rụng lá.

Ở đây tác giả lấy ý từ hai câu thơ này.

(37) Câu này cũng có người hiểu chữ Ân là nhà Ân và dịch là : Than ôi ! các vua đời sau, gương nhà Ân chẳng xa,..

KHUYẾT DANH

194

湯盤賦

猗歟成湯，睿哲溫良。仁風馭沓兮九有；義武顯赫兮四方。乃伏大順，革夏爲商。參天地以立極；正萬國之紀綱。掃氛埃於絕域；陶元氣於遐荒。然猶慚台德之未一；恐大道之靡常。乃懋昭其大德，思與日而齊光。爰作盤以日浴，庶澡雪而昭彰。

是盤也：形模堅朴，器量恢洪。圓規象日，受夫含空。湛湛乎波光之蕩漾；淵淵乎水色之玲瓏。滓廉泉而塵太澤，奴承露而稚金銅。此吾知其非徒事於洗滌，而必垂訓於無窮者也。

蓋日者君之象；盤者月之形。雖圓魄不易其舊體；而靈曜常覩其新明。念聖人之體道，固於斯而有得。原降衷之恆性，若日月之赫奕。恐私慾之一萌，如雲霧之四塞。累至性之虛明；失本心之洞徹。乃作銘於斯盤；寓至誠于不息。既澡雪其昏埃；又克明於俊德。于以存省察之功；于以極涵養之力。于以昭濯濯之靈；于以著煌煌之寔。于以標至善於斯民；于以洗舊污於萬國。于以釋前日之慚心；于以垂後王之丕則。此其功用可以配於乾坤；性情可以同於日月；豈止疏瀹其皮膚；而望一身之蠲潔也哉。

想其：長沐則休祥長發；日浴則聖敬日躋。凜凜乎若臨淵之恐墜；冷冷乎若啓沃之已垂。既湔祓於桑林之禱雨；又齋肅於莘野之幣儀。握髮未晞，思施澤於百性；澡身而淨，昭濬潔於九圍。盤一用而銘一規，心愈瑩而德愈輝。

暨夫，克寬克仁，彰信兆民。百祿是總，爲天下君。体乾坤之覆載，與萬物而爲春。允德叶下，萬邦維新。無弊可除，政事日醇。物態以之而融洩，民風以之而真醇。亦莫不由於斯盤，以成和氣之氤氳者也。

嗟夫！道不自見，以器而見；器不自壽，以銘而壽。岐陽之鼓十，大禹之鼎九，彼至寶之尚湮，況銘盤而不朽。苟日新之無聞，信於爾乎何有。此予生之長勤，企前修而已後。聊作歌以自勵，願持誠於永久。

歌曰：

湯盤兮赫曦，象日兮圓規。群生兮潤澤，聖敬兮日躋。盤銘兮九字，千古兮不隳。人欲兮淨盡，聖德兮光輝。嗟予生兮日誦，庶予學兮緝熙。期萬字兮玉燭，仰吾道兮重熙。

PHIÊN ÂM :

THANG BÀN PHÚ

Y dư Thành Thang, tuấn triết ôn lương. Nhân phong táp đạp hề cửu hữu ; nghĩa võ hiền hách hề tứ phương. Nãi trượng đại thuận, cách Hạ vi Thương. Tham thiên địa dĩ lập cực ; chính vạn quốc chi kỷ cương. Tảo phân ai ư tuyệt vực ; đào nguyên khí ư hà hoang. Nhiên do tàm di đức chi vị nhất ; khủng đại đạo chi mị thường. Nãi mậu chiêu kỳ đại đức, tư dư nhật nhi tề quang. Viên tác bàn dĩ nhật dục, thứ tảo tuyết nhi chiêu chương.

Thị bàn dã : hình mô kiên phác, khí lượng khôi hồng. Viên quy tượng nhật ; thụ phù hàm không. Trạm trạm hồ ba quang chi đãng dạng ; uyên uyên

hồ thủy sắc chi linh lung. Trỉ Liêm Tuyền nhi trần Thái Trạch ; nô Thừa Lộ nhi trĩ Kim Đồng. Thử ngô tri kỳ phi đồ sự ư tẩy địch, nhi tất thùy huấn ư vô cùng giả dã.

Cái nhật giả, quân chi tượng ; bàn giả, nguyệt chi hình. Tuy viên phách bất dịch kỳ cựu thể ; nhi linh diệu thường đỗ kỳ tân minh. Niệm thánh nhân chi thể đạo, cố ư tư nhi hữu đắc. Nguyên giáng trung chi hằng tính, nhược nhật nguyệt chi hách dịch. Khủng tư dục chi nhất manh, như vân vụ chi tứ tắc. Lụy chi tinh chi hư minh ; thất bản tâm chi động triệt. Nãi tác minh ư tư bàn ; ngụ chi thành vu bất tức. Ký tảo tuyết kỳ hôn ai ; hựu khắc minh ư tuấn đức. Vu dĩ tồn tỉnh sát chi công ; vu dĩ cực hàm dưỡng chi lực. Vu dĩ chiêu trạc trạc chi linh ; vu dĩ trứ hoàng hoàng chi thực. Vu dĩ tiêu chi thiện ư tư dân ; vu dĩ tẩy cực ô chi vạn quốc. Vu dĩ thích tiền nhật chi tàm tâm, vu dĩ thùy hậu vương chi phi tắc. Thử kỳ công dụng khả dĩ phối ư càn khôn ; tính tình khả dĩ đồng ư nhật nguyệt ; khởi chỉ sơ dược kỳ bì phu, nhi vọng nhất thân chi quyên khiết dã tai.

Tưởng kỳ : trường mộc tắc hưu tường trường phát ; nhật dục tắc thánh kinh nhật tệ. Lẫm lẫm hồ nhược lâm uyên chi khủng trụy ; lẫnh lẫnh hồ nhược khải ốc chi dĩ thùy. Ký tiễn phất ư Tang Lâm chi đảo vũ ; hựu trai túc ư Sẩn Dã chi tệ nghi. Ác phát vị hy, tư thi trạch ư bách tính ; Tảo thân nhi tịnh, chiêu tuẫn khiết ư cửu vi. Bàn nhất dụng nhi minh nhất quy, tâm dũ huỳnh nhi đức dũ huy.

Ký phù, khắc khoan khắc nhân, chương tin triệu dân. Bách lộc thị tổng, vi thiên hạ quân. Thể càn khôn chi phú tái, dữ vạn vật nhi vi xuân. Doãn đức hiệp hạ, vạn bang duy tân. Vô tệ khả trừ, chính sự nhật thuần. Vật thái dĩ chi nhi dung tiết, dân phong dĩ chi chân thuần. Diệc mạc bất đo ư tư bàn, dĩ thành hòa khí chi nhân uẩn giả dã !

Ta phù ! đạo bất tự hiện, dĩ khí nhi hiện ; khí bất tự thọ, dĩ minh nhi thọ. Kỳ Đương chi cổ thập, Đại Vũ chi đỉnh cửu, bỉ chi bảo chi thượng nhân, huống minh bàn nhi bất hủ. Cẩu nhật tân chi vô văn, tín ư nhĩ hồ hà hữu. Thử dư sinh chi trường cần, xí tiền tu nhi kỷ hậu. Liêu tác ca dĩ tự lệ, nguyện trì thành ư vĩnh cửu.

Ca viết :

Thang bàn hề hách hi, tượng nhật hề viện quy,
Quần sinh hề nhuận trạch, thánh kinh hề nhật tế.
Bàn minh hề cửu tự, thiên cổ hề bất huy.
Nhân dục hề tịnh tận, thánh đức hề quang huy.
Ta dư sinh hề nhật tụng, thử dư học hề thấp hy.
Kỳ vạn vũ hề ngọc chúc, ngưỡng ngô đạo hề trùng hy.

DỊCH NGHĨA :

PHÚ CÁI CHẬU CỦA VUA THANG (1)

Đẹp thay Thành Thang , sáng suốt ôn lương. Gió nhân chan hòa chín cõi ; dấu nghĩa huy hoàng bốn phương. Nhân lòng người thuận, đổi Hạ làm Thương (2). Giúp trời đất để dựng ngôi hoàng cực ; vì muôn bang nên sửa lại kỷ cương. Quét bụi độc ở nơi xa thẳm ; nhào nguyên khí ở chốn hoang lương. Song còn thẹn đức cao chưa khắp ; lại lo đạo cả không thường. Bèn gắng sáng tỏ đức lớn ; lo cùng vầng nhật sánh ngang. Nên làm chậu ngày ngày tắm gội ; ngõ hầu cho tinh khiết rỡ ràng.

Cái chậu này : Dáng hình bền chắc, sức chứa khôn lường ; tròn như vầng nhật, chứa cả hư không. Thăm thẳm tựa sóng xô bờ ông ánh ; dạt dào như nước chảy sắc long lanh. Cho Thái Trạch với Liêm Tuyền (3) đều vẩn đục ; xem Kim Đồng cùng Thừa Lộ (4) thảy tôi đòi. Điều đó làm ta biết chậu này chẳng phải chỉ dùng tắm gội, mà ắt để lưu lại lời dạy mãi đến vô cùng vậy.

Bởi lẽ : Mặt trời là biểu tượng của nhà vua ; chiếc chậu là tượng hình cho mặt nguyệt. Tuy dáng tròn vẫn không đổi thể xưa ; mà ánh sáng vẫn thấy luôn đổi mới. Chắc thánh nhân khi thể nghiệm đạo trời, sẽ nhận ở chậu này nhiều tâm đắc. Nguyên tính thường của trời ban xuống ; cũng sáng lòa như vầng nhật nguyệt kia. Sợ khi tư dục nảy mầm, lòng người bị mây mù lấp lú. Làm lụy đến đức sáng trong của lòng hiếu đễ ; làm mất đi sự trong sáng của lòng thiện ác. Bèn khắc bài minh ở chậu này, ngụ tấm lòng thành nơi bất diệt. Đã rửa sạch được bụi nhơ, lại sáng ngời được đức lớn. Để giữ mãi công tự xét mình, làm cho tột cùng cái sức hàm dưỡng. Để tâm linh trong trắng rỡ ràng ; để thực tính rạng ngời tươi tốt. Để nêu gương chí thiện với dân này ; để rửa cái nhơ xưa cho muôn nước. Để xóa nhòa mọi hồ thẹn ngày xưa ; để lưu lại phép lớn lao cho vua nối. Như vậy công dụng ấy có thể sánh với đất trời ; tính tình ấy có thể sánh cùng nhật nguyệt. Há phải chỉ là tắm rửa ngoài da, mong tấm thân mình sạch sẽ mà thôi ?

Nghĩ rằng : Tắm mãi thì điềm lành sinh mãi ; gội luôn thì thánh kính càng cao. Rờn rợn như bên vực sâu thường sợ rớt ; mát mẻ như công dội tưới đã ngấm vào (5). Đã tắm gội khi Tang Lâm đảo vũ (6) ; lại chay thành nơi Sằn Dã lễ trao (6). Vắt tóc chưa khô, nghĩ ra ơn cùng trăm họ ; rửa mình cho sạch, ngời đức tốt với chín châu. Chậu càng dùng lời minh càng vẹn ; lòng càng sáng đức lại càng cao.

Đến khi : Càng khoan càng nhân, đức ngời muôn dân. Thâu tóm trăm lộc, làm đấng nhân quân. Nhờ chở che của trời đất, cùng muôn vật trở thành xuân. Đức lành hòa hiệp, muôn nước duy tân. Chẳng còn tệ gì mà bỏ ; chính sự ngày càng thêm thuần. Vật thái vì thế mà trong trẻo ; dân phòng vì vậy lại càng thuần. Thế chẳng cũng là không có cái gì không do chậu này mà trở thành hòa khí nghi ngút đó ư ?

Than ôi! Đạo không tự hiện, nhờ vật mà hiện. Chậu không còn mãi, nhờ minh mà còn. Mười trống đá ở Kỳ Dương (7), chín vạc của vua Đại Vũ (8), đều là những vật rất quý mà còn bị tiêu ma, huống cái chậu có bài minh này sao không nát được? Nếu hai chữ «Nhật tân» (9) không có thì chiếc chậu kia có đáng nói gì. Như ta nay chăm chỉ không ngừng, mà theo gót người xưa còn chẳng kịp. Nên tác ca để khích lệ mình, nguyện giữ một chữ «thành» mãi mãi.

Ca rằng :

Chậu vua Thang rực rỡ,
Khác chi mặt trời tròn.
Muôn dân nhuần ân trạch,
Thánh kinh ngày cao hơn.
Chín chữ trên bài minh,
Dù muôn đời không nát.
Nhân dục sạch làu làu,
Thánh đức càng thêm sáng.
Ta hàng ngày tâm niệm,
Đạo học vốn dài lâu?
Đuốc ngọc soi rộng khắp,
Đạo ta thịnh đời đời.

ĐỖ VĂN HỶ, ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐÍNH :

Bài này chép ở QHPT

CHÚ THÍCH :

(1) Cái chậu của vua Thang : Vua Thang là người sáng lập ra nhà Thương. Sách *Đại học* 大學 chép : vua Thang cho khắc vào chậu lời minh rằng : 苟日新，日日新，又日新 Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân : *Nếu ngày ngày đổi mới, thì ngày ngày sẽ mới thêm, ngày ngày lại mới thêm mãi.* Bài phú này viết về cái chậu ấy.

(2) *Đổi Hạ làm Thương* : Vua Thành Thang giết vua Kiệt nhà Hạ, đặt quốc hiệu là Thương, ở ngôi 30 năm.

(3) *Thái Trạch, Liêm Tuyền* : Thái Trạch tức Thái Hồ, tên một hồ lớn nằm trên hai tỉnh Chiết Giang và Giang Tô (tức Ngô và Việt ngày xưa). Liêm Tuyền là tên một con suối ở Lương Châu, Trung Quốc.

(4) *Kim Đồng, Thừa Lộ* : Theo sách *Tam phụ cố sự* 三輔故事, Hán Vũ Đế 漢武帝 làm cột đồng và mâm thừa lộ (Hứng hạt móc) để luyện thuốc trường sinh.

(5) *Thư kinh* 書經 có câu : 啓乃心沃朕心 Khải nãi tâm ốc trẫm tâm : *Mở lòng người tưới vào lòng ta.* Ý nói nên đem lời phải chăng trình bày với vua. Câu này lấy ý ở đó.

(6) Theo *Bắc sử* 北史, trời đại hạn bảy năm, vua Thang trai giới, tự làm vật hy sinh, cầu mưa ở đồng Tang Lâm. Cũng theo *Bắc sử*, Y Doãn đang cày ruộng ở cánh đồng Hữu Sằn, vua Thang sai người đến đón về làm tướng.

(7) QHPT chú 岐陽石鼓十，或以爲文王鼓，或以爲宣王鼓，後在孔子廟中。 Kỳ Dương thạch cổ thập, hoặc dĩ vi Văn Vương cổ, hoặc dĩ vi Tuyên Vương cổ. Hậu tại Khổng Tử miếu trung : *Ở Kỳ Dương có 10 trống đá. Có người cho là trống của vua Văn Vương. Có người lại cho là trống của Tuyên Vương. Sau này để ở miếu Khổng Tử.*

(8) Theo *Bắc sử*, vua Vũ thu nhặt đồng tốt trong thiên hạ đúc thành chín cái vạc, tượng trưng cho chín châu.

(9) Xem chú thích (1) nói về hai chữ 日新 *nhật tân.*

KHUYẾT DANH

195

董狐筆賦

約極以爲繩結爰質。璞之醇神兮，原天道而建法兮。
大軒之聖載籍。立史官以持日。
隱文於繼統兮，功有光於前日。
偉羲斯文以暴虐。文武穆以懿恭兮，
惟堯舜以興隆兮，此以昏而喪國。誰
紀述。追桀紂縱德而兇遷兮，王弑
夫利用兮，以昭昭於史册？嗟姬轍之東遷兮，臣弑
知以典則。彼具滿於宇內兮，人禽獸而相食。
未知書君臣之祇敬兮，倫從而泯息。確董狐之特立兮，
文之詎以儼昏而戕賊。干戈彝叢而匪躬兮，盡忠誠於史職。
人固書而直書兮，常蹇而於胸臆。氣非善之可稱兮，
緊契而弗植。定鑑衡以大得失。無毫釐之敢忒。明
人以式。執筆直當時之褒貶嚴於賞罰兮，議論斷
之是非兮，正
於斧鑕。

熊羆之殺宰夫之諫而彌嗔兮，
胝而復泣兮，
宣子以嗟嘆兮。
民。復設酒以紛紛。
生晉國亂以
於己兮，
斂而不已兮，
厚而兇。
務
民。
道兮，
無
公之
靈
概
兮，
從
乃
，
奚
穿
臺
命
躋
襲
上
麑
階
殺
以
而
於
彈
擊
追
桃
人
殺兮，
園
。
日
麑觸槐而走兮，
宣子懼而亡
聞。
盾
聞之

迹似邇於殺君。亡不越境以絶分兮，歸不討賊以酬恩。伊！去就並失義兮，固難逃其責云。

偉太史之筆法兮，揭君臣之大義。書有罪以示朝兮，不手殺而曰殺。捨操戈而誅同室兮，原正卿之有意。名夷皋以顯惡兮，示君德之靡懿。一落筆而兩罪彰兮，得春秋之微旨。方含毫而濡墨兮，鬼神驚而影避。排重門而啓牘兮，書大惡而不諱。扶王綱於既壞兮，振王法於已墜。凛勁氣於鋩端兮，垂深戒於後世。于以閑小人之邪心兮，于以警後王之肆志。于以謹履霜之漸兮，于以防堅冰之至。亂臣聞之而褫魄兮，賊子見之而喪氣。顧史佚之前聞兮，視董狐而有愧。

懿仲尼之法天兮，患前史之倒置。因舊文而筆削兮，斷忠邪之誠僞。謂狐筆之爲真兮，故不竄於一字。使千載之逆亂兮，尚聞風而惴惴。自非胸中明鏡，筆下春秋兮，曷能至是。宜乎左氏書之，爲古良史兮，歷千載而不泯其義。

嗟予生之戇直兮，仰前聖而自企。拊麟經而增欷兮，紉中正以自佩。伊欲紙青天而筆太華兮，庶乎書聖朝之祥瑞而已。

PHIÊN ÂM :

ĐỒNG HỒ BÚT PHÚ

Ê nhân văn chi vị tuyên hề, ẩn thái phác chi thuần chất. Viện kết thằng dĩ vi ước hề ; cố vị tri phù kỹ thuật. Vĩ Hy. Hiên chi thánh thần hề ; nguyên thiên đạo nhi kiến cực. Tạo thư khế dĩ lợi dụng hề ; hiệp tư văn ư tải tịch. Lập sử quan dĩ trì pháp hề ; chính quân thần chi điền tắc. Đãi Nghiêu, Thuấn chi kế thống hề ; công hữu quang ư tiền nhật. Vũ, Thang nghiễm dĩ chỉ kinh hề ; Kiệt, Trụ tùng dĩ bạo ngược. Văn, Vũ mục dĩ ý cung hề, U, Lệ hôn nhi tương tặc. Bỉ dĩ đức nhi hưng long hề, thử dĩ hôn nhi táng quốc. Thùy bỉnh bút nhi trực thư hề, cụ chiêu chiêu ư sử sách ? Ta ! Cơ triệt chi đông thiên hề, vương cương đồi nhi phất thực. Can qua mãn ư vũ nội hề, nhân cầm thú nhi tương thực. Thần thi quân nhi tử thi phụ hề, di luân tòng nhi dẫn tức. Xác Đồng Hồ chi đặc lập hề, tư cổ nhân chi thị thức. Thường kiền kiền nhi phỉ cung hề, tận trung thành ư sử chức. Khu lôi đình dĩ phấn uy hề, định giám hành ư hung ức. Thục phi thiện chi khả xưng hề, thục phi ác nhi khả truất. Chấp bút trực

dĩ đại thư hề, vô hào ly chi cảm thắc. Minh vạn cổ chi thị phi hề, chính đương thời chi đắc thất. Bao biếm nghiêm ư thưởng phạt hề, nghị luận đoạn ư phủ chất.

Khải Linh Công chi vô đạo hề, vụ hậu liễm ư sinh dân. Sát tề phu chi nhi hùng hề, tòng đài thượng dĩ đạn nhân. Nhật khang ngu nhi bất dĩ hề, Tuyên Tử gián nhi di sân. Nãi mệnh Nghê dĩ kích sát hề. Nghê xúc hòe nhi tẽ. Phục thiết tửu dĩ thốc ngao hề, ngao trước giai nhi truy phệ. Tuyên Tử cụ nhi vong tẩu hề, Tấn quốc loạn dĩ phân phân. Xuyên tập sát ư đào viên hề, nại thần tử chi nhẫn văn. Thuẫn văn chi nhi phục khấp hề, tích tự nhĩ ư sát quân. Vong bất việt cảnh dĩ tuyệt phận hề, quy bất thảo tặc dĩ thù ân. Y ! Khứ, tựu tịnh thất nghĩa hề, cố nan đào kỳ trách vân.

Vĩ Thái sử chi bút pháp hề, yết quân thần chi đại nghĩa. Thư hữu tội dĩ thị triều hề, bất thủ sát nhi viết sát. Xá thao qua nhi tru đồng thất hề, nguyên Chính Khanh chi hữu ý. Danh Di Cao dĩ hiền ác hề, thị quân đức chi my ý. Nhất lạc bút nhi lưỡng tội chương hề, đắc *Xuân thu* chi vi chỉ. Phương hàm hào nhi nhu mặc hề, quỷ thần kinh nhi ảnh tị. Bài trùng môn nhi khải độc hề, thư đại ác nhi bất húy. Phù vương cương ư ký hoại hề, chấn vương pháp ư dĩ trụy. Lẫm kích khí ư mang đoan hề, thùy thảm giới ư hậu thế. Vu dĩ bế tiểu nhân chi tà tâm hề, vu dĩ cảnh hậu vương chi tứ chí. Vu dĩ cẩn lý sương chi tiệm hề, vu dĩ phòng kiên băng chi chí. Loạn thân văn chi nhi trị phách hề, tặc tử kiến chi nhi tảng khí. Cố sử dật chi tiền văn hề, thị Đồng Hồ nhi hữu quy. Ý Trọng Ni chi pháp thiên hề, hoạn tiền sử chi đảo trí. Nhân cựu văn nhi bút tước hề, đoán trung tà chi thành ngụy. Vị Hồ bút chi vi chân hề, cố bất soán ư nhất tự. Sử thiên tải chi nghịch loạn hề, thượng văn phong nhi xuyền xuyền. Tự phi hung trung minh kính, bút hạ *Xuân thu* hề, hạt năng chí thị. Nghi hồ Tả thị thư chi, vi cổ lương sử hề, lịch thiên tải nhi bất dẫn kỳ nghĩa.

Ta dư sinh chi trướng trực hề, ngưỡng tiền thánh nhi tự xỉ. Phủ Lân kinh nhi tăng hy hề, nhẫn trung chính dĩ tự bội. Y dục chỉ thanh thiên nhi bút Thái hoa hề, thứ hồ thư thánh triều chi tường thụy nhi dĩ.

DỊCH NGHĨA :

PHÚ VỀ NGỌN BÚT CỦA ĐỒNG HỒ (1)

Khi nhân văn chưa hiện ra thì như thuần chất còn ẩn trong hòn ngọc thái phác (2). Chỉ thắt nút dây để làm ước hẹn (3), vì hồi bấy giờ chưa biết chép ghi. Lớn lao thay vị thần thánh Hy Hiên (4), căn cứ vào đạo trời mà lập ra đạo «đại trung» (5) để dạy dân. Đặt ra văn tự để tiện dùng, lấy chữ nghĩa để mà ghi chép. Lập ra sử quan để giữ gìn phép tắc, làm ngay ngắn mối quan hệ giữa vua tôi. Đến khi Nghiêu Thuấn (6) nối ngôi, công nghiệp lại rỡ ràng hơn thuở trước. Vũ Thang (7) khép mình nên cung kính, Kiệt Trụ (8) buông lỏng nên bạo tàn. Văn Vũ (9) hòa mục mà khiêm cung, U Lệ (10) hôn mê mà tàn bạo... Người lấy

đức để dấy nền thịnh trị, kẻ tối tăm nên làm mất nước nhà. Ai cầm bút ghi chép thẳng thắn mà được nêu đầy đủ rõ ràng nơi sử sách? Ôi! Từ khi bánh xe họ Cơ dời sang phía đông (11); kỷ cương của nhà vua suy đồi không dựng lại được. Giáo mác ngổn ngang bờ cõi; người hóa ra cầm thú ăn thịt lẫn nhau. Tôi giết vua, con lại giết cha; luân thường theo đó mà mai một. Đúng Đồng Hồ là người kiệt xuất, lo giữ gìn khuôn mẫu người xưa. Thường khó nhọc quên cả thân mình, hết lòng thành để viết sử. Cầm cân nảy mực trong tâm tư, dồn sấm sét ra uy nơi ngọn bút. Khen điều gì không ngoài cái ác. Cầm bút chép một cách thẳng thắn, dù mảy may chẳng dám đơn sai. Làm sáng tỏ đúng sai muôn thuở, vạch rõ ra sự được mất đương thời. Khen chê thì nghiêm khắc ở điều thưởng phạt, nghị luận thì dứt khoát như lưỡi búa rìu.

Căm giận thay Linh Công vô đạo, chỉ chuyên nghề bòn rút sinh dân. Giết kẻ ninh chân gấu chẳng nhừ (12); từ đài cao bắn người vô tội (13). Vui thỏa thích hàng ngày không nghỉ, Tuyên Tử (14) can y càng nổi giận. Sai Sư Nghê giết Triệu Thuẫn đi; Nghê đâm đầu vào gốc hòe tự tận (15). Bầy tiệc rượu suyt chó ngao ra; ngao vượt thềm đuổi cắn (16). Tuyên Tử sợ chạy ra ngoài cõi, nước Tấn từ đó loạn bời bời. Đến vườn đào, Triệu Xuyên giết [Linh Công] (17); đạo thần tử nỡ nào nghe việc ấy. Thuẫn nghe xong nước mắt đầm đìa; nhưng hình tích gần như kẻ giết vua là Thuẫn vậy (18). Vì đã chạy trốn sao không ra khỏi bờ cõi để dứt khỏi chức phận; đã trở về sao không trừ loạn tặc để trả ơn vua (19). Ôi! Đi hay về đều là thất nghĩa, cho nên khó tránh được trách nhiệm của mình vậy.

Lớn lao thay bút pháp của Thái sử (20), nêu lên nghĩa lớn của vua tôi. Chép tội giết vua để răn bảo triều đình, không tự tay giết mà xem như đã giết. Tha kẻ cầm giáo mà trách kẻ cùng nhà (21), vì thực ra Chính Khanh có ý (22). Nêu tên Di Cao (23) để làm sáng tỏ điều ác, cho mọi người thấy đức của nhà vua không tốt. Bút vừa hạ, hai tội đã rõ ràng; quả phù hợp với ý nghĩa sâu xa của kinh *Xuân thu*. Khi ngọn bút vừa dầm xuống mực; quỷ thần kinh mà lánh bóng xa. Đẩy mấy lần cửa mà mở then ván ra; ghi tội lớn chẳng hề kiêng nể. Cứu kỷ cương vương đạo đã suy đồi, dựng lại phép tắc nhà vua đã nghiêng đổ. Dồn sức mạnh lên đầu ngọn bút, rủ lời răn sâu đến đời sau. Lấy đó mà ngăn lòng tà của bọn tiểu nhân; đe cuồng chí của vua nối nghiệp. Lấy đó mà thận trọng khi vừa dẫm sương mai (24), lo trước lớp băng dày sẽ tới (25). Loạn thần nghe vậy thấy hồn bay; tặc tử nhìn vào e táng khí. Ngẫm Sử Dật (26) trước thường nghe tiếng, so Đồng Hồ sao khỏi thẹn thùng. Đẹp đẽ thay Khổng Tử dựa theo trời; lo sử trước chép lời điên đảo. Theo văn cũ mà sửa sang chép lại, chia gian ngay phải trái tỏ tường. Cho rằng bút Đồng Hồ là thực, nên một lời cũng chẳng chép sai. Khiến bọn nghịch loạn hàng ngàn năm nữa, nghe tiếng tăm vẫn phải e dè. Nếu chẳng phải là gương sáng ở trong lòng, *Xuân thu* bút lực (27) sao có thể làm như vậy được?! Thật đáng cho họ Tả (28) chép vào làm bộ sử tốt của đời xưa, trải ngàn năm vẫn còn nguyên ý nghĩa.

Ôi! Thân ta cương trực, ngước theo tiên thánh gượng theo đòi. Vỗ *Lân kinh* (29) mà than thở, đem điều trung chính xe lại mà đeo. Muốn lấy trời xanh

làm giấy, núi Thái Hoa (30) làm bút, ngõ hầu ghi chép điềm lành của thánh triều mà thôi.

ĐỖ VĂN HỶ, ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐÍNH :

Bài này có chép ở Q H P T.

CHÚ THÍCH :

(1) *Đồng Hồ* : tên một viên quan chép sử ở nước Tấn đời *Xuân Thu*. Theo *Đông Chu liệt quốc* 東周列國, đời *Xuân Thu*, Triệu Thuẫn làm quan Chính khanh ở nước Tấn, sợ Tấn Linh Công 晉靈公 giết, bỏ chạy ra ngoài cõi. Em Triệu Thuẫn là Triệu Xuyên bèn giết Tấn Linh Công ở vườn đào. Triệu Thuẫn trở về nước, lập người khác lên làm vua, không trị tội em là Triệu Xuyên. Viên quan chép sử tên là Đồng Hồ, viết vào sách Sử nước Tấn : «Triệu Thuẫn giết chúa là Di Cao ở vườn đào». Hành động này của Đồng Hồ được người đương thời và đời sau ca ngợi. Bài phú này làm theo điển ấy.

(2) *Thái phác* : ngọc thô còn nằm trong đá. Muốn lấy ngọc này phải đập đá ở trong núi.

(3) *Thắt nút dây làm ước hẹn* : theo *Bắc sử* 北史, vào thời cổ ở Trung Quốc chưa có văn tự. Toại Nhân Thị 遂人氏 dạy dân thắt nút dây để làm tin.

(4) *Hi, Hiên* : tức vua Phục Hy 伏羲 và Hiên Viên 軒園.

(5) *Đạo «đại trung»* : *Thư kinh* 書經 có câu : 黃建其有極 Hoàng kiến kỳ hữu cực : *Nhà vua kiến lập cái đạo «đại trung» của mình*. Chữ *Kiến cực* trong bài phú có nghĩa là đạo «đại trung».

(6) *Nghiêu, Thuấn* : tức là vua Nghiêu đời Đường và vua Thuấn đời Ngu.

(7) *Vũ, Thang* : Tên các vua đã sáng lập ra nhà Hạ và nhà Ân.

(8) *Kiệt, Trụ* : Tên hai kẻ bạo chúa, một thuộc nhà Hạ và một thuộc nhà Ân.

(9) (10) *Văn, Vũ, U, Lệ* : Văn, Vũ là hai vua đã sáng lập ra nhà Tây Chu và U, Lệ là hai tên bạo chúa cuối đời Tây Chu.

(11) *Xe họ Cơ dời sang phía đông* : Nhà Chu nguyên đóng đô ở đất Quan Trung. Từ đời Chu Bình Vương về sau, cơ nghiệp suy, nên mới dời sang phía đông để có địa bàn phát triển, đóng đô ở đất Lạc, gọi là Đông Chu.

(12) *Giết kẻ ninh chân gấu* : Theo *Đông Chu liệt quốc*, Tấn Linh Công rất tàn bạo. Một hôm, có người ninh mòn chân gấu nhưng không được nhừ, y bèn lôi ra giết.

(13) *Bắn người vô tội* : Một hôm bọn vua tôi Linh Công đang đứng trên đài cao, thấy bên dưới có nhiều người đứng xem, chúng bèn dùng cung tên bắn vào giữa đám đông để mua vui.

(14) *Tuyên Tử* : Tức Triệu Thuẫn.

(15) Tấn Linh Công sai Sư Nghê giết Triệu Thuẫn, khi đến nhà Thuẫn, Sư Nghê thấy Thuẫn đang mặc áo chầu, ngồi chờ trời sáng. Sư Nghê không nỡ giết, bèn tự đâm đầu vào gốc hòe tự tận để khỏi bị Tấn Linh Công trị tội vì không chịu giết Thuẫn.

(16) *Ngao vượt thềm đuổi ...* : Linh Công lại lập mưu bày tiệc rượu để giết Triệu Thuẫn. Gia thần của Thuẫn là Đề Di Minh biết ý, cõng Thuẫn chạy. Tấn Linh Công sai người suỵt chó ngao đuổi theo cắn. Đề Di Minh giết chó ngao. Triệu Thuẫn trốn thoát ra ngoài cõi.

(17) *Triệu Xuyên* : Em họ Triệu Thuẫn. Người đã giết Tấn Linh Công ở vườn đào.

(18) Khi Tấn Linh Công chết, Triệu Thuẫn bèn trở về ôm xác vua khóc thảm thiết để tỏ rằng mình không phải người giết chủ.

(19) Hai câu này là lời Đồng Hồ buộc tội Triệu Thuẫn.

(20) *Thái sử* : Đây chỉ Đồng Hồ.

(21) Tác giả bài phú muốn nói : Đồng Hồ tha tội cho người cầm giáo giết Tấn Linh Công là Triệu Xuyên, nhưng lại bắt tội người nhà của Triệu Xuyên là Triệu Thuẫn. Vì xét ra Thuẫn là người có ý giết Tấn Linh Công, mặc dù không tự tay làm việc đó.

(22) *Chính Khanh* : Đây chỉ Triệu Thuẫn.

(23) *Nêu tên Di Cao* : Đồng Hồ ghi rõ : « Triệu Thuẫn giết chúa là Di Cao». Ghi như thế là để cho mọi người đều rõ Di Cao là tên tàn bạo.

(24) (25) *Vừa dẫm sương mai ... băng dày sẽ tới* : *Dịch kinh* có câu ; 履霜堅冰至 lý sương kiên băng chí : *Khi dẫm phải sương, tức là lúc băng cứng sắp đến.* Ý nói khi thấy tai họa nhỏ thì phải đề phòng tai họa lớn hơn.

(26) *Sử Dật* : một viên quan chép sử đời Chu Thành Vương. Khi còn nhỏ, có lần Thành Vương chơi với em là Thúc Ngu cắt lá vông làm ngọc khuê và nói : « Ta phong cho mày cái này ». Sử Dật bèn xin chọn ngày làm lễ phong. Thành Vương nói : « Ta đùa vậy thôi ». Sử Dật bảo : « Thiên tử không bao giờ nói đùa ». Thành Vương bèn phong Thúc Ngu làm Đường hầu.

(27) *Xuân thu* : một cuốn sử biên niên về nước Lỗ, do Khổng Tử soạn, chép từ Lỗ Ẩn Công đến Lỗ Ai Công. Ở đây, Khổng Tử đã dùng bút pháp « bao biếm », nghĩa là khen chê rõ ràng, đúng mực.

(28) *Họ Tả* : đây chỉ Tả Khâu Minh, một viên Thái sử nước Lỗ, từng chú giải sách *Xuân thu* của Khổng Tử (*Tả thị Xuân thu*).

(29) *Lân kinh* : Chỉ sách *Xuân thu*. Khổng Tử làm sách *Xuân thu*, dừng bút lại ở đoạn người nước Lỗ bắt được con lân ; bởi thế sách *Xuân thu* còn có tên là *Lân kinh*.

(30) *Thái Hoa* : một ngọn núi lớn ở tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

SỬ HY NHAN
史希顏
(?)

Sử Hy Nhan giỏi về sử nên được vua ban cho họ Sử; họ thực, năm sinh, năm mất hiện nay đều chưa rõ. Ông người huyện Phi Lộc, châu Ái (1), đỗ Trạng nguyên đời Trần Duệ Tông 陳睿宗 (1373 — 1377), làm chức Hành khiển tri diên kinh.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài phú chép trong QHPT.

(1) Huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh.

196

斬蛇劍賦

後車兮鮑肆，長城兮血腥。
龍興兮沛邑，鹿走兮咸京。
拔青萍之鈺刃，誅白帝之陰精。
掃風塵於六合，郭宇宙而一清。
斯爲漢家之神器，而斬蛇之所以得名也。
是劍也，萃坤六之貞，具乾九之剛。
工之以造化，煅之以陰陽。
秋水湛兮鐔鍔，水霜凜兮鋒芒。
晝佩兮日失色，夜匣兮吐光。

彗星爲之退舍，天魁爲之伏藏。
白璧明珠，未足擬其價，
吳鈎巨闕，安得與其當。
想其：
送徒驪山，夜經澤畔。
見巨蛇之當道，
致前行之驚返。
赫王威之震怒，
奮壯志之精悍。
拔之以斬，劃然而斷。
素靈於是乎潛泣，
炎祝於是乎赫煥。
芒碭之瑞氣起，
軹道之玉璽獻。
誅坟下之喑嗚，
戮淮陰之逆叛，
可謂物之神而劍之善也。
然嘗聞之：
凡物之寶，因人之珍。
彼干將之靈，莫邪之神，
不際英明之主，神武之君，
則徒埋精於豐獄，
韜采於龍津。
曷若斯劍，親遇商皇。
亘千古之不泯，
留嘉名而愈彰。
賦未畢，容難之曰：
生文明之時者，
不談威武之功，
登雍熙之朝者，
不言戰伐之事。
厥今聖朝，昇平極治。
混四海於一家，
同車書於文軌。

包干戈以虎皮，
銷鋒鏑爲農器。
和氣盎乎九州，
仁風薰乎兩際。
子方翺翔鳳儀之庭，
舞蹈奏韶之地。
反而之區區騁雕虫之末技，
稱雜伯之遺，昧帝王之懿。
奚時務之不通，爲有識之所鄙。
賦者喜而歌曰：
劍乎！劍乎！不祥之器！
聖人不得已而用之，誠非所貴。
猗歟聖朝，崇文盛世，
天下一統兮，安然無事，
縱有是劍兮，將焉用彼。

PHIÊN ÂM :

TRẢM XÀ KIẾM PHÚ

Hậu xa hề bão xú, trường thành hề huyết tinh.

Long hưng hề Bái ấp, lộc tầu hề Hàm Kinh.

Bạt Thanh bình chi tiêm nhận, tru Bạch Đế chi âm tinh. Tảo phong trần ư lục hợp, khuếch vũ trụ nhi nhất thanh. Tư vi Hán gia chi thần khí, nhi trảm xà chi sở dĩ đắc danh dã.

Thị kiếm dã, tụy Khôn lục chi trinh, cụ Kiền cửu chi cương. Công chi dĩ tạo hóa, hà chi dĩ âm dương. Thu thủy trạm hề đàm ngạc, băng sương lẫm hề phong mang. Trú bội hề nhật thất sắc, dạ hạp hề nguyệt thổ quang. Tuệ tinh vị chi thoái xá, yêu mị vị chi phục tàng. Bạch bích minh châu, vị túc nghĩ kỳ giá ; Ngô câu Cự khuyết, an đắc dữ kỳ đương.

Tưởng kỳ : tống đồ Ly Sơn, dạ kinh trạch bạn. Kiến cự xà chi đương đạo, tri tiền hành chi kinh phản. Hách vương uy chi chấn nộ, phấn tráng chi chi tinh hãn, bạt chi dĩ trảm, hoạch nhiên nhi đoạn. Tố linh ư thị hồ tiềm khấp, Viêm tộ ư thị hồ hách xiển. Mang, Đãng chi thụy khí khởi, Chỉ Đạo chi ngọc tỉ hiến. Tru Cai Hạ chi âm ô, lục Hoài Âm chi nghịch bạn ; khả vị vật chi thần nhi kiếm chi thiện dã.

Nhiên thường văn chi : phàm vật chi bảo, nhân nhân nhi trân. Bỉ Can tương chi linh, Mạc da chi thần, bất tế anh minh chi chủ, thần vũ chi quân ; tắc đồ mai tinh ư Phong ngục, thao thái ư Long Tân. Hạt nhược tư kiếm, thân ngộ Cao hoàng. Cẳng thiên cổ chi bất dẫn, lưu gia danh nhi dũ chương.

Phú vị tất, khách nạn chi viết : «Sinh văn minh chi thời giả, bất đàm uy vũ chi công ; đăng ung hi chi triều giả, bất ngôn chiến phạt chi sự. Quyết kim thánh triều, thăng bình cực trị. Hỗn tứ hải ư nhất gia, đồng xa thư ư văn quĩ. Bao can qua dĩ hồ bì, tiêu phong trích vi nông khí. Hòa khí áng hồ cửu châu, nhân phong huân hồ lưỡng tế. Tử phương cao tường phượng nghi chi đình, vũ đạo tấu Thiều chi địa. Phản nhi chi khu khu sinh điêu trùng chi mạt kỹ, xưng tạp bá chi tích, muội đế vương chi ý. Hề thời vụ chi bất thông, vi hữu thức chi sở bỉ».

Phú giả hỷ nhi ca viết :

Kiếm hề ! Kiếm hề ! Bất tường chi khí !
Thánh nhân bất đắc dĩ nhi dụng chi, thành phi sở quí.
Y dư thánh triều, sùng văn thịnh thế,
Thiên hạ nhất thống hề, an nhiên vô sự,
Tùng hữu thị kiếm hề, tương yên dụng bỉ !

DỊCH NGHĨA :

PHÚ KIẾM CHÉM RẮN (1)

Xe sau cá thối (2), thành dài máu tanh (3)
Rồng bay đất Bái (4), hươu chạy Hàm Kinh (5).

Tuốt cây kiếm sắc Thanh bình (6), chém loài âm tinh Bạch Đế (7). Quét gió bụi sạch sáu phương, rạng thế gian trong một vẻ. Đó là vật thần của nhà Hán, bởi chưng chém rắn mà được tên ấy vậy.

Thanh kiếm này, hợp đức trinh chính của hào Lục quẻ Khôn, đủ khí kiên cường của hào Cửu quẻ Kiền (8). Do cái khéo của tạo hóa làm ra, nhờ chất tinh của âm dương rèn được. Lưỡi gươm sáng như nước thu, mũi gươm quắc tựa băng giá. Ngày đeo thì mặt trời mờ ánh, đêm cất thì vầng trăng loé vàng. Sao Chổi cũng vì nó lùi xa, yêu ma cũng vì nó ẩn náu. Đồ bạch bích minh châu, sáng chưa tầy giá ; kiếm Ngô câu, Cự khuyết (9), chẳng dám so ngang.

Nhớ xưa : Hán Cao Tổ dắt phu đến Ly Sơn, (10) giữa đêm kéo qua bờ đầm, thấy rắn lớn nằm ngang đường, bọn đi đầu sợ mà lùi bước. Cao Tổ nổi cơn sấm sét, tỏ chí anh hùng, tuốt kiếm mà chém, rắn đứt làm đôi. Tinh Bạch Đế do đó mà khóc thầm, ngôi nhà Hán vì vậy mà dấy lên. Đất Mang, Đãng (11) điềm lành hiển hiện, đình Chỉ Đạo (12) ấn qui đem dâng. Diệt tên hầm hè đất Cai Hạ (13), trừ kẻ phản bạn hạt Hoài Âm (14) ; ngươi là thanh kiếm thần rất sắc rất bén vậy.

Song ta thường nghe rằng : vật sở dĩ qui là do ở người. Kìa gươm Can tương, Mạc da (15) dẫu có linh thiêng, nhưng nếu không gặp chúa anh minh, vua thần võ, thì cũng đến như kiếm Long tuyền, Thái a (16) chôn vùi ở ngục Phong Thành (17), bến Long Tân (18) mà thôi. Sao bằng thanh kiếm này được vào tay Hán Cao Tổ, tiếng tăm không bị mai một, danh thơm lưu lại ngàn thu.

Bài phú này chưa làm xong, có người đến chất vấn rằng : « Sinh thời văn minh không nên bàn chuyện uy võ, ở đời thịnh trị chớ nên nói chuyện chiến tranh. Hiện nay triều thánh ta đương lúc thăng bình cực trị, thu bốn bể lại làm một nhà, bánh xe cùng một cỡ, chữ viết cùng một lối, bọc giáo gươm trong da hùm, rèn binh khí làm nông cụ. Khí hòa đầy cả chín châu, gió nhân hun khắp trời đất. Ngươi phải như con chim phượng đẹp nhảy múa hòa theo khúc nhạc Thiều (19), cớ sao lại bo bo cái nghề nhỏ mọn đẽo gọt con sâu (20), tán tụng sự tích của bọn tạp bá, làm mờ tối đức tốt của bậc đế vương, không am hiểu thời thế, khiến kẻ thức giả coi khinh ».

Kẻ làm bài phú này vui mừng làm bài ca rằng :

Kiếm này ! Kiếm này ! là vật chẳng lành !
Bậc thánh tùng kế mới dùng mi, phải dâu vật qui.
Ôi ! Thánh triều ta, đời thịnh chuộng văn tự,
Thiên hạ nhất thống, thái bình thịnh trị,
Dầu có kiếm này, dùng đến làm chi !

Theo *NGUYỄN NGỌC SAN*
(HTTVVN ; T.II ; 1962)

CHÚ THÍCH :

(1) Lưu Bang 劉邦 tức Hán Cao Tổ 漢高祖, lúc còn hàn vi, một đêm qua chằm thấy con rắn lớn nằm ngang đường, ông tuốt kiếm chém chết. Bài phú lấy đề tài từ câu chuyện này.

(2) Tần Thủy Hoàng 秦始皇 chết ở Sa Khâu, gian thần là Triệu Cao 趙高 dấu không phát tang, bỏ xác Thủy Hoàng vào xe mà chở, đồng thời cho xe mang nhiều cá thối đi sau để át mùi xác chết.

(3) Tần Thủy Hoàng bắt dân tu sửa Vạn Lý Trường Thành, dân phu làm việc cực nhọc, chết nhiều vô kể. Câu này nói về tội ác của nhà Tần.

(4) *Đất Bái* (Bái Ấp) : nơi Hán Cao Tổ dấy nghiệp.

(5) *Hàm Kinh* : tức kinh đô Hàm Dương của nhà Tần, thuộc tỉnh Thiểm Tây. Câu này ý nói nhà Tần để mất thiên hạ như để sổng con hươu.

(6) *Kiếm Thanh bình* : một thanh kiếm qui. Sách *Văn tuyển*, bài *Đáp Đông A Vương tiên* của Trần Lâm có câu : «Quân hầu là bậc cao hơn người tục, cầm vũ khí như gươm Thanh bình, Can tương.»

(7) *Bạch Đế* : nhà Nho quan niệm rằng nhà Tần ở phương Tây, đối với Ngũ hành thì thuộc Kim, Kim sắc trắng, nên gọi Tần Thủy Hoàng là Bạch Đế.

(8) *Quẻ Khôn, quẻ Kiền* : hai quẻ trong kinh Dịch. *Khôn* chỉ về đất. *Kiền* chỉ về trời.

(9) *Ngô câu, Cự khuyết* : tên hai thanh kiếm qui. Theo sách *Ngô Việt xuân thu* thì Hạp Lư sau khi được kiếm Mạc da, cho người rèn kiếm Ngô câu (cũng gọi là Kim câu). Sách *Việt tuyệt thư* chép Việt Vương có bảo kiếm Cự khuyết, chém sắt như bùn.

(10) *Ly Sơn* : tên một địa phương.

(11) *Đất Mang, Đãng* : nơi Hán Cao Tổ ẩn náu.

(12) *Đình Chỉ Đạo* : nơi vua Tần là Tử Anh 子英 ra hàng Hán Cao Tổ, dâng ấn tín.

(13) *Đất Cai Hạ* : nơi Hạng Vũ 項羽 bị Hán Cao Tổ tiêu diệt.

(14) *Hoài Âm* : nơi Hàn Tin 韓信 được phong hầu, sau Tín phản, bị giết.

(15) *Can tương, Mạc da* : tên hai thanh kiếm qui. Theo sách *Ngô Việt xuân thu* thì Can Tương, người nước Ngô, rèn kiếm qui, vợ là Mạc Da cắt tóc, cắt móng tay nhảy vào lò rèn làm cho thép chảy, rèn được song kiếm qui dâng Ngô Vương. Thanh kiếm dương gọi là Can tương, thanh kiếm âm gọi là Mạc da.

(16), (17) *Long tuyền, Thái a* : tên hai thanh kiếm qui. Tương truyền thời Tấn Huệ Đế, Quảng vũ hầu Trương Hoa thấy giữa sao Ngưu, sao Đẩu có khí mầu tím, sai đón Lôi Hoán, người Dự Chương đến hỏi. Lôi nói đó là do tinh kiếm ở phong thành chiếu lên. Trương bèn cho Lôi đến làm huyện lệnh Phong Thành (tỉnh Chiết Giang). Đến Phong Thành, Lôi cho đào nền nhà ngục, tìm được một hòm đá đựng hai thanh kiếm, một khắc chữ Long tuyền, một khắc chữ Thái a. Lôi bèn dâng cho Trương một thanh, còn một thanh để dùng. Trương Hoa được kiếm, viết thư cho Lôi Hoán bảo : «Xem kỹ hoa văn kiếm này, biết đây là kiếm Can tương, vậy còn thanh Mạc da sao không đưa đến ?». Sau khi Trương chết, thanh kiếm kia cũng không biết ở đâu. Lôi Hoán chết, con Trương Hoa mang kiếm qua bến Diên Bình Tân, hốt nhiên kiếm vuột rơi xuống nước, thấy dưới nước có hai con rồng lớn cuộn sóng ầm ầm, kiếm mất. Người sau cho rằng hai con rồng đó là hai thanh kiếm Can tương, Mạc da hiện ra. Nơi kiếm hiện được gọi huyện Long Tuyền (tỉnh Chiết Giang).

(18) *Bến Long Tân* : có lẽ là bến Diên Bình Tân (xem chú thích 16, 17).

(19) *Nhạc Thiều* : tên một khúc nhạc hay, tương truyền khúc nhạc này có từ đời vua Thuấn, mỗi lần tấu nhạc, chim phượng hoàng đến múa.

(20) *Đẽo gọt con sâu* (điêu trùng) : đẽo gọt tỉ mỉ từng con sâu. Ở đây ý tác giả muốn nói cái tài nhỏ mọn về văn chương.

CHU ĐƯỜNG ANH

朱唐英

(?)

Chu Đường Anh còn có tên là Chu Đường Thương (1) ; hiệu là Liêu Thủy. Về năm sinh, năm mất của ông cho đến nay vẫn chưa rõ. Về quê quán, trong bài thơ *Đề quần ngư triều lý đồ*, Chu Đường Anh có nói «Nhà ta ở bến Ninh Khê , đất Liêu Thủy». Nhưng Ninh Khê, Liêu Thủy ở nơi nào vẫn chưa tra cứu được (2). Còn về sự nghiệp, chúng ta chỉ biết Chu Đường Anh từng làm chức Chuyển vận sứ vào cuối đời nhà Trần.

Tác phẩm : hiện còn một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt và bài thơ thất ngôn trường thiên chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Theo *Việt âm thi tập*.

(2) Ở tỉnh Hà Nam Ninh có một nhánh sông Hồng chảy qua, gọi là sông Ninh Cơ, không biết Ninh Cơ này và Ninh Khê quê Chu Đường Anh có liên quan gì với nhau không ? Lại có ý kiến khác là ở vùng Trúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Sơn Bình có dấu vết của sông Ninh (người địa phương quen gọi là sông Nanh). Sông Nanh xưa là một nhánh của sông Tích, nước nhiều. Dân ở đây có câu hát ; «*Bao giờ chợ Trúc hết người, sông Nanh hết nước thì họ Đặng này hết quan*» . (Họ Đặng ở đây có nhiều người làm to. Ví dụ Đặng Đình Tướng). Không biết sông Ninh (Nanh) này với Ninh Khê quê Chu Đường Anh có gì liên quan với nhau không ? Vậy chúng tôi xin ghi lại đây để bạn đọc tham khảo.

197

題唐明皇浴馬圖 ĐỀ ĐƯỜNG MINH HOÀNG DỤC 1* MÃ ĐỒ

玉花照夜絕權奇，　Ngọc hoa dạ chiếu 2* tuyệt quyền 3* kỳ,
浴罷牽來近赤墀。　Dục bãi khiên lai cận xích trì.
若使愛人如愛馬，　Nhược sử ái nhân như ái mã,
蒼生何至有瘡痍。　Thương sinh hà chí 4* hữu thương di ?

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ BỨC TRANH ĐƯỜNG MINH HOÀNG (1) TẮM NGỰA

Con ngựa «Ngọc hoa chiếu dạ» (2) chạy giỏi tuyệt vời (3),
Tắm xong dắt đến gần thềm son.
Nếu vua yêu người cũng như yêu ngựa,
Thì dân đen đâu đến nỗi cơ cực ?

DỊCH THƠ :

Ngựa Ngọc hoa sao khéo lạ lùng,
Tắm rồi đem tiến dưới sân rồng.
Nếu lòng yêu mến người như ngựa,
Lọ phải lo dân nỗi khốn cùng ?

ĐINH VĂN CHẤP

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 落 *lạc.*
2* HVTT : 夜照 *dạ chiếu.*
3* TVTL : 环 *hoàn.*
4* TVTL : 安得 *an đắc.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Đường Minh Hoàng* : tức Đường Huyền Tông 唐玄宗, vua thứ sáu của nhà Đường.
(2) *Ngọc hoa chiếu dạ* : ngựa Ngọc hoa ban đêm chiếu sáng, tức Ngọc hoa thông 玉花驄, tên con ngựa qui của Đường Minh Hoàng.
(3) *Chạy giỏi tuyệt vời* (tuyệt quyền kỳ) : «quyền kỳ» là dáng ngựa chạy đặc biệt giỏi. Trong nguyên bản ở *VATT* chú ; Đông Pha thi tác câu dĩ quyền kỳ 東坡詩作駒已權奇 nghĩa là : *Thơ Tô Đông Pha như ngựa câu đã đạt đến mức chạy tuyệt giỏi.* Trong nguyên bản ở *HVTT* chú : Đường Minh Hoàng thường thừa Chiếu dạ Bạch ngọc hoa thông. Quyền kỳ, mã thiện hành mạo. Hán *Thiên mã ca,* chí thục huân tinh quyền kỳ 唐明皇常乘照夜白玉花驄。權奇馬善行貌。漢天馬歌，志熟勳精權奇, nghĩa là : *Đường Minh Hoàng thường cưỡi ngựa Chiếu dạ Bạch ngọc hoa thông. Ngựa quyền kỳ là dáng ngựa chạy giỏi. Thiên mã ca đời Hán : ngựa quyền kỳ có chí thuần, tinh thần khỏe.* Theo từ điển *Từ hải* thì *quyền kỳ* còn được hiểu là *kỳ quyết phi thường,* nghĩa là vô cùng tinh khôn (hoặc vô cùng tinh ranh).

198

題群魚朝鯉圖

我鱗清雪鱠與自多官清詩不幾勝是萬參洋千微衆萬主遠願會
家鱸晨飛魴中從年饞猶王惜多王誰頃差洋頭物星水人嶂言見
遼鱸截玉赬不旅軟鄉堂最千妙峽畫波荇圍爭猶落滾不平什一
水鮪江碎尾數食踏味下是金筆蝶史濤菜圍何解落滾是林襲嶂
寧色布殊烹秋京東屢思好購貯江巧暗相正赤相盡皆心亦藏魚
溪勝鉅紛錦風花華入垂事名華都爲傾喣繁鱗尊拱朝丘徒此水
瀆銀。網，紛。鱗，尊。春，塵。夢，緡。者，畫。軒，馬。此，瀉。沫，鬚。公，崇。北，東。壑，作。圖。樂。

ĐỀ QUẦN NGƯ TRIỀU LÝ ĐỒ [1*]

Ngã gia Liêu Thủy Ninh Khê tân,
Điều, thường, chiên, vị [2*] sắc thắng ngân.
Thanh thần tiệt giang bố cự võng,
Tuyết [3*] phi ngọc toái thù phân phân.
Khoái phường trinh vĩ [4*] phanh cầm lân,
Hứng trung bất sổ thu phong thuần [5*].
Tự tùng lữ thực [6*] kinh hoa xuân [7*],
Đa niên nhuyễn đạp Đông Hoa trần.
Quan thàm hương vị lũ nhập mộng,
Thanh y đường hạ tư thùy màn.
Thi [8*] vương tối [9*] thị hiếu sự giả,
Bất tích thiên kim cầu danh [10*] họa.
Kỷ đa diệu bút trữ hoa hiên,
Đằng Vương giáp điệp Giang Đô mã.
Thị thùy họa sử sảo vi thử,
Vạn [11*] khoảnh ba đào ám khuynh tả.
Sâm si hạnh thái tương hú mạt [12*],
Dương dương [13*] ngữ ngữ chính phồn khỏa.
Thiên đầu [14*] tranh hưởng xích lân [15*] công,
Vị [16*] vật do giải tương tôn sùng.
Chúng tinh lạc lạc tận [17*] củng bắc,
Vạn thủy cồn cồn giai triều đông.
Chủ nhân bất thị tâm khâu [18*] hác,
Viễn chướng bình lâm diệc đồ tác.
Nguyện ngôn thập tập tàng thử đồ,
Hội kiến nhất đường ngư thủy lạc.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ BỨC TRANH BẦY CÁ CHẦU CÁ CHÉP

Nhà ta ở bến Ninh Khê đất Liêu Thủy (1),
Có các loại cá điều, thường, chiên, vị sắc trắng hơn bạc (2).
Sáng sớm chặn sông quăng lưới to,
Cá nhảy như tuyết bay, như ngọc vỡ, rối rít hết sức.
Cá mè đỏ đuôi làm gỏi, cá vẩy gấm đem luộc,
Khi cao hứng, chẳng kể đến vị rau thuần trong gió thu (3).
Nhớ từ mùa xuân kia, ăn cơm quán trọ ở kinh thành,
Bao nhiêu năm đạp nhẵn lớp bụi ở cửa Đông Hoa (4).
Làm quan vẫn thèm nếm vị đồng quê nên chúng thường hiện về trong mộng,
Bên công đường có ao nước trong, lại muốn thả dây câu.
Chúa thơ thật là kẻ hiếu sự,
Chẳng tiếc ngàn vàng để mua bức danh họa này.
Biết bao nét bút thần diệu được bầy dưới hiên đẹp,
Nào tranh bướm Đằng Vương, ngựa Giang Đô (5).
Họa sĩ nào lại vẽ được bức tranh tài tình đến thế !
Muôn đợt sóng lớn trong tranh đương ngầm trào dâng.
Bên đám rau hạnh (6) nhấp nhô, bầy cá phun bọt cho nhau,
Phỏn phơ đùa nghịch kéo thành bầy.
Nghìn con đua nhau hướng về con vẩy đỏ,
Loài vật nhỏ còn biết tôn kính lẫn nhau.
Cũng như các vì sao khắp nơi, thảy đều hướng về phương bắc (7),
Muôn dòng nước cuồn cuộn đều hướng về phương đông.
Chủ nhân không phải lòng hướng về cảnh gò, suối,
Núi trùng điệp, rừng bạt ngàn, cũng luống công thôi.
Ta muốn sưu tầm và cất giữ bức tranh này,
Rồi đây sẽ thấy niềm vui cá nước một nhà (8).

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 題鯉魚圖 *đề lý ngư đồ.*
2* TVTL2 : 鮊 *bách.*
3* TVTL2 : 雲 *vân.*
4* VATT : 鱠鯚尾鮒 *khoái trinh vĩ phường.*
5* TVTL2 : 異味不數中秋蓴 *dị vị bất số trung thu thuần.*

6* VATT : 介 *giới.*
7* TVTL2 : 暮 *mộ.*
8* TVTL2 : 時 *thời.*
9* VATT : 的 *đích.*
10* TVTL2 : 贈書 *tặng thư.*
11* VATT, TVTL2 : 方 *phương.*
12* VATL1, TVTL2 : 味 *vị.*
13* TVTL2 : 淨淨 *tịnh tịnh.*
14* TVTL2 : 輝煌 *huy hoàng.*
15* VATT : 鯉 *hỗn.*
16* TVTL2 : 彼 *bỉ.*
17* TVTL2 : 相 *tương.*
18* TVTL2 : 上 *thượng.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Liêu Thủy* : chưa rõ địa phương nào.

(2) *Điều, thường, chiên, vị* : tên bốn loài cá. Chúng tôi chưa rõ bốn loài cá đó tiếng Việt gọi là gì nên để nguyên âm Hán Việt. Về hai chữ « hơn bạc » (thắng ngân) ở cuối câu này, trong nguyên bản ở *Việt âm thi tập* có lời phê : Ngư sắc các dị, bất tất hợp bạch 魚色各異，不必合白 : *màu sắc của mỗi loài cá khác nhau, bất tất phải gọi chúng là trắng.*

(3) *Rau thuần trong gió thu* (thu thuần) : Rau thuần là một loài rau mọc dưới nước, có mùi thơm ngon (có người bảo là rau rút). Đời nhà Tấn, Trương Hàn (張翰) đi làm quan xa, nhân khi gió thu nổi lên, nhớ mùi vị canh rau thuần và gỏi cá vược của quê hương, buồn mà hát rằng : Thu phong khởi hề ngọc diệp phi ; Ngô giang lãnh hề lô chính phì 秋風起兮玉葉飛；吳江冷兮鱸正肥 : *Gió thu nổi lá ngọc bay ; sông Ngô lạnh cá vược béo.* Về sau nói đến « rau thuần, gỏi vược » thường chỉ nỗi nhớ nhà.

(4) *Đông Hoa* : cửa phía đông của cung thành nhà vua.

(5) *Con bướm của Đằng Vương* (Đằng Vương giáp điệp) : Trong nguyên bản ở *VATT* có chú như sau: Đằng Vương thiện họa, hữu giáp điệp đồ 滕王善畫，有蛺蝶圖，nghĩa là : *Đằng Vương là người sành vẽ, có bức tranh bướm. Ngựa Giang Đô* (Giang Đô mã) : Trùng Dưỡng Đề đi chơi ở Giang Đô, thuộc tỉnh Giang Tô, có tìm được con ngựa quí ở đó. Ở cuối câu này có lời bình : Dẫn sự Trường An nhi thi tứ sướng đoản: *Dẫn việc ở Trường An mà thi tứ vẫn gần gũi.*

(6) *Rau hạnh* : một loại rau thân trắng, lá mầu đỏ tía, hình tròn, nổi trên mặt nước, rễ ở dưới suối. Chúng tôi chưa rõ giống rau này tiếng Việt gọi là gì, nên để nguyên âm Hán Việt là rau «hạnh», chờ tìm hiểu thêm.

(7) *Hướng về phương bắc* (củng bắc) : *Luận ngữ* có câu : Vi chính dĩ đức, thí như Bắc thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh củng chi, 爲政以德，譬如北辰，居其所而衆星拱之: *Làm việc chính trị mà dùng đức, ví như sao Bắc thần ở nơi chốn của nó mà các vì sao khác đều hướng về.*

(8) Câu này có ý nói tình vua tôi tương đắc như cá gặp nước.

NGUYỄN QUÍ ƯNG

阮季膺

Nguyễn Quí Ưng hiệu là Trác Phong (1). Chưa rõ ông sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu. Chỉ biết Quí Ưng từng làm quan vào khoảng cuối đời Trần, và có đi sứ Trung Quốc.

Tác phẩm : hiện còn một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt và một bài thơ thất ngôn bát cú chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) *Lược truyện các tác gia Việt Nam* (tập 1) do Trần Văn Giáp chủ biên; Nxb Khoa học xã hội tái bản; Hà Nội; 1971 ghi là Trúc Phong. Ở đây chúng tôi theo chú thích trong TV TL; Thư viện Khoa học xã hội; ký hiệu : A. 1262.

199

題潛溪

石刻年深字已漫，
幾回客過洗磨看。
中興頌得春秋法，
褒貶當時屬筆端。

ĐỀ NGÔ KHÊ

Thạch khắc niên thâm tự dĩ man,
Kỷ hồi khách quá tẩy ma khan.
Trung hưng tụng đắc Xuân thu pháp,
Bao biếm đương thời 1* thuộc bút đoan.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CẢNH NGÔ KHÊ (1)

Đá khắc lâu năm, nét chữ đã mờ,
Mấy lần khách qua phải rửa, mài để xem.
Bài tụng *Trung hưng* (2) học được cách viết sách *Xuân thu* (3),
Sự khen chê bấy giờ là thuộc về ngòi bút ấy.

DỊCH THƠ :

Bia khắc lâu năm chữ đã mờ,
Khách qua đường xoa đọc bia xưa.
Mới hay bút pháp Trung hưng tụng,
Sắc nét khen chê việc bấy giờ.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2 : 年 *niên.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Ngô Khê* : tên một con suối ở huyện Kỳ Dương, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Nhà thơ Nguyên Kiết đời Đường làm nhà ở đấy. Ông có làm bài văn bia *Ngô Khê Trung hưng bi* 浯溪中興碑, nói việc Đường Huyền Tông gặp loạn An Lộc Sơn 安祿山. Nguyễn Qui Ưng trong lần đi sứ qua nơi này đã làm bài thơ trên.

(2) *Bài tụng Trung hưng* (Trung hưng tụng) : lúc Đường Túc Tông dấy binh đánh An Lộc Sơn để khôi phục nhà Đường, nhà thơ Nguyên Kiết có dâng ba bài tụng bàn về thời sự, ngụ ý chỉ trích việc đương thời, đời sau gọi là *Trung hưng tụng.*

(3) *Xuân Thu* : bộ sử biên niên nước Lỗ (từ Lỗ Ẩn Công đến Lỗ Ai Công), nhưng cũng chép những sự kiện lớn thời đại Xuân Thu (từ Chu Bình Vương đến Chu Kính Vương gồm 242 năm), trong đó Khổng Tử dùng bút pháp chỉ một chữ mà khen, chỉ một chữ ngụ ý chê. Đời sau gọi là *Xuân Thu bút pháp* và có câu : Nhất tự chi bao, vinh ư ba cổn; nhất tự chi biếm, nghiêm ư phủ việt : *một chữ khen, vinh hơn mặc áo gấm; một chữ chê, nghiêm hơn búa rìu.*

200

橫州次王蓬齋韻

日暮維舟古岸頭，
客懷萬感此登樓。
空城粉堞遺基在，
往事星槎逐水流。
春早去時經瘴嶺，
月明今夜宿橫州。
一樽未暇酬佳景，
聊把新詩記遠遊。

HOÀNH CHÂU THỨ VƯƠNG BỒNG TRAI VẬN [1*]

Nhật mộ duy chu cổ ngạn đầu,
Khách hoài vạn cảm thử đăng lâu.
Không thành phấn [2*] điệp [3*] di cơ tại,
Vãng sự tinh sà trục thủy lưu.
Xuân tảo khứ thời kinh chướng lĩnh,
Nguyệt minh kim dạ túc Hoành Châu.
Nhất tôn vị hạ thù giai cảnh,
Liêu bả tân thi ký [4*] viễn [5*] du.

DỊCH NGHĨA :

QUA HOÀNH CHÂU (1) HỌA VẦN THƠ CỦA VƯƠNG BỒNG TRAI (2)

Trời chiều buộc thuyền đầu bến cũ,
Lòng khách vô cùng cảm khái khi bước lên lầu,
Thành không, vách tường nền cũ còn đây.
Việc cũ bè sao (3) trôi theo dòng nước.
Lúc đi sớm xuân, qua dãy núi đầy lam chướng,
Đêm nay trăng sáng ngủ lại ở Hoành Châu.
Không rỗi rãi để nâng chén rượu mừng cảnh đẹp,
Hãng làm một bài thơ để ghi nhớ chuyến viễn du.

DỊCH THƠ :

Thuyền buộc ven sông, bóng xế thâu,
Nao nao dạ khách lúc lên lầu.
Thành hoang, nền vách còn trơ đó.
Việc cũ, bè sao đã biến đâu.
Buổi sớm ngày xuân qua chướng lĩnh,
Đêm nay trăng tỏ ngủ Hoành Châu.
Chén say chưa kịp vui cùng cảnh,
Tạm mượn thơ để cuộc viễn du.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

(1*) TVTL1, TVTL2 : đầu đề là 北使過横州 *Bắc sứ quá Hoành Châu.*
(2*) TVTL1 : 蝶 *điệp.*
(3*) TVTL1 : 戲 *hý.*
(4*) TVTL1 : 寄 *ký.*
(5*) TVTL2 : 邁 *mại.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Hoành Châu* : thuộc phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
(2) *Vương Bồng Trai* : người Trung Quốc, chưa rõ tiểu sử.
(3) *Bè sao* (tinh hà) : Tương truyền Trương Khiên 張騫 cưỡi bè đi tìm nguồn sông Hoàng Hà, đi hơn một tháng, không ngờ lên tận sông Ngân Hà, gặp Ngưu Lang, Chức Nữ. Về sau, hai chữ «Tinh sà» (bè sao Ngân Hà) thường được dùng để chỉ việc đi sứ hoặc đi xa.

VŨ THẾ TRUNG (1)

武世忠

(?)

Vũ Thế Trung sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông làm quan vào cuối đời Trần.

Tác phẩm : còn 4 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) VATT chép là Vũ Thế Lão 武世老.

201 – 204

蘭谷

LAN CỐC

其一

Kỳ nhất

豈論北里與東園,
稚卉風茇荒綠繁。
千古湘纍呼不起,
强賡楚些慰香魂。

Khởi luận bắc lý dữ đông 1* viên,
Trĩ hủy phong cai cạnh lục phồn.
Thiên cổ Tương luy hô bất khởi,
Cưỡng canh Sở tá 2* úy hương hồn.

其二

Kỳ nhị

沙石年深細吐花,
清於松月淡於茶。
朝庭欲識花中隱,
休說王家與謝家。

Sa thạch niên thâm tế thổ 3* hoa,
Thanh ư 4* tùng nguyệt đạm ư 5* trà.
Triều đình 6* dục thức hoa 7* trung ẩn,
Hựu thuyết Vương gia dữ Tạ gia.

其三

謝砌春遲遶幾回，
一芽露綻碧初開。
欲知高潔無塵處，
嚴子秋風坐釣臺。

Kỳ tam

Tạ thiết xuân [8*] trì [9*] nhiễu kỷ hồi,
Nhất nha lộ [10*] triện [11*] bích sơ khai.
Dục tri cao khiết vô trần xứ,
Nghiêm Tử thu phong tọa điếu đài.

其四

風傳花氣遶浮溪，
矮矮遮香野老籬。
春滿山雲初過雨，
一爐柏子讀騷詞。

Kỳ tứ

Phong truyền hoa khí nhiễu phù khê,
Oải oải già [12*] hương dã lão ly.
Xuân mãn sơn vân sơ quá vũ,
Nhất lô bách tử độc Tao tỳ (từ).

DỊCH NGHĨA :

LAN TRONG NÚI

Bài thứ nhất

Chẳng cứ là ở xóm bắc hay vườn đông,
Cỏ non cây mát đua nhau xanh tốt.
Nghìn thuở oan hồn sông Tương (1), gọi chẳng được,
Gượng ngâm bài *Sở tá* (2) để an ủi hương hồn.

Bài thứ hai

Sống lâu năm ở nơi cát sỏi, hé nở nụ hoa,
Trong hơn ánh trăng trên ngọn thông, thanh đạm hơn trà.
Triều đình muốn biết hoa ở ẩn trong các loài hoa,
Xin đừng nhắc đến nhà họ Vương và nhà họ Tạ (3).

Bài thứ ba

Xuân muộn mấy lần lượn quanh thềm nhà họ Tạ,
Một búp non vừa nhú mầu biếc mở đầu.
Muốn biết chỗ cao khiết không bụi bặm,
Xin tới đài câu trong gió thu của Nghiêm Tử (4).

Bài thứ tư

Gió đưa mùi hoa phảng phất quanh khe cạn,
Hương thơm bay là là phủ lên bờ dậu của ông già đồng quê.

Xuân đầy mây núi, mưa vừa tạnh,
Đốt một lò quả thông, đọc khúc *Ly tao* (5).

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL : 南 *nam.*
2* TVTL : 畹 *uyển,*
3* TVTL : 吐 細 *thổ tế.*
4* TVTL : 如 *như.*
5* TVTL : 如 *như.*
6* TVTL : 中 *trung.*
7* VATT : 蘭 *lan.*
8* VATT : 蘿 *la.*
9* VATT : 庭 *đình.*
10* TVTL : 霧 *vụ.*
11* TVTL : 促 *xúc.*
12* TVTL : 遼 *liêu.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Oan hồn sông Tương* (Tương luy) : Chỉ Khuất Nguyên 屈原. Khuất Nguyên là nhà thơ yêu nước thời Chiến Quốc, bị Sở Hoài Vương kết tội oan nên tự trầm ở sông Mịch La, thuộc huyện Tương Âm, tỉnh Hồ Nam. Khuất Nguyên thích hoa lan, vì vậy tác giả làm bài thơ này ngụ ý nhớ đến Khuất Nguyên.

(2) *Sở tá* : bài *Chiêu hồn* 招魂 trong *Sở từ* 楚辭 cứ cuối mỗi câu lại đệm chữ «tá», vì vậy bài này cũng được gọi là «Sở tá». Về sau hai chữ «Sở tá» chỉ việc chiêu hồn người đã mất.

(3) *Nhà họ Vương và nhà họ Tạ* : (Vương gia dữ Tạ gia) : Hai nhà qui tộc nổi tiếng phong lưu, phú quí ở đời Tấn. Nhắc đến hai người này, tác giả muốn nói phẩm chất những người ở ẩn còn cao qui hơn cả sự giàu sang của nhà họ Vương và nhà họ Tạ.

(4) *Nghiêm Tử* : tức Nghiêm Quang, tự Tử Lăng, bạn đồng học với Lưu Tú. Khi Lưu Tú lên ngôi vua (tức Hán Quang Vũ), Tử Lăng đi ở ẩn ở núi Phú Xuân, thường ngồi câu cá ở sông Phú Xuân (còn gọi là Đồng Giang). Về sau chỗ Tử Lăng ngồi câu cá gọi là «Tử Lăng điếu đài». Hai câu thơ này ý nói : muốn tìm hoa lan cao khiết thì đến chỗ đài câu cá của Tử Lăng.

(5) *Ly tao* (Tao từ) : tên một tác phẩm nổi tiếng của Khuất Nguyên.

TRẦN QUAN

陳觀

(?)

Trần Quan sinh, mất năm nào và quê quán ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông từng làm quan vào cuối đời Trần, tới chức An phủ sứ.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

205

宦舍

夕陽雲合黃龍洞，
曉雪濤翻隻箸山。
公暇掩蓬歸海國，
白鷗前導過溪灣。

QUAN XÁ

Tịch dương vân hợp Hoàng Long động!
Hiểu[1*] tuyết đào phiên Chích Trợ[2*] san.
Công hạ yểm (3*) bồng qui hải quốc,
Bạch âu tiền đạo[4*] quá khê loan.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ NƠI QUAN XÁ(1)

Mây chiều khép lại động Hoàng Long (2),
Sóng buổi sớm trắng như tuyết cuộn lên núi Chích Trợ (3).
Rảnh việc công, đóng kín mui thuyền xuôi về miền bể,
Có chim bạch âu dẫn đường lướt qua eo suối.

DỊCH THƠ :

Mây chiều đọng lại động Hoàng Long,
Chích Trợ ban mai tuyết cuộn dòng.
Công việc rảnh rồi xuôi hải quốc,
Chim âu dẫn lối, vượt khe vòng.

PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 屋 *ốc.*
2* VATT : 筯 *trợ*
3* TĐTT. TVTL1, TVTL2 : 捲 *quyển.*
4* TVTL2 : 道 *đạo.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Quan xá* : nơi dinh thự công cộng.
(2) (3) Động *Hoàng Long* và núi *Chích Trợ* đều ở huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

CHU KHẮC NHƯỢNG

朱克讓

(?)

Chu Khắc Nhượng hiệu Vân Trai 雲齋, năm sinh, năm mất chưa rõ. Người làng Sài Trang 柴莊, phủ Thượng Hồng 上洪, (1) đỗ Tiến sĩ vào cuối đời Trần, làm quan tới chức Hộ bộ Tả thị lang.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục.*

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

206

題柴莊永興寺

柴莊勝景是仙家,
門外頻迎過客車。
寶地笑余能幾入,
一生孤負木蘭花。

ĐỀ 1* SÀI TRANG VĨNH HƯNG TỰ

Sài Trang thắng cảnh thị tiên gia,
Môn ngoại tần 2* nghênh quá khách xa.
Bảo địa tiếu dư năng kỷ nhập,
Nhất sinh cô phụ mộc lan hoa.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA VĨNH HƯNG Ở SÀI TRANG (1)

Thắng cảnh Sài Trang như cảnh tiên,
Ngoài cửa luôn luôn đón xe khách qua.
Cười tạ mấy lần được vào đất báu,
Suốt đời riêng phụ với hoa mộc lan.

DỊCH THƠ :

Đây miền tiên phật chốn Sài Trang,
Ngoài cửa xôn xao khách lãm quan.
Đất báu cười ta lười viếng cảnh,
Suốt đời nỡ phụ với hoa lan.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

1* TDTT : 登 *đăng.*
2* TVTL1, TVTL2 : 曾 *tằng.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Sài Trang :* tên làng của Chu Khắc Nhượng, xem phần tiểu sử của tác giả.

DOÃN ÂN PHỦ

尹恩甫

(?)

Doãn Ân Phủ sinh và mất năm nào chưa rõ, chỉ biết ông là người phủ Bình Giang 平江, châu Thượng Hồng 上洪, lộ Lạng Giang 諒江 (1). Làm quan vào cuối đời Trần Anh Tông 陳英宗 và đầu đời Trần Minh Tông 陳明宗. Năm 1317, ông được Trần Minh Tông cử đi sứ.

Tác phẩm: hiện còn một bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

207

奉使留別親弟

PHỤNG SỨ LƯU BIỆT THÂN ĐỆ

一身北去一南還，
隻影茫然寄馬鞍。
塞遠雲深鴻雁斷，
原頭風急鶺鴒寒。
幾時夜雨連床話，
萬我秉節旄君扇枕，
從來忠孝兩全難。

Nhất thân bắc khứ nhất nam hoàn,
Chích ảnh mang nhiên ký mã an.
Tái viễn vân thâm hồng nhạn đoạn [1*],
Nguyên đầu [2*] phong cấp tích linh hàn.
Kỷ thời dạ vũ [3*] liên sàng thoại,
Vạn hộc hương sầu tá tửu khoan.
Ngã bỉnh tiết mao quân phiến chẩm,
Tòng lai trung [4*] hiếu lưỡng toàn nan.

DỊCH NGHĨA :

PHỤNG MỆNH ĐI SỨ TỪ BIỆT EM TRAI

Một người đi về phương bắc, một người về nam,
Chiếc bóng bâng khuâng gửi trên yên ngựa.
Ngoài ải xa mây nhiều, chim hồng nhạn (1) lẻ loi,
Đầu đồng bằng gió mạnh, con tích linh (2) lo lắng.
Bao phen đêm mưa, liền giường cùng nhau trò chuyện,
Muôn hộc tình buồn nhớ quê hương, mượn chén rượu uống cho khuây khỏa.
Ta đi cầm cờ tiết mao, người về coi việc gối quạt (3),
Xưa nay trung, hiếu khó toàn vẹn được cả hai.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, 2, 3 : 雜 *tạp.*
2* TVTL2 : 飛 *phi.*
3* TVTL2 : 去 *khứ.*
4* VATT : 情 *tình.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Chim hồng nhạn* : loài chim sống dưới nước ; khi bay, con lớn bay trước, con bé bay sau có trật tự. Vì vậy người xưa thường ví với tình anh em trong một nhà.

(2) *Chim tích linh* : một giống chim nhỏ, thân giống chim én. Người xưa cũng hay ví chim tích linh với tình anh em. *Đường lộ, Thi kinh* 唐路，詩經 có câu :

鶺鴒在原，
兄弟急難。

Tích linh tại nguyên,
Huynh đệ cấp nạn.

Chim tích linh ở ngoài đồng,
Anh em giúp nhau trong khi hoạn nạn.

(3) *Cờ tiết mao* : loại cờ người xưa đi sứ cầm, ở đây chỉ việc làm tròn nhiệm vụ đi sứ. Gối quạt : chỉ việc săn sóc cha mẹ.

LÊ LIÊM

黎廉

(?)

Lê Liêm hiệu Mai Hiên 梅軒, sống vào khoảng cuối đời Trần. Năm sinh, năm mất và quê quán đều chưa rõ.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục.*

208

武林洞

野菜嫩黃風淡淡,
江花凝碧雨班班。
金光人去無消息,
九曲雲溪朝暮閑。

VŨ LÂM ĐỘNG

Dã thái nộn hoàng phong đạm đạm,
Giang 1* hoa ngưng bích vũ ban ban.
Kim quang nhân khứ vô tiêu tức,
Cửu khúc vân khê triêu mộ nhàn.

DỊCH NGHĨA :

ĐỘNG VŨ LÂM (1)

Rau đồng nội non mướt, gió nhè nhẹ.
Hoa bên sông đọng mầu biếc, mưa lâm thâm.
Người tiên đã đi rồi, không còn tin tức nữa,
Chín khúc suối mây, sớm hôm thong thả.

DỊCH THƠ :

Non mướt rau đồng, nhẹ gió lay,
Bên sông hoa biếc, hạt mưa bay.
Người tiên đã khuất, không tin tức,
Thong thả chiều hôm dạo suối mây.

PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 吐 *thổ.*

CHÚ THÍCH :

(1) Theo nguyên chú trong VATT thì *Động Vũ Lâm* ở huyện Yên Ninh 安寧, tỉnh Thanh Hóa 清化, chúng tôi chưa rõ huyện Yên Ninh, nay là huyện nào ? Phải chăng là huyện Yên Định, Thanh Hóa.

TẠ THIÊN HUÂN
謝天檮
(?)

Tạ Thiên Huân hiệu là Thoái Viên 退園 (1). Chưa rõ sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu. Từng làm quan vào đời Trần, đến chức Tả (2) tham tri chính sự.

Tác phẩm : hiện còn 14 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Ở Thư viện khoa học xã hội, có một cuốn TVTL, ký hiệu A. 3200, chép Tạ Thiên Huân hiệu là Thoái Hiên 退軒. Có lẽ nhầm.

(2) VATT bản A.3038 chép là 右 Hữu

209

過扶董渡

QUÁ PHÙ ĐỔNG ĐỘ

鐵馬嘶寒萬里秋,
當年事業付東流。
月明不管興亡事,
獨照行人古渡頭。

Thiết mã tê hàn vạn lý thu,
Đương niên sự nghiệp phó đông lưu,
Nguyệt minh bất quản hưng vong sự,
Độc chiếu hành nhân cổ độ đầu.

DỊCH NGHĨA :

QUA BẾN ĐÒ PHÙ ĐỔNG (1)

Ngựa sắt hý rợn người trong muôn dặm hơi thu,
Sự nghiệp năm ấy phó cho giòng nước chảy về đông (2).
Vầng trăng sáng dửng dưng trước sự hưng phế,
Chỉ soi khách đi đường trên bến đò xưa.

DỊCH THƠ :

Ngựa sắt hý vang vạn dặm thu,
Năm nao sự nghiệp mặc đông lưu.
Trăng soi hờ hững đời hưng phế,
Dõi khách trên đường chốn bến xưa !

TRẦN LÊ SÁNG

CHÚ THÍCH :

(1) Bến đò ở sông Đuống, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

(2) Câu thơ này và câu thơ thứ nhất đều nhắc tới sự tích người anh hùng làng Dóng (Phù Đổng) cưỡi ngựa sắt đánh tan giặc Ân.

210

即事	TỨC SỰ
淡曉扶藜入退園,	Đạm hiểu phù lê nhập Thoái Viên.
園中花草故依然。	Viên trung hoa thảo cố y nhiên.
年來却愛新桃子,	Niên 1* lai khước ái tân đào tử,
春一番來一少年。	Xuân nhất phiên lai nhất thiếu niên.

DỊCH NGHĨA :

TỨC SỰ

Tảng sáng chống gậy vào Thoái Viên (1),
Trong vườn, hoa cỏ vẫn y như cũ.
Mấy năm rày lại càng yêu cây đào tơ,
Mỗi độ xuân sang là một lần trẻ lại (2).

DỊCH THƠ :

Gậy chống, tinh mơ dạo Thoái Viên,
Trong vườn, hoa cỏ vẫn y nguyên.
Hàng năm vốn thích đào tơ ấy,
Mỗi độ xuân về một trẻ thêm.

HOÀNG LÊ

KHẢO DỊ :

1* VATT : 尔 *nhĩ*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Thoái Viên* : tên một vườn hoa. Tác giả cũng đã từng dùng hai chữ này để làm hiệu cho mình.

(2) Trong VATT, dưới bài thơ này, Phan Phu Tiên có phê mấy chữ 雜不純 tạp bất thuần : *ý thơ lộn xộn, không thuần nhất.*

211 — 212

蘭 — LAN

其一 — Kỳ nhất

爲愛幽叢僕屢更，
孤吟不覺夜窗明。
偶然拾得花中趣，
習習香風筆底生。

Vị ái u tùng bộc lũ canh,
Cô ngâm bất giác dạ song minh.
Ngẫu nhiên thập đắc hoa trung thú,
Tập tập hương phong bút đề sinh.

其二 — Kỳ nhị

炎帝招來入藥材，
雜授花卉意尤乖。
縱饒束帛臨岩谷，
高尚初心恐不來。

Viêm đế chiêu lai nhập dược tài,
Tạp noa hoa hủy ý vưu quai.
Túng nhiêu thúc bạch lâm nham cốc,
Cao thượng sơ tâm khủng bất lai.

其三

東皇律令太匆忙，
爲愛幽香冠衆芳。
先主當門雖辱語，
鋤根往往不鋤香。

Kỳ tam

Đông hoàng luật lệnh thái thông mang,
Vị ái u hương quán chúng phương.
Tiên chủ đương môn tuy nhục ngữ,
Sừ căn vãng vãng bất sừ hương.

其四

仙骨冷冷骸自幽，
餐冰吸露自蕭疎。
那知惹起輕身法，
誤墮醫家百草圖。

Kỳ tứ

Tiên cốt linh linh thể [1*] tự u,
Xan băng hấp lộ tự tiêu sơ.
Na tri nhạ khởi khinh [2*] thân pháp,
Ngộ đọa y gia bách thảo đồ.

其五

貧中噴出紫金身，
冉冉幽香拂鼻根。
兀坐毗耶初入定，
敢將俗態伴清芬。

Kỳ ngũ

Bần trung phún xuất tử kim thân,
Nhiễm nhiễm u hương phất tị căn.
Ngột tọa tỳ gia sơ nhập định,
Cảm tương tục thái bạn thanh phân.

其六

幾對冰花嗟白首，
獨期霜幹抱丹心。
莫愁環堵無餘物，
猶有幽蘭與素琴。

Kỳ lục

Kỷ đối băng [3*] hoa ta [4*] bạch thủ,
Độc kỳ sương cán bão đan tâm.
Mạc sầu hoàn đồ vô dư vật [5*],
Do hữu u lan dữ tố cầm.

其七

別無聲色自芬芳，
獨伴吟翁遶砌香。
甌瓦不知渠骸態，
妄推國色作花王。

Kỳ thất [6*]

Biệt vô thanh sắc, tự phân phương
Độc bạn ngâm ông nhiễu thế hương
Âu ngõa bất tri cừ thể thái,
Vọng [7*] suy quốc sắc tác hoa vương

其八

蒲團獨坐掩山扉，
滿畹秋風習習微。
禪觀觸機能悟道，
真香幽色是耶非。

Kỳ bát

Bồ đoàn độc tọa yểm sơn phi,
Mãn uyển thu phong tập tập vi.
Thiền quán xúc cơ năng ngộ đạo,
Chân hương [8*] u sắc thị da phi ?

其九	Kỳ cửu
幽香不爲幽人改， 冰幹居然隨意芳。 獨抱此心堅此節， 此翁與此一般香。	U hương bất vị u nhân cải, Băng cán cư[9*] nhiên tùy ý phương. Độc bão thử tâm kiên thử tiết, Thử ông dữ thử nhất ban hương.
其十	Kỳ thập
靈均去後幾流芳， 騷筆蕭然莫發揚。 今日花前悄無語， 清風誰爲策賢良。	Linh Quân khứ hậu kỷ lưu phương, Tao bút tiêu nhiên mạc phát dương. Kim nhật hoa tiền tiếu vô ngữ, Thanh phong thùy vị sách hiền lương.
其十一	Kỳ thập nhất
風雪淋漓楚澤間， 冰姿玉貌孰能干。 憑誰爲報月中姊， 仙種同稱入廣寒。	Phong tuyết lâm ly Sở trạch gian, Băng tư ngọc mạo thục năng can. Bằng thùy vị báo nguyệt trung tỉ, Tiên chủng đồng xưng nhập QuảngHàn
其十二	Kỳ thập nhị
秋入書堂夜欲中， 吟鞋獨自遶芳叢。 鼻根豈是貪香味， 正是吾家臭味同。	Thu nhập thư đường dạ dục trung, Ngâm hài độc tự nhiễu phương tùng. Tị căn khởi thị tham hương vị, Chính thị ngô gia xú vị đồng.

DỊCH NGHĨA :

LAN (1)

Bài thứ nhất

Vì ta yêu khóm cây u nhã, nên hay dạo xem,
Ngâm thơ một mình, chợt thấy trăng ló bên cửa sổ.
Thú làm thơ bỗng nhiên đến giữa lúc ngắm hoa,
Gió thơm tới tấp nảy sinh dưới ngòi bút.

Bài thứ hai

Viêm Đế (2) gọi đến cho vào hàng vị thuốc,
Vò lẫn với hoa cỏ, ý thật không hợp.
Cho dù có đem đầy lụa (3) tới bên hang núi để vời,
Vì lòng cao thượng vốn có tứ đầu, e vẫn không chịu đến.

Bài thứ ba

Luật lệnh của Đông Hoàng (4) quá gấp gáp,
Vì yêu mùi thơm thanh u đứng đầu các hoa thơm.
Tiên chủ (5) tuy có lời xỉ vả ngay trước cửa,
Nhưng chỉ cuốc bỏ được rễ, chứ thường không cuốc bỏ được mùi thơm.

Bài thứ tư

Cốt cách thanh cao như người tiên, thể chất tự thành u nhã,
Ăn băng, uống móc, tự mình đượm vẻ thanh đạm.
Nào hay đem lại phép làm nhẹ nhõm thân thể,
Nhầm rơi vào sách « Bách thảo đồ » (6) của nhà làm thuốc.

Bài thứ năm

Trong cảnh nghèo vẫn nẩy ra tấm thân quí báu,
Mùi thơm kín đáo thoang thoảng đưa đến tận mũi.
Vị thiền sư (7) ngồi ngay ngắn mới vừa nhập định,
Đâu dám đem thói tục làm bạn cùng mùi hương thanh cao.

Bài thứ sáu

Mấy lần ngồi trước đóa hoa băng tuyết, than thở đến bạc đầu,
Riêng hẹn với mình dù trong sương giá, vẫn giữ tấm lòng son.
Đừng buồn tường vách chung quanh không có gì khác nữa,
Còn có khóm lan u nhã với cây đàn tự năm nào !

Bài thứ bảy

Không thanh, không sắc mà vẫn thơm tho.
Một mình làm bạn với nhà thơ, mùi hương tỏa quanh thềm đá.
Chậu sành không biết phong thái rất mực đó.
Cứ tôn bừa là quốc sắc, làm chúa tể các loài hoa (8).

Bài thứ tám

Ngồi một mình trên đệm cói (9), khép cửa núi lại,
Gió thu đầy vườn hắt hiu thổi tới.
Tu thiền, phải gặp cơ hội mới ngộ đạo,
Vậy mùi thơm chân chính và sắc màu u nhã là thực có hay chăng ?

Bài thứ chín

Mùi thơm thanh nhã không vì người ở ẩn mà đổi thay,
Tấm thân băng tuyết vẫn tỏa hương như cũ.
Một mình giữ lấy dạ này, bền với tiết tháo này,
Lão già này với giống hoa này cùng thơm tho như một.

Bài thứ mười

Sau khi Linh Quân (10) qua đời, danh thơm còn lưu lại bao nhiêu nữa,
Ngọn bút *Ly tao* (11) tiêu điều không còn kẻ phát huy lên.
Hôm nay đứng trước hoa rầu rĩ không nói,
Gió mát sẽ do đâu mà chọn kẻ hiền lương ?

Bài thứ mười một

Gió tuyết tơi bời trên chằm nước Sở (12),
Thể chất như băng, hình dung tựa ngọc, ai mà tìm được.
Biết nhờ ai nhắn cùng bà chị trong trăng,
Rằng đây là giống tiên (13), hãy cho vào cung Quảng Hàn (14) !

Bài thứ mười hai

Hơi thu lọt vào thư phòng, trời sắp nửa đêm,
Đôi hài thơ một mình dạo quanh khóm cây thơm.
Nào phải do cái mũi mải hương vị,
Mà chính vì nó vốn cùng một giống với nhà ta.

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT, TVTL1 : 本 *bản.*
2* VATT, TVTL1 : 捏 *khanh.*
3* TVTL2 : 水 *thủy.*
4* TVTL2 : 歌 *ca.*
5* TVTL2 : 相 *tướng.*
6* TVTL1: 共 二 *kỳ nhị.*

7* VATT, TVTL2 : 度 *độ*.

8* TVTL1, TVTL3 : 黄香 *hoàng hương*.

9* TVTL2 : 依 *y*. Riêng TVTL2, chỉ có các bài 6, 8, 9 mà thôi.

CHÚ THÍCH :

(1) *Lan* : là một loài «hương thảo», gồm có nhiều giống. Có giống mọc ở ven nước, gọi là «trạch lan». Có giống mọc ở trên cạn, gọi là «lan thảo» hay «sơn lan». «Lan» trong bài thơ này có lúc là «lan thảo», nhưng cũng có lúc là «trạch lan». Nghĩa là lan nói chung vậy.

(2) Tức Thần Nông 神農. Tương truyền rằng ông từng đi nếm các vị cỏ để chọn làm thuốc chữa bệnh.

(3) *Lụa* (thúc bạch) : nghĩa đen là bó lụa, người xưa thường dùng làm lễ vật khi đi với những kẻ hiền tài.

(4) *Đông Hoàng* : vị Chúa tể của mùa xuân.

(5) *Tiên chủ* : ngày xưa, những người có công dựng nước đều được gọi là «Tiên chủ». Nhưng ở bài này, vẫn chưa rõ «Tiên chủ» chỉ cụ thể vào ai.

(6) *Bách thảo đồ* : sách tính dược của y học xưa.

(7) *Thiền sư* : (Tỳ gia) : «Tỳ gia» nguyên là phiên âm theo tiếng Phạn, có nghĩa là «giới luật». Ở đây tạm dịch là «Thiền sư» cho dễ hiểu.

(8) Hoa lan được gọi là «Vương giả hoa».

(9) *Đệm cói* (Bồ đoàn) : ở đây chỉ một thứ mà các nhà sư khi tọa thiền thường dùng để ngồi hoặc quỳ lên trên cho đỡ đau.

(10) *Linh Quân* : tên chữ của Khuất Nguyên 屈原, nhà thơ và nhà yêu nước lớn của nước Sở vào thời Chiến Quốc.

(11) *Ly tao* : Một tác phẩm lớn của Khất Nguyên viết trước khi nhà thơ trẫm mình ở sông Mịch La.

(12) *Chằm nước Sở* : (Sở trạch) : là nơi có rất nhiều giống «trạch lan», một thứ «hương thảo» mà Khuất Nguyên từng đặc biệt ca ngợi.

(13) Theo chuyện thần thoại, thì trên trăng có cây «đan quế» mà «quế» lại thường được nêu tên chung với «lan». «Quế» đã là giống tiên, thì «lan» cũng là giống tiên vậy.

(14) *Cung Quảng Hàn* : Theo sách *Thiên Bảo di sự* 天寶遺事 thì Đường Minh Hoàng 唐明皇 từng dạo chơi trên cung Nguyệt, thấy một tấm bản trên có mấy chữ «Quảng Hàn thanh hư chi phủ». Người đời sau do đó có lúc gọi mặt trăng là «cung Quảng Hàn».

TRẦN LÔI

陳雷

(?)

Trần Lôi sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông sống vào khoảng cuối đời Trần.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

223

過封溪	QUÁ PHONG KHÊ
浪泊嗟鳶墜,	Lãng Bạc ta diên trụy [1*],
封溪築璽城。	Phong Khê trúc Kiền [2*] thành.
一時巾幗陣,	Nhất thời cân quắc trận,
陡爾立功名。	Đẩu [3*] nhĩ lập công danh !

DỊCH NGHĨA :

QUA ĐẤT PHONG KHÊ (1)

Trông hồ Lãng Bạc than thở rơi diều (2),
Ở đất Phong Khê xây đắp thành Kén (3).
Đội quân khăn yếm một thời,
Lập nên công danh vang dội.

DỊCH THƠ :

Lãng Bạc diều rơi xuống,
Phong Khê đắp Kiền Thành.
Một thời khăn yếm đấy,
Vang dội lập công danh.

TUẤN NGHI, PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 立站 *trạm.*
2* VATT, TVTL2 : 蠻 *man.*
3* VATT, TVTL1, TVTL2 : 徒 *đồ.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Phong Khê* : kinh đô của Hai Bà Trưng thuở xưa. (nay thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Phú)

(2*) Con diều bị rơi (diên trụy) : *Mã Viện truyện* 馬援傳 *Hậu Hán thư* 後漢書 có câu : 仰視飛鳶, 蝶蝶墜水中 Ngưỡng thị phi diên, điệp điệp trụy thủy trung : *Ngước trông thấy diều bay, lớp lớp rơi xuống nước.* Ý nói đất Nam Việt hiểm trở, đến con diều cũng không bay qua được, phải rơi thẳng xuống nước.

(3*) *Kiền Thành* : Thành do Mã Viện cho đắp tại Phong Khê. Vì thành này tròn như cái tổ kén, nên gọi là «Kiền Thành».

ĐOÀN XUÂN LÔI

段春雷

(?)

Đoàn Xuân Lôi người làng Trâu Lỗ 鄒魯, huyện Tân Phúc 新福 (1), năm sinh và năm mất đều chưa rõ. Ông đỗ Thái học sinh khoa Giáp tí (1384) đời Trần Phế Đế 陳廢帝, làm quan đến chức Trung thư thị lang, rồi làm Thông phán ở Ái Châu 愛州 (2).

Tác phẩm : hiện còn 1 bài phú chép trong *Quần hiền phú tập*.

(1) Nay thuộc huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phú.

(2) Nay là Thanh Hóa.

224

葉馬兒賦

維大鈞之播物，賦幺鉅之萬殊。彼蠕蠕與蒼蒼，紛動植之難俱。荷葉上之馬兒，因假合而成軀。覆葉而背兮，文有倫而有脊；仰葉而腹兮，緣非槁而非枯。兩角圭尖，似剪桐而爲戲；四蹄霜薄，類刻楮而成模。具體而微，巉首昂而聽廣；寓形莫辨，混枝綴而英敷。蔽芾視之而不見；肖翹乍有而乍無。謂爲抱葉之蟬，而嘒鳴之匪匹；譬則化莊之蝶，又腹背而非徒

。豈蕉鹿之荒說，曷茅麝之厚誣。認天降葉身之瑞出，而其狀有類乎龍駒也。

想夫：長林蕭颯，葉動千甲。勁氣砥兮扶疎，剛風振兮騰踏。非關御轡，孰騏驥之可拘；知幾春秋，笑螗蛄之相狎。飄梧桐而飛去，冀北群空；磨楊柳而相依，華陽息捷。盍歸禮義之大閑，誓委輕微而報答。

爾乃：昔遯荒野；今來洞天。辭草木之俱腐；矜畜養之大恩。棲蹤乎琼枝之上；息影於珠簾之前。夕飲木蘭之甘露；朝餐紫府之祥烟。一顧而價增百倍；親指而如著先鞭。外牡牝驪黃之相法；免岐行喙息之傾顛。竊觀夫化工肖形之巧妙，而知夫賢相造化之大全。

嗟夫！人之有常；時登至治。既保合於太和；宜諸福之畢至。天降斯出，豈無深意。馬如厥狀，視君子之得輿；葉作其身，見蒼生之大庇。

且：馬者龍也，符開地之無疆；葉者茂也，兆本支之百世。矧斯出也：產於金甌之上；曜於洞天之地。適當靈臺經始之初；出應洛邑宅中之際。微物遭逢；億年關係。

駑材何幸，覩斯休美。感腐木之再生，荷識道之不鄙。叨鳳池金馬之榮；造閬苑蓬壺之秘。顧雕虫刻篆之匪工；賦得賢爲上瑞。

PHIÊN ÂM:

DIỆP MÃ NHI PHÚ

Duy đại quân chi bá vật, phú yêu cự chi vạn thù. Bỉ nhu nhuyễn dữ khoái loát, phân động thực chi nan câu. Hà diệp thượng chi mã nhi, nhân giả hợp nhi thành khu. Phúc diệp nhi bối hề, văn hữu luân nhi hữu tích; ngưỡng diệp nhi

phúc hề, lục phi cảo nhi phi khô. Lưỡng giác khuê tiêm, tự tiễn đồng nhi vi hý ; tứ đề sương bạc, loại khắc chử nhi thành mô. Cụ thể nhi vi, sàm thủ ngang nhi ức quảng ; ngụ hình mạc biện, hỗn chi chuyết nhi anh phu. Tế phế thị chi nhi bất kiến, tiếu kiều sạ hữu nhi sạ vô. Vị vi bão diệp chi thiền, nhi tuệ minh chi phỉ thất. Thi tắc hóa Trang chi điệp, hựu phúc bối nhi phi đồ. Khởi tiêu lộc chi hoang thuyết, hạt mao khuân chi hậu vu. Nhận thiên giáng diệp thân chi thụy trùng, nhi kỳ trạng hữu loại hồ long câu dã.

Tưởng phù : Trường làm tiêu táp, diệp động thiên giáp. Kình khí chỉ hề phù sơ, cương phong chấn hề đẳng đạp. Phi quan ngự bí, thục kỳ ký chi khả cầu ; tri kỷ xuân thu, tiếu huệ cổ chi tương hiệp. Phiêu ngô đồng nhi phi khứ, Ký Bắc quần không ; ma dương liễu nhi tương y, Hoa Dương tức tiệp. Hạp qui lễ nghĩa chi đại nhân, thệ ủy khinh vi nhi báo đáp.

Nhĩ nãi : Tích độn hoang dã, kim lai động thiên. Từ thảo mộc chi câu hủ, căng súc dưỡng chi đại ân. Thê tung hồ quỳnh chi chi thượng ; tức ảnh ư châu liêm chi tiền. Tịch ẩm mộc lan chi cam lộ ; triêu xan tử phủ chi tường yên. Nhất cố nhi giá tăng bách bội, thân chỉ nhi như trước tiên tiên. Ngoại mẫu tẫn ly hoàng chi tướng pháp, miễn kỳ hành huế tức chi khuynh điên. Thiết quan phù hóa công tiếu hình chi xảo diệu, nhi tri phù hiền tướng tạo hóa chi đại toàn.

Ta phù ! nhân chi hữu thường, thời đăng chi trị. Ký bảo hợp ư thái hòa ; nghi chư phúc chi tất chi. Thiên giáng tư trùng, khỉ vô thâm ý. Mã như quyết trạng, thị quân tử chi đắc dư ; diệp tác kỳ thân, kiến thương sinh chi đại tý.

Thả : Mã giả long dã, phù khai địa chi vô cương ; diệp giả mậu dã, triệu bản chi chi bách thế. Thấn tư trùng dã : sản ư Kim Âu chi thượng, diệu ư động thiên chi địa. Thích đương Linh Đài kinh thủy chi sơ, xuất ứng Lạc Ấp trạch trung chi tế. Vi vật tao phùng, ức niên quan hệ.

Nô tài hà hạnh, đồ tư hưu mỹ. Cảm hủ mộc chi tái sinh, hà thức đạo chi bất bỉ. Thao Phượng Tri Kim Mã chi vinh, tháo Lãng Uyển Bồng Hồ chi bí. Cố điêu trùng khắc triện chi phỉ công, phú đắc hiền vi thượng thụy.

DỊCH NGHĨA :

PHÚ CON NGỰA LÁ

Kìa tạo hóa sinh ra muôn vật, phú cho hình lớn nhỏ khác nhau. Kìa là sâu hay lá khôn phân, động hay thực khó bề biết được. Sao con ngựa ở trên lá nọ, dơ kết hợp giả mà thành hình. Úp lá xuống thì lưng thành loài có vẩn có sống ; ngửa lá lên thì bụng mầu lục không héo không khô. Hai sừng nhọn như ngọc, tựa hái lá vông làm đồ chơi (1) ; bốn móng sáng như sương, tựa chạm gỗ chử làm hình mẫu (2). Thân đủ mà nhỏ con, cao đầu mà rộng ngực. Náu hình không phân biệt cành kết hay hoa phô. Hình nhỏ nên nhìn khó thấy, mỏng manh chợt có chợt không. Thấy ôm lá bảo là ve sao lại tiếng kêu không giống.

Tưởng Trang Chu cho là bướm (3) thế mà lưng bụng khôn so. Phải chặng lá chuối che hươu (4), thuyết xưa hoang đản ; hay cũng con nai bọc cỏ (5), câu chuyện nói vu vơ. Phải nhận rằng trời giáng con sâu điềm tốt, mà hình trạng như loài ngựa rồng.

Nhớ khi : rừng rậm rạt rào, lá ngàn lác đác. Khí sắc re re, gió sương xào xạc. Không dùng cương ngự, ai hay giữ được ngựa tài ; biết mấy xuân thu, cười mãi lờn cùng ve xác. Vút cành khô mà vỗ cánh, Ký Bắc sạch không (6) ; Vin chòm liễu mà nương mình, Hoa Dương im bặt (7). Sao chuồng to lễ nghĩa không về ; dù thân mọn xin thề báo đáp.

Nghĩ mày : Xưa trốn nơi đồng rậm ; nay tới chốn động trời. Không chịu với cỏ cây cùng nát ; kính mến vì ơn lớn dưỡng nuôi. Trên cành ngọc đặt chân nương tựa ; trước rèm châu dừng bóng nghỉ ngơi. Chiều uống móc ngọt cây mộc lan ; sáng hớp khói lành nơi phủ tía. Một liếc, thành gấp trăm giá bội (8) ; chỉ tay, mà đi đứng phất roi (9). Đặt ngoài phương tướng mạo để phân biệt đực cái đen vàng (10) ; tránh khỏi sự ngửa nghiêng của mọi lẽ thở ăn, đi đứng. Trộm thấy hóa công tạo vật rất tài ; biết rằng hiền tướng dựng xây thật khéo.

Than ôi ! người vốn lâu dài ; thời đang thịnh trị. Đã hay giữ được thái hòa ; lại đáng tụ về muôn phúc. Trời sinh sâu này, há không có ý. Dáng hình con ngựa, tỏ rằng quân tử được xe ; kết lá làm nên, thấy được nhân dân nhờ cậy.

Vả chăng : Ngựa là rồng vậy, ứng điềm mở đất vô cùng ; lá tựa tốt tươi, tỏ triệu dòng truyền bách thế. Huống giống sâu này : sinh ra trên đất Kim Âu ; rạng rỡ ở nơi thiên động. Nhằm Linh Đài (11) vừa lúc xây nền ; gặp Lạc Ấp (12) đang khi dựng móng. Gặp giống côn trùng ; muôn năm hệ trọng.

Thân thấp hèn may được thái bình ; điềm tốt đẹp mở tầm mắt rộng. Cảm thân gỗ mục mà được tái sinh ; gánh vác nặng nề kể chi chết sống. Phượng Trì, Kim Mã (13) nhận thưởng vinh quang ; Lãng Uyển, Bồng Hồ (14) cửa tiên lồng lộng. Tài chạm trùng khắc triện (15) vẫn biết chửa thông ; phú tìm được tôi hiền (16) kính dâng lời tụng.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

Bài này chép ở *Quần hiền phú tập*.

CHÚ THÍCH :

(1) Sách *Chu thư* chép rằng : Chu Thành Vương lúc còn nhỏ chơi với em là Thúc Ngu, cắt lá vông làm ngọc khuê và nói : « Ta phong cho ngươi cái này ». Viên sử quan là Sử Dật nói : « Xin cho chọn ngày tốt để làm lễ phong ». Thành Vương bảo nói đùa. Sử Dật bảo : « Thiên tử không nói đùa ». Thành Vương bèn phong Thúc Ngu làm Đường hầu.

(2) Sách *Liệt tử* chép có người làm cho vua Tống lá chử (giống lá dâu) bằng ngọc, để vào đám lá chử, không thể phân biệt được. Đời sau lấy điển này để nói sự bắt chước như thật.

(3) *Trang Chu* : tức Trang Tử 莊子 , nằm mơ thấy mình hóa thành con bướm *(Nam hoa kinh, Tề vật luận).*

(4) Theo sách *Liệt tử* 列子 : ngày xưa có người nước Trịnh ra đồng đánh chết con hươu, sợ người khác thấy, vội vàng lấy lá chuối che kín. Sau bỗng quên không nhớ dấu ở chỗ nào, bèn nghĩ rằng việc ấy chỉ là chiêm bao chứ không có thực.

(5) *Thi kinh, Chu Nam, Dã hữu tử huân* 詩經,周南,野有死麕 có câu :

野有死麕,
白茅包之。
Dã hữu tử huân,
Bạch mao bao chi.
Ngoài đồng có con nai chết,
Lấy cây mao trắng mà bọc lại.

(6) Hàn Dũ 韓愈 đời Đường từng nói : 伯樂一過冀北之野,而馬群遂空 Bá Nhạc nhất quá Ký bắc chi dã, nhi mã quần toại không : *Bá Nhạc mỗi lần qua phía bắc châu Ký thì bầy ngựa sạch không.* Ý nói Bá Nhạc mua hết ngựa tốt thì bầy ngựa có cũng như không.

(7) *Hoa Dương* : tên một hòn núi đẹp ở Trung Quốc.

(8) Cổ văn có câu : 伯樂一顧而馬增價 : Bá Nhạc nhất cố nhi mã tăng giá : *Bá Nhạc mỗi lần liếc đến con ngựa nào thì giá con ngựa ấy cao thêm.* Tác giả bài phú mượn theo ý câu này.

(9) Lưu Côn 劉昆 đời nhà Tấn từng nói : 常恐祖生先吾著鞭 Thường khủng Tổ Sinh tiên ngô trước tiên : *Thường sợ Tổ Sinh vung roi trước ta.* Ý nói sợ Tổ Sinh lập công danh trước mình.

(10) Theo sách *Liệt tử* 列子 , vua nhà Tần được Bá Nhạc 伯樂 tiến cử cho một người giỏi xem tướng ngựa tên là Cửu Phương Cao 玖芳高 . Vua sai Cao đi xem ngựa. Ít lâu sau, anh ta về tâu với vua là đã tìm được một con ngựa tốt, đó là một con ngựa cái sắc hồng. Vua sai người đem ngựa về, thì lại là con ngựa đực sắc đen. Ở đây dùng điển ấy để nói xem tướng ngựa cốt xem cái «thần» của nó, không để ý đến màu sắc, đực, cái.

(11) *Linh Đài* : cái đài của vua Văn Vương 文王 nhà Chu.

(12) *Lạc Ấp* : một nơi được xây dựng sau khi vua Vũ 禹 trị thủy xong.

(13) *Phượng Trì, Kim Mã* : tên dinh thự thời cổ ở Trung Quốc. Về sau thường dùng để chỉ sự phú quí nói chung.

(14) Trong truyền thuyết xưa, Lãng Uyển, Bồng Hồ là những nơi tiên ở.

(15) *Khắc triện chạm trùng* (điêu trùng khắc triện) ; ý nói đẽo gọt câu văn một cách tỉ mỉ.

(16) *Tôi hiền* : ở đây tác giả ám chỉ Hồ Qui Ly 胡季犛 .

NGUYỄN PHI KHANH

阮飛卿

(1355? — 1428?)

Nguyễn Phi Khanh tên thực là Nguyễn Ứng Long 阮應龍, hiệu là Nhị Khê 蘂溪, đến đầu đời Hồ (khoảng năm 1401) đổi tên là Nguyễn Phi Khanh; sinh khoảng năm 1355 (?) tại xã Nhị Khê 蘂溪, huyện Thượng Phúc 上福, phủ Quốc Oai 國威, trấn Sơn Nam thượng 山南 (1). Tổ tiên xa đời của ông vốn ở xã Chi Ngại 支礙 huyện Phượng Nhãn 鳳眼 trấn Kinh Bắc 京北 (2).

Nguyễn Phi Khanh là thân sinh của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Thời trẻ, Phi Khanh từng ở nhà quan Tư đồ Trần Nguyên Đán 陳元旦 ở kinh đô Thăng Long để dạy con gái quan Tư đồ là Trần Thị Thái 陳氏太, về sau Trần Thị Thái yêu Nguyễn Phi Khanh. Đến khi Thái có mang, Phi Khanh sợ tội, bỏ trốn. Ngày Thái sinh đẻ, Trần Nguyên Đán hỏi Phi Khanh ở đâu? Người nhà kể rõ sự tình. Trần Nguyên Đán nói: «Vận nước (tức vận mệnh nhà Trần) ngắn rồi. Biết đâu, đấy không phải là trời xui ra như thế. Chưa chắc đã không phải là phúc may cho nhà ta». Ông cho tìm Phi Khanh về và bảo rằng: «Người xưa cũng đã có việc như thế. Chắc anh cũng biết chuyện Văn Quân 文君 và Tương Như 相如 (3). Nếu anh làm được như Tương Như, lưu danh đến đời sau, thì ấy là nguyện vọng của ta». Phi Khanh cảm ơn và ra sức học tập. Năm Giáp dần (1374), ông thi đậu Tiến sĩ (4). Thượng hoàng Trần Nghệ Tông 陳藝宗 cho Nguyễn Phi Khanh là con nhà thường dân mà lấy vợ thuộc dòng họ nhà vua là phi lễ nên không bổ dụng làm quan.

Đến triều Hồ, Nguyễn Phi Khanh mới được bổ dụng. Tháng 12 năm Tân tị (1401), tức tháng giêng năm 1402, ông được cử làm Học sĩ Viện Hàn lâm. Sau đó lần lượt được thăng lên Thông chương đại phu; Đại lý Tự khanh kiêm Trung thư thị lang; Thái tử tả tán Thiện đại phu, Tư nghiệp trường Quốc tử giám ...

Năm 1407, quân Minh sang xâm lược nước ta. Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt đưa về Kim Lăng. Các con của Nguyễn Phi Khanh là Nguyễn Trãi, Nguyễn Phi Hùng 阮雄, 阮飛熊 định cùng theo sang Kim Lăng để phụng

dưỡng cha cho trọn chữ hiếu. Nhưng đến biên giới thì Nguyễn Phi Khanh khuyên Nguyễn Trãi hãy trở về tìm cách rửa thẹn cho nước, phục thù cho cha, như thế mới chính là đại hiếu. Nguyễn Trãi đã thực hiện xuất sắc lời dặn này của cha. Theo gia phả họ Nguyễn Nhị Khê thì Nguyễn Phi Khanh chết tại Trung Quốc năm 73 tuổi, như vậy là vào khoảng năm 1428 (?) (5)

Tác phẩm :

藁溪詩集 *Nhị khê thi tập* (đã mất)

阮飛卿詩文 *Nguyễn Phi Khanh thi văn*

(gồm các bài thơ và hai bài văn của Nguyễn Phi Khanh do Dương Bá Cung 陽伯恭 sưu tập, in trong bộ *Ức Trai di tập* 抑齋遺集).

(1) Xã Nhị Khê, nay thuộc huyện Thường Tín tỉnh Hà Sơn Bình.

(2) Xã Chi Ngại, nay thuộc huyện Chi Linh tỉnh Hải Hưng.

(3) Trác Văn Quân 卓文君 là một người có sắc đẹp và có tài văn học, con gái của Trác Vương Tôn 卓王孫 đời Hán. Tư mã Tương Như là một danh sĩ có tài gảy đàn. Một lần Tương Như đến dự yến ở nhà Trác Vương Tôn, Văn Quân mê tiếng đàn của Tương Như, đang đêm bèn bỏ nhà trốn theo chàng. Về sau Tương Như lập nên công trạng, lưu tiếng ở đời. Trần Nguyên Đán mượn chuyện này để tỏ sự bằng lòng cho Phi Khanh lấy con gái mình.

(4) Một số tài liệu chép rằng Nguyễn Phi Khanh đỗ Bảng nhãn khoa này. Nhưng ĐVSKTT và VSTGCM đều ghi rõ tên tuổi ba người khác đỗ Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa (tức nhất, nhì, ba) của khoa này mà không có Nguyễn Phi Khanh đỗ trong hạng đó.

(5) ĐVSKTT và một vài tài liệu khác chép rằng Nguyễn Phi Khanh đã ra hàng quân Minh, có người lại cho rằng ông chết trong nước, những sự kiện này còn cần được xác minh thêm.

(6) Từ đây trở xuống, *Nhị Khê thi tập*, viết tắt là NKTT ; *Nguyễn Phi Khanh thi văn* viết tắt là NPKTV ; *Ức Trai di tập* viết tắt là ỨTDT.

225

避寇山中

TỊ KHẤU SƠN TRUNG 1*

山房盡日醉昏昏，
世路難危懶出門。
六袠慈親千里隔，
兩年寇亂一身存。
風塵天地空搔髮，
烟瘴林蠻只斷魂。
謾有寸懷勞耿耿，
夜依牛斗望中原。

Sơn phòng tận 2* nhật túy hôn hôn,
Thế lộ nan nguy 3* lãn 4* xuất môn.
Lục dật 5* từ thân thiên lý cách,
Lưỡng 6* niên khấu loạn nhất thân tồn,
Phong trần thiên địa không 7* tao phát,
Yên chướng 8* lâm man chỉ 9* đoạn hồn.
Mạn hữu thôn hoài lao cảnh cảnh,
Dạ y 10* Ngưu Đẩu vọng 11* trung nguyên,

DỊCH NGHĨA :

LÁNH GIẶC TRONG NÚI

Dưới mái nhà trong núi suốt ngày say lị bì,
Đường đời nguy nan, biếng ra khỏi cửa.
Mẹ già sáu mươi tuổi, cách xa ngàn dặm;
Loạn lạc hai năm nay, một thân vẫn còn.
Đất trời gió bụi mà cứ gãi tóc suông.
Lam chướng núi rừng, chỉ những mòn mỏi tâm hồn !
Dai dẳng một tấm lòng canh cánh lo âu,
Đêm đêm theo sao Ngưu sao Đẩu trông ngóng về trung nguyên (1).

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : Có thêm hai chữ 有感 *hữu cảm.*
2* TTCGLT : 冬 *đông.*
3* TVTL2 : 艱難 *gian nan.*
4* TTCGLT : 瀨 *lại,* chú thích : 瀨疑是懶 *lại nghi thị lại:*
5* TTCGLT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 衮 *cổn.* Chắc là chép lầm chữ 奏 *dật* thành chữ *cổn,* vì *cổn* thì không có nghĩa gì cả.
6* TVTL2 : 百 *bách.*
7* TTCGLT : 容 *dung.*
8* TVTL3 : 障 *chướng.*
9* TVTL3 : 問 *vấn.*
10* TTCGLT, TVTL2 : 懷 *hoài.*
11* TVTL3 : 翠 *thúy.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Trung nguyên* : chỉ vùng trung tâm của đất nước.

226

觀圍棋

QUAN VI KỲ

閑窻敵手偶相逢,
此樂堪殊鬬橘中。
初訝曉星光錯落,
忽聞晴雹碎玲瓏。
縱橫暗合周天數,
勝負交爭略地功。
萬事如棋須說著,
古今局面苦難同。

Nhàn song địch thủ ngẫu tương phùng,
Thử lạc kham thù đấu quất trung.
Sơ nhạ hiểu tinh quang thác lạc,
Hốt văn tình bạo toái linh lung.
Tung hoành ám hợp chu thiên số,
Thắng phụ giao tranh lược địa công.
Vạn sự như kỳ tu thuyết trước,
Cổ kim cục diện khổ nan đồng[1*].

DỊCH NGHĨA :

XEM ĐÁNH CỜ VÂY

Dưới cửa sổ thanh nhàn, địch thủ ngẫu nhiên gặp nhau,
Thú vui này có khác gì cuộc đấu ở trong quả quít (1).
Thoạt đầu ngỡ ánh sao sáng chẳng chịt.
Bỗng nghe như mưa đá lách cách vỡ ra từng mảnh.
Hàng ngang hàng dọc ngầm khớp với độ số của vòng trời (2),
Bên được bên thua, giành nhau về công lao chiếm đất.
Muôn việc đều như đánh cờ, cần phải tính nước đi,
Những ván xưa nay khó lòng giống nhau.

DỊCH THƠ :

Song nhàn, địch thủ bỗng giao binh,
Ruột quít sao hơn cuộc giật giành.
Thoạt ngỡ sao mai xen lẫn lộn,
Vụt nghe mưa đá vỡ long lanh.
Vòng trời số hợp hàng ngang dọc,
Chiếm đất tài đua cuộc bại thành.
Thế sự như cờ nên tính nước,
Xưa nay cục diện diễn muôn hình.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL chép câu 8 : 古今局面若同難 *cổ kim cục diện nhược đồng nan.*

CHÚ THÍCH :

(1) Theo sách *U quái lục* 幽怪錄, trong vườn quít ở đất Ba Ngang, sau tiết sương, người ta thấy xuất hiện quả quít to bằng cái vò, xẻ quít ra thì bên trong có hai ông già ngồi đánh cờ vây rất say mê... Từ đấy «đấu quất» là chỉ việc đánh cờ vây.

(2) *Độ số vòng trời* (chu thiên số) : Phép làm lịch của Trung Quốc cổ đại cho rằng một vòng trời có 360 độ. Ở đây là nói các vị trí trong bàn cờ.

227

與漳江同年張太學

憶昔遭逢珥水邊，
兩床燈户膝初連。
青衫各走紅塵裡，
綠鬢相看白酒前。
薇月芹風今異調，
硯旗殿衮舊同年。
慇懃別後須鞭策，
聖主方今正急賢。

DỮ CHƯƠNG GIANG ĐỒNG NIÊN TRƯƠNG THÁI HỌC

Ức tích tao phùng Nhị thủy biên,
Lưỡng sàng đăng hộ tất sơ liên.
Thanh khâm 1* các tẩu 2* hồng trần lý,
Lục mấn tương khan bạch tửu tiền,
Vi nguyệt 3* cần phong kim dị điệu,
Nghiễn kỳ điện cổn cựu đồng niên.
Ân cần biệt hậu tu tiên sách,
Thánh chúa phương kim chính cấp hiền.

DỊCH NGHĨA :

GỬI BẠN ĐỒNG NIÊN
LÀ THÁI HỌC SINH HỌ TRƯƠNG Ở CHƯƠNG GIANG (1)

Nhớ lại trước đây gặp nhau ở bên sông Nhị,
Bên đèn quán trọ kề gối liền giường lần đầu.
Một vạt áo xanh (3), đều xuôi ngược trong đám bụi hồng,
Hai mái tóc xanh, cùng nhìn nhau trước ly rượu trắng.

Trăng vi gió cần (4) nay được tuyển bổ khác nhau,
Cờ trong nghiên, cồn trên điện (5), xưa là đồng niên.
Ân cần nhủ nhau sau khi từ biệt đều nên gắng gỏi,
Nay là lúc thánh chúa đang gấp cầu người hiền.

DỊCH THƠ :

Trước đây gặp gỡ trên sông Nhị,
Dưới bóng đèn khuya giữa chúng mình.
Trong áng bụi hồng, chen áo lục,
Trước bầu rượu trắng chụm đầu xanh.
Gió trăng khác điệu lên đài các,
Nghiên bút cùng khoa đối diện đình.
Từ biệt ân cần khuyên hãy gắng,
Thánh hoàng đang gấp chọn tài danh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 春衫 *xuân khâm.*
2* TTCGLT : 長 *trưởng.*
3*. TVTL2 日 *nhật.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Đồng niên* : đây chỉ bạn thi đậu cùng khoa. *Họ Trương ở Chương Giang* : chưa rõ là ai.

(2) Ý câu này muốn nói lúc đó hai người mới ở buổi đầu quen biết.

(3) *Vạt áo xanh* (Thanh khâm) : *Tử khâm, Thi kinh* 子衿, 詩經 có câu : "青青子衿" Thanh thanh tử khâm : *xanh xanh vạt áo chàng.* Thanh khâm vốn là áo của sĩ tử mặc. Người đời do đó dùng chữ «Thanh khâm» để chỉ sĩ tử.

(4) *Trăng vi gió cần* (vi nguyệt cần phong) : *Vi* là *Vi sảnh*, chỉ tòa Trung thư, một cơ quan trọng yếu trong triều đình. Còn *cần* thì có thể hiểu là trường Quốc tử giám, lấy ý từ hai câu thơ sau đây trong bài *Phán thủy* 泮水 ở *Thi kinh* 詩經 :

思樂泮水,薄采其芹。
Tư lạc Phán thủy, bạc thái kỳ cần :
Vui thay Phán thủy, hãy hái rau cần.

Phán thủy là chỉ nhà Quốc học. Hái rau cần là nói kẻ được tuyển dụng trong nhà Quốc học.

(5) *Cờ nghiên cồn điện* (Nghiễn kỳ điện cồn) : *Thiền gia thi tập* có câu :

殿上袞衣明日月, Điện thượng cồn y minh nhật nguyệt,
硯中旗影動龍蛇。 Nghiễn trung kỳ ảnh động long xà.
Áo cồn bào trên điện rực rỡ như mặt trời mặt trăng,
Bóng cờ trong nghiên mực rung rinh như rồng rắn.

Ở đây Phi Khanh nhắc lại kỷ niệm cảnh thi đình mà hai người cùng dự.

228

陪冰壺相公遊春江

鮮雲晴日雪花天，
烟景三春勝柳川。
紅蓼白蘋吟況味，
羅裙綺袖醉因緣。
且談湖海江南士，
休訪風流采石仙。
極浦斜陽歌緩棹，
幾人同載孝廉船。

BỒI BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG DU XUÂN GIANG [1*]

Tiên [2*] vân tình nhật tuyết hoa thiên,
Yên cảnh tam xuân thắng liễu xuyên.
Hồng liễu bạch tần ngâm huống [3*] vị,
La quần ỷ tụ túy nhân duyên.
Thả đàm hồ hải Giang Nam sĩ,
Hưu phỏng phong lưu Thái Thạch tiên.
Cực phố tà dương ca hoãn trạo [4*],
Kỷ nhân đồng tải Hiếu liêm thuyền!

DỊCH NGHĨA :

THEO TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ ĐI CHƠI SÔNG XUÂN GIANG

Mây tươi sáng, trời quang tạnh, một bầu hoa tuyết,
Cảnh sắc ba xuân hơn hẳn con sông rặng liễu (1).
Rau liễu hồng, rau tần trắng, nguồn thơ ý nhị,
Quần là áo lượt, duyên phận não nùng.
Hãy bàn tới kẻ sĩ hồ hải của đất Giang Nam (2),
Đừng hỏi vị tiên phong lưu ở Thái Thạch (3).
Trong bóng chiều, tiếng hát mái đẩy khoan thai trên bến sông xa tắp,
Mấy người đã được chở chung một thuyền với bậc Hiếu liêm (4)!

DỊCH THƠ :

Trời sáng mây quang hoa tuyết đẹp,
Sông xuân khói tỏa cảnh vô biên.
Lục hồng tần trắng, thơ nhuần vị,
Áo lượt xiêm là, rượu mến duyên.
Hồ hải Giang Nam, bàn tới sĩ,
Phong lưu Thái Thạch, hỏi chi tiên.
Bến xa mái đẩy đưa chiều xế,
Ai Hiếu liêm chung khách một thuyền!

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 春山 *xuân sơn.*
2* Các bản khác : 祥 *tường.*
3* TVTL3 : 沉 *tràm.*
4* Các bản khác : 掉 *trạo.*

CHÚ THÍCH :

(1) Nguyên văn là *Thắng liễu xuyên* : Chỉ cảnh đẹp trong một cuộc đi chơi kỳ thú được miêu tả trong thơ của Trình Minh Đạo 程明道 đời nhà Tống :

雲淡風輕近午天,
傍花隨柳過前川。
Vân đạm phong khinh cận ngọ thiên,
Bàng hoa tùy liễu quá tiền xuyên.
Mây thưa gió nhẹ trời gần trưa,
Kề bên hoa, theo rặng liễu, đi qua con sông phía trước.

(2) *Kẻ sĩ hồ hải của đất Giang Nam* (hồ hải Giang Nam sĩ) : chỉ Trần Đăng 陳登 tự là Nguyên Long 元龍, người đời Đông Hán. Người đương thời khen Trần Đăng có câu : 元龍, 湖海之士, 豪氣不除, Nguyên Long, hồ hải chi sĩ, hào khí bất trừ : *Nguyên Long là kẻ sĩ hồ hải, hào khí không bao giờ giảm sút.*

(3) *Vị tiên ở Thái Thạch* (Thái Thạch tiên) : Chỉ Lý Bạch, nhà thơ đời Đường. Tương truyền Lý Bạch qua Thái Thạch (ở huyện Đương Đồ, tỉnh An Huy), đang lúc say rượu, thấy trăng liền vồ bắt. Nhân đó, người sau lập Tróc Nguyệt Đình 捉月亭

(4) *Thuyền Hiếu liêm* (Hiếu liêm thuyền) : chưa tìm được xuất xứ.

229

賀京兆尹阮公
爲雲屯經略使

芝綍優頒自九天,
榮遷經略使司權。
潮門并是嗷鴻澤,
屯嶺猶殘刼石煙。
籌畫小施經國手,
折衝終賴濟時賢。
歸來揆路庸何晚,
聖主方今急在邊。

HẠ KINH TRIỆU DOÃN NGUYỄN CÔNG VI VÂN ĐỒN KINH LƯỢC SỨ

Chi bột ưu ban tự cửu thiên,
Vinh [1*] thiên Kinh lược sứ ty quyền.
Triều môn [2*] bán thị ngao hồng trạch,
Đồn lĩnh do tàn kiếp thạch yên.
Trù hoạch tiểu thi kinh quốc thủ,
Chiết xung chung lại [3*] tế thời hiền.
Qui lai quĩ lộ dung hà vãn,
Thánh chúa phương kim cấp tại biên.

DỊCH NGHĨA :

MỪNG QUAN TRIỆU DOÃN KINH ĐÔ NGUYỄN CÔNG (1)
ĐI LÀM KINH LƯỢC SỨ Ở VÂN ĐỒN (2)

Chiếu chỉ ưu đãi từ Hoàng thượng ban xuống,
Vinh dự được chuyền giữ quyền Kinh lược sứ.
Nơi cửa Triều, phần nửa dân nháo nhác như nhạn trên đầm (3),
Chốn núi Đồn, còn như đám khói than cháy dở.
Bàn kế hoạch hãy ra tay giúp nước,
Nơi xung yếu phải nhờ bậc cứu đời.
Con đường trở về văn trị cũng chưa muộn màng,
Hiện nay thì nhà vua đang có việc khẩn cấp tại biên cương.

DỊCH THƠ :

Đầm ấm ơn trời chiếu mới ban,
Quan cao Kinh lược sứ trao quyền.
Triều môn phần nửa đầm hồng réo,
Đồn lĩnh còn chôn khói đá tàn.
Trù hoạch hãy ra tay giúp nước,
Lược thao nhờ đến bậc tài hiền.
Đường xe quay lại còn chưa muộn,
Thánh chúa giờ đây gấp việc biên.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, HÀ VĂN ĐẠI

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 策 *sách.*
2* TVTL2 : 丁 *đinh.*
3* TVTL3 : 類 *loại.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Nguyễn Công* : chưa rõ là ai, phải chăng là Nguyễn Bằng Cử ?
(2) *Vân Đồn* : xưa gọi là châu Vân Đồn, thuộc phủ Hải Đông, Hải Dương (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh). Theo LTHCLC thì Vân Đồn nằm sát biển, hoang vu.
(3) *Chim hồng nháo nhác* (ngao hồng) : *Hồng nhạn*, trong *Thi kinh* 鴻鴈, 詩經 có câu : 鴻鴈于飛, 哀鳴嗷嗷 Hồng nhạn vu phi, ai minh ngao ngao : *Hồng nhạn bay, kêu thương nháo nhác*. Ở đây, tác giả muốn nói Vân Đồn đang có giặc, nhân dân ở trong cảnh loạn ly.

230

重遊春江有感

TRÙNG DU XUÂN GIANG HỮU CẢM

去年三月珥河津,
麗服相隨五六人。
岸草無情春自綠,
江流在眼客還新。
清吟雨後邀紅葉,
緩棹風前過白蘋。
長恐寸心遙魏闕,
五湖偏載讀書身。

Khứ niên tam nguyệt Nhị Hà tân,
Lệ phục tương tùy ngũ lục nhân.
Ngạn thảo vô tình xuân tự lục,
Giang lưu tại nhãn khách hoàn tân.
Thanh ngâm vũ hậu yêu hồng diệp,
Hoãn trạo [1*] phong tiền quá bạch tần.
Trường khủng thốn tâm giao ngụy khuyết,
Ngũ Hồ thiên tải [2*] độc thư thân.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC KHI ĐI CHƠI SÔNG XUÂN GIANG LẦN THỨ HAI

Tháng ba năm ngoái trên bến Nhị Hà,
Mặc áo đẹp theo sau có năm, sáu người.
Bờ cỏ vẫn vô tình, xuân về tự tốt tươi,
Dòng sông vẫn ở trước mắt như xưa mà khách thì lại mới.
Sau cơn mưa, ngâm nhè nhẹ đón chiếc lá hồng (1),
Trước làn gió, chèo khoan thai qua bãi tần trắng.
Luống sợ tấc lòng xa nơi cung khuyết,
Để chiếc thuyền Ngũ Hồ riêng chở kẻ thư sinh.

DỊCH THƠ :

Tháng ba năm ngoái trên sông Nhị,
Sáu bảy người theo đẹp áo khăn.
Cỏ bãi hững hờ xuân tự biếc,
Dòng sông quen thuộc khách như tân.
Sau mưa ngâm nhẹ ca hồng diệp,
Trước gió chèo khoan lướt bạch tần.
Tấc dạ những lo, xa khuyết ngọc,
Ngũ Hồ riêng chở khách làng văn.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* Các bản khác : 掉 *trạo.*
2* TVTL2 : 帶 *đới.*

CHÚ THÍCH :

(1) Nhân câu thơ này, có người cho rằng trong chuyến đi chơi trên, tác giả đã cùng đi thuyền với người yêu là Trần Thị Thái (con Trần Nguyên Đán).

231

秋城晚望

THU THÀNH VÃN VỌNG

木落都城九月天，
斜陽罩地截雲烟。
離鴻遠遠迎風陣，
隙月涓涓隔樹懸。
吟興四時秋易感，
人生萬事老堪憐。
兵戈況復雕殘後，
遙望晴昊一慨然！

Mộc lạc 1* đô thành cửu nguyệt thiên,
Tà dương trảo địa tiệt vân yên.
Ly hồng viễn viễn nghênh phong trận,
Khích nguyệt quyên quyên cách thụ huyền.
Ngâm hứng tứ thời thu dị cảm,
Nhân sinh vạn sự lão kham liên.
Binh qua huống phục điêu tàn hậu,
Giao vọng tình mâu 2* nhất khái nhiên!

DỊCH NGHĨA :

CHIỀU THU ĐỨNG TRÔNG Ở TRÊN THÀNH

Lá cây rụng ở đô thành, dưới bầu trời tháng chín,
Bóng chiều lồng mặt đất cắt ngang mây khói.
Đàn chim hồng biệt ly xa xa bay ngược gió,
Vầng trăng theo ngọn cây bóng qua kẽ lá.
Hứng ngâm thơ trong bốn mùa, tới mùa thu là dễ cảm nhất,
Muôn việc trong đời người, đến tuổi già càng đáng thương.
Huống chi lại là cảnh điêu tàn sau cơn binh hỏa,
Trông vời trời tạnh, một phen ngậm ngùi!

DỊCH THƠ :

Đô thành tháng chín lá theo sương,
Mây khói trời tà vệt cắt ngang.
Đón gió trận dăng bầy nhạn thẳm,
Treo cây kẽ lọt ánh trăng vàng.
Bốn mùa thi hứng thu sinh cảm,
Muôn việc đời người lão đáng thương.
Huống lại điêu tàn sau lửa chiến,
Vời trông trời tạnh ngậm ngùi vương.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* **TVTL2** : 來晚 *lai vãn.*
2* **TTCGLT** : 旻晴 *mân tình.*

232

甲子夏旱,有勅諸路禱雨,未禱而先雨

炎炎九土正焦爍,
一雨皇天普澤深。
請罪國將行盛禱,
初和民已浹歡心。
卧龍自是人間物,
肖象能爲歲旱霖。
徙市暴尫何用者,
至誠感召古猶今。

GIÁP TÍ HẠ HẠN, HỮU SẮC CHƯ LỘ[1]* ĐẢO VŨ, VỊ ĐẢO NHI TIÊN VŨ

Viêm viêm cửu thổ chính tiêu tầm.
Nhất vũ hoàng thiên phổ trạch thâm.
Thỉnh[2]* tội quốc tương hành thịnh[3]* đảo,
Sơ[4]* hòa dân dĩ thiếp hoan tâm.
Ngọa long tự thị nhân gian vật,
Tiếu tượng năng vi tuế hạn lâm.
Tỉ thị bộc uông hà dụng giả,
Chí thành[5]* cảm triệu cổ do câm (kim).

DỊCH NGHĨA :

MÙA HẠ NĂM GIÁP TÍ (1384) HẠN HÁN, VUA CÓ SẮC CHO CÁC LỘ CẦU MƯA, CHƯA CẦU TRỜI ĐÃ MƯA

Rừng rực đất đai khắp nước đang lúc khô cháy,
Một trận mưa của trời gieo khắp ơn sâu.
Quốc gia sắp làm lễ thỉnh tội để cầu mưa trọng thể (1),
Trời mới đem lại khí hòa (2), dân đã thấm khắp niềm vui.
Rồng nằm vốn là con vật của nhân gian (3),
Tiếu tượng của trời có thể hẹn mưa dầm trong năm hạn (4).
Chẳng phải dùng làm gì cái lễ đưa một thân hình gầy còm ra phơi (5) ngoài chợ,
Xưa nay chỉ có lòng chí thành là cảm đến trời.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : chép sót chữ 路 *lộ*.
2* TVTL2 : 清 *thanh*.
3* TVTL1 : 四 *tứ*.
4* TVTL1 : 致 *trí*.
5* TVTL1 : 情 *tình*.

CHÚ THÍCH :

(1) Quan niệm xưa cho rằng, hạn hán là do trời giáng tội xuống nhân gian, và người trước hết phải chịu cái tội đó là vua. Cho nên câu này nói trong nước sắp làm lễ cầu mưa trọng thể để xin chịu tội với trời. Thời vua Thành Thang 成湯 ở Trung Quốc, hạn bảy năm liền không mưa, Thành Thang lập một cái đàn tế, tự cởi trần lên nằm trên đàn làm vật cúng trời, và tự kể ra sáu tội của mình, xin trời giáng họa mình chứ đừng bắt tội nhân gian chịu hạn hán mãi.

(2) Vua chịu tội với trời thì được nhân hòa, nhân dân thấm khắp niềm vui.

(3) Ý nói con rồng phun nước không phải ở trên trời, mà chính ở ông vua có đức ở nhân gian.

(4) Ông vua có đức là tiếu tượng của trời, có thể tạo ra mưa dầm trong năm hạn, không cần đến rồng phun nước.

(5) *Đưa thân hình gầy còm ra phơi* (bộc uông) : Đây là nghi lễ cầu mưa thời xưa. *Lễ kinh* 禮經 có câu : 天久不雨,吾欲暴尫而奚若。 Thiên cửu bất vũ, ngô dục bộc uông nhi hề nhược ; nghĩa là *Trời lâu không mưa, ta muốn đem thân hình gầy còm ra phơi nắng, mong trời thương xót mưa xuống.*

233

村家趣

抱籬竹樹萬條槍，
老屋弓餘古寺傍。
過雨池塘蛙語聒，
洛花庭院燕泥香。
閑情湛湛春醪足，
世路茫茫午睡長。
醒後出門携僕去，
逢人只伺說農桑。

THÔN GIA THÚ

Bão ly trúc thụ vạn điều thương,
Lão ốc cung dư cổ tự bàng.
Quá vũ trì đường oa ngữ [1*] quát,
Lạc hoa đình viện yến nê hương.
Nhàn tình trạm trạm xuân [2*] giao túc,
Thế lộ [3*] mang mang ngọ thụy trường.
Tỉnh hậu xuất môn huề bộc khứ,
Phùng nhân chỉ hướng [4*] thuyết nông tang [5*].

DỊCH NGHĨA :

THÚ QUÊ NHÀ

Rào tre bao quanh nhà có muôn nhánh nhọn,
Nhà cũ độ hơn một cung (1) ở bên ngôi chùa cổ.
Mưa tạnh, ao chuôm inh ỏi tiếng ếch,
Hoa rụng, đình viện ngát thơm bọt én (2).
Cảnh nhàn tênh tênh, rượu xuân uống đẫy,
Đường đời man mác, giấc ngủ kéo dài.
Tỉnh dậy ra cửa dắt đầy tớ đi theo,
Gặp ai cũng chỉ nói chuyện nông tang.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 樂 *lạc*.
2* TVTL2, TVTL3 : 青 *thanh*.
3* TTCGLT; TVTL2, TVTL3 : 故 *cố*.
4* TVTL2 : 是 *thị*.
5* TVTL2 : 夫 *phu*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Cung* : một đơn vị đo lường có độ dài bằng năm xích. Hơn một cung : ý nói rất hẹp.
(2) *Ngát thơm bọt én* (yến nê hương) : hàng năm cứ vào độ xuân hạ, chim én lại trở về làm tổ trên vách nhà, chúng lấy nước bọt hòa với bùn trát tổ, có mùi thơm.

234

遊佛蹟山對江偶作

半生塵土負登臨,
光景蹉跎便到今。
浮世百年真一瞬,
古人片樂值千金。
前川午日傍花興,
沂水春風與物心。
仰止高山懷曩哲,
澗河路次正幽尋。

DU PHẬT TÍCH SƠN ĐỐI [1*] GIANG NGẪU TÁC

Bán sinh trần thổ phụ đăng lâm,
Quang cảnh ta đà tiện đáo câm (kim).
Phù thế bách niên chân nhất thuấn,
Cổ nhân phiến [2*] lạc trị [3*] thiên câm.
Tiền xuyên ngọ nhật bàng hoa hứng,
Nghi thủy xuân phong dữ vật tâm.
Ngưỡng chỉ cao sơn hoài nẵng triết,
Giản hà lộ thứ chính u tầm [4*].

DỊCH NGHĨA :

CHƠI NÚI PHẬT TÍCH (1) ĐỐI DIỆN VỚI GIÒNG SÔNG, NGẪU NHIÊN LÀM THƠ

Nửa đời gió bụi, phụ cảnh núi sông,
Ngày tháng sa đà, mãi đến ngày hôm nay.
Cuộc đời trăm năm, thực chỉ như một chớp mắt,
Vui chơi một khắc, người xưa đánh giá đến ngàn vàng.
Cái thú kề hoa ngắm sông (2) phía trước, trong buổi trời trưa,
Lòng cùng cảnh vật sông Nghi trong gió xuân (3).
Ngước nhìn ngọn núi cao, nhớ tới những bậc hiền xưa,
Dừng lại bên suối, tìm đúng cảnh thanh u.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 行 *hành.*
2* TVTL1 : 行 *hành.*
3* TVTL1 : 直 *trực.*
4* Cả câu này, TVTL1 bỏ trống chữ thứ ba và chép : 澗河... 路恣幽尋 *Giản hà... lộ tứ u tầm.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Núi Phật Tích* : Nay thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Hà Bắc.

(2) Câu này lấy ý từ câu thơ của Trình Minh Đạo 程明道 đời Tống : 傍花隨柳過前川 Bàng hoa tùy liễu quá tiền xuyên. *Kề bên hoa theo rặng liễu qua con sông phía trước.*

(3) Tăng Điểm nói : «Cuối mùa xuân... ; tắm ở sông Nghi, hứng gió ở đài Vũ Vu, ca vịnh mà về...» (*Luận ngữ*).

235

秋日遣興

客枕槐亭又塞鴻，
如霜吟鬢欲成蓬。
閉門萬里連朝雨，
過眼三秋落葉風。
世態任他紈扇薄，
閑愁勸我酒杯空。
西窻一枕清眠足，
更詠新詩課小童

THU NHẬT KHIỂN HỨNG [1*]

Khách chẩm hòe đình [2*] hựu tái hồng,
Như [3*] sương ngâm mấn dục thành bồng.
Bế môn vạn lý liên triêu vũ,
Quá nhãn tam thu lạc diệp phong.
Thế thái nhậm [4*] tha hoàn phiến bạc,
Nhàn sầu [5*] khuyến ngã tửu bôi không.
Tây song [6*] nhất chẩm thanh miên túc,
Cánh vịnh tân thi khóa tiểu đồng.

DỊCH NGHĨA :

KHIỂN HỨNG NGÀY THU

Gối khách đình hòe (1), lại như chim hồng ngoài ải,
Mái tóc nhà thơ như sương, muốn thành mớ bòng bong,
Nơi muôn dặm, đóng cửa, mưa suốt ngày,
Gió thu rụng lá, lướt qua trước mắt.
Thói đời mặc họ như chiếc quạt lụa mỏng manh,
Mối sầu vẩn vơ giục ta cạn chén.
Chiếc gối bên song, ngủ đã đầy giấc,
Lại vịnh thơ mới để dạy tiểu đồng.

DỊCH THƠ :

Sân hòe gối khách phận chim hồng,
Mái tóc như sương muốn rối tung.
Nghìn dặm mưa mai then nhích chặt,
Ba thu lá rụng mắt buồn trông.

Thói đời ấm lạnh tùy tay quạt,
Giải muộn xui ta cạn chén nồng.
Chiếc gối song tây vừa tỉnh giấc,
Vịnh vần thơ mới dạy thư đồng.

TIÊN SƠN, HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 秋日遣懷 *thu nhật khiển hoài.*
TVTL2 : 秋日起興 *thu nhật khởi hứng.*
2* TTCGLT ; TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 凄涼 *thê lương.*
3* TVTL2 : 明 *minh.*
4* TVTL2 : 使 *sử.*
5* TTCGLT : 情 *tình.*
6* TTCGLT : 開窻 *khai* song.
TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 西風 *tây phong.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Đình hòe* (hòe đình) : cũng như chữ *phủ hòe* (hòe phủ), chỉ nơi ở của bậc Tể tướng.

236

偶作

自說平生履素絲，
文章無分敢論時。
展禽焉往非三黜，
章子誰云惰四肢。
老耶田園真事業，
心無暮夜愧妻兒。
乾坤形著皆吾道，
飛躍高深可遂宜。

NGẪU TÁC

Tự sá bình sinh lý tố ti,
Văn chương vô phận cảm luận thì 1*.
Triển Cầm yên vãng phi tam truất,
Chương Tử thùy vân nọa 2* tứ chi.
Lão tức điền viên chân sự 3* nghiệp,
Tâm vô 4* mộ dạ qui thê nhi.
Càn khôn hình 5* trước giai ngô đạo,
Phi dược cao thâm khả toại nghi.

DỊCH NGHĨA :

NGẪU NHIÊN LÀM THƠ

Bình sinh tự hào đi trên tơ trắng (1),
Không có duyên phận với văn chương, đâu dám bàn việc đời.
Triền Cầm đi đâu mà chẳng ba lần bãi truất (2),
Ai bảo rằng Chương Tử nhác biếng chân tay (3).
Tuổi già về ruộng vườn, mới đúng là sự nghiệp thật,
Đêm hôm khuya khoắt, trong lòng không thẹn với vợ con (4).
Vật hữu tình trong trời đất, đều do đạo ta biểu hiện,
Chim bay trên trời cao, cá nhảy dưới vực sâu đều có thể thỏa thích (5).

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 期 *kỳ*.

2* TVTL2, 3 : 付 *phó*.

3* TTCGLT : 樂 *lạc*.

4* TVTT1 : 當 *đương*.

5* TTCGLT chú thích là : 形疑是物字 *hình nghi thị vật tự* ; nghĩa là : *chữ « hình » này nghi là chữ «vật»*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Đi trên tơ trắng* (lý tố ti) : Quẻ *Lý* trong *Dịch kinh* 易經 có câu : 素履，往無咎 Tố lý, vãng vô cữu : *Giày lên chỗ trắng, cứ như vậy mà đi tới thì không mắc lầm lỗi gì.* Chu Hi 朱熹 giải thích quẻ này là : bậc quân tử sinh ra lỗi thời, nhưng không chịu rời bỏ chí khí cao thượng trong trắng của mình thì khi hành động sẽ không mắc lầm lỗi.

(2) *Triền Cầm* : Tức Liễu Hạ Huệ 柳下惠 một hiền thần ở đời Xuân Thu, làm chức Sĩ sư (thuộc ngành tư pháp), ba lần bị cách chức. Có người nói với ông ta là như thế thì sao không bỏ nước mà đi. Ông đáp : «Lấy đạo cương trực để phụng sự người thì dù có đi đâu cũng bị ba lần bãi truất ; còn lấy đạo bất chính mà phụng sự người thì việc gì phải bỏ đất nước của cha mẹ mình mà đi». Nguyễn Phi Khanh dùng điển này để nói lên tâm trạng u uất của mình.

(3) *Chương Tử* : Chưa rõ là ai.

(4) Do chữ *dạ khí* 夜氣 của Mạnh Tử : lương tâm của người ta thường xuất hiện khi đêm hôm tịch mịch, không thẹn với vợ con như người nước Tề đi ăn xin mà về khoe với hai vợ là được nhà quyền quí mời tiệc.

(5) Sách *Trung dung* có câu : 鳶飛厲天，魚躍于淵 Diên phi lệ thiên, ngư dược vu uyên : *Diều bay ngất trời, cá nhảy vực sâu.*

237

家園樂

故園亂後有先廬,
六歲兒童頗愛書。
啼鳥落花深巷永,
涼風殘夢午窻虛。
心從閑處千憂失,
學到充時四體舒。
逐物勞人休誤我,
安仁志已遂幽居。

GIA VIÊN [1*] LẠC

Cố viên loạn hậu hữu tiên lư,
Lục tuế nhi đồng phả ái thư.
Đề điểu lạc hoa thâm hạng [2*] vĩnh,
Lương phong tàn mộng ngọ song hư.
Tâm tòng [3*] nhàn [4*] xứ thiên ưu thất,
Học đáo xung thời tứ thể thư.
Trục vật lao [5*] nhân hưu ngộ ngã [6*],
An Nhân chí dĩ toại u cư.

DỊCH NGHĨA :

THÚ QUÊ NHÀ

Sau loạn, trong vườn cũ còn mái nhà xưa,
Đứa trẻ sáu tuổi (1) đã ham đọc sách.
Chim kêu, hoa rụng, ngõ sâu vắng vẻ,
Gió lạnh, mộng tàn, song trưa trống trải.
Lòng hướng về cái nhàn, ngàn mối lo tan hết,
Học đến mức sung mãn, chân tay thư thái.
Chạy theo vật dục, người đời nhọc nhằn, ta chớ lầm nữa,
Được ở chỗ thanh u, chí An Nhân (2) đã toại rồi.

DỊCH THƠ :

Loạn xong, vườn cũ mái nhà xưa,
Ham học, mừng ta có trẻ thơ.
Hoa rụng chim kêu bên ngõ vắng,
Mộng tàn gió mát dưới song trưa.
Tâm hồn thanh thản ngàn lo hết,
Học vấn sâu xa, tứ thể thư.
Dục vọng, chớ nên lừa gạt mãi,
An Nhân chí đã thuận u cư.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 圍 *vi* và chú : 圍 疑 圓 字 *vi nghi viên tự* : chữ «vi» nghi là chữ «viên».
2* TVTL2 : 卷 *quyển* ; TVTL3 : 港 *cảng*.
3* TVTL2 : 生 *sinh* ; TVTL3 : 牼 *mang*.
4* TVTL1 : 閉 *bế*. Chắc là TVTL1 chép lầm chữ 閑 *nhàn*.
5* TVTL2 : 老 *lão*.
6* TVTL2, 3 : 處 *xử*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Đứa trẻ sáu tuổi* : Phan Huy Chú trong LTHCLC cho đó là Nguyễn Trãi.
(2) *An Nhân* : Người đời Tấn, tên thực là Phan Nhạc 潘岳 có làm bài *Nhàn cư phú* 閑居賦.

238

上胡承旨宗驚

THƯỚNG HỒ THỪA CHỈ TÔNG THỐC

京國攜書二十年，
登龍每恨欠前緣。
夢隨翰苑清風外；
春在東亭白酒邊。
萬丈光芒窺太白；
一團和氣抱伊川。
寸懷別後勞傾仰，
耿耿高明月夜懸。

Kinh quốc huề thư nhị thập niên,
Đăng[1*] long mỗi hận khiếm tiền duyên.
Mộng tùy hàn uyển thanh phong ngoại,
Xuân tại [2*] đông đình bạch tửu biên.
Vạn trượng quang mang khuy Thái Bạch,
Nhất đoàn hòa khí ấp [3*] Y Xuyên.
Thốn hoài biệt [4*] hậu lao khuynh ngưỡng,
Cảnh cảnh cao minh nguyệt dạ huyền.

DỊCH NGHĨA :

DÂNG LÊN QUAN THỪA CHỈ HỒ TÔNG THỐC (1)

Du học ở kinh kỳ, hai chục năm nay,
Thường ân hận thiếu cái duyên may được bước lên cửa rồng (2).
Hồn mộng bay theo gió mát nơi vườn văn,
Lòng xuân ở lại bên chén rượu trắng chỗ đông đình.

Sáng ngời muôn trượng, nhìn thấy sao Thái Bạch (3),
Hòa khí một vùng, múc ngòi Y Xuyên (4).
Sau khi tạm biệt, nghiêng dốc một lòng chiêm ngưỡng,
Vằng vặc vầng trăng, treo trong khoảng đêm trường.

DỊCH THƠ :

Đèn sách kinh kỳ mấy chục niên,
Cửa rồng thường hận thiếu nhân duyên.
Mộng theo hàn uyển, hoa cười gió,
Xuân tỏa đông đình, rượu ngát men.
Tia sáng muôn trùng, nhòm Thái Bạch,
Khí hòa một áng, múc Y Xuyên.
Sau ngày tạ biệt luôn chiêm ngưỡng,
Vằng vặc vừng trăng treo phía trên.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 昇 *thăng.*
2* TVTL2 : 坐 *tọa.*
3* TTCGLT : 抱 *bão* ; TVTL3 : 把 *bả.*
4* TVTL2 : 制 *chế.*

CHÚ THÍCH :

(1) Hồ Tông Thốc người làng Thổ Thành, phủ Diễn Châu (nay là huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ Tĩnh), đậu Trạng nguyên và làm quan vào cuối đời Trần.

(2) *Lên cửa rồng* (đăng long) : *Lý Ưng truyện, Hậu Hán thư* 李膺傳, 後漢書, chép rằng Lý Ưng là người có danh vọng lớn, kẻ sĩ bốn phương ai được Lý Ưng tiếp thì cho là mình được bước lên cửa rồng. Ở đây Nguyễn Phi Khanh nói sự ngưỡng mộ của mình đối với Hồ Tông Thốc.

(3) *Thái Bạch* : Tên một ngôi sao ở phía tây và cũng là biệt hiệu của nhà thơ Lý Bạch 李白 đời Đường.

(5) *Y Xuyên* : Tên một con suối và cũng là biệt hiệu của Trình Di 程頤 đời Tống.

239

春寒 — XUÂN HÀN

凝雲漠漠霧沈沈，
釀作餘寒十日陰。
帶雨有痕粘樹絮，
傷春無語隔花禽。
書齋寂寂惟高枕，
世事悠悠正抱衿！
安得此身如稟籥，
和風噓遍九洲心。

Ngưng[4*] vân mạc mạc vụ[2*] trầm trầm,
Nhưỡng tác dư hàn thập nhật âm.
Đới vũ hữu ngân niêm thụ nhự[3*],
Thương xuân vô[4*] ngữ cách hoa cầm.
Thư trai tịch tịch duy cao chẩm,
Thế sự du du chính bão khâm!
An đắc thử thân như[5*] thác thược,
Hòa phong hư biến cửu châu[6*] tâm.

DỊCH NGHĨA :

RÉT MÙA XUÂN

Mây đọng ùn ùn, mù sa nặng trĩu,
Trận rét cuối mùa, mười ngày âm u.
Tơ liễu dính trên cây, đeo chuỗi nước mưa thành vệt,
Chim đậu bên hoa, thương xuân lặng tiếng.
Thư phòng vắng vẻ, chỉ có việc cao gối,
Việc đời dằng dặc, chính lúc ôm chăn !
Mong sao thân này được như cái ống bễ (1),
Thổi ngọn gió hòa vào khắp lòng người chín châu (2).

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT, TVTL1 : 凝 *si.*
2* TVTL1, TVTL2 : 露 *lộ.*
3* TVTL2 : 紫 *tử*, có lẽ là chép sai chữ 絮 *nhự.*
4* TVTL2, TVTL3 : 當 *đương.*
5* TTCGLT : 同 *đồng.*
6* TVTL3 : 身 *châu.* Có lẽ chép lầm chữ 州 *châu.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Ống bễ* (thác thược) : Dụng cụ thổi lửa của thợ rèn.
(2) *Chín châu* (cửu châu) : Trung Quốc cổ đại chia làm chín châu. Về sau «chín châu» trở thành tiếng chỉ toàn bộ lãnh thổ của một nước.

240 — 241

走以多事，未即陪昆山遊，感念之深，因成八句律二首；一以頌廟堂之暇而有閒適之趣；一以寫胸懷之素而播歌咏之聲；因錄呈清虛洞主。

其一

朔吹稜稜戒敝裘，
廟堂心事蹟林丘。
虞庭已作來儀鳳，
傅野聊還濟巨舟。
雲衲細參黃蘗話，
霞心高挹赤松遊。
憑將繡句鐫山骨，
紹慶元功鎮諒州。

其二

山中是處擬苑裘，
歲晚言旋卜一丘。
苔蘚半荒靈運屐，
雪蓬空繫子猷舟。
恍中歲月匆匆過，
夢裡林泉歷歷遊。
想得清虛題咏徧，
不妨佳句到皇州。

PHIÊN ÂM :

Tầu dĩ đa [1*] sự, vị tức [2*] bồi Côn Sơn du, cảm niệm chi thâm, nhân thành bát cú luật nhị thủ ; nhất dĩ [3*] tụng miếu đường chi hạ nhi hữu nhàn thích chi thú ; nhất dĩ [4*] tả hung hoài chi tố nhi bá ca vịnh chi thanh ; nhân lục trình Thanh Hư Động chủ [5*].

Kỳ nhất

Sóc xúy [6*] lăng lăng giới tệ cầu,
Miếu đường tâm sự tích lâm khâu.
Ngu đình dĩ tác lai nghi phượng,
Phó dã liêu hoàn tế cự châu.
Vân nạp tế tham Hoàng Nghiệt thoại,
Hà tâm cao ấp [7*] Xích Tùng du.
Bằng tương tú cú thuyên sơn cốt,
Thiệu Khánh nguyên công trấn Lạng Châu.

Kỳ nhị

Sơn trung thị xứ nghĩ Đồ Cầu,
Tuế vãn ngôn toàn [8*] bốc nhất khâu.
Đài tiền bán hoang Linh Vận lý,
Tuyết [9*] bồng không hệ Tử Du châu.
Mang trung tuế nguyệt thông thông quá,
Mộng lý lâm tuyền lịch lịch du.
Tưởng đắc Thanh Hư đề vịnh xứ [10*],
Bất [11*] phương giai cú đáo hoàng châu.

DỊCH NGHĨA :

Tôi (1) vì bận việc, chưa kịp theo đi thăm núi Côn Sơn, vẫn nặng lòng cảm nhớ, viết thành hai bài thơ bát cú luật Đường, một là để tụng đọc khi việc miếu đường rảnh rỗi mà được cái vui nhàn tản ; một là để tả cái sẵn có trong lòng mà phát lộ ra âm thanh ca vịnh ; xin chép lại để trình Chủ nhân động Thanh Hư (2).

Bài I

Gió bắc vun vút đe dọa áo cầu rách,
Lòng dạ ở miếu đường, mà dấu chân ở rừng núi.
Đã làm chim phượng đến múa ở sân nhà Ngu (3),
Rồi lại về Nội Phó, chèo thuyền lớn qua sông (4).
Áo nạp (5) như mây, tụng niệm lời kinh Hoàng Nghiệt (6).
Lòng son tựa ráng, chắp tay theo tiên Xích Tùng (7).
Hãy đem lời đẹp khắc vào sông núi,
Vị nguyên huân đời Thiệu Khánh (8) trấn giữ Lạng Châu.

Bài II

Nơi núi non này có thể sánh với Đồ Cầu (9),
Tuổi già sẽ quay về chọn lấy một cái gò.
Dấu giày Linh Vận (10) còn mờ mờ một nửa dưới lớp rêu xanh,
Con thuyền Tử Du (11) vẫn buộc không trong làn tuyết rối.
Trong bận rộn năm tháng trôi đi vùn vụt,
Nhưng trong mơ vẫn dạo chơi khắp suối rừng.
Nghĩ tới việc đề vịnh khắp động Thanh Hư,
Chẳng ngại câu thơ hay truyền tới nhà vua.

DỊCH THƠ :

Bài II

Dưỡng nhàn trong núi định tìm nơi,
Tuổi lão về đây chọn một đồi.
Linh Vận giày in rêu lốm đốm,
Tử Du thuyền buộc mái chơi vơi.
Tháng ngày bận rộn, thoi đưa lẹ.
Rừng suối mơ màng, vẫn dạo chơi.
Chạnh tưởng Thanh Hư đề vịnh ấy,
Câu hay sá quản đến tai trời.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : Thêm chữ 年 *niên* ở giữa chữ 多 *đa* và chữ 事 *sự*.
2* TVTL2, TVTL3 : 是 *tức*.
3* TTCGLT, TVTL1, TVTL2 : Thay cả hai chữ *nhất dĩ* bằng chữ 可 *khả*.
4* TTCGLT, TVTL1, TVTL2 : Không có chữ *nhất* trước chữ *dĩ*.
5* TVTL1, TVTL2 : Thêm chữ 人 *nhân* sau chữ *chủ*.
6* TVTL2, TVTL3 : 吹朔 *xúy sóc*.
7* TVTL1, TVTL2 : 把 *bả*.
8* TTCGLT, TVTL2 : 還 *hoàn*.
9* TVTL1 : 雲 *vân*.
10* TVTL1, TVTL2, NPKTV : 扁 *biển*.
11* TVTL3 : 下 *hạ*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Tôi* (Tẩu) : «*Tẩu*» là tiếng tự xưng rất khiêm tốn thời phong kiến.

(2) *Chủ nhân động Thanh Hư* : chỉ Trần Nguyên Đán 陳元旦

(3) *Chim phượng đến múa* (lai nghi phượng) : *Thư kinh* 書經 có câu : 簫韶九成，鳳凰來儀. Tiêu thiều cửu thành, phượng hoàng lai nghi : *Chín khúc nhạc thiều đạo lên, chim phượng hoàng tới múa.*
Nhà Ngu : chỉ thời vua Thuấn 舜 ở Trung Quốc. Ý câu này muốn nói Trần Nguyên Đán đã đem hết tài năng để giúp vua Trần trị nước.

(4) *Nội Phó* (Phó dã) : *Thư kinh* 書經 có câu : 若濟巨川，用汝作舟楫 Nhược tế cự xuyên, dụng nhữ tác chu tiếp : *Nếu qua sông lớn thì dùng nhà ngươi làm mái chèo.* Đây là lời vua Thương 湯 nói với Phó Duyệt 傅說. Phó Duyệt trước khi được vua Thương dùng, vốn là một cao sĩ ẩn dật, ẩn ở đất Phó Nghiêm (đông huyện Bình Lục, Sơn Tây, làm nghề gánh đất và xây tường để sống. Sau được vua Cao Tông nhà Thương mời ra làm tướng). Câu thơ này nói về quan niệm «công thành, thân thoái» (công đã thành thì lui về ở ẩn) của Trần Nguyên Đán.

(5) *Áo nạp* : loại áo của nhà sư.

(6) *Hoàng Nghiệt* : Biệt hiệu của Hy Vân đời Đường. Ý nói Trần Nguyên Đán về Côn Sơn để ngẫm nghĩ những điều mầu nhiệm của đạo Thiền.

(7) *Xích Tùng* : Biệt hiệu của một đạo sĩ đời Cổn. Sau khi giúp nhà Hán dựng nghiệp, Trương Lương từ bỏ triều đình, nói : Tôi muốn đi tìm ông tiên Xích Tùng.

(8) *Thiệu Khánh* : Niên hiệu của Trần Nghệ Tông 陳藝宗 (1370-1372). Câu này nói Trần Nguyên Đán có công lớn trong việc giúp Nghệ Tông đánh bại Dương Nhật Lễ 楊日禮 giành lại ngôi vua cho họ Trần.

(9) *Đồ Cầu* : Tên ấp thuộc nước Lỗ. *Tả truyện, Lỗ Ẩn công thập nhất niên* 左傳，魯隱公十一年 có câu : 使營菟裘，吾將老焉 Sử doanh Đồ Cầu, ngô tương lão yên. *Nếu xây dựng được Đồ Cầu, ta sẽ già rồi.* Người xưa giải thích câu này là : Khai phá đất Đồ Cầu xây dựng cung ở đó, để hưởng tuổi già. Về sau chữ «Đồ Cầu» là chỉ nơi ở ẩn.

(10) *Linh Vận* : Tức Tạ Linh Vận 謝靈運, một nhà thơ lớn thời Nam Bắc triều, thường hay đi chơi thăm sơn thủy.

(11) *Tử Du* : Tên tự của Vương Hy Chi 王羲之 người đời Tấn. Có lần trong đêm tuyết, Tử Du mở cửa uống rượu, rồi bỗng nhớ tới bạn là Đới Qui 戴逵 ở Điệm Khê, bèn cưỡi thuyền đi thăm bạn. Nhưng khi thuyền vừa tới cửa nhà bạn thì Tử Du quay về ngay. Có người hỏi tại sao ? Tử Du đáp : «Thừa hứng mà đến, hết hứng thì về, hà tất phải gặp mặt».

Câu 3 và 4 muốn nói cuộc sống tự do không bị trói buộc của những người đã thôi quan.

242

送中使武適之

TỐNG TRUNG SỨ VŨ THÍCH CHI

五色雲邊出使星，
凜然忠義照人明。
春臨梅驛霜蹄急，
雪霽淮潮玉節清。
天地北南雙眼闊，
山河夷險寸心平。
慇懃今日送君別，
杯酒難勝萬里情。

Ngũ sắc vân biên xuất sứ tinh,
Lẫm nhiên trung nghĩa chiếu nhân minh.
Xuân lâm mai dịch sương đề cấp,
Tuyết tễ Hoài 1* triều ngọc tiết thanh.
Thiên địa bắc nam song nhãn khoát,
Sơn hà 2* di hiểm thốn tâm bình.
Ân cần kim nhật tống quân biệt,
Bôi tửu nan thăng vạn lý tình.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN TRUNG SỨ VŨ THÍCH CHI (1)

Bên áng mây năm sắc (2) xuất hiện ngôi sao sứ thần,
Khí tiết trung nghĩa lẫm liệt dọi sáng lòng người.
Xuân tới trạm mai (3), vó ngựa trong sương vội vã,
Tuyết quang Hoài Thủy (4), tiết ngọc trong sáng.
Trời đất có bắc có nam, tầm mắt thênh thang,
Núi sông chỗ bằng chỗ hiểm, tấc lòng trung trinh.
Hôm nay ân cần tiễn biệt ngài,
Chén rượu khôn ngăn mối tình muôn dặm.

DỊCH THƠ :

Bên cạnh năm mây hiện sứ lang,
Bừng bừng tỏa khắp khí trung lương.
Tuyết quang Hoài Thủy dương cờ tiết,
Xuân tới mai đình, giục vó sương.
Trời đất bắc nam, nhìn bát ngát,
Non sông bình hiểm dạ thênh thang.
Tiễn đưa xiết kể bâng khuâng nỗi,
Chén rượu khôn ngăn tứ dặm trường.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 難 *than.*

2* TVTL2 : 川 *xuyên.*

CHÚ THÍCH :

(1) Vũ Thích Chi : chưa rõ là ai.

(2) *Mây năm sắc* (ngũ sắc vân) : Người xưa cho mây năm sắc xuất hiện là điềm tốt, tượng trưng cho khí tượng Thiên tử. Ý câu thơ này nói bên cạnh Hoàng đế có ngôi sao sứ thần xuất hiện.

(3) *Trạm mai* (mai dịch) : chỉ các trạm trên đường của người đi sứ sẽ qua. Sách 荊州記 *Kinh châu ký* có đoạn nói : Lục Khải 陸凱 từ Giang Nam bẻ một cành hoa mai gửi đến Trường An cho Phạm Việp 范曄 và đề tặng bằng thơ là :

折梅逢驛使，　Chiết mai phùng dịch sứ,
寄與隴頭人。　Ký dữ Lũng Đầu nhân.
江南何所有，　Giang Nam hà sở hữu,
聊贈一枝春。　Liêu tặng nhất chi xuân.

Bẻ cành mai xong, lại gặp người đi sứ qua trạm,
Bèn đưa gửi cho người ở Lũng Đầu.
Ở Giang Nam có gì đâu,
Chỉ xin tặng một cành xuân.

(4) *Hoài Thủy* : Tên một con sông ở Trung Quốc. Cũng có thể đây là một điển cố nào đó mà chúng tôi chưa tìm thấy ?

243

城中有感寄呈同志

THÀNH TRUNG HỮU CẢM KÝ [1*] TRÌNH ĐỒNG CHÍ

朝中朱紫動紛紛，
幻眼誰能各自分。
頭上老天依日月，
人間夢景付煙雲。
碧池何處招山簡？
杜曲無錢覓廣文！
謀議廟堂吾豈敢！
擬將泉石夢諸君。

Triều trung chu tử động [2*] phân phân,
Huyễn [3*] nhãn thùy năng các tự [4*] phân.
Đầu thượng lão thiên y nhật nguyệt,
Nhân gian mộng cảnh phó yên vân.
Tập Trì hà xứ chiêu [4*] Sơn Giản ?
Đỗ Khúc vô tiền mịch Quảng Văn.
Mưu [5*] nghị miếu đường ngô khởi cảm !
Nghĩ tương tuyền thạch mộng chư quân.

DỊCH NGHĨA :

GỬI TRÌNH CÁC BẠN ĐỒNG CHÍ NHỮNG CẢM KHÁI KHI Ở TRONG THÀNH

Trong triều, áo đỏ, áo tía cử động rối loạn,
Bởi mắt chẳng tinh, ai mà phân biệt được mình.
Trên đầu có trời già, nương tựa tháng ngày,
Cõi đời là cảnh mộng, phó mặc mây khói.
«Tập Trì» biết nơi nào mà mời Sơn Giản (1) ?
«Đỗ Khúc» không có tiền để tìm Quảng Văn (2).
Bàn tính việc miếu đường, tôi đâu dám !
Chỉ mong nơi lâm tuyền mơ gặp các ông.

DỊCH THƠ :

Bời bời đỏ tía lớp đai cân,
Mắt quáng ai mà có thể phân.
Nhật nguyệt đang soi vừng đỉnh não,
Khói mây phó mặc mộng trần gian.
Tập Trì chẳng thấy, vời Sơn Giản,
Đỗ Khúc không tiền, kiếm Quảng Văn.
Mưu lược miếu đường, ta chẳng dám,
Lâm tuyền toan mộng gặp chư quân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT không có chữ 寄 *ký*.
2* TTCGLT : 總 *tổng*.
3* TVTL2 : 白 *bạch*.
4* TVTL2, TVTL3 : 有 *hữu*.
5* TVTL2, TVTL3 : 註 *chú*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Tập Trì* : thành trì của Tập Tạc Xỉ 習鑿齒 người đất Tương Dương đời Tấn, học rộng và có tài văn chương, lại có hiệt tài về sử. Sơn Giản 山簡 người đất Hà Nội đời Tấn, có phong thái ôn hòa, thanh nhã và hào phóng ; làm quan đến Thượng thư Tả bộc xạ lĩnh Lại bộ, tiếp đó làm Chinh nam tướng quân trấn giữ đất Tương Dương ; sau đến đất Lạc Dương, và thường đến thăm lâu đài thành trì nhà họ Tập.

(2) *Đỗ Khúc* : một vùng ở phía nam huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây. Vào đời Đường, họ Đỗ đời đời ở đất này nên vùng đó mới có tên là Đỗ Khúc.
Quảng Văn : Tên một cái quán (Quảng Văn quán), đồng thời cũng trở thành một chức quan do Đường Huyền Tông 唐玄宗 đặt ra. Đó là nhàn chức, không có thực quyền. Đỗ Phủ 杜甫 có câu :

諸公滾滾登臺省，Chư công cồn cồn đăng đài sảnh,
廣文先生官獨冷。Quảng Văn tiên sinh quan độc lãnh.

Các ngài tấp nập lên đài sảnh,
Quảng Văn tiên sinh quan lạnh lẽo.

Hai câu 5 và 6 ý nói : không có cách gì để gặp mặt trì âm.

244

賀中書侍郎

虞庭庶事務熙康，
績典惟公合陟揚。
人望夔龍參玉鉉，
天教星鳳展彝章。
曲江夙負經綸學，
司馬寧辭四六長。
聖世倘懷遺棄物，
願施裁藻到農桑。

HẠ TRUNG THƯ THỊ LANG

Ngu đình thứ sự vụ hy khang,
Tích điển duy công hợp trắc dương.
Nhân vọng Qui Long tham ngọc huyễn,
Thiên giao Tinh Phượng triển di chương.
Khúc Giang túc 1* phụ kinh luân học.
Tư Mã ninh từ tứ lục trường.
Thánh thế 2* thảng hoài di khí vật.
Nguyện thi tài tảo đáo nông tang.

DỊCH NGHĨA :

MỪNG QUAN THỊ LANG TÒA TRUNG THƯ

Mọi việc trong triều đình nhà Ngu (1) sao được rực rỡ tốt lành,
Sắp xếp điển pháp chỉ có ông là xứng được cất nhắc.
Đời mong những bậc Qui, Long (2) được đặt vào chỗ quan trọng,
Trời sai sao Cảnh Tinh, chim Phượng Hoàng mở mang điển chương.
Khúc Giang (3) từ lâu đã nổi tiếng về tài học trị nước cứu đời,
Tư Mã (4) lẽ nào lại từ chối sở trường của mình về văn tứ lục (5).
Đời thịnh trị, chúa có đoái trông đến vật bị vứt bỏ còn sót lại,
Thì xin nguyện đem tài mọn văn đến tận thôn xóm.

KHẢO ĐÍNH :

1* NPKTV : 宿 *túc.*
2* NPKTV : 主 *chúa.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Ngu* : có thể tác giả dùng điển triều đình Ngu Thuấn ở thời cổ Trung Quốc để ca ngợi triều nhà Hồ ; cũng có thể tác giả nói triều đình Ngu ở đây chính là chỉ vào triều đình nước Đại Ngu, tên nước ta do Hồ Qui Ly đặt (1400—1407).
(2) *Qui, Long* : hai bầy tôi tài giỏi của vua Thuấn.
(3) *Khúc Giang* : tức Khúc Giang Công, hiệu của Trương Cửu Linh, người đời Đường, có tài kinh bang tế thế.
(4) *Tư Mã* : tức Tư Mã Tương Như 司馬相如, một người nổi tiếng về từ phú đời Hán, được Hán Vũ Đế 漢武帝 rất yêu trọng.
(5) *Văn tứ lục* : loại văn biền ngẫu có những mạc tiểu đối bằng các vế 4 chữ, 6 chữ ; thường gặp trong phú và các loại từ lệnh của vua, biểu khải các quan...

245

賀宋黎杜三御使

HẠ TỐNG, LÊ, ĐỖ TAM 1* NGỰ SỬ

烏臺久矣喋無聞，
聖主開誠妙選掄。
慶曆昔聞揚四諫，
昌符今喜擢三人。
已將風采儀朝著，
好把精忠動紫宸。
留取聲名光萬古，
世間岐路總煙塵。

Ô đài cửu hỹ cấm vô văn,
Thánh chúa 2* khai thành điệu tuyển luân 3*.
Khánh Lịch tích văn dương 4* tứ gián,
Xương Phù kim hỷ trạc tam nhân.
Dĩ 5* tương phong thái nghi triều trứ,
Hảo bả tinh trung động tử thần.
Lưu thủ thanh 6* danh quang vạn cổ,
Thế gian kỳ lộ tổng yên trần 7*.

DỊCH NGHĨA :

MỪNG BA QUAN NGỰ SỬ HỌ TỐNG, HỌ LÊ, HỌ ĐỖ (1)

Đã lâu rồi chốn Ô Đài (2) lặng bặt không nghe gì,
Nay thánh chúa mở lòng thành, khéo léo lựa chọn.
Từng nghe đời Khánh Lịch khen bốn vị gián nghị (3),
Nay mừng năm Xương Phù (4) cất nhắc ba người.
Đã đem phong thái làm khuôn mẫu ở triều đình,
Hãy mang lòng trung khích động điện tia (5).
Gắng lưu lại tiếng tăm soi sáng muôn thuở,
Những con đường rẽ trên đời này thảy đều khói bụi.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT, NPKTV : thêm chữ 公 *công* ở giữa chữ 三 *tam* và chữ 御史 *ngự sử*.
2* TVTL2, TVTL3 : 上 *thượng*.
3* TVTL3 : 編 *biên*.
4* TTCGLT, NPKTV : 除 *trừ*.
5* TVTL2 , TVTL3 : 直 *trực*.
6* TVTL3 : 清 *thanh*.
7* NPKTV : 烟雲 *yên vân*.

CHÚ THÍCH :

(1) Ba quan Ngự sử họ Tống, họ Lê và họ Đỗ : chưa rõ tác giả chỉ vào những ai. Riêng họ Đỗ, có lẽ là Đỗ Tử Trừng, làm Ngự sử đại phu. Hồ Qui Ly trong bài *Tứ Trung ủy Đỗ Tử Trừng*, có câu : Ô đài cửu hĩ cấm vô thanh, : *Đã lâu, chốn đài Ngự sử vẫn lặng tiếng.*

(2) *Ô đài* : tức đài Ngự sử. Sách *Hán thư* chép : bên tòa Ngự sử có khóm cây bách, hàng nghìn con quạ đến đậu ở đó. Vì vậy, đài Ngự sử được gọi là Ô đài (hay Ô phủ).

(3) Theo *Tống sử* 宋史 , vua Tống Nhân Tông 宋仁宗, niên hiệu Khánh Lịch có thăng bốn người nổi tiếng trung trực làm Gián nghị đại phu là Dư Tĩnh 余靖, Âu Dương Tu 歐陽修, Thái Tương 蔡襄 và Vương Tố 王素

(4) *Xương Phù* : niên hiệu của vua Trần Phế Đế (1377-1388).

(5) *Điện tia* (Tử thần) : nơi nhà vua ngự.

246

奉詔長安道中作

PHỤNG CHIẾU TRƯỜNG AN ĐẠO TRUNG TÁC

武林一帶碧迢迢，
王事寧辭跋涉遥。
山館宿晴烟樹合，
郡庭薄暖雪花消。
武夫感泣觀唐詔，
父老扶藜聽漢朝。
自愧微勞何補報，
願揚皇化憺天驕。

Vũ Lâm nhất đới bích thiều thiều,
Vương sự ninh từ bạt thiệp diêu (dao)[1*].
Sơn quán túc [2*] tình yên thụ hợp,
Quận đình bạc noãn [3*] tuyết hoa tiêu.
Vũ phu cảm khấp quan Đường chiếu,
Phụ lão phù [4*] lê thính Hán triều.
Tự qui vi lao hà bổ báo [5*],
Nguyện dương hoàng hóa đảm[6*] thiên kiêu.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM TRONG LÚC PHỤNG CHIẾU VUA ĐI TRƯỜNG AN (1)

Vũ Lâm một dải (2), màu biếc dằng dặc,
Việc vua, đâu dám từ chối lặn lội xa xôi.
Quán trên núi sớm tạnh mưa, khói đọng lùm cây,
Sân nơi quận ấm áp, hoa tan giọt tuyết.
Kẻ vũ phu cảm động khóc, khi xem chiếu chỉ vua Đường (3),
Các phụ lão chống gậy lê ra nghe chính lệnh triều Hán (4)
Tự thẹn chút đỉnh khó nhọc này, nào đã báo đáp được gì,
Nguyện nêu đức hóa của nhà vua, trấn áp giặc trời (5).

KHẢO ĐÍNH :

1* TVVL2 : 勞 *lao.*
2* TTCGLT : 舊 *cựu.*
3* TVTL2, TVTL3 : 燠 *áo*
4* TVTL2 : 杖 *trượng.*
5* TTCGLT, NPKTV : 報補 *báo bổ.*
6* TVTL2 : 斬 *trảm.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Trường An* : thuộc tỉnh Ninh Bình cũ (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh).

(2) *Vũ Lâm* : có thể hiểu theo hai cách : a) Vũ Lâm là vùng thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Ở vùng này có sông Vũ Lung (nay là sông Chu) chảy qua. Bởi vậy, câu thơ trên tác giả tả cảnh nước biếc sông Vũ Lung ở Vũ Lâm . b) Vũ Lâm còn là tên một vùng ở tỉnh Giang Tây, Trung Quốc, hay được các nhà thơ lấy làm điển tích : xưa Đông Việt Vương khởi binh chống nhà Hán, tiến quân đến Vũ Lâm ; Hán Vũ Đế sai tướng ra Vũ Lâm dẹp quân Đông Việt Vương. Bởi vậy, có thể ở đây tác giả mượn điển này để nói việc vâng lệnh vua đi dẹp giặc chăng ?

(3) Điển tích ở câu thơ này chúng tôi chưa rõ lắm. Có thể là chỉ chuyện Đường Đức Tông ra chiếu tự trách mình : Đức Tông có tính đa nghi, lại dùng phải kẻ gian xảo là Lư Kỷ, vì vậy sinh loạn. Diêu Lệnh Ngôn và Chu Thử làm phản, kéo quân xâm chiếm kinh đô, Đức Tông phải bỏ chạy, đến khi Lý Thịnh lấy lại được kinh đô mới dám về. Đức Tông ra chiếu tự buộc tội mình, từ đó chăm lo việc nước chu đáo.

(4) Từ thời Quang Vũ Đế 光武帝, nhà Hán trung hưng và cường thịnh trở lại, con của Quang Vũ Đế là Hán Minh Đế 漢明帝, tiếp tục chính sách của cha và đặc biệt là thường đến nhà Thái học làm các lễ lớn dường lão. Cả hai câu 5 và 6 nhắc điển như vậy là để nói việc dẹp giặc lúc bấy giờ.

(5) *Giặc trời* (thiên kiêu) : TTCGLT chú thích : 匈奴傳 : 胡者, 天之驕子。東坡送子由使契丹曰 Hung nô truyện : Hồ giả, thiên chi kiêu tử. Đông Pha tống Tử Do sứ Khiết Đan viết :

不辭驛騎凌霜雪, Bất từ dịch kỵ lăng sương tuyết,
要使天驕識鳳麟。 Yếu sử thiên kiêu thức phượng lân.

Hung nô truyện : Rợ Hồ là bọn giặc trời. Thơ Tô Đông Pha tiễn Tử Do đi sứ Khiết Đan có câu :

Chẳng nề vó ngựa xông sương tuyết,
Phải bắt thiên kiêu biết phượng lân.

Ở đây tác giả dùng «Thiên kiêu» để chỉ bọn giặc chống lại triều đình.

247

天長試後有感

THIÊN TRƯỜNG THÍ HẬU HỮU CẢM

萬里來觀國上賓, Vạn lý lai quan quốc thượng[1*] tân,
科場誤作穀中人。 Khoa trường ngộ tác cấu trung nhân !
東風御苑花容動, Đông phong ngự uyển hoa dung động,
細雨乾坤柳色新。 Tế vũ càn khôn[2*] liễu sắc tân.
雙鯉闕傳江上信, Song lý khoát truyền giang thượng tín.
扁舟囚繫客中身。 Biển chu tù[3*] hệ khách trung thân !
今朝最是愁腸處, Kim triêu tối thị sầu tràng xứ,
一別庭闈勝半春! Nhất biệt đình vi thắng bán xuân !

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC SAU KHI THI Ở THIÊN TRƯỜNG (1)

Từ muôn dặm đến xem những thượng khách của nước nhà (2),
Đã lỡ là người ở «trong tầm bắn» của khoa trường (3).
Gió xuân trong vườn ngự, đóng hoa lay động,
Mưa nhỏ khắp bầu trời, xanh non nhành liễu.
Đôi cá chép thảnh thơi truyền tin tức trên sông (4),
Chiếc thuyền nhỏ còn giam hãm tấm thân nơi đất khách !
Sáng nay chính là lúc đau lòng nhất,
Từ khi xa cách đình vi (5) đã quá nửa xuân rồi !

DỊCH THƠ :

Làm khách vương triều, vượt dặm khơi,
Trong vòng khoa bảng vướng mà chơi !
Gió xuân vườn ngự, hoa lay động,
Mưa bụi phương trời, liễu tốt tươi.
Đôi chép trên sông đưa mảnh thiếp.
Chiếc thuyền đất khách buộc thân người !
Hôm nay chính lúc đau lòng nhất,
Xa cách song thân mấy tháng trời !

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2 : 國上 *quốc thượng.*
2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 調 *điệu.*
3* TVTL2 : 閑 *nhàn* ; TTCGLT, NPKTV 閔 *muộn.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Thiên Trường* : tức phủ Thiên Trường xưa, nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh.
(2) *Thượng khách của nước nhà* (quốc thượng tân) : Chỉ những người đến dự kỳ thi ở Thiên Trường.

(3) Cả câu này lấy ý từ lời mừng của Đường Thái Tông 唐太宗 khi ông đến thăm những người mới đỗ Tiến sĩ : 天下英雄盡入吾彀中矣 , thiên hạ anh hùng tận nhập ngô cấu trung hỹ : *Tất cả anh hùng trong thiên hạ đều đã vào trong tầm cung của ta.*

(4) *Nhạc phủ* 樂府 có đoạn :

客從遠方來， Khách tòng viễn phương lai,
遺我雙鯉魚。 Di ngã song lý ngư.
呼童烹鯉魚， Hô đồng phanh lý ngư,
中有尺素書。 Trung hữu xích tố thư.

Khách từ xa đến chơi,
Cho cá chép một đôi.
Gọi trẻ mổ cá chép,
Trong có thư của người.

Về sau người ta dùng điển này để chỉ thư tín.

(5) *Đình vi* : Nơi cha mẹ ở, cũng chỉ cha mẹ.

248

村居 THÔN CƯ

數椽書室掩蓬蒿， Sổ duyên thư thất yểm bồng cao,
池草園林夢入騷。 Trì thảo viên lâm mộng nhập tao.
覆屋霜匀千瓦重， Phú ốc sương quân [1*] thiên ngõa trọng,
侵門日上半籬高。 Xâm môn nhật thượng [2*] bán ly cao.
病中活計存靈藥， Bệnh trung hoạt [3*] kế tồn linh dược,
身外浮名付濁醪。 Thân ngoại phù danh phó trọc giao[4*].
萬事無營心自可， Vạn sự vô doanh tâm tự khả,
春風滿砌太陶陶。 Xuân phong mãn xế thái [4*] giao giao !

DỊCH NGHĨA :

Ở XÓM

Vài gian nhà học khuất trong lau lách,
Cỏ cây bên ao vườn đưa vào hồn thơ.
Sương phủ trên mái nhà, trĩu nặng ngàn viên ngói,
Mặt trời lẩn vào cửa, lên cao tới lưng giậu.

Khi ốm đã có vị thuốc tiên cứu chữa,
Cái danh hão ở ngoài thân đã có chén rượu đục xóa bỏ.
Muôn việc chẳng màng, lòng tự thoải mái.
Gió xuân đầy thềm, thú biết bao nhiêu !

DỊCH THƠ :

Vài gian nhà sách khuất chòm lau,
Hồn thả miền thơ, trước cỏ ao.
Phủ mái, sương gieo nghìn ngói nặng,
Lấn hiên, hồng dọi nửa phên cao.
Ốm đau kế sống dành tiên dược,
Danh hão ngoài thân phó rượu đào.
Vạn sự mưu chi, lòng tự nhủ,
Thêm xuân lộng gió, thú bao nhiêu !

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 句 *câu.*
2* TVTL3 : 下 *hạ.*
3* TVTL3 : 話 *thoại.*
4* TTCGLT, TVTL2, TVTL3 : 酒 膠 *tửu giao.*
5* TVTL2 : 大 *đại.*

249

秋夜早起寄洪州檢正

THU DẠ TẢO KHỞI KÝ HỒNG CHÂU 1* KIỂM CHÍNH

寂寞書齋意不聊，
移床秋户聽芭蕉。
月殘錦巷鐘聲曉，
風撼銅村馬足驕。
騷骨欲清詩更換，
病根未去藥還澆。
呼童淨掃柴門葉，
留待君來話隔朝。

Tịch mịch thư trai ý bất liêu,
Di sàng thu hộ thính ba tiêu.
Nguyệt tàn cẩm hạng 2* chung thanh hiểu,
Phong hám đồng thôn 3* mã túc kiêu.
Tao cốt đục thanh thi cánh hoán,
Bệnh căn vị khử dược hoàn kiêu.
Hô đồng tĩnh tảo sài môn diệp,
Lưu đãi quân lai thoại cách triêu.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU DẬY SỚM GỬI KIỀM CHÍNH HỒNG CHÂU (1)

Thư phòng vắng vẻ tâm trạng bâng khuâng,
Rời giường đến cửa thu để nghe tiếng trên tàu chuối.
Trăng tàn ngõ Gấm (2) chuông mai đã thỉnh,
Gió lộng xóm Đồng (3) vó ngựa bon bon.
Thể cách văn chương muốn thanh tao, điệu thơ phải đổi,
Căn bệnh chưa dứt, thuốc còn phải sắc.
Gọi trẻ quét sạch lá trước cửa sài (4),
Chờ ông đến trò chuyện về những ngày hôm trước.

DỊCH THƠ :

Thư phòng vắng vẻ dạ bâng khuâng,
Nghe gió ba tiêu, hãy nhích giường.
Ngõ Gấm trăng tàn, chuông lảnh lảnh,
Thôn Đồng gió lộng, ngựa băng băng,
Hồn thơ muốn nhã luôn thay điệu,
Căn bệnh chưa lành vẫn sắc thang.
Lá rụng cửa sài kêu trẻ quét,
Chờ anh câu chuyện dãi can trường.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 洪江 *Hồng giang.*
2* TTCGLT : 卷 *quyển.*
3* TVTL2, TVTL3 : 封 *phong.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Kiềm chính Hồng Châu* (Hồng Châu Kiềm chính) : tức Nguyễn Hán Anh, em đồng hao của tác giả.
(2) *Ngõ Gấm* (cẩm hạng) : xóm nhà quan.
(3) *Thôn Đồng* : tên một xóm ở kinh đô.
(4) *Cửa sài* (sài môn) : cửa ghép bằng những cành cây nhỏ, chỉ cảnh nhà thanh bần.

250

秋中病

THU TRUNG BỆNH [1*]

蕭蕭風動轉淒清,	Tiêu tiêu phong động chuyển thê thanh,
天地初秋客子情。	Thiên địa sơ thu khách tử tình.
隆慶二年新進士,	Long Khánh nhị niên tân Tiến sĩ,
翹材三館舊書生。	Kiều tài tam quán cựu [2*] thư sinh.
少年敢負韓忠獻,	Thiếu niên cảm phụ Hàn Trung Hiến,
多病還憐馬長卿。	Đa bệnh hoàn liên Mã Trưởng Khanh.
萬事背人霄漸永,	Vạn sự bội nhân [3*] tiêu tiệm vĩnh,
貯愁欹卧數殘更。	Trữ sầu khi ngọa sổ tàn canh !

DỊCH NGHĨA :

ỐM VÀO MÙA THU

Gió thổi vi vu, thời tiết chuyển lạnh lẽo,
Trời đất buổi đầu thu, nỗi lòng người đất khách.
Vị Tiến sĩ mới đầu năm Long Khánh thứ hai (1),
Vốn là thư sinh cũ ở ba quán Kiều tài (2).
Tuổi trẻ đâu dám phụ lòng ông Hàn Trung Hiến (3),
Bệnh nhiều lại càng thương cho Mã Trường Khanh (4).
Bao chuyện đều trái với ý người, đêm dài thêm mãi,
Chất chứa mối sầu nằm trằn trọc đếm canh tàn !

DỊCH THƠ :

Vi vu gió lạnh, tiết trời hanh,
Trời đất sang thu, khách trạnh tình.
Long Khánh năm nào, tân Tiến sĩ,
Kiều tài quán nọ, cựu thư sinh.
Thiếu niên dám phụ Hàn Trung Hiến,
Đa bệnh càng thương Mã Trưởng Khanh.
Việc chẳng chiều người, đêm tối mãi,
Chứa sầu ôm gối, đếm tàn canh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 和病中 *Họa bệnh trung.*

2* TTCGLT : 宿 *túc.*

3* TVTL2, TVTL3 : 由人 *do nhân.*

CHÚ THÍCH :

(1) Chỉ năm tác giả thi đậu Tiến sĩ (1374).

(2) *Ba quán kiều tài* (Kiều tài tam quán) : Theo sách *Tây kinh tạp ký* 西京雜記, Công Tôn Hoằng 公孫弘 Tể tướng nhà Hán đã xây dựng ba tòa nhà gọi là Khâm hiền quán 欽賢館 Kiều tài quán 翹材館 Tiếp sĩ quán 接士館 để thu dụng mọi lớp nhân tài trong thiên hạ. Ở đây chỉ dinh quan Tư đồ Trần Nguyên Đán.

(3) *Hàn Trung Hiến* 韓忠獻 : tức Hàn Kỳ 韓琦 một trọng thần rất có danh vọng được ba đời vua Tống trọng dụng. Ở đây là chỉ Trần Nguyên Đán 陳元旦

(4) *Mã Trường Khanh* (vì niêm luật thơ nên ở phần phiên âm đọc Trưởng Khanh) : tức Tư Mã Tương Như 司馬相如 một nhà văn đời Hán. Khi cho phép Nguyễn Phi Khanh lấy con gái mình, Trần Nguyên Đán đã nêu Tương Như là một tấm gương lập công danh cho Phi Khanh (xem tiểu sử).

251

客舍 — KHÁCH XÁ

淺把鵝兒獨自斟，
羈縻動了鶴猿心。
花邊茅屋春長好，
柳外柴門客易尋。
半榻蕉風和午夢，
一簾梅雨助清吟。
是非不到閑窻几，
睡起焚香撫素琴。

Thiển bả nga nhi độc tự châm,
Ky mi động liễu hạc viên tâm.
Hoa biên mao ốc 1* xuân trường hảo,
Liễu ngoại sài môn khách dị tầm.
Bán tháp tiêu phong hòa ngọ mộng,
Nhất liêm mai vũ trợ thanh ngâm.
Thị phi bất đáo nhàn song kỷ,
Thụy khởi phần hương phủ tố cầm.

DỊCH NGHĨA :

QUÁN KHÁCH

Nâng be đựng rượu ngan (1) một mình rót uống,
Trong cảnh néo ràng, chạnh lòng vượn hạc (2).
Nhà tranh bên khóm hoa, xuân đẹp mãi,
Cửa sài (3) ngoài cội liễu, khách dễ tìm.
Nửa giường gió chuối, giấc trưa êm đềm,
Một rèm mưa mai (4), hồn thơ gợi hứng.
Chuyện hay dở không đến ghế nhàn bên song,
Ngủ dậy, đốt hương vỗ chiếc đàn cũ.

DỊCH THƠ :

Chút rượu nga nhi, mình tự rót,
Buộc ràng, vượn hạc chạnh hồn tìm.
Bên hoa am cỏ, xuân càng đậm,
Ngoài liễu phên tre, khách dễ tìm.
Tàu chuối gió ru, trưa lịm giấc,
Rèm song mưa tưới, giọng thơ êm.
Thị phi nào bén bên song, ghế,
Tỉnh dậy châm hương đạo khúc cầm.

HIẾN NAM, TIÊN SƠN

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 芳屋 *phương ốc.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Rượu ngan* : dịch chữ « nga nhi ». Thơ Đỗ Phủ 杜甫 có câu :

鵝兒黃似酒，　　Nga nhi hoàng tự tửu,
對酒愛新鵝。　　Đối tửu ái tân nga.

Lông ngan vàng như rượu,
Nhìn rượu yêu ngan con.

Có lẽ từ sau câu thơ này, người ta thường làm nậm rượu hình con ngan.

(2) *Lòng vượn hạc* (hạc viên tâm) : Loài vượn, hạc thường không ở yên một chỗ, vì vậy người xưa có câu « viên tâm hạc ý » để chỉ người thích ngao du, không thiết công danh.

(3) *Cửa sài* (sài môn) : Cửa ghép bằng những cành cây nhỏ, ý nói cảnh nhà thanh bần.

(4) *Mưa mai* (mai vũ) : Ở vùng sông Trường Giang 長江, sông Tương 湘, hàng năm vào mùa mai chín (khoảng tháng 4 tháng 5), nước thường ngưng đọng nhiều trên cỏ, rồi bốc hơi thành mưa, cho nên người ta gọi đó là mưa mai.

252

送京師尹阮公 爲行營招討使	**TỐNG KINH SƯ DOÃN NGUYỄN CÔNG VI HÀNH DOANH CHIÊU THẢO SỨ**
釜中占賊久逋誅,	Phủ trung Chiêm tặc cửu bô tru,
四海人神怨憤俱。	Tứ hải nhân thần [1*] oán phẫn câu.
誰卜百年遺此虜,	Thùy bốc bách niên di thử lỗ [2*],
公煩寸舌討狂胡。	Công phiền thốn thiệt thảo cuồng [3*] Hồ.
金戈鐵馬鯨鯢没,	Kim qua thiết mã [4*] kình nghê một,
羽檄星麾象兕驅。	Vũ hịch [5*] tinh huy tượng hủy khu.
指日皇風清絶域,	Chỉ nhật hoàng phong thanh tuyệt vực,
大功出任屬吾儒。	Đại công xuất nhậm [6*] thuộc ngô nho.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN QUAN KINH SƯ DOÃN HỌ NGUYỄN (1)
ĐI NHẬM CHỨC HÀNH DOANH CHIÊU THẢO SỨ (2)

Giặc Chiêm Thành như cá trong nồi, trốn tránh tội chết đã lâu,
Người và thần bốn bề thảy đều căm giận.
Ai ngờ đâu trăm năm nay sót lại đám giặc đó,
Ông chịu khó dùng tấc lưỡi đánh bọn rợ ngông cuồng.
Giáo vàng ngựa sắt trừ loài cá kình cá nghê,
Hịch lông cờ sao đuổi lũ voi trâu rừng.
Chả mấy chốc gió nhà vua quét sạch cõi xa,
Ra gánh công việc lớn, thuộc về nhà nho ta.

DỊCH THƠ :

Chiêm tặc trong nồi trốn chết lâu,
Thần, dân bốn bề thảy căm thù.
Trăm năm ai biết còn quân giặc,
Tấc lưỡi ông đem dẹp rợ Hồ.
Ngựa sắt giáo vàng phanh sấu mập.
Cờ sao hịch vũ đuổi voi trâu,
Oai trời chốc lát miền xa sạch.
Công lớn làm nên thuộc bậc nho.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGTL : 人臣 *nhân thần*, TVTL2, TVTL3 : 人民 *nhân dân*.
2* TVTL2, TVTL3 : 處 *xứ*.
3* TVTL2 : 群 *quần*.
4* TTCGLT : 甲 *giáp*.
5* TVTL2 : 翼 *dực*.
6* TVTL2, TVTL3 : 用 *dụng*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Kinh sư doãn* : Còn gọi là Kinh triệu doãn, chức quan đứng đầu kinh sư (tức kinh đô). Quan họ Nguyễn ở đây chưa rõ là ai. Theo ĐVSKTT (Bản kỷ, quyển VIII), năm Nhâm ngọ (1402), Hồ Hán Thương đem quân đi đánh Chiêm Thành, phong Nguyễn Vi làm Chiêu dụ sứ, Nguyễn Bằng Cử làm Đồng chiêu dụ sứ, phải chăng họ Nguyễn trong bài thơ là chỉ vào một trong hai người này ?

(2) *Hành doanh Chiêu thảo sứ* ; «Hành doanh» là bản doanh ở mặt trận. «Chiêu thảo sứ» là chức trong quân đội vào thời chiến.

253

用鄭生留別韻以別之

春風倒我醵醽瓢，
明月隨君桂棹遥。
親舍好循温清候，
世途甘卸利名鑣。
雲山昨夢尋鄉里，
湖海茲遊隔市朝。
後夜相思無覓處，
南雲翔雁正飄飄。

DỤNG TRỊNH SINH LƯU BIỆT VẬN DĨ BIỆT CHI [1*]

Xuân phong đảo ngã [2*] lục linh biều,
Minh nguyệt tùy quân quế trạo diêu (dao).
Thân xá hảo tuần ôn thanh hậu,
Thế đồ cam tả lợi danh tiêu [3*].
Vân sơn tạc mộng tầm hương lý,
Hồ hải tư du cách thị triều.
Hậu [4*] dạ tương tư vô [5*] mịch xứ,
Nam vân tường nhạn chính phiêu phiêu.

DỊCH NGHĨA :

DÙNG VẦN THƠ LƯU BIỆT CỦA TRỊNH SINH (1) ĐỂ TỪ BIỆT

Gió xuân thổi nghiêng bầu rượu của ta,
Trăng sáng theo mái chèo quế của anh mà đi xa.
Trong ngôi nhà của cha mẹ hãy theo thời tiết ấm lạnh (2),
Trên đường đời đành gỡ bỏ cái dàm danh lợi.
Giấc mộng núi mây ngày trước tìm về quê hương,
Chuyến chơi hồ hải này cách xa thị triều (3).
Đêm mai nhớ nhau không biết tìm ở nơi nào,
Nơi đám mây phía nam, bầy nhạn đang lượn bay phơi phới.

DỊCH THƠ :

Gió xuân dốc rượu tớ nghiêng bầu,
Trăng sáng theo anh đầy mái chèo.
Dưới gối lạnh nồng chăm sóc mãi,
Trên đường danh lợi buộc ràng đâu.
Núi mây đêm trước mơ làng xóm,
Hồ hải hôm nay cách thị triều.
Tưởng nhớ đêm sau tìm chẳng thấy,
Trời nam tung cánh nhạn phiêu diêu.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 次韻留别鄭生 *thứ vận lưu biệt Trịnh sinh,*
TVTL2 : 次韻留約鄭生 *thứ vận lưu ước Trịnh sinh.*
2* TVTL3 : 老 *lão.*
3* TVTL1 : 鏖 *ao.*
4* TVTL2 : 深 *thâm.*
5* TVTL2, TVTL3 : 當 *đương.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Trịnh sinh* : Chưa rõ tiểu sử.
(2) Nghĩa câu này là : hãy quạt nồng ấp lạnh phụng dưỡng cha mẹ cho trọn vẹn.
(3) *Thị triều* : chỉ kinh đô.

254

遊崑山

DU CÔN SƠN

一節山上柱雲烟，
回首塵埃路隔千。
雨後泉聲流欸欸，
天晴嵐氣浮涓涓。
百年浮世人皆夢，
半日偷閑我亦仙。
興去欲來僧院宿，
昏鐘催月掛峰前。

Nhất cùng sơn thượng trụ (1) vân yên,
Hồi thủ trần ai lộ cách thiên.
Vũ hậu tuyền thanh lưu tốc tốc 2*,
Thiên tình lam khí tịnh quyên quyên.
Bách niên phù thế nhân giai mộng,
Bán nhật thâu 3* nhàn ngã diệc tiên.
Hứng khứ dục lai tăng viện túc,
Hôn chung thôi nguyệt quải phong 4* tiền.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI CÔN SƠN (1)

Một chiếc gậy chống khói mây trên núi,
Ngoảnh lại chốn bụi bặm, cách xa ngàn dặm.
Sau mưa, tiếng suối chảy ầm ầm,
Trời tạnh, lam chướng sạch lầu lầu.
Cuộc phù thế trăm năm, người người đều như mộng,
Trộm cái nhàn nửa ngày, ta cũng là tiên.
Hứng đã hết, muốn đến chùa nghỉ,
Chuông chiều giục trăng treo trước núi.

DỊCH THƠ :

Chiếc hèo đỉnh núi, khói mây chen,
Ngoái lại nhân gian, dặm cách nghìn.
Bằn bặt sương lam khi nắng tạnh,
Ầm ầm nước suối lúc mưa tan.
Trăm năm phù thế, người như mộng,
Nửa buổi thanh nhàn, tớ cũng tiên.
Hứng cạn toan vào tăng viện nghỉ,
Đầu non chuông giục nguyệt treo lên.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, 3 : 杜 *trụ*, cũng đồng nghĩa với 拄 *trụ*.
2* TVTL1 : 蘋蘋 *lại lại*.
3* TVTL3 : 浮 *phù*.
4* TVTL 2 : 風 *phong*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Côn Sơn* : núi ở xã Chí Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).

255

自天長府漂過海口遇風

怒蛟噓霧簇船窻，
四月奔波駛似瀧。
岸樹東西旗拂掠，
灘聲上下玉舂撞。
烟波萬里丹心寸，
風雨孤蓬綠鬢雙。
不是一官天上去，
那堪此日卧滄江。

TỰ THIÊN TRƯỜNG PHỦ PHIÊU [1*] QUÁ HẢI KHẨU NGỘ PHONG

Nộ giao hư vụ bả thuyền song,
Tứ nguyệt bôn ba khoái [2*] tự lung.
Ngạn thụ đông tây kỳ phất lược,
Than thanh thượng hạ ngọc thung chàng.
Yên ba vạn lý đan tâm thốn,
Phong vũ cô bồng lục mấn song.
Bất thị nhất quan thiên thượng khứ,
Na [3*] kham thử nhật ngọa thương giang.

DỊCH NGHĨA :

TỪ PHỦ THIÊN TRƯỜNG LÊNH ĐÊNH
RA CỬA BIỂN GẶP GIÓ

Thuồng luồng giận dữ phun mù chao động ngoài song thuyền,
Tháng tư sóng xô nhau đổ nhanh như thác.
Cây bên bờ vung vẩy dọc ngang như cờ,
Tiếng ngoài bãi ầm ào trên dưới như giã gạo.
Khói sóng muôn trùng, một tấc lòng son,
Mưa gió thuyền đơn, hai mái tóc xanh.
Nếu chẳng phải là một chức quan đi chầu vua,
Hôm nay đâu chịu nằm ở sông xanh này !

DỊCH THƠ :

Giao long hà khói phả bên mành,
Đầu hạ lồng lên ngọn sóng kình.
Cây cối đông tây cờ lật phật.
Thác ghềnh trên dưới tiếng lanh canh.
Ba đào vạn dặm con tim thắm,
Mưa gió lưng thuyền mái tóc xanh.
Vì chẳng lai chầu vâng chức mọn,
Sông xanh khểnh mát, nghĩ sao đành.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : không có chữ 漂 *phiêu.*
2* TVTL3 : 駛 *tri.*
3* TVTL2, TVTL3 : 難 *nan.*

256

九月冰壺相公席上

蓬鬢蕭蕭黑帽紗，
隨風曉入相公家。
人生百歲重陽幾，
秋色三分九月多。
就解愁中應有酒，
得行樂地可無花。
茫然一醉酬佳節，
長笑西風發浩歌！

CỬU NGUYỆT 1* BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG TỊCH THƯỢNG

Bồng mấn tiêu tiêu hắc mạo sa 2*,
Tùy phong hiểu nhập Tướng công3* gia.
Nhân sinh bách tuế trùng dương kỷ,
Thu sắc tam phân cửu nguyệt 4* đa.
Tựu giải sầu trung ưng hữu tửu,
Đắc hành lạc 5* địa khả vô hoa.
Mang nhiên nhất túy thù giai tiết,
Trường tiếu tây phong 6* phát hạo ca !

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHÍN, TRONG BỮA TIỆC CỦA TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ (1)

Tóc rối bơ phờ trong chiếc mũ sa đen,
Sáng ngày theo gió vào nhà Tướng công.
Đời người trăm năm, được mấy tết Trùng dương (2) ?
Mầu sắc ba tháng thu, tháng chín là đậm nhất.
Trong lúc giải sầu, cần phải có rượu,
Được nơi vui vẻ, lẽ nào không có hoa ?
Mơ màng say tỉnh, tạ lòng giai tiết,
Cười giòn trước gió tây (3), cất tiếng hát vang.

DỊCH THƠ :

Bơ phờ mái tóc, mũ sa phong,
Theo gió ban mai, yết Tướng công.
Thu sắc ba phần, dồn tháng chín,
Nhân sinh trăm tuổi mấy dương trùng ?
Giải sầu rượu nọ rằng nên có,
Hành lạc, hoa kia há lẽ không.
Đáp lại tiết lành say túy lúy,
Cười giòn hát vang trước tây phong.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 日 *nhật.*
2* TVTL2 : 何 *hà.*
3* TTCGLT, TVTL1 : 王 *vương.*
4* TVTL1 : 日 *nhật.*
5* TVTL2, TVTL3 : 東 *đông.*
6* TTCGLT, TVLL1 : 窻 *song.*

CHÚ THÍCH :

(1) Tướng công Băng Hồ : tức Trần Nguyên Đán.
(2) Theo *Dịch kinh* 易經, số 9 là tận cùng của số dương. Ngày 9 tháng 9 là hai số dương trùng nhau, do đó người ta gọi ngày tết ấy là ngày tết Trùng dương.
(3) Theo thuyết Ngũ hành, «tây» thuộc kim, mà kim thì ứng với mùa thu, cho nên «tây phong» ở đây tức gió thu.

257

送行人杜從周

TỐNG HÀNH NHÂN ĐỖ TÒNG CHU

芹水春風桂殿秋，
科場歷歷憶同遊。
君今又作行人去，
我獨胡爲省屬留。
嶺驛雲開豪跨馬，
湖潮雪淨穩登舟。
丈夫送別何須淚，
一笑相看撫蒯緱。

Cần thủy xuân phong quế điện thu,
Khoa trường [1*] lịch lịch ức đồng du.
Quân kim hựu [2*] tác hành nhân khứ,
Ngã độc hồ [3*] vi sảnh thuộc lưu.
Lĩnh [4*] dịch vân khai hào khóa mã,
Hồ triều tuyết tịnh ổn đăng châu.
Trượng phu tống [5*] biệt hà tu lệ,
Nhất tiếu tương khan phủ khoái hầu [6*].

DỊCH NGHĨA :

TIỄN QUAN HÀNH NHÂN ĐỖ TÒNG CHU (1)

Gió xuân bến cần, mùa thu cung quế (2),
Còn nhớ như in bạn cùng đi thi nơi khoa trường.
Nay ông lại ra đi làm chức Hành nhân (3),
Riêng tôi ở lại làm thuộc viện của Sảnh.
Trạm Ngũ Lĩnh mây quang, hào hứng lên ngựa,
Mặt Ngũ Hồ tuyết ráo, êm ái xuống thuyền (4).
Lúc tiễn biệt, bậc trượng phu cần chi rơi lệ,
Chỉ cười nhìn nhau, vỗ vào bao gươm cỏ khoái (5) là đủ.

DỊCH THƠ :

Cần thủy tin xuân, quế Quảng Hàn,
Khoa tràng nhớ lại nghĩa kim lan.
Hành nhân mừng bác đang đi tới,
Sảnh thuộc, sao mình vẫn ở yên ?
Lên ngựa khi mây Mai Lĩnh mở,
Xuống thuyền lúc tuyết Động Đình tan.
Trượng phu khi khái nhờn ly biệt,
Vỗ vỏ gươm cười cởi tấm gan.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 斜陽 *tà dương.*
2* TVTL1 : 有 *hữu.*
3* TVTL3 : 何 *hà.*
4* TVTL3 : 頻 *tần.*
5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 此 *thử.*
6* TVTL2, TVTL3 : 真丈夫 *chân trượng phu.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Đỗ Tòng Chu* : chưa rõ là ai.

(2) *Bến cần... mùa thu cung quế* (Cần thủy,.. quế điện thu) : *Bến cần* : xem chú thích số 4 bài *Dữ Chương Giang đồng niên Trương đại học...* ; *Mùa thu cung quế* : xưa khoa thi hương mở vào mùa thu. Và theo truyền thuyết thì trên cung trăng có cây quế. Do đó nói bẻ cành quế ở cung trăng vào mùa thu cũng tức là nói việc đi thi. Ý câu thơ này là : từng cùng nhau đậu khoa thi hương, từng cùng nhau vào trường Quốc tử giám.

(3) *Hành nhân* : chức quan trong sử bộ đời xưa.

(4) *Ngũ Lĩnh, Ngũ Hồ* : những cảnh các sử giả hay nhắc đến.

(5) *Vỗ bao gươm cỏ khoái* : (phủ khoái hầu) : *Mạnh Thường Quân truyện* 孟嘗君傳 chép rằng : Phùng Hoan 馮驩 nhà rất nghèo, chỉ có một thanh gươm, vỏ gươm bện bằng cỏ khoái là thứ cỏ dại. Nhưng Phùng Hoan có nhiều mưu trí, giúp Mạnh Thường Quân giải quyết nhiều việc khó khăn. Ý câu thơ này là chúc Đỗ Tòng Chu hoàn thành sứ mệnh.

258

喜學士陳若虛自乂安至

桃花浪泛暖青春，
湖海風流却羨陳。
老我一官閑草詔，
壯君萬里遠辭親。
暮雲自豁相思地，
夜月欣逢久別人。
憂國正須吾輩事，
憑渠爲說乂安民。

HỈ HỌC SĨ TRẦN NHƯỢC HƯ [1*] TỰ NGHỆ AN CHÍ.

Đào [2*] hoa lãng phiếm noãn [3*] thanh xuân,
Hồ hải phong lưu khước tiễn [4*] Trần.
Lão ngã nhất quan nhàn thảo chiếu,
Tráng quân vạn lý viễn từ thân.
Mộ vân tự khoát [5*] tương tư địa,
Dạ nguyệt hân phùng cửu biệt nhân.
Ưu [6*] quốc chính tu ngô bối sự,
Bằng cừ vị thuyết Nghệ An dân.

DỊCH NGHĨA :

MỪNG HỌC SĨ TRẦN NHƯỢC HƯ TỪ NGHỆ AN ĐẾN (1)

Trên sóng hoa đào ấm áp (1), khách xuân xanh thả thuyền,
Người hồ hải phong lưu, ta hâm mộ họ Trần (2).
Già đời, ta là một chức quan nhàn ngồi thảo chiếu,
Mạnh thay, anh đi xa muôn dặm từ biệt song thân.
Mây chiều (3) tự mở rộng, đó là nơi cùng mong nhớ,
Trăng đêm nay như hàn hoan, đây là người cách biệt đã lâu.
Lo việc nước chính là phận sự của bọn chúng ta,
Nhờ ai nhắn nhủ điều đó với dân Nghệ An.

DỊCH THƠ :

Sóng đào ấm dịu thả thuyền xuân,
Hồ hải phong lưu nhất họ Trần.
Già tớ một quan nhàn thảo chiếu,
Mạnh anh muôn dặm vội từ thân.
Mây chiều lởn vởn tình thân hữu,
Trăng tối chia vui gặp cố nhân.
Lo nước, bọn ta cùng phận sự,
Nhờ ai nhắn nhủ Nghệ An dân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* **TTCGLT** : 程若虛 *Trình Nhược Hư* và chú thích 原姓陳 nguyên tính Trần ; nghĩa là : *Nguyên họ Trần* ; **TVTL1** : 張若虛 *Trương Nhược Hư.*
2* **TVTL1** : 插 *tháp.*
3* **TVTL1** : 浪暖泛 *lãng noãn phiếm* ; **TVTL3** : 浪冷煥 *lãng lãnh hoán.*
4* **TVTL3** : 藻 *tảo.*
5* **TVTL1, TVTL2** : 闊 *khoát.*
6* **TVTL1, TVTL2, TVTL3** : 愛 *ái.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Sóng hoa đào* (đào hoa lãng) : Theo sách *Tam Tân ký* 三秦記 , tại bến Long Môn ở sông Hoàng Hà khi nổi sóng hoa đào thì có bầy cá chép nhảy cao, và con nào vượt được Long Môn thì hóa rồng. Đời sau dùng điển này chỉ việc sĩ tử đi thi.

(2) *Họ Trần* : tức Trần Đăng 陳登 , sống vào thời Đông Hán, nổi danh là một kẻ phong lưu. Ở đây tác giả ví Nhược Hư như Trần Đăng.

(3) *Mây chiều* (mộ vân) : Thơ Đỗ Phủ 杜甫 nhớ Lý Bạch 李白 có câu : 渭北春天樹 , 江東日暮雲 . Vị Bắc xuân thiên thụ ; Giang Đông nhật mộ vân : *Cây xuân miền Vị Bắc ; Mây chiều đất Giang Đông.* Chữ « mộ vân » được người sau đưa vào thơ để nói nỗi nhớ nhung của bạn bè khi xa cách nhau.

259

送太中大夫黎庸齋北行

黎家人物越邦香，
公也藍青出異常。
一郡生靈惟借寇，
九重使者重煩張。
匣中秋水清長路，
馬上春風聽異鄉。
早向南臺專對了，
經歸夔禹佐吾皇。

TỐNG THÁI TRUNG ĐẠI [1*] PHU LÊ DUNG TRAI [2*] BẮC HÀNH

Lê gia nhân vật Việt bang [3*] hương [4*],
Công dã lam thanh xuất dị thường.
Nhất quận sinh linh duy tá Khấu,
Cửu trùng sứ giả trọng [5*] phiền Trương.
Hạp [6*] trung thu thủy thanh trường lộ,
Mã thượng xuân phong thính dị hương [7*].
Tảo hướng Nam Đài chuyên đối liễu [8*],
Kinh qui Quì Vũ [9*] tá ngô hoàng.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN QUAN THÁI TRUNG ĐẠI PHU LÊ DUNG TRAI (1) ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC.

Người họ Lê là hương thơm nước Việt,
Ông là người vượt lên khác thường trong đám lam thanh (2).
Dân trong một quận chỉ xin cho mượn họ Khấu ở lại (3),
Nhưng sứ giả của triều đình lại phải phiền đến họ Trương (4).
Nước mùa thu trong hộp (5) quét sạch bụi đường trường,
Gió xuân trên mình ngựa mặc sức ruổi rong nơi đất khách.
Hãy sớm đến Nam Đài (6) để làm việc chuyên đối (7) cho chu tất,
Khi trở về đem tài năng của Quì, Vũ (8) phò tá vua ta.

DỊCH THƠ :

Nước Việt, dòng Lê sực nức hương,
Lam thanh xuất hiện đấng phi thường.
Sinh linh khắp quận lưu ông Khấu,
Sứ giả nhà vua ủy họ Trương.
Trong hộp nước thu trừ dặm thẳng,
Gió xuân mình ngựa thổi tha hương.
Nam Đài sớm trổ tài chuyên đối,
Quì, Vũ khi về giúp thánh vương.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 丈 *trượng.*
2* TVTL2 : không có chữ *Dung Trai* ; TVTL3 chép tên là 黎庸有 *Lê Dung Hữu.*
3* TVTL3 : 初 *sơ.*
4* TTCGLT : 鄉 *hương.*
5* TVTL1 : 獨 *độc.*
6* TVTL2, TVTL3 : 厘 *triền.*
7* TTCGLT : 香 *hương.*
8* TVTL3 : 後 *hậu.*
9* TTCGLT : 徑歸夔, 禹 *kinh qui Qui, Vũ* ; TVTL2 : 輕 輕夔, 稷 *khinh khinh Qui, Tắc.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Lê Dung Trai* : chưa rõ là ai.
(2) *Lam thanh* : màu lam và màu xanh. *Khuyến học, Tuân tử* 勸學, 荀子 có câu : 青取之於藍 而青於藍, Thanh thủ chi ư lam nhi thanh ư lam : *Màu xanh lấy từ màu lam ra, nhưng lại xanh hơn màu lam.* Về sau, câu này được diễn đạt lại trong thành ngữ 青出於藍 thanh xuất ư lam : *màu xanh từ màu lam mà ra* ; để ngụ ý học trò do thầy đào tạo nên, nhưng vẫn có thể giỏi hơn thầy.
(3) *Mượn họ Khấu* (tá Khấu) : Đây chỉ Khấu Tuân 寇恂, người thời Đông Hán. Theo sách *Hán thư* 漢書 Khấu Tuân từng làm quan ở quận Dĩnh Xuyên. Khi Khấu Tuân được Hán Quang Vũ 漢光武 thăng chức và triệu về kinh đô, thì dân chúng và nhà lại quận Dĩnh Xuyên làm tờ sớ tâu vua xin cho mượn ông Khấu ở lại địa phương mình một năm nữa.
(4) *Họ Trương* : Đây chỉ Trương Khiên 張騫 người đời Hán nhiều lần được vua nhà Hán cử đi sứ các nước Tây vực và đều hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.
(5) *Nước mùa thu trong hộp* (hạp trung thu thủy) : chưa rõ xuất xứ.
(6) *Nam Đài* : chỉ nơi đóng đô của nhà Minh.
(7) *Chuyên đối* : Chữ trong sách *Luận ngữ* 論語 chỉ việc đối đáp của người đi sứ.
(8) *Qui, Vũ* : Hai bề tôi giỏi của vua Thuấn 舜.

260

奉賡冰壺相公寄贈杜中高韻

PHỤNG CANH BĂNG HỒ TƯỚNG 1* CÔNG KÝ TẶNG ĐỖ 2* TRUNG CAO VẬN

城中幾度鬬炎涼，
漫送悠悠歲月長。
散質豈堪便世用，
嬌心羞把妒時粧。
寒松晚菊淵明徑，
獨樹孤村子美堂。
賢相儻憐門下士，
肯容群作白頭郎。

Thành trung kỷ độ đấu viêm 3* lương,
Mạn tống du du tuế nguyệt trường.
Tán chất khởi kham tiên thế dụng,
Kiều 4* tâm tu bả đố 5* thời trang.
Hàn tùng vãn 6* cúc Uyên Minh kinh,
Độc thụ cô thôn Tử Mỹ đường.
Hiền tướng thảng lân 7* môn hạ sĩ,
Khẳng dung quần 8* tác bạch đầu lang.

DỊCH NGHĨA :

PHỤNG HỌA BÀI THƠ CỦA TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ GỬI TẶNG ĐỖ TRUNG CAO (1)

Mấy độ nơi kinh kỳ ganh đua thói đời ấm lạnh,
Hững hờ đưa qua năm dài tháng rộng.
Tính chất nhàn tản, làm sao nhanh nhẩu hầu hạ thế gian được ?
E lệ thẹn thùng, không dám điểm trang lộng lẫy.
Tùng già cúc muộn, vườn cũ Uyên Minh (2),
Xóm lẻ cây đơn, căn nhà Tử Mỹ (3).
Bậc hiền tướng có lòng thương yêu kẻ sĩ dưới trướng,
Thì xin cứ để cho làm quan Lang bạc đầu (4).

DỊCH THƠ :

Nóng lạnh ganh đua thói thị thành,
Tháng năm dằng dặc tiễn cho nhanh.
Chất nhàn phá vỡ lòng khiên lụy,
Nết đẹp màng chi bả lợi danh.
Xóm lẻ cây đơn, nhà Tử Mỹ,
Cúc già thông rét, luống Uyên Minh.
Vì chăng hiền tướng thương môn hạ,
Xin để quan Lang tóc trắng tinh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, không có chữ 相 *tướng*.
2* TTCGLT, TVTL1 : 村 *thôn*.
3* TVTL3 : 尖 *tiêm*.
4* TTCGLT : 驕 *kiêu*.
5* TVTL1 : 鬥 *đấu*.
6* TVTL3 : 脫 *thoát*.
7* TVTL2 : 鄰 *lân*.
8* TTCGLT : 辨 *biện*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Đỗ Trung Cao* : chưa rõ là ai.
(2) *Uyên Minh* : Tức Đào Tiềm 陶潛, một nhà thơ lớn vào đời Tấn, tác giả bài từ nổi tiếng *Qui khứ lai*.
(3) *Tử Mỹ* : Tức Đỗ Phủ 杜甫, nhà thơ lớn đời Đường.
(4) Lang là một chức quan nhỏ. Kẻ sĩ xưa, ai có tài mà không được trọng dụng, cứ làm quan Lang đến già, người ta gọi là quan Lang bạc đầu.

261

謝冰壺相公賜馬

TẠ BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG TỨ MÃ

早歲才名泛不羈,
驪黃偶幸駿圖披。
長途每恨加鞭策,
空谷何心受縶維。
伯樂廐邊頻賞識,
王良範內更驅馳。
東風快踏朝天路,
希冀深懷答所知。

Tảo tuế tài danh phiếm 1* bất ky,
Ly, hoàng ngẫu hạnh tuấn đồ phi.
Trường đồ mỗi hận gia tiên sách,
Không cốc hà tâm thụ trấp duy.
Bá Nhạc cửu biên tần thưởng thức,
Vương Lương phạm nội2* cánh khu trì.
Đông phong khoái đạp triều thiên lộ,
Hy ký thâm hoài đáp sở tri.

DỊCH NGHĨA :

TẠ ƠN TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ (1) CHO NGỰA

Thuở trẻ, mang tính buông thả như ngựa bất ky (2),
Chẳng cứ ngựa đen, ngựa vàng (3), may được con tuấn mã như trong tranh (4).
Trên đường dài, thường giận người gia roi quất,
Trong hang trống, lòng nào chịu sự ràng buộc (5) !
Bên tàu ngựa Bá Nhạc (6), nhiều lần được khen ngợi,
Trong khuôn phép Vương Lương (7), càng gắng sức ruổi rong.
Đạp bước nhanh trên đường chầu trời trong gió xuân,
Thấm sâu trong lòng sự mong mỏi đền ơn tri ngộ.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT, NPKTV : 乏 *phạp.*
2* TVTL2, TVTL3 : 下 *hạ.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Tướng công Băng Hồ* : tức Trần Nguyên Đán, ông nhạc của tác giả.

(2) *Ngựa bất ky* : ngựa hay, khó kìm giữ. Thường dùng để chỉ những người có tài chất không ràng buộc được. Bài *Báo Nhậm Thiếu khanh thư* của Tư Mã Thiên có câu : Bộc thiếu, phụ bất ky chi tài : *tôi lúc trẻ, mang tính như ngựa bất ky.*

(3) Sách *Liệt tử* có kể chuyện : xưa có ông vua sai người đi mua ngựa chạy giỏi, dặn mua ngựa đực và mầu đen. Người được sai mua về một con ngựa cái, mầu vàng. Vua giận lắm. Người ấy nói : mua ngựa, chỉ cần mua cho được ngựa chạy nghìn dặm (thiên lý mã), chứ kể gì giống ngựa, mầu ngựa !

(4) Thơ Bạch Cư Dị có câu : Mục Vương bát tuấn thiên mã câu, hậu nhân ái chi tả vi đồ : *Tám con tuấn mã của Mục Vương (nhà Chu) như ngựa nhà trời, người sau yêu chúng vẽ thành tranh.* Về sau có câu : Án đồ sách tuấn : *theo bản vẽ mà tìm ngựa hay.* Từ đó, lại có nghĩa rộng là tìm người giỏi trong thiên hạ.

(5) Thơ *Bạch câu* trong *Kinh Thi* có đoạn : Kiều kiều bạch câu, thực ngã trường miêu ; Trấp chi duy chi, dĩ vĩnh kim triêu : *Ngựa bạch câu trắng toát, hãy ăn bãi cỏ non của ta ; ta buộc mày ta cột mày, để buổi sáng được kéo dài.* Ý đoạn thơ nói việc yêu quí kẻ tài giỏi, muốn giữ họ để giúp việc. Nguyễn Phi Khanh dùng điển này để gửi gắm tâm sự và ngỏ ý biết ơn Tướng công Băng Hồ. Những điển dùng ở những câu dưới cũng với ý ấy.

(6) Bá Nhạc tức Tôn Dương, người đời Tần Mục Công, có tài xem tướng ngựa. Hàn Dũ từng nói : Bá Nhạc nhất quá Ký Bắc chi dã nhi mã quần toại không : *Bá Nhạc vừa qua đồng Ký Bắc mà đàn ngựa đã bị chọn quang.* Ở đây, tác giả muốn đến cái nhìn sắc sảo của Tướng công Băng Hồ đối với người có tài.

(7) *Vương Lương* : tức Tôn Vô Chính, người đời Xuân Thu, giỏi điều khiển ngựa. Hai câu cuối của bài thơ, tác giả muốn nói được người biết đến tài thì người có tài không những làm hết sức mà còn biết ơn.

262

和朱翰林未央早朝

高閣纔開夜漏乾，
九天宮闕峭輕寒。
雲開瑞日乾坤曉，
春布皇仁雨露寬。
董賈彬彬揚殿陛，
夔龍楚楚集朝端。
華袍忝綴群公後，
願罄涓埃効一官。

HỌA CHU HÀN LÂM VỊ ƯƠNG TẢO TRIỀU [1*]

Cao các tài khai dạ lậu can,
Cửu thiên cung khuyết tiễu khinh hàn.
Vân khai thụy nhật càn khôn hiểu,
Xuân bố hoàng nhân vũ lộ khoan.
Đổng, Giả bân bân dương điện bệ,
Quì, Long sở sở tập triều đoan.
Hoa [2*] bào thiềm [3*] xuyết quần công hậu,
Nguyện khánh quyên ai hiệu nhất quan.

DỊCH NGHĨA :

HỌA BÀI THƠ VÀO CHẦU VUA LÚC TRỜI CHƯA SÁNG CỦA QUAN HÀN LÂM HỌ CHU

Gác cao vừa mở, đồng hồ nước qua đêm đã cạn,
Cung khuyết chín tầng khí trời lành lạnh.
Mây mở ngày lành, bầu trời hửng sáng,
Xuân gieo đức vua, mưa móc rộng khắp.

Họ Đồng, họ Giả (1) tài năng, được nêu nơi điện bệ,
Ông Qui, ông Long (2) uy nghi, đầu mối chốn triều đình.
Tự thẹn mang áo bào đẹp đứng sau các ngài,
Nguyện dốc tài mọn làm hết chức vụ của mình.

DỊCH THƠ :

Gác tía đồng hồ giọt cạn giòng,
Khí đà lành lạnh thấu hoàng cung.
Đất trời mây rạng mừng ngày tốt,
Mưa móc xuân về tưới thánh công.
Dưới điện dập dìu tài Đồng, Giả,
Trong triều rực rỡ vẻ Qui, Long.
Thẹn mình cũng dự hàng trâm hốt,
Nguyện gắng công lao khỏi phụ lòng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 chép đầu bài : 和翰林朱明早朝 *họa Hàn lâm Chu minh tảo triều.*
2* TVTL1 : 靴 *ngoa,* **TVTL2 :** 靳 *cân.*
3* TVTL1 : 忝 *thiêm.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Đồng, Giả* : **Đồng là Đồng Trọng Thư** 董仲舒 **, một học giả nổi tiếng đời Hán Võ Đế** 漢武帝 **. Giả tức Giả Nghị** 賈誼 **, một nhà chính trị và nhà văn xuất sắc đời Hán Văn Đế.** 漢文帝

(2) *Qui, Long* : **hai vị hiền thần đời vua Thuấn** 舜 .

263

村居感事寄呈冰壺相公

THÔN CƯ CẢM SỰ KÝ TRÌNH [1*] BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG

稻畦千里赤如燒,	Đạo huề thiên lý xích như thiêu,
田野咻嗟意不聊?	Điền dã hưu ta ý bất liêu ?
后土山河方滌滌,	Hậu thổ sơn hà phương địch địch,
皇天雨露正迢迢!	Hoàng thiên vũ lộ chính thiều thiều !
吏胥網罟渾多竭,	Lại tư võng cổ hồn đa kiệt,
民命膏脂半已消。	Dân mệnh cao chi [2*] bán dĩ tiêu.
好把新詩當奏牘,	Hảo bả tân thi đương tấu độc,
只今卧病未能朝。	Chỉ kim ngọa bệnh vị năng triều.

DỊCH NGHĨA :

Ở QUÊ XÚC ĐỘNG TRƯỚC SỰ VIỆC XẢY RA, GỬI TRÌNH TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ (1)

Ruộng nương nghìn dặm đỏ như cháy,
Đồng quê than van, không biết trông cậy vào đâu ?
Non sông của Hậu thổ (2) đang nứt nẻ,
Mưa móc của Hoàng thiên (3) hãy còn xa vời !
Lưỡi tham quan lại vơ vét hết kiệt,
Mỡ màng của dân đã cạn mất nửa.
Xin đem bài thơ mới này thay cho tờ tấu,
Hiện nay đang nằm trên giường bệnh chưa thể đến chầu được.

DỊCH THƠ :

Mênh mông đồng lúa đỏ như thiêu,
Ngoài nội kêu than xiết nỗi sầu.
Dải đất non sông khô đến thế.
Từng trời mưa móc vắng làm sao !
Lưới tham quan lại vơ hầu kiệt,
Mạch sống dân gian cạn mỡ dầu.
Thơ mới này xin thay biểu tấu,
Vì đang nằm bệnh chửa về chầu.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : không có chữ 呈 *trình.*
2* TTCGLT : 脂膏 *chi cao.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Tướng công Băng Hồ* : tức Trần Nguyên Đán 陳元旦.
(2) *Hậu thổ* : thần đất.
(3) *Hoàng thiên* : trời.

264

客路 — KHÁCH LỘ

生世那堪賤丈夫，　Sinh thế na kham tiện trượng phu,
離襟忍帶淚痕枯。　Ly khâm nhẫn đới lệ ngân khô.
日沉建嶺冥投館，　Nhật trầm Kiến Lĩnh minh[1*] đầu quán,
雪霽長州曙戒途。　Tuyết tễ Trường Châu thự giới đồ.
天地未容斯道捨，　Thiên địa vị dung tư đạo xả,
江山肯外此身孤。　Giang sơn khẳng ngoại thử thân cô.
明時倘效毫分補，　Minh thời thảng[2*] hiệu hào phân bổ[3*],
萬里寧辭我僕痡。　Vạn lý ninh từ ngã bộc phu.

DỊCH NGHĨA :

ĐƯỜNG KHÁCH

Sống trên đời chịu sao được tiếng trượng phu hèn,
Vạt áo chia ly đành mang theo ngấn lệ khô.
Mặt trời lặn trên Kiến Lĩnh (1), nhà nhem tìm quán trọ,
Tuyết ráo đất Trường Châu (2), tảng sáng dậy dò đường.
Trời đất chưa nỡ để đạo này bị xóa bỏ,
Non sông cũng chưa bỏ ra rìa tấm thân cô đơn này.
Vì chăng có gắng gỏi báo đáp được mảy may nào cho đời thịnh,
Đường đi vạn dặm, dù thầy tớ mệt nhoài, đâu dám từ nan.

DỊCH THƠ :

Tiếng trượng phu hèn, đâu có chịu,
Ra đi, vạt áo lệ khô còn.
Bóng chìm Kiến Lĩnh, đêm tìm trọ,
Tuyết ráo Trường Châu, sáng lại bon.
Trời đất lẽ đâu mang đạo bỏ,
Giang sơn nào nỡ để thân đơn.
Mảy may mong báo đời minh thánh,
Muôn dặm gian lao bước dám chồn.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 寘 *chí.*
2* TVTL3 : 肯 *khẳng.*
3* TTCGLT :Ba chữ sau cùng 分毫補 *phân hào bổ.*
TVTL2 : cả câu 休明欲效毫分補 *Hưu minh dục hiệu hào phân bổ.*

CHÚ THÍCH : (1) (2) : *Kiến Lĩnh, Trường Châu* : Chưa rõ ở đây tác giả muốn chỉ vùng nào ?

265

蘂感,奉兼,
自余客舍,句公,
年冬,南成杜
元于城,因夫
符寓昔,今念
昌溪簡司刑大簡諸同志

XƯƠNG PHÙ NGUYÊN NIÊN ĐÔNG, DƯ TỰ NHỊ KHÊ NGỤ VU THÀNH NAM KHÁCH XÁ, CẢM 1* KIM NIỆM TÍCH, NHÂN THÀNH BÁT CÚ, PHỤNG GIẢN TƯ HÌNH ĐẠI PHU ĐỖ CÔNG, KIÊM 2* GIẢN CHƯ 3* ĐỒNG CHÍ

客途風雪歲更深,
長何丹霄掛寸心。
亂後交遊非復昔,
城中旅泊到如今!
新愁滚滚憑誰送?
往事悠悠付夢尋。
早晚回朝將好問,
鬼章何日賀生擒?

Khách đồ phong tuyết tuế canh thâm,
Trường hướng đan tiêu 4* quải thốn tâm.
Loạn hậu giao du phi phục 5* tích,
Thành trung lữ bạc đáo như câm (kim)!
Tân sầu cồn cồn bằng thùy tống ?
Vãng sự du du phó mộng tầm.
Tảo vãn hồi triều tương hảo vấn,
Quỉ Chương hà nhật hạ sinh cầm.

DỊCH NGHĨA :

MÙA ĐÔNG NĂM XƯƠNG PHÙ THỨ NHẤT (1), TÔI TỪ NHỊ KHÊ ĐẾN NGỤ TẠI NHÀ KHÁCH Ở PHÍA NAM THÀNH, CẢM NAY NHỚ XƯA, NHÂN LÀM TÁM CÂU THƠ GỬI QUAN TƯ HÌNH ĐẠI PHU ĐỖ CÔNG VÀ NHỮNG BẠN ĐỒNG CHÍ

Đường khách đầy gió tuyết, mà năm lại gần hết,
Luôn hướng về phía trời hồng mà gửi tấc lòng (2).
Sau cơn loạn lạc, bạn bè chẳng còn như trước,
Trong thành, dừng chân nơi quán trọ đến hôm nay !
Nỗi buồn mới cuồn cuộn, biết nhờ ai đẩy lùi ?
Chuyện xưa kia dài dằng dặc, mặc giấc chiêm bao tìm đến.
Nay mai vào triều sẽ hỏi những tin tốt lành,
Chừng nào thì được chúc mừng việc bắt sống Quỉ, Chương (3) ?

DỊCH THƠ :

Đường trường gió tuyết sắp qua năm,
Xin hướng trời hồng gửi trái tim.
Sau loạn, bạn bầu xa thuở trước,
Trong thành, lưu lạc cảm đương kim.
Mối sầu cuồn cuộn nhờ ai dẹp,
Việc trước xa xôi để mộng tìm.
Sớm muộn về chầu thăm hỏi tới,
Quỉ, Chương mừng bắt phỏng bao lăm.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 撫 *phủ.*
2* TVTL2 : không có chữ 兼 *kiêm.*
3* TVTL1 : không có chữ 諸 *chư.*
4* TVLL2 : 良宵 *lương tiêu* ; TVTL3 : 長宵 *trường tiêu.*
5* TVTL3 : 撫 *phủ.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Xương Phù* : Niên hiệu của vua Trần Phế Đế 陳廢帝 (1377—1388).
(2) *Trời hồng* (Đan tiêu) : chỉ nơi vua ở.
(3) *Quỉ, Chương* : Tướng cầm đầu nhóm quân chống lại triều đình nhà Tống.

266

九月村居獨酌

村醪酌罷自談詩，
欲把幽懷更伺誰？
荒徑人行秋色少，
故園雨勒菊花遲。
龍山後會知何日？
彭澤歸心最此時。
萬事悠悠拚一醉，
了知身到鳳凰池。

CỬU NGUYỆT [1*] THÔN CƯ ĐỘC CHƯỚC

Thôn giao [2*] chước bãi tự đàm thi,
Dục bả u [3*] hoài cánh hướng thùy?
Hoang kinh nhân hành thu [4*] sắc thiểu,
Cố viên vũ lặc cúc hoa trì.
Long Sơn hậu hội tri hà nhật?
Bành Trạch qui tâm tối thử thì [5*].
Vạn sự du du phiên [6*] nhất túy,
Liễu tri thân đáo Phượng Hoàng trì.

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHÍN, Ở XÓM QUÊ NHÀ UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Rượu quê rót cạn, một mình ngâm thơ,
Muốn giãi nỗi lòng sâu kín, biết nói cùng ai ?
Trên lối đi hoang rậm, sắc thu đã phai,
Trong vườn cũ ít mưa, hoa cúc nở muộn.
Sau cuộc họp Long Sơn (1), biết ngày nào nữa ?
Lòng về Bành Trạch (2), chính lúc này đây !
Muôn việc triền miên, dành một cuộc say,
Mới biết thân này đã đến ao Phượng Hoàng (3) !

DỊCH THƠ :

Rượu quê rót vợi tự ngâm thơ,
Biết tỏ cùng ai nỗi tóc tơ.
Lối cũ người đi, thu sắc nhạt,
Vườn xưa mưa ít, cúc hoa thưa,
Long Sơn hội mở, còn thăm thẳm,
Bành Trạch lòng về, những vẩn vơ.
Man mác việc đời say trút sạch,
Mình về, ao Phượng vẫn trong mơ.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 日 *nhật.*
2* TVTL1 : 林膠 *lâm giao.* ; TVTL2, TVTL3 : 村膠 *thôn giao.*
3* TVTL1 : 胸 *hung.*
4* TVTL2 : 新 *tân.*
5* TVTL2 : 期 *kỳ.*
6* TTCGLT, TVTL2 : 攘 *nhương,* TVTL1 chú thích : 一作攘 *nhất tác nhương.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Long Sơn* : Tên một quả núi ở Trung Quốc. Theo *Tấn thư* 晋書, trong cuộc hội yến tại núi Long Sơn vào ngày mồng 9 tháng 9 (tức vào tiết trùng dương) do Hoàn Ôn 桓溫 chủ trì, một người giữ chức Tham quân của Hoàn Ôn là Mạnh Gia 孟嘉 say rượu quá, đến nỗi gió thổi bay mất mũ mà không biết. Cử tọa đều cười vui bắt Gia làm một bài phú về việc này.

(2) *Bành Trạch* : nơi Đào Tiềm 陶潛, một nhân vật sống vào đời Tấn ở ẩn, ông có bài *Qui khứ lai từ* 歸去來辭 nổi tiếng.

(3) *Ao Phượng Hoàng* (Phượng Hoàng trì) : Theo *Tấn thư* 晋書, «Ao Phượng Hoàng» là tiếng người đời sau dùng để chỉ tòa Trung thư, một cơ quan trọng yếu.

267

秋日曉起有感 — THU NHẬT HIỂU KHỞI HỮU CẢM

殘夢疎疎醒曉鍾，　Tàn mộng sơ sơ tỉnh hiểu 1* chung,
日含秋影射窻櫳。　Nhật hàm thu ảnh xạ song lung.
客懷擁枕欹眠後，　Khách hoài ủng chẩm y miên hậu,
心事焚香兀坐中。　Tâm sự phần hương ngột tọa 2* trung.
庭外掃愁看落葉，　Đình 3* ngoại tảo sầu khan 3* lạc diệp,
天邊灑淚數征鴻。　Thiên biên sái 5* lệ sổ chinh hồng.
嗚呼世道何如我？　Ô hô thế đạo hà như ngã ?
三撫遺編賦大東！　Tam phủ di biên phú *Đại đông* !

DỊCH NGHĨA :

NGÀY THU SÁNG DẬY CẢM XÚC NÊN THƠ

Chuông sớm xa xa, tỉnh giấc mộng tàn,
Mặt trời ngậm bóng thu, dọi vào song cửa.
Nỗi lòng đất khách, sau giấc nghiêng gối nằm ngủ,
Một bầu tâm sự, trong khi đốt hương ngồi ngây.
Ngoài sân xem lá rụng quét sầu,
Đếm chim nhạn bên trời, rơi từng giọt lệ,
Than ôi ! Cuộc đời như vậy, ta biết tính sao đây ?
Ba lần vỗ sách cũ mà ngâm thơ *Đại đông* (1) !

DỊCH THƠ :

Mộng tỉnh bâng khuâng rộn tiếng chuông,
Nắng thu lấp lánh chiếu qua song.
Bồi hồi ngủ dậy sầu ôm gối,
Man mác ngồi im lặng đốt hương.
Sân trước quét sầu, nhìn lá rụng,
Trời xa ngăn lệ, đếm chim hồng.
Than ôi, thế sự nên sao đặng ?
Thơ cũ ba lần đọc Đại đông !

BÙI VĂN NGUYÊN

KHẢO ĐÍNH :

1* HTTVVN : 晚 *vãn.*
2* TVTL2, TVTL3 : 座 *tọa.*
3* TVTL3 : 庖 *bào.*
4* TVLT2 : 有 *hữu.*
5* TTCGLT, TVTL2, TVTL3 : 隔 *cách.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Đại đông :* tên một bài thơ trong phần *Tiểu nhã* của *Thi kinh* 小雅詩經. Nội dung bài thơ là chỉ trích thời loạn.

268

泊阮家陵

BẠC NGUYỄN GIA LĂNG [1*]

扁舟天德繫斜暉，
亡阮荒丘已昔時。
肅肅遺靈藏澤樹，
青青古色枕江祠。
桐棺無復成龍氣，
華表惟存宿鶴枝。
凝佇百年成一慨，
黃昏小立自哦詩。

Biền chu Thiên Đức hệ tà huy,
Vong Nguyễn [2*] hoang khâu dĩ tích thì.
Túc túc di linh tàng trạch thụ [3*],
Thanh thanh [4*] cổ sắc chẩm giang tì (từ).
Đồng quan vô phục [5*] thành long khí,
Hoa [6*] biểu duy tồn túc hạc chi.
Ngưng trữ bách niên thành nhất khái,
Hoàng hôn tiểu lập [7*] tự nga [8*] thi.

DỊCH NGHĨA :

CẢM THUYỀN TẠI LĂNG NHÀ NGUYỄN (1)

Chiếc thuyền con buộc trong bóng chiều trên sông Thiên Đức (2),
Mồ hoang họ Nguyễn cũ đã thành việc xưa.
Khí thiêng lẫm liệt còn lẩn quất ẩn ở chòm cây bên chằm,
Mầu cổ xanh xanh, ngôi đền vẫn gối bên sông.
Quan tài gỗ vông khôn trở lại khí rồng bay (3),
Cột hoa biểu chỉ còn là cành hạc đậu (4).
Đứng lặng suy nghĩ, cảm khái việc trăm năm,
Hoàng hôn rồi, đứng lại chốc lát một mình ngâm thơ.

DỊCH THƠ :

Đức giang, thuyền buộc tà dương,
Cơ đồ triều Lý gò hoang đã thành.
Cây chằm phảng phất u linh,
Bên sông cổ miếu rêu xanh dãi mầu.
Rồng thiêng thuở nọ còn đâu,
Cột hoa trơ đó hạc nào qua thăm.
Ngậm ngùi thay cuộc trăm năm,
Quay lưng bóng xế thơ ngâm một mình.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3, không có chữ 陵 *lăng*.
2* TVTL2, TVTL3 : 李 *lý*.
3* TTCGLT, TVTL1, TVTL2 : 樹澤 *thụ trạch*.
4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 清清 *thanh thanh*.
5* TVTL2 : 當復 *đương phục* ; TVTL3 : 當撫 *đương phủ*.
6* TVTL : 疸 *dạ*.
7* TVTL1 : 舊 *cựu*.
8* TVTL1 : 巨 *đậu*. Có lẽ là chép sai chữ 立 *lập*.
9* TVTL2 : 吟 *ngâm*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Nhà Nguyễn* (Nguyễn gia) : tức nhà Lý. Khi nhà Trần lên ngôi vua, đổi nhà Lý thành nhà Nguyễn. (Kiêng húy chữ Lý là tên của Trần Lý, tổ nhà Trần).

(2) *Thiên Đức* : tên cũ là sông Bắc Giang, nhà Lý đổi là sông Thiên Đức. Theo ĐVSKTT sông này được nhà Trần đào lại năm Canh ngọ (1390), chạy qua khu lăng nhà Lý ở huyện Tiên Du. Nay tức là sông Đuống ở Hà Nội — Hà Bắc.

(3) *Khi rồng bay* (thành long khi) : theo ĐVSKTT, khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra La Thành : lúc thuyền cập bến thì có rồng vàng hiện lên trong thuyền vua, vì thế đổi tên La Thành ra thành Thăng Long.

(4) *Cột hoa biểu* : một cột cao, trên ngọn ghép ngang một thanh gỗ, dựng ở những nơi đô hội. Đó là dấu hiệu nhà vua sẵn sàng thu nhận ý kiến của toàn dân trong nước, và là vật tượng trưng cho sự thịnh trị của một triều đại và sự anh minh của bậc vương giả. *Cành hạc đậu* (tức hạc chi) : theo sách *Sưu thần hậu ký* 搜神後記, Đinh Linh Uy 丁令威, người đất Liêu Đông, đời Hán, lên học đạo ở núi Linh Hư, sau hóa thành chim hạc bay về đất Liêu Đông đậu trên cột hoa biểu, thảm thiết kêu gọi mọi người hãy đi theo mình vì đất nước đã mất.

269

三月初一日曉起

已無晝燭醉裙紅，
更倚青燈照鬢蓬。
破屋吟殘紅杏雨，
清都夢醒紫薇風。
一身九竅七情內，
萬事千憂百慮中。
忙底不知寒食過，
啓窻花又折梧桐。

TAM NGUYỆT SƠ NHẤT NHẬT 1* HIỂU KHỞI

Dĩ vô họa chúc túy quần hồng,
Tiện ỷ thanh đăng chiếu mấn bồng.
Phá ốc ngâm tàn hồng hạnh vũ,
Thanh đô mộng tỉnh 2* tử vi 3* phong.
Nhất thân cửu khiếu thất tình nội,
Vạn sự thiên ưu bách lự trung.
Mang đề bất tri hàn thực quá,
Khải song hoa hựu chiết ngô đồng.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY MỒNG MỘT THÁNG BA, SÁNG DẬY

Không còn đuốc hoa để say khách quần hồng (1),
Phải nhờ ngọn đèn xanh để soi mái tóc bơ phờ.
Nhà rách nát, hạt mưa hồng hạnh (2) chấm dứt giọng thơ tàn,
Chốn kinh đô, làn gió tử vi (3) thức tỉnh giấc chiêm bao.
Một thân trong bảy tình chín khiếu (4),
Muôn việc trong trăm nghĩ ngàn lo.
Bời bời nghìn nỗi, chẳng hay tiết hàn thực đã qua (5),
Mở cửa sổ ngắm hoa lại đến bẻ một cành ngô đồng.

DỊCH THƠ :

Chẳng có đuốc hoa say má phấn,
Đành trơ mái tóc dựa đèn khuya.
Ngâm tàn, nhà rách mưa hồng hạnh,
Mộng tỉnh, thanh đô gió tử vi.
Chín khiếu bảy tình, thân một tấm,
Trăm lo ngàn nghĩ, việc muôn bề.
Đã qua hàn thực, quên không biết,
Mở cửa, ngô đồng ngắt một huê.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTV2 : không có chữ 日 *nhật*.
2* TVTL3 : 醉 *túy*.
3* TVTL1 : 微 *vi*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Quần hồng* : chỉ người đàn bà.
(2) *Mưa hồng hạnh* (hồng hạnh vũ) : chỉ mưa xuân.
(3) *Tử vi* (Tử vi) : chỉ tòa Trung thư.
(4) *Bảy tình, chín khiếu* (thất tình, cửu khiếu) : Mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn là bảy tình. Hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng và hai âm khiếu (bộ phận đại, tiểu tiện) là chín khiếu. Ý câu thơ muốn nói trong mỗi một con người thường có nhiều đòi hỏi phức tạp.
(5) *Tiết hàn thực* : Trước ngày thanh minh một ngày là tiết hàn thực.

除夜用杜老韻 諸君席上同作

客中送臘虎亭家，
殘雪猶飄六出花。
天地冬春庭外草，
光陰昏曉樹間鴉。
燈因守歲常常續，
酒爲澆愁數數賒。
萬事細思看鬢髮，
平明梳洗向東華。

TRỪ [1*] DẠ DỤNG ĐỖ LÃO VẬN, CHƯ QUÂN [2*] TỊCH THƯỢNG ĐỒNG [3*] TÁC [4*]

Khách trung tống lạp Hồ Đình gia,
Tàn tuyết do phiêu lục xuất hoa.
Thiên địa đông xuân đình ngoại thảo,
Quang âm hôn hiểu thụ gian nha.
Đăng nhân thủ tuế thường thường tục,
Tửu vị kiêu [5*] sầu sác sác [6*] xa.
Vạn sự tế tư khan mấn phát,
Bình minh sơ tẩy hướng [7*] Đông Hoa.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM BA MƯƠI TẾT DÙNG VẦN CỦA ĐỖ PHỦ, CÙNG CÁC BẠN TRONG TIỆC LÀM THƠ

Đất khách, tiễn đưa năm cũ ở nhà Hồ Đình (1),
Tuyết tàn, vẫn còn bay hoa sáu cánh.
Đông xuân trời đất, đám cỏ ngoài sân (2),
Sáng tối ngày qua, cây khô quạ rét (3).
Giữ năm, đèn luôn luôn nối bấc,
Tưới sầu, rượu luôn luôn rót.
Muôn việc nghĩ kỹ, nhìn hai mái tóc,
Sáng ngày chải gội, ra cửa Đông Hoa (4).

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 深 *thâm.*
2* TVTL2, TVTL3 : 軍 *quân.*
3* TVTL3 : 因 *nhân.*
4* NPKTV chép đầu bài : 除夕 *trừ tịch,* và cước chú 用杜甫韻 *dụng Đỗ Phủ vận.*
5* TVTL1, TTCGLT, NPKTV 燒 *thiêu.*
6* TTCGLT, NPKTV : 故 攷 *cố cố.*
7* TVTL3 : 白 *bạch.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Nhà Hồ Đình* (Hồ Đình gia) : Có lẽ tác giả chỉ một gia đình đại thần nào đó.

(2) Ý nói trong trời đất, động đi thì xuân đến, có cây cỏ ngoài sân báo tin.

(3) Cả câu này là dùng lại ý câu thơ của 文天祥 Văn Thiên Tường : 枯木寒鴉幾夕陽 Khô mộc hàn nha kỷ tịch dương : *Trải bao sớm chiều con quạ rét vẫn đậu trên cây khô.* Cả hai câu 3 và 4, Nguyễn Phi Khanh than thở về nỗi thời gian cứ trôi đi mà cuộc đời mình hoặc tâm hồn mình có cái gì như là ngừng đọng lại.

(4) *Đông Hoa* : TTCGLT và NPKTV chú thích 東華，百官出入之門也 Đông Hoa, bách quan xuất nhập chi môn : *Đông Hoa là cửa của các quan ra vào.* Như vậy tức là cửa ở Hoàng thành.

271

宣詔罷別運副阮炎

TUYÊN CHIẾU BÃI, BIỆT VẬN PHÓ[1*] NGUYỄN VIÊM

長安自昔帝王州，　Trường An tự tích [2*] đế vương châu,
偶賦皇華作勝遊。　Ngẫu phú Hoàng hoa tác thắng du.
俗雜獠夷民太古，　Tục tạp liệu di dân [2*] thái cổ,
地宜秔稻歲常秋。　Địa nghi canh [3*] đạo, tuế thường thu.
山中過我亡苛虎，　Sơn trung quá [4*] ngã vô hà [5*] hổ,
境上煩君畜木牛。　Cảnh thượng phiền quân súc mộc ngưu.
王事有程軍政急，　Vương sự hữu trình quân chính cấp,
胸懷莫向酒杯休。　Hung hoài mạc [6*] hướng tửu bôi hưu.

DỊCH NGHĨA :

TUYÊN CHIẾU XONG, TỪ BIỆT QUAN VẬN PHÓ NGUYỄN VIÊM (1)

Trường An từ xưa là đất đế vương (2),
Ngẫu nhiên làm bài thơ *Hoàng hoa* (3), tả cuộc du hành kỳ thắng.
Phong tục xen lẫn man di, vẫn là dân thái cổ,
Đất ưa lúa mố, lúa thơm, năm thường được mùa.
Trong núi không thấy con hùm ngược chính đi qua (4),
Trong cõi xin phiền đến ông chứa sẵn «mộc ngưu».
Lệnh vua có thời hạn, việc quân gấp rút,
Xin ông chớ có mê say chén rượu !

DỊCH THƠ :

Trường An xưa vốn đế vương châu,
Bỗng viết Hoàng hoa vịnh thắng du.
Tục lẫn man mường, dân cổ phác,
Đất trồng tám cánh, lúa phong thu.
Trong non, ta thấy không hùm dữ,
Trong cõi, ngày nên chứa mộc ngưu.
Quân chính phép vua dày quá gấp,
Không nên mang rượu để lu bù.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : Thêm chữ 使 *sứ*, sau chữ 副 *phó*.
2* NPKTV : 風 *phong*.
3* TVTL2 : 穰 *nhương* : NPKTV : 秳 *hoạt*.
4* TVTT2, TVTL3 : 遇 *ngộ*.
5* TVTL2, TVTL3 : 當奇 *đương kỳ*.
6* TVTL2 : 將 *tương*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Nguyễn Viêm* : chưa rõ tiểu sử.

(2) *Trường An* : tức tỉnh Ninh Bình ngày nay. Xem thêm chú thích số 1 bài 奉詔長安道中作 *Phụng chiếu Trường An đạo trung tác* của Nguyễn Phi Khanh.

(3) *Hoàng hoa* : tức bài 皇皇者華 *Hoàng hoàng giả hoa* trong 詩經 *Thi kinh*. Người xưa giải thích đây là bài thơ úy lạo và khen người đi sứ.

(4) *Hùm ngược chính* (hà hổ) : chỉ chính sự hà khắc. *Đàn cung, Lễ ký* 檀弓, 禮記 có câu : 苛政猛於虎也 Hà chính mãnh ư hổ dã : *Chính sự hà khắc còn dữ tợn hơn hổ*. Dân trách không có hổ dữ, là một lời tránh qui mến ; ý muốn khen chính sự không đến nỗi hà khắc, nhưng cũng còn chưa hoàn mĩ.

(5) Về ý của câu thơ này có thể hiểu theo cách : a) Sách *Nam Việt bút ký* 南越筆記 có chép nước ta thời xưa đã biết dùng máy bằng gỗ kéo cày thay trâu ; khi cày, một người điều khiển ở trước, hai người điều khiển sau máy. Máy đó gọi là *mộc ngưu* (trâu gỗ). Nếu hiểu theo ý này thì Nguyễn Viêm đã có công truyền bá «trâu gỗ» cho dân nơi ông làm quan. b) Theo *Gia Cát Lượng truyện* 諸葛亮傳 trong *Tam quốc chí* 三國志 thì Gia Cát Lượng khi vận lương qua Kỳ Sơn 祁山 đã sử dụng một loại máy bằng gỗ, gọi là *mộc ngưu* (trâu gỗ). Nếu hiểu theo ý này thì tác giả đề nghị Nguyễn Viêm chế tạo loại «trâu gỗ» để chuyển vận lương thực, chuẩn bị chống quân Minh. Chúng tôi ghi cả hai ý để bạn đọc tham khảo.

272 — 273

洪州檢正以余韻作述懷詩見復用其韻以贈

其一

萬姓嗷嗷待哺裘，
誰家金玉亞高丘！
人情艱險君方轂，
世路風濤我亦舟。
帝里客懷逢暮雨，
書房舊話念英遊。
西風刮夢傳邊信，
腸斷南墩四五州

其二

謾曾一第詑鄉鄰，
誰道清風不療貧。
霜後菊花還酒客，
雪中梅意可詩人。
吟邊客舍雙蓬鬢，
夢裡天門八翼身。
城月浦雲相望處，
故人來地欲清春。

HỒNG CHÂU [1*] KIỂM CHÍNH DĨ DƯ VẬN TÁC THUẬT HOÀI THI, KIẾN PHÚC, DỤNG KỲ VẬN DĨ TẶNG [2*]

Kỳ nhất

Vạn tính [3*] ngao ngao đãi bộ cầu.
Thùy gia kim ngọc á cao khâu !
Nhân tình gian hiểm, quân phương cốc,
Thế lộ phong đào, ngã diệc châu.
Đế lý, khách hoài, phùng mộ vũ,
Thư phòng, cựu thoại, niệm anh du.
Tây phong quát mộng truyền biên tín,
Tràng đoạn nam nhiên [4*] tứ ngũ [5*] châu.

Kỳ nhị

Mạn tằng nhất đệ sá hương lân,
Thùy đạo thanh phong [6*] bất liệu bần.
Sương hậu cúc hoa [7*] hoàn tửu khách,
Tuyết trung mai ý khả thi nhân.
Ngâm [8*] biên khách xá song bồng mấn,
Mộng lý thiên môn bát dực thân.
Thành nguyệt [9*] phố vân tương vọng xứ,
Cố nhân lai địa dục thanh xuân.

DỊCH NGHĨA :

KIỂM CHÍNH HỒNG CHÂU DÙNG VẦN CỦA TÔI ĐỂ LÀM BÀI THƠ THUẬT HOÀI, SAU KHI ĐỌC TÔI LẠI DÙNG VẦN ẤY LÀM THƠ TẶNG ANH

Bài thứ nhất

Muôn họ đang nhao nhác chờ miếng cơm manh áo,
Nhà ai đó vàng ngọc sánh ngang gò cao !
Anh đang là cái bánh xe lăn trong sự gian hiểm của tình người,
Tôi cũng như con thuyền trong cơn sóng gió của đường đời.

Tâm trạng làm khách ở quê vua gặp cơn mưa chiều.
Câu chuyện cũ ở phòng văn gợi nỗi nhớ những cuộc đi chơi hồi trẻ.
Gió tây đánh thức giấc mộng, truyền tin tức từ biên cương tới,
Đứt ruột về bốn năm châu mảnh đất phía nam.

Bài thứ hai

Đã từng thi đậu, nổi tiếng ở xóm làng,
Ai bảo phong độ thanh cao chẳng chữa được cái nghèo.
Sau sương hoa cúc trở về với khách rượu,
Tứ mai trong tuyết thích hợp với thi nhân.
Bên cuộc ngâm, hai mái tóc bơ phờ ở nơi quán khách,
Trong giấc mơ (thấy mình) là tấm thân tám cánh bay lên cửa trời (2).
Trăng thanh, mây bến nơi ngóng trông nhau,
Nơi cố nhân đến sẽ là một mùa xuân trong sáng.

DỊCH THƠ :

Muôn dân, cơm áo chực nhao nhao,
Vàng ngọc nhà ai sánh núi cao !
Anh giống xe lăn trong hiểm trở,
Tôi như thuyền dạt giữa ba đào.
Làng vua, tứ khách, mưa chiều đến,
Việc cũ, phòng văn, chuyện thuở nào.
Gió tỉnh hồn mơ, tin gửi đến,
Bờ nam, đứt ruột bốn năm châu.

***

Đã từng thi đậu nức hương lân,
Ai bảo thanh phong chẳng chữa bần.
Hoa cúc sau sương vời khách rượu.
Tứ mai giữa tuyết gợi hồn văn.
Đôi lần tóc rối tình quê khách,
Tám cánh bay cao, mộng cửa thần.
Mây bến, trăng thành trông ngóng mãi,
Cố nhân khi tới sắp thanh xuân.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : chú 一作江 *nhất tác giang.*
2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : chép đề là : 次洪州檢正韻 *thứ Hồng Châu Kiểm chính vận.*

3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 里 *lý*.
4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 塘 *đường*.
5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 九 *cửu*.
6* TTCGLT, TVTL1 : 貧 *bần*, TVTL2 : 虛 *hư*.
7* TVTL1 : 香 *hương*.
8* TTCGLT : 途 *đồ*.
9* TTCGLT : 外 *ngoại*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Kiềm chính Hồng Châu* : tức Nguyễn Hán Anh 阮漢英, em đồng hao của tác giả.
(2) Theo sách *Tấn thư* 晋書, Đào Khản 陶侃 nằm mộng thấy mình mọc 8 cánh bay lên trời, vào 8 lần cửa rồi bị gẫy cánh bên trái nên phải xuống. Ở đây Nguyễn Phi Khanh mơ mình làm quan to.

274

洪州復前韻,復寄答之

HỒNG CHÂU PHÚC TIỀN VẬN, PHỤC KÝ ĐÁP CHI 1*

槐府西邊晚卜鄰，　Hòe phủ tây biên vãn bốc 2* lân,
翛然一室樂清貧。　Tiên nhiên nhất thất lạc thanh bần.
床頭金劍酬知己，　Sàng đầu kim kiếm thù tri kỷ,
枕畔黃粱夢故人。　Chẩm bạn hoàng lương mộng cố nhân.
湖海當年天下士，　Hồ hải đương niên thiên hạ sĩ,
風流此日省郎身。　Phong lưu thử nhật sảnh lang thân.
客程歲暮寒砭骨，　Khách trình tuế mộ hàn biếm cốt,
最愛冰壺別樣春。　Tối ái Băng Hồ biệt dạng 3* xuân.

DỊCH NGHĨA :

HỒNG CHÂU PHÚC ĐÁP VẦN BÀI TRƯỚC, TÔI LẠI GỬI TRẢ LỜI

Muộn màng chọn chỗ ở về phía tây phủ hòe (1),
Một ngôi nhà thênh thênh, vui thú cảnh thanh bần.
Gươm vàng đầu giường báo đáp người tri kỷ,
Kê vàng bên gối (2) mơ tưởng cố nhân.

Hồ hải năm xưa là kẻ sĩ có danh trong thiên hạ,
Phong lưu ngày ấy là tấm thân làm quan ở sảnh.
Cuối năm trên con đường đất khách khí lạnh thấu xương,
Yêu nhất là vẻ xuân riêng của Băng Hồ (3).

DỊCH THƠ :

Hòe phủ bên tây chọn ở gần,
Một nhà thanh bạch thú thanh bần.
Đầu giường gươm bạc đền tri kỷ,
Cạnh gối kê vàng mộng cố nhân.
Hồ hải xưa là tay lịch thiệp,
Phong lưu sau cũng vẻ quan thân.
Quê người năm muộn căm căm rét,
Riêng mến Băng Hồ đặc biệt xuân.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : chép đề bài thơ là 再次韻 *tái thứ vận.*
2* TVTL2 : 小 *tiểu.*
3* TVTL1 : 别枕 *biệt chẩm,* TVTL3 ; 約樣 *ước dạng.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Phủ hòe* (Hoè phủ) : Sách *Chu lễ* 周禮 có câu : 三槐，三公位焉 Tam hòe, Tam công vị yên : *Ba cây hòe là ngôi của bậc Tam công. Vương Đán truyện* 王旦傳 trong *Tống sử* 宋史 cũng chép rằng, cha Vương Đán làm Thượng thư binh bộ thị lang có trồng ba cây hòe ở sân và nói con cháu ta tất có kẻ làm lên bậc Tam công. Sau con thứ của ông là Vương Đán làm đến chức Tể tướng. Người đời mới dùng chữ tam hòe để chỉ dinh quan Tể tướng. Và phủ hòe ở đây là để chỉ dinh quan Tướng quốc Trần Nguyên Đán.

(2) *Kê vàng bên gối* (Chẩm bạn hoàng lương) : Theo sách *Chẩm trung ký* 枕中記, Lư Sinh 盧生 đời Đường đi thi mãi không đỗ. Một hôm, gặp một đạo sĩ ở quán trọ, anh ta tự than thở cảnh cùng khốn của mình. Đạo sĩ đưa cho anh ta cái gối đó và bảo gối lên cái gối đó ngủ thì sẽ đạt công danh phú quí. Lư Sinh gối đầu nằm ngủ và mộng thấy mình thi đỗ làm quan cực kỳ phú quí, năm người con của mình đều làm quan, hơn mười người cháu mình đều lấy con gái các nhà vọng tộc, còn bản thân mình thì sống hơn 80 tuổi v.v... Lúc tỉnh dậy, thấy nồi kê vàng của nhà hàng nấu lúc anh ta bắt đầu ngủ vẫn còn chưa chín. Anh ta ngạc nhiên nói, há đây chỉ là mộng mị ư ! Đạo sĩ trả lời anh ta là việc đời người cũng đều là như vậy cả. Đời sau dùng điển này để nói cảnh vinh hoa phú quí chỉ là hư ảo.

275

江行次洪州檢正韻

GIANG HÀNH THỨ HỒNG CHÂU [1*] KIỂM CHÍNH VẬN

長江滾滾片帆東，
海闊天高望莫窮！
夾岸船窻青草雨，
前沙棹影白蘋風。
百年豪傑戰爭地，
萬古山河帶礪功。
憑仗新詩作圖誌，
行觀四海軌文同。

Trường giang cồn cồn phiến phàm đông,
Hải khoát thiên cao vọng mạc cùng!
Giáp ngạn thuyền song thanh thảo vũ,
Tiền sa [2*] trạo ảnh bạch tần phong,
Bách niên hào kiệt chiến tranh địa,
Vạn cổ sơn hà đới lệ công,
Bằng trượng tân thi tác đồ chí.
Hành quan tứ hải quĩ văn đồng.

DỊCH NGHĨA :

ĐI TRÊN SÔNG, HỌA VẦN THƠ CỦA KIỂM CHÍNH HỒNG CHÂU (1)

Dòng sông cuồn cuộn, cánh buồm về đông,
Biển rộng trời cao, trông không biết đâu là cùng!
Cửa sổ thuyền giáp bờ, làn mưa trên cỏ xanh,
Bóng mái chèo trước bãi cát, luồng gió trên rau tần trắng.
Đây là nơi chiến trận của các hào kiệt từ hàng trăm năm trước,
Công lao ấy làm cho non sông bền vững lâu dài muôn thuở (2).
Xin nhờ bài thơ mới này làm bức họa đồ ghi lại,
Rồi sẽ thấy bốn biển chung một kiểu xe, cùng một thứ chữ (3).

DỊCH THƠ :

Sông dài cuồn cuộn, cánh buồm dong,
Biển rộng trời cao, mắt chẳng cùng.
Thuyền lướt cạnh bờ, mưa cỏ tốt,
Chèo khua trước bãi, gió tần rung.
Trăm năm hào kiệt, trường chinh chiến,
Muôn thuở sơn hà, dấu kiếm cung.
Thơ mới nhờ ghi tranh mấy nét,
Xa, thư bốn biển sẽ thông đồng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 溪 *khê*.
2* TVTL2 : 河 *hà*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Hồng Châu* : một khu vực hành chính đời Trần, Hồ ; nay thuộc tỉnh Hải Hưng. Hồng Châu Kiểm chính là chỉ Nguyễn Hán Anh, 阮漢英.

(2) Sau khi diệt Tần phá Sở, thống nhất sơn hà, Hán Cao Tổ 漢高祖 phong tước cho công thần. Trong buổi đó, Hán Cao Tổ có đọc lời thề rằng : 使黃河如帶，泰山如礪，國以永存，爰及苗裔。Sử Hoàng Hà như đới, Thái Sơn như lệ, quốc dĩ vĩnh tồn, viên cập miêu duệ : *Dù cho sông Hoàng Hà có hẹp lại như cái dải áo, núi Thái Sơn có nhỏ lại như hòn đá mài, thì nước vẫn vĩnh viễn tồn tại, để lại cho muôn đời con cháu.* Chữ «đới lệ» trong câu thơ của Nguyễn Phi Khanh là xuất xứ từ đó.

(3) Sách *Trung dung* 中庸 có câu 書同文，車同軌 Thư đồng văn, xa đồng quĩ : *Sách cùng viết một thứ chữ, xe cùng chung một cỡ bánh.* Trong văn học cổ, câu này được dùng với nghĩa rộng, chỉ sự văn minh ngang hàng giữa các nước với Trung Quốc, hoặc chỉ sự văn minh thống nhất trong mọi vùng của một nước.

276

中秋感事

TRUNG THU CẢM SỰ 1*

金波似海漫空流，
河漢微雲淡淡收。
雨後池臺多貯月，
客中情緒不勝秋！

Kim ba tự hải mạn không lưu,
Hà Hán vi vân đạm đạm thu.
Vũ hậu trì đài đa trữ nguyệt,
Khách trung tình tự bất thăng thu!

願憑天上清光夜，
遍照人間疾苦愁。
長使國家多暇日，
五湖歸夢到扁舟。

Nguyện bằng thiên thượng thanh quang dạ,
Biến chiếu 2* nhân gian tật khổ sầu.
Trường 3* sử quốc gia đa hạ nhật,
Ngũ hồ qui 4* mộng đáo biên chu.

DỊCH NGHĨA :

NHÂN TIẾT TRUNG THU, CẢM XÚC TRƯỚC SỰ VIỆC

Sóng vàng như biển, tràn ngập tầng không,
Dòng Ngân Hán lưa thưa mây đọng lại.
Sau trận mưa, ao đài chứa đầy ánh trăng,
Nỗi lòng nơi đất khách khôn xiết vẻ thu!
Xin nhờ cái đêm trong sáng ở trên trời kia,
Soi thấu nỗi đau khổ của thế gian này.
Mãi mãi làm cho nước nhà được những ngày nhàn hạ,
Thì giấc mơ quay về Năm hồ sẽ tới được chiếc thuyền con (1).

DỊCH THƠ :

Sóng vàng bát ngát chảy tầng cao,
Ngân Hán mây vun nhạt nhạt mầu.
Mưa tạnh đài ao chan chứa nguyệt,
Nhà xa tâm khảm dạt dào thu!
Xin nhờ thượng giới đêm trong sáng,
Soi thấu nhân gian nỗi khổ sầu,
Vì được nước nhà thong thả mãi,
Chiêm bao thuyền dạo cảnh Năm hồ.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : Cả đầu đề 中秋有感 *Trung thu hữu cảm.*
2* TVTL3 : 徧生 *biến tọa.*
3* TVTL3 : 喜 *hỷ.*
4* TVTL3 : 帝 *đế.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Năm hồ* (Ngũ hồ) : Năm cái hồ lớn và đẹp là những cảnh đẹp ở Trung Quốc. Phạm Lãi 范蠡 đời Xuân Thu, sau khi giúp Việt Câu Tiễn 越勾踐 khôi phục được đất nước, đã từ bỏ hết mọi chức quan để rong chơi Năm hồ. Ở đây Nguyễn Phi Khanh nói lên ý muốn của mình là mau được đến ngày đi thăm lại cảnh đẹp của đất nước sau những tháng năm đầy biến động.

277

元日上冰壺相公

NGUYÊN NHẬT THƯỚNG BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG

槐庭元日拜生辰，	Hòe đình nguyên nhật bái sinh thần [1*],
客子光陰幾度新。	Khách tử quang âm kỷ độ tân.
東閣重遊春世界，	Đông các trùng du xuân thế giới,
南枝偏露雪精神。	Nam chi thiên lộ tuyết tinh thần.
天遺一老扶昌運，	Thiên di nhất lão phù xương vận,
帝眷三朝倚舊臣。	Đế quyến tam triều ỷ cựu thần,
祝頌豈私門下士，	Chúc tụng khởi tư môn hạ sĩ,
拳拳只爲愛斯民。	Quyền quyền chỉ vị ái tư [2*] dân.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY NGUYÊN ĐÁN DÂNG LÊN TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ

Ngày Nguyên đán chúc mừng sinh nhật trước sân hòe (1),
Chàng khách đã trải qua mấy lần năm mới.
Nay gác đông (2) lại được vào chơi trong thế giới xuân,
Cành nam riêng biểu lộ một tinh thần băng tuyết (3)
Trời dành một vị quốc lão để phò vận thịnh,
Vua yêu vị cựu thần được ba triều nương tựa.
Chúc tụng đây há phải vì tình riêng của kẻ sĩ dưới trướng,
Mà chỉ vì tấm lòng thắm thiết yêu thương dân.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 時 *thời*.
2* TVTL2, TVTL3 : 新 *tân*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Sân hòe* (hòe đình) : xem chú thích số 1 bài 洪州復前韻，復寄答之 *Hồng Châu phúc tiền vận, phục kỳ đáp chi*.

(2) *Gác đông* (Đông các) : Ý nói mình cũng được ở lầu phía đông trong dinh của Tướng công Băng Hồ. Do đó gác đông cũng là tác giả tự chỉ mình.

(3) *Cành nam* (Nam chi) : Theo sách 白帖 *Bạch thiếp*, trên núi Dĩu Lĩnh có một cây mai, cành phía bắc rụng thì cành phía nam nở hoa. Cho nên một nhà thơ vô danh có câu :

南枝向暖北枝寒，Nam chi hướng noãn bắc chi hàn,
一種春風有兩般。Nhất chủng xuân phong hữu lưỡng ban :

Cành nam hướng về hởi ấm cành bắc thì lạnh.
Một thứ gió xuân lại có hai loại khác nhau.

Ý câu thơ ca ngợi cành mai phía nam. Câu thơ trên tác giả chỉ tinh thần như băng tuyết của Tướng công Băng Hồ.

278

山村感興 — SƠN THÔN CẢM HỨNG

虛名卅載絆塵羈，Hư danh táp tải bạn trần ky,
一反江山沒是非。Nhất phản [2*] giang sơn một thị phi.
殘雪墊巾奇野土，Tàn tuyết điện cân cơ dã thổ,
春風晞髮大灘磯。Xuân phong hy phát đại than ky.
夢中往事攘蕉鹿，Mộng trung vãng sự nhương tiêu lộc [3*],
世上浮雲任狗衣。Thế thượng [4*] phù vân nhậm cẩu y.
誰道江村生計薄，Thùy đạo giang thôn sinh kế bạc,
桑麻繞屋綠初肥。Tang ma nhiễu ốc lục sơ phì.

DỊCH NGHĨA :

CẢM HỨNG Ở XÓM NÚI

Cái hư danh đã buộc mình vào cõi đời bụi bặm ba mươi năm,
Trở về quê cũ quên mọi chuyện thị phi ở đời.
Trùm khăn dưới tuyết tàn trên gò ngoài đồng nội,
Hong tóc trước gió xuân bên mỏm đá lớn đầu ghềnh.
Việc cũ trong mơ, dẹp đi như câu chuyện tiêu lộc (1),
Cuộc đời chỉ là những cảnh phù vân, mặc nó đổi thay (2).
Ai bảo sinh kế thôn quê đơn bạc,
Dâu gai quanh nhà màu xanh vừa đậm.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 卄 *trấp.*
2* TVTL2 : 遠 *viễn.*
3* NPKTV : 焦 *tiêu.*
4* NPKTV : 事 *sự.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Câu chuyện tiêu lộc* : thiên *Chu Mục Vương* 周穆王 trong sách *Liệt tử* 列子 có chép : ở nước Trịnh có người đi hái củi ở vùng ngoại đô, trông thấy một con hươu đang run sợ, bèn chặn đánh và đập chết nó. Nhưng vì sợ người khác bắt được nên vội vàng vứt hươu xuống hố, rồi lấy lá *chuối (tiêu)* vùi *hươu (lộc)* và hết sức mừng. Nhưng một lát sau thì anh ta cũng quên luôn chỗ dấu con hươu, bèn cho đó chỉ là chuyện chiêm bao.

(2) *Đổi thay* : dịch thoát chữ *cẩu y*. «Cẩu» là con chó và «y» là chiếc áo. Thơ Đỗ Phủ 杜甫 có câu : 天上浮雲如白衣；斯須變幻爲蒼狗。 Thiên thượng phù vân như bạch y ; Tư tu biến huyễn vi thương cẩu : *Trên trời mây nổi giống hình chiếc áo trắng ; Chốc lát biến đổi thành cái hình giống như con chó xanh.* Ý nói là việc đời thay đổi rất mau chóng và không lường được.

279

古山范公示以小圃詩,且道諸公盡已賡和;余因慕共塵中而有閒適之趣,依韻賦一律。

文室乾坤滕可容,
特抄種樹課兒童。
栽培自有東君巧,
生長何如造化功。
把卷樹間眠午日,
啣杯花下醉春風。
他時倘有過從便,
此樂應須我與公。

CỔ SƠN PHẠM CÔNG THỊ DĨ «TIỂU PHỐ» THI, THẢ ĐẠO [1*] CHƯ CÔNG TẬN DĨ CANH HỌA ; DƯ NHÂN [2*] MỘ KỲ TRẦN TRUNG NHI HỮU NHÀN THÍCH [3*] CHI THÚ, Y VẬN PHÚ NHẤT LUẬT [4*]

Trượng [5*] thất càn khôn tất khả dung,
Đặc [6*] sao chủng thụ [7*] khóa nhi đồng.
Tài bồi tự hữu đông quân sảo,
Sinh trưởng hà như [8*] tạo hóa công [9*].
Bả quyển thụ gian miên ngọ nhật,
Hàm bôi hoa hạ túy xuân phong.
Tha thời thảng hữu quá tòng tiện,
Thử lạc ưng tu ngã dữ công.

DỊCH NGHĨA :

ÔNG PHẠM CỔ SƠN (1) ĐƯA BÀI THƠ VỊNH «VƯỜN NHỎ», LẠI NÓI CÁC VỊ ĐỀU HỌA CẢ RỒI; TÔI NHÂN HÂM MỘ Ở TRONG CÕI TRẦN NÀY MÀ CÓ CÁI THÚ NHÀN TẢN NHƯ THẾ, NHÂN THEO VẦN HỌA LẠI MỘT BÀI

Khoảng trời đất của ngôi nhà nhỏ hẹp, (2) có thể dung chân được,
Chuyên chú chép chuyện trồng cây để dạy bảo trẻ nhỏ.
Vun trồng đã có khéo léo của chúa xuân,
Sinh trưởng sao bằng công phu của tạo hóa.
Ôm sách bên lùm cây ngủ dưới bóng trưa.
Nhắm chén dưới hoa, say trong gió xuân.
Một ngày kia nếu tiện dịp qua lại với nhau,
Thì thú vui này cần phải có tôi với ông.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : Thêm chữ 皇朝 *hoàng triều* sau chữ 且道 *thả đạo*, và trước chữ 諸公 *chư công*.
2* TVTL2 : 遺 *di*.
3* TVTL1 : 遊 *du*.
4* TTCGLT : 遂賦一律依韻 *toại phú nhất luật y vận*; TVTL3 : 作韻賦一律 *tác vận phú nhất luật*.
5* TVTL2 : 大 *đại*.
6* TVTL2, NPKTV : 持 *trì*.
7* TTCGLT : 樹種 *thụ chủng*; TVTL2 : 花樹 *hoa thụ*.
8* TTCGLT, TVTL1, NPKTV : 知 *tri*.
9* TVTL3 : 工 *công*.

CHÚ THÍCH :

(1) Tức Phạm Nhân Khanh 范仁卿, hiệu Cổ Sơn.
(2) *Nhà một trượng* (Trượng thất) : ý nói nhà rất nhỏ hẹp.

280

送太學生阮漢英歸洪州

燈前昨夜話匆匆，
馬背今朝跨曉風。
望眼但懸天闕北，
歸心寧住水溪東。
槐庭月白憐棲鵲，
蘆岸秋高惜別鴻。
稻雪橙香村釀熟，
塵埃嗟我絆孤蹤。

TỐNG THÁI HỌC SINH NGUYỄN HÁN ANH QUI HỒNG CHÂU [1*]

Đăng tiền tạc dạ thoại [2*] thông thông,
Mã thủ kim triêu khỏa [3*] hiểu phong.
Vọng nhãn [4*] đãn huyền [5*] thiên khuyết bắc,
Qui tâm ninh trú thủy khê đông.
Hòe đình nguyệt bạch lân thê [6*] thước,
Lô ngạn thu cao tích biệt hồng.
Đạo tuyết đăng [7*] hương thôn [8*] nhưỡng [9*] thục,
Trần ai ta ngã bạn [10*] cô tung.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN THÁI HỌC SINH NGUYỄN HÁN ANH VỀ HỒNG CHÂU (1)

Đêm qua trước đèn chuyện trò vội vã,
Sáng nay đã lên ngựa lướt gió sớm.
Mắt chỉ tròng bầu trời cửa bắc.
Lòng về há ở bên khe nước miền đông.
Thương chim thước đậu sân hoè (2) dưới trăng sáng,
Nhớ mãi chim hồng đã biệt xa nơi bờ lau trong tiết thu đậm.
Nếp trắng, chanh thơm, rượu quê vừa chín,
Than cho tôi dấu chân cô đơn còn vướng bụi trần.

DỊCH THƠ :

Chuyện trò đêm trước dưới đèn chong,
Gió sớm hôm nay vó ngựa lồng.
Mắt ngóng luống treo trời cửa bắc,
Lòng về há bận suối miền đông.

Sân hoè trăng tỏ thương con thước,
Ngàn sậy thu cao tiếc cái hồng.
Nếp trắng, chanh thơm hòa rượu xóm,
Thương ta cát bụi vướng trong vòng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 送大學士阮漢英陶洪州 *Tống Đại học sĩ Nguyễn Hán Anh dào Hồng Châu.*
TVTL3 : 送大學士阮漢美陶洪州 *Tống Đại học sĩ Nguyễn Hán Mỹ dào Hồng Châu.*
2* TVTL2 : 詠 *vịnh.*
3* TVTL2 : 課 *khóa.*
4* TVTL3 : 眠 *miên.* Chắc chép lầm chữ 眼 *nhãn.*
5* TVTL3 : 嫌 *hiềm.*
6* TVTL1 : 悽 *thê.*
7* TVTL2 : 燈 *đăng.*
8* TVTL2, 3 : 相 *tương.*
9* TVTL3 : 醉 *túy.*
10* TVTL2 : 伴 *bạn.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Hồng Châu* : nay là vùng Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Hưng.

(2) Sân hoè (Hoè đình) : Chỉ nơi ở của bậc công khanh. Đây là chỉ dinh Trần Nguyên Đán.

281

病中懷洪州檢正阮漢英秋夜韻

沉水烟消客夢清，
寒燈無語傍人明。
銀河耿耿流當户，
黃葉蕭蕭落滿城。
罷畫池臺秋著色，
水銀世界月多情。
豈因一病傷豪氣，
睡起狂歌四壁驚，

BỆNH TRUNG HOÀI HỒNG CHÂU KIỂM CHÍNH NGUYỄN HÁN ANH 1* « THU DẠ » VẬN

Trầm thủy yên tiêu khách mộng thanh,
Hàn đăng vô ngữ bạng 2* nhân minh.
Ngân Hà cảnh cảnh lưu đương hộ,
Hoàng diệp tiêu tiêu lạc mãn thành.
Yểm họa trì đài thu trước sắc,
Thủy ngân thế giới nguyệt đa tình.
Khởi nhân nhất bệnh thương hào khí,
Thụy khởi cuồng ca tứ bích kinh.

DỊCH NGHĨA :

TRONG KHI ỐM, NHỚ VẦN THƠ « ĐÊM THU »
CỦA KIỂM CHÍNH HỒNG CHÂU NGUYỄN HÁN ANH (1)

Khói trầm tan, giấc mộng đất khách cũng tỉnh,
Ngọn đèn xanh làm thinh, sáng cạnh người.
Sông Ngân vằng vặc đã xế ngang cửa,
Lá vàng xào xạc rơi xuống đầy thành.
Mùa thu điểm xuyết bức tranh ao đài,
Vầng trăng đa tình trong lòng nước bạc.
Hà vì một cơn ốm mà tổn thương hào khí,
Ngủ dậy hát vang kinh động cả bốn bức vách !

DỊCH THƠ :

Khói trầm tan hết, khách mơ thanh,
Lặng lẽ đèn khuya sáng cạnh mình.
Lấp lánh sông Ngân ngang trước cửa,
Lao xao lá úa rụng đầy thành.
Lẳng lơ dì nguyệt ngâm lòng nước,
Lộng lẫy đài thu dệt bức tranh.
Hào khí hà vì đau ốm giảm,
Tỉnh dậy ngâm vang, vách rung rinh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : không có chữ 阮漢英 *Nguyễn Hán Anh.*
2* TVTL1 : 對 *đối.*

CHÚ THÍCH :

(1) Nguyễn Hán Anh và Nguyễn Phi Khanh đều là con rể Trần Nguyên Đán. Hồng Châu là một đơn vị hành chính thời Trần, Hồ ; vị trí của nó ở vùng Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay. Trong các bản TVTL1, 2, 3 chép là 洪江 *Hồng Giang.* Không rõ Hồng Châu còn có tên là Hồng Giang hay không ? Nhưng trong nhiều bài thơ xướng họa khác giữa Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Hán Anh đều đề là 洪州檢正 *Hồng Châu Kiểm chính* ; cho nên ở đây chúng tôi căn cứ vào TTCGLT mà lấy chữ 洪州 *Hồng Châu.*

282

暮秋

歲晚天寒客易悲，
騷人何必怨江蘺。
西風籬落菊殘後，
夜雨湖山雁斷時。
老景逼人侵疊疊，
秋光戀我去遲遲。
薇垣清夢頭將白，
正恐蓴鱸每負期。

MỘ THU [1*]

Tuế vãn thiên hàn khách dị bi,
Tao nhân hà tất oán Giang ly.
Tây phong ly lạc cúc tàn hậu,
Dạ vũ hồ sơn nhạn đoạn thì.
Lão cảnh bức nhân xâm vỉ vỉ [2*],
Thu quang luyến ngã khứ trì trì.
Vi viên thanh mộng đầu tương bạch,
Chính [3*] khủng thuần lô mỗi phụ kỳ [4*].

DỊCH NGHĨA :

CUỐI MÙA THU

Năm tàn trời rét, lòng khách dễ sinh sầu thương,
Nhà thơ hà tất phải oán trách cỏ Giang ly (1).
Sau khi hoa cúc tàn bên bờ giậu trước làn gió tây,
Là lúc bóng nhạn mất hút nơi khoảng núi hồ trong cảnh mưa đêm.
Cảnh già bức bách người, cứ lấn tới xồng xộc,
Ánh thu luyến tiếc ta, trôi đi chầm chậm.
Xong giấc mộng ở chốn Vi viên (2) thì đầu sắp bạc,
Chính là lúc do lỡ hẹn « rau thuần cá vược » (3).

DỊCH THƠ :

Cuối năm, rét dễ gợi sầu lên,
Thơ với Giang ly, lọ oán phiền,
Phên giậu, cúc tàn sau gió lạnh,
Núi hồ, nhạn vắng khoảng mưa đêm.
Lấn người, cảnh lão đi nhanh quá,
Yêu tớ, làn thu thổi chậm thêm.

Giấc mộng công danh đầu sắp bạc,
Thuần, lô, đang sợ hẹn thành quên.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : chép đầu đề bài thơ là 暮秋席上用嚴滄浪韻 *Mộ thu tịch thượng dụng Nghiêm thương lương vận.*

2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 :疊疊 *điệp điệp.*

3* TVTL1, TVTL2 : 止 *chỉ.*

4* TVTL3 : 胡 *hồ.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Giang ly* : Một loại cỏ thơm. Tác phẩm *Ly tao* 離騷 của Khuất Nguyên 屈原, có câu :

扈江離與辟芷兮,	Hỗ Giang ly dữ Tịch chỉ hề,
.....	. . . . .
昔三后之純粹兮,	Tích tam hậu chi thuần túy hề,
固衆芳之所在.	Cố chúng phương chi sở tại.

Ta choàng cỏ Giang ly và cỏ Tích chỉ,

. . . . . .

Xưa ba vua (Vũ, Thang, Văn) sáng suốt,
Cho nên các loại cỏ thơm mọc đúng chỗ.

« *Giang ly* » là Khuất Nguyên tự chỉ mình. « *Các loại cỏ thơm mọc đúng chỗ* » là chỉ những người tài giỏi, trung thành, được sử dụng xứng đáng.

Ý hai câu 1 và 2 ở bài thơ của Nguyễn Phi Khanh là : với cảnh năm tàn và trời đông giá rét thì con người đã dễ sinh sầu cảm lắm rồi, cho nên hà tất phải gặp cảnh ngộ như Khuất Nguyên mới sầu oán.

(2) *Vi viên* : Tức Tử vi viên, còn gọi Tử vi sảnh, cũng gọi tắt là Vi viên hoặc Vi sảnh. Đó là tên gọi tòa Trung thư, một cơ quan trọng yếu của triều đình.

(3) *Rau thuần cá vược* (Thuần Lô) : *Trương Hàn truyện, Tấn thư* 張翰傳, 晋書 chép rằng, Trương Hàn, người quận Ngô nước Tấn, trong khi làm quan ở xa nhấn gặp gió thu nổi lên lại nhớ tới thức ăn quê hương là canh rau Thuần và chả cá Vược, và than rằng, người ta sinh ra cốt là được thỏa cái ý thích của mình, vậy có sao mình lại cứ chịu ràng buộc với quan chức ở ngoài ngàn dặm để cầu danh tước. Rồi Trương Hàn thôi quan trở về quê hương.

283

酬道溪太學春寒韻

渺渺春城雪正漫，
東風牢鎖未全乾。
宦情細惹楊烟薄，
客緒偏隨杏雨殘。
流水高山琴不韻，
紅旗赤幟夢將闌。
憐渠萬姓皆吾與，
比屋誰家面面寒。

THÙ ĐẠO KHÊ THÁI HỌC [1*] "XUÂN HÀN" VẬN

Diểu diểu xuân thành tuyết chinh man,
Đông phong lao tỏa vị toàn can.
Hoạn [2*] tình tế nhạ [3*] dương [4*] yên bạc,
Khách tự thiên tùy hạnh vũ tàn.
Lưu [5*] thủy cao sơn cầm bất vận,
Hồng kỳ xích xí mộng tương lan.
Liên cừ vạn tính giai ngô dữ,
Tị ốc thùy gia [6*] diện diện hàn.

DỊCH NGHĨA :

ĐÁP LẠI BÀI THƠ "CÁI RÉT MÙA XUÂN" CỦA THÁI HỌC ĐẠO KHÊ (1)

Thành xuân mờ mờ tuyết đương đầy,
Gió xuân bị khóa chặt nên chưa khô hẳn.
Ý muốn làm quan chỉ vương nhẹ như làn khói trên cây dương liễu mờ nhạt,
Mối tình đất khách cũng tuôn theo với những hạt mưa hạnh (2) tiêu tan.
Cung đàn nước chảy non cao, đã đứt nhịp (3),
Giấc mơ cờ hồng cờ thắm (4) cũng hầu tàn.
Chỉ xót thương cho muôn họ đều là đồng bào của ta,
Dưới những mái nhà chen chúc của ai kia, khuôn mặt nào cũng rét buốt.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 大 *đại.*
2* TVTL2, TVTL3 : 官 *quan.*
3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 慝 *thắc.*
4* TVTL1 : 揚 *dương.*
5* TVTL3 : 深 *thâm.*
6* TVTL1 : 遼 *liêu* ; TVTL2, TVTL3 : 遮 *già.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Thái học Đạo khê* : Chưa rõ là ai.
(2) *Mưa hạnh* (*hạnh vũ*) : chỉ mưa xuân.

(3) *Nước chảy non cao* (lưu thủy cao sơn) : Xưa Bá Nha 伯牙 gảy đàn, khi tiếng đàn bay bổng thì Chung Tử Kỳ 鍾子期 nói : «Chí của anh đang để ở núi cao» ; khi tiếng đàn thánh thót du dương thì Chung Tử Kỳ nói : «Chí của anh đang để ở nơi nước chảy». Sau Tử Kỳ chết, Bá Nha thấy không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa, nên đã bỏ việc chơi đàn. Ý Nguyễn Phi Khanh muốn nói ở đây là những bạn tri âm của mình nay không còn mấy ai nữa.

(4) *Cờ hồng cờ thắm* (Hồng kỳ xích xí) : Tượng trưng cho sự nghiệp vẻ vang về công cuộc đuổi giặc. Thơ Bạch Cư Dị 白居易 có câu :

紅旗破賊非吾事，　Hồng kỳ phá tặc phi ngô sự,
黃紙除官無我名。　Hoàng chỉ trừ quan vô ngã danh.

Cờ hồng phá giặc không phải phận sự ta,
Chiếu chỉ của nhà vua thăng quan cũng không có tên ta.

284

題玄天寺

ĐỀ HUYỀN THIÊN TỰ

仙家一簇聳雲岑，　Tiên [1*] gia nhất thốc tủng vân sầm,
路入煙蘿窅窱深。　Lộ nhập yên la yểu điệu [2*] thâm.
樹影長年圍古澗，　Thụ ảnh trường niên vi cổ giản,
花枝清午囀幽禽。　Hoa chi thanh ngọ chuyển u cầm.
官閑我得修身訣，　Quan nhàn [3*] ngã đắc tu thân quyết,
老去天知學道心。　Lão khứ thiên tri học đạo tâm.
若見赤松憑寄語，　Nhược kiến Xích Tùng bằng ký ngữ,
佳遊何日果幽尋。　Giai du hà nhật quả u tầm.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA HUYỀN THIÊN

Một tòa nhà tiên cao ngất từng mây,
Đường vào chốn giây leo khói phủ sâu thăm thẳm.
Bóng cây quanh năm vây dòng suối cũ,
Buổi trưa thanh vắng, trên cành hoa vắng tiếng chim líu lo.
Quan nhàn hạ, ta tìm được bí quyết tu thân.
Già đi rồi, lòng học đạo đã có trời biết.
Nếu thấy vị tiên Xích Tùng (1), nhờ nhắn một lời,
Đến ngày nào mới thật có cuộc chơi hứng thú ở chốn thanh vắng.

DỊCH THƠ :

Nhà tiên một khóm, vút non tiên,
Khói phủ đường vô vắng vẻ thêm.
Cỗ thụ quanh năm vây bọc suối,
Cành hoa giữa ngọ, líu lo chim.
Tuổi già học đạo trời hằng biết,
Quan rảnh trau mình, tớ vững tin.
Nếu gặp Xích Tùng xin nhắn nhủ,
Thú chơi thanh nhã hẹn nhau tìm.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 佛 *Phật.*
2* TTCGLT : 宵寐 *tiêu diệu* ; **TVTL2 :** 雪篠 *tuyết tiểu* ; **TVTL3 :** 雷寐 *lôi diệu.*
3* TVTL2 : 間 *gian.*

CHÚ THÍCH :

(1) ***Xích Tùng*** **: Biệt hiệu của một vị tiên.**

285

秋夜留别洪州檢正

THU DẠ [1*] LƯU BIỆT HỒNG CHÂU [2*] KIỂM CHÍNH

歸夢藜溪北，　Qui mộng Nhị Khê [3*] bắc,
故人槐府邊。　Cố nhân hòe phủ biên.
清霜和別袂，　Thanh sương hòa biệt duệ,
紅日上吟鞭。　Hồng nhật thướng ngâm tiên.
愁緒憑杯斷，　Sầu tự bằng bôi đoạn,
新詩割淚傳。　Tân thi cát lệ truyền.
相期三五夜，　Tương kỳ tam ngũ dạ,
共醉桂花天。　Cộng túy quế hoa thiên.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU LƯU BIỆT KIỀM CHÍNH HỒNG CHÂU (1)

Tôi mơ về phía bắc Nhị Khê,
Bạn ở lại bên phủ hòe (2).
Giọt sương trong thấm vào tay áo từ biệt,
Mặt trời hồng soi lên chiếc roi thơ.
Nhờ chén rượu, cắt đứt mối sầu,
Gạt nước mắt trao bài thơ mới.
Hẹn nhau đến đêm rằm tới,
Cùng uống say dưới bầu trời hoa quế (3).

DỊCH THƠ :

Mộng về phía bắc Nhị Khê,
Cố nhân nương cạnh phủ hòe xa trông.
Chia phôi tay áo sương phong,
Chiếc roi thơ khách sớm lồng ánh dương.
Mối sầu nhờ rượu xua quang,
Câu thơ mới, gạt hai hàng lệ đưa.
Đêm rằm tới, những hẹn hò,
Dưới trời hoa quế thơm đưa chén quỳnh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 日 *nhật.*
2* VATT, TVTL1 : 江 *giang.*
3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 村 *thôn.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Kiềm chính Hồng Châu* (Hồng Châu Kiềm chính) : đây chỉ Nguyễn Hán Anh. 阮漢英.
(2) *Phủ hòe* (Hòe phủ) : chỉ dinh Trần Nguyên Đán. 陳元旦.
(3) *Hoa quế* (Quế hoa) : Theo truyền thuyết, trên cung trăng có cây quế. Do đó hoa quế ở câu thơ này là chỉ ánh trăng.

286

陪冰壺相公遊春江

BỒI BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG DU XUÂN GIANG

三春媚烟景，
一棹擊滄浪。
習氣俱湖海，
憂心只廟堂。
清詩魚鳥共，
佳句芷蘭香。
興盡中流返，
山間日已黃。

Tam xuân mị [1*] yên cảnh,
Nhất trạo kích thương lương.
Tập khí câu hồ hải,
Ưu tâm chỉ miếu đường.
Thanh thi ngư điểu cộng,
Giai cú chỉ lan hương.
Hứng [2*] tận trung lưu phản [3*].
Sơn gian nhật dĩ hoàng.

DỊCH NGHĨA :

THEO TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ ĐI CHƠI SÔNG XUÂN GIANG

Tiết xuân mơn trớn cảnh khói mây,
Một mái chèo khua làn sóng xanh.
Khí cốt đã thành thói quen sống cùng hồ nải.
Tấm lòng lo lắng chỉ ở miếu đường.
Thơ thanh nhã, chung cùng chim cá,
Câu đẹp tỏa hương cùng hoa chỉ hoa lan.
Hứng đã hết từ giữa dòng trở lại,
Trên núi mặt trời đã úa vàng.

DỊCH THƠ :

Cảnh khói mây xuân thật mịn màng,
Chèo khua làn biếc nhẹ lâng lâng.
Thói quen đều ở nơi hồ hải.
Dạ thẩm riêng lo việc miếu đường.
Thơ nhã, cá chim cùng thưởng vị,
Câu hay, lan chỉ nức đưa hương.
Giữa giòng hứng cạn quay thuyền lại,
Bóng ác non tây đã úa vàng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 艮 *nương.*
2* TVTL3 : 欲 *dục.*
3* TVTL2 : 遠 *viễn.*

287

村居

松筠三徑在，
歲晚薄言歸。
把酒看秋色，
携筇步夕暉。
雲空山月出，
天闊塞鴻飛。
忽聽昏鐘鼓，
呼童掩竹扉。

THÔN CƯ

Tùng quân tam kính tại,
Tuế vãn [1*] bạc ngôn qui.
Bả tửu khan thu sắc,
Huề cùng bộ tịch [2*] huy.
Vân không sơn nguyệt xuất,
Thiên khoát tái hồng phi.
Hốt thính hôn [3*] chung cổ [4*]
Hô đồng yểm trúc phi.

DỊCH NGHĨA :

CHỖ Ở TRONG XÓM

Ba luống tùng trúc còn đó,
Tuổi già tính chuyện trở về.
Cầm chén rượu ngắm sắc thu,
Mang chiếc gậy dạo bước dưới ánh chiều.
Mây quang vầng trăng ló trên núi,
Trời rộng chim hồng ngoài ải tung bay.
Bỗng nghe chuông tối ngân lên,
Gọi trẻ khép cánh phên tre.

DỊCH THƠ :

Trúc, tùng ba luống vẫn còn kia,
Năm muộn, ừ ta trở lại quê.
Ngắm thưởng sắc thu nâng rượu nhắp,
Dạo chơi bóng xế, chống hèo đi.

Mây quang đỉnh núi vầng trăng ló,
Trời rộng ải xa cánh nhạn về.
Bỗng tiếng chuông chùa trong xóm giục,
Gọi nhi đồng khép cửa phên tre.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : chú thích là 一作晚歲 *nhất tác vãn tuế.*
2* TVTL3 : 反 *phản.*
3* TVTL3 : 村 *thôn.*
4* VATT, VTLT3 : 報 *báo.*

288

贈東潮范先生

TẶNG ĐÔNG TRIỀU PHẠM TIÊN SINH

人生天地一邊廬, Nhân sinh thiên địa nhất cừ lư,
無奈離群久索居。 Vô nại ly quần cửu xác cư.
今日相逢數杯酒, Kim nhật tương phùng sổ bôi tửu,
他辰倍勝百封書。 Tha thời bội thắng bách phong thư.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG TIÊN SINH HỌ PHẠM Ở ĐÔNG TRIỀU (1)

Người ta sống trong trời đất như một nhà trạm,
Sao có thể lìa bầy ở cô đơn một mình lâu được.
Hôm nay gặp nhau hãy cạn mấy chén rượu,
Còn hơn lúc khác nhận được hàng trăm phong thư của nhau.

KHẢO ĐÍNH : Bài này chép ở Tr. DTT.

CHÚ THÍCH :

(1) Chưa rõ đích xác là ai. Có lẽ là Phạm Nhân Khanh 范仁卿 chăng ?
Xem thêm bài *Cổ Sơn Phạm công thị dĩ «Tiểu phố» thi, thả đạo chư công tận dĩ canh họa, dư nhân mộ kỳ trần trung nhi hữu nhân thích chi thú, y vận phú nhất luật* của tác giả.

289

黄江夜雨

HOÀNG GIANG DẠ VŨ

蓼浦三秋雨，　Liễu phố tam thu vũ,
篙蓬半夜聲。　Quân bồng bán dạ thanh [1*].
孤燈明又滅，　Cô đăng minh hựu diệt,
湖海十年情。　Hồ hải thập niên tình.

DỊCH NGHĨA :

MƯA ĐÊM Ở HOÀNG GIANG (1)

Mưa thu trên bến liễu,
Tiếng rơi xuống mui thuyền tre lúc nửa đêm.
Ánh đèn cô đơn khi tỏ khi mờ,
Nỗi lòng cảnh hồ hải mười năm qua.

DỊCH THƠ :

Mưa thu trên bến liễu,
Thánh thót rỏ mui thuyền.
Đèn khi mờ khi tỏ,
Hồ hải chốc mười niên.

TIÊN SƠN, HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 庄 *bành* .

CHÚ THÍCH :

(1) *Hoàng Giang* : khúc sông Hồng chảy qua phía bắc thành phố Nam Định. Bài thơ *Phụng canh Thái thượng hoàng ngự chế đề Thiên Trường phủ Trùng Quang cung* của Trần Nguyên Đán có câu : *Trường không thu hạo Hoàng Giang nguyệt* ; *Phương thảo xuân hồi Lục Phố phong*: Trời thu rạng bóng trăng Hoàng Giang ; Cỏ thơm thoảng gió xuân Lục Phố.

290

化城晨鍾

HÓA THÀNH [1*] THẦN CHUNG

遠遠從僧寺，　Viễn viễn tòng tăng tự,
疎疎落客篷。　Sơ sơ lạc khách bồng [2*].
潮生天地曉，　Triều sinh thiên địa hiểu,
月白又江空。　Nguyệt [3*] bạch hựu giang không.

DỊCH NGHĨA :

TIẾNG CHUÔNG SỚM Ở HÓA THÀNH (1)

Xa xa từ ngôi chùa vọng lại,
Tiếng thưa thớt lọt vào thuyền khách.
Nước triều dâng lên, trời đất sáng dần,
Trăng sáng bạc và sông mênh mông,

DỊCH THƠ :

Vẳng tự chùa xa tới,
Tiếng thưa lọt mui bồng.
Triều dâng trời đất rạng,
Trăng bạc, sông mênh mông.

TIÊN SƠN, HUỆ CHI.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : 洞 *động*
2* TVTL2 : 連 *liên.*
3* TVTL1 : 日 *nhật*

CHÚ THÍCH :

(1) *Hóa thành* : chưa rõ thuộc nơi nào. Đinh Văn Chấp trên *Nam Phong* số 146 (4 — 1927) dịch là «thành Huế», không biết căn cứ vào đâu.

291

天聖佑國寺早起

THIÊN THÁNH HỰU QUỐC TỰ TẢO KHỞI [1*]

仙家宮闕近蓬萊，
耳伴鈞天夢易回。
睡起春朝無个事，
東風庭院看花開。

Tiên gia cung khuyết[2*] cận[3*] Bồng Lai,
Nhĩ bạn[4*] quân[5*] thiên mộng dị hồi.
Thụy khởi xuân triêu vô cá sự,
Đông phong đình[6*] viện khán hoa khai.

DỊCH NGHĨA :

ỞCHÙA THIÊN THÁNH HỰU QUỐC (1) DẬY SỚM

Cung điện thần tiên gần với cảnh Bồng Lai (2),
Nhạc trời (3) ở bên tai nên giấc mộng dễ tỉnh.
Sáng mùa xuân thức dậy không có việc gì làm.
Chỉ xem hoa nở trước gió xuân ở ngoài sân.

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT, TVTL1 : chép đầu đề bài thơ là 大聖佑國寺早起 *Đại thánh hựu quốc tự tảo khởi* ; TrDTT : 天聖寺佑闕寺早起 *Thiên thánh tự hựu khuyết tự tảo khởi* ; TVTL2, TVTL3 : 天聖佑國寺 *Thiên thánh hựu quốc tự*.
2* TrDTT : 殿 *điện*.
3* TVTL3 : 道 *đạo*.
4* TVTL3 : 畔 *bạn*.
5* TVTL1, TVTL2 : 鈞 *quân*.
6* TVTL1 : 亭 *đình*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Chùa Thiên Thánh Hựu Quốc* : chưa rõ ở đâu.
(2) *Bồng Lai* : một ngọn núi trong thần thoại Trung Quốc, nơi các vị tiên ở.
(3) *Nhạc trời* (quân thiên) : theo *Sử ký*, Triệu Giản Tư mắc bệnh, thấy mình lên trời đi chơi ở chốn quân thiên, cùng với bách thần nghe tấu điệu Quảng nhạc, tiếng nhạc xúc động tâm can. Câu thơ này tác giả lấy điển ấy để diễn tả tâm sự của mình.

292

舟中偶成

CHU TRUNG NGẪU THÀNH

蕭蕭旅鬢傷春暮，
耿耿孤懷怯瘴氛。
俗累不關清興足，
看山看水又看雲。

Tiêu tiêu lữ mấn thương xuân mộ,
Cảnh cảnh cô hoài khiếp chướng [1*] phân.
Tục lụy bất quan thanh hứng túc,
Khan sơn khan thủy hựu khan vân.

DỊCH NGHĨA :

TRONG THUYỀN NGẪU NHIÊN THÀNH THƠ

Mái tóc tha hương bơ phờ, thương cho xuân muộn,
Canh cánh nỗi lòng cô đơn, thêm ghê sợ lam chướng.
Khi tục lụy chẳng vấn vương, cái hứng thanh tao tràn đầy,
Xem núi, xem nước, lại xem mây.

DỊCH THƠ :

Xuân tàn đất khách tóc tung bay,
Đơn chiếc lòng lo chướng khí đầy.
Tục lụy xa rồi thanh hứng đủ,
Xem non, xem nước, lại xem mây.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 瘴 *nhạ* ; **TVTL3 :** 病 *bệnh.*

293

秋夜

THU DẠ

新愁舊恨擬難平，
南北情懷夢亦驚。
月色無人更無賴，
秋來夜夜總關情。

Tân sầu [1*] cựu [2*] hận, bát nan bình,
Nam bắc [4*] tình hoài mộng diệc kinh.
Nguyệt sắc vô nhân cánh vô [5*] lại,
Thu lai dạ dạ [6*] tổng quan tình [7*].

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU

Sầu mới hờn xưa khó dẹp yên,
Nỗi lòng nam, bắc, trong giấc mộng cũng giật mình.
Ánh trăng không người lại càng trơ trọi,
Mùa thu đến, đêm đêm vẫn vướng vất trong lòng.

DỊCH THƠ :

Sầu mới hận xưa khó dẹp bằng,
Mối tình nam bắc, mộng thêm kinh.
Trăng sáng không người càng trơ trọi.
Đêm đêm thu đến vướng vất tình.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TrDTT : 秋 *thu.*
2* TVTL3 : 前 *tiền.*
3* TVTL2 : 揆 *quĩ.*
4* TVTL3 : 水 *thủy.*
5* TVTL2 : 渠更 *cừ cánh.*
6* TrDTT : 雨 *vũ.*
7* TVTL2, TVTL3 : 懷 *hoài.*

294

中秋玩月有懷

悤悤客裡又中秋,
月白風清獨自愁。
遥望故人襟韻在,
騷魂幾度繞南樓。

TRUNG THU NGOẠN NGUYỆT HỮU HOÀI

Thông thông [1*] khách lý hựu trung thu,
Nguyệt bạch phong thanh độc tự sầu.
Giao vọng [2*] cố nhân khâm vận tại,
Tao hồn kỷ độ nhiễu Nam lâu.

DỊCH NGHĨA :

TRUNG THU NGẮM TRĂNG CẢM HOÀI

Nơi đất khách, thấm thoắt lại đến trung thu,
Gió mát trăng trong, riêng mình buồn.
Xa ngóng cố nhân, vần thơ lòng còn đó,
Hồn thơ bao độ quanh quất về lầu Nam.

DỊCH THƠ :

Tha hương thấp thoáng lại trung thu,
Gió mát trăng trong những tự sầu.
Xa ngóng cố nhân, vần còn đó,
Hồn thơ bao độ dạo Nam lâu.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 旬 旬 *tuần tuần.*

2* TrDT : 憶 *ức ;* TVTL1 :想 *tưởng.*

295 — 296

天長舟中

其一

肇慶東南詠浦西，
扁舟傍柳過前溪。
春風不解禁愁思，
却放鵑聲隔岸啼。

其二

一蓬煙雨泛晴春，
紫閣鶯花夢裡身。
湖海四年多疾病，
扁舟愁殺未歸人。

THIÊN TRƯỜNG CHU TRUNG

Kỳ nhất

Triệu Khánh đông nam Vịnh phố tê (tây),
Biển 1* chu bạng 2* liễu quá tiền khê.
Xuân 3* phong bất giải câm sầu tứ,
Khước phóng quyên thanh cách ngạn đề.

Kỳ nhị 4*

Nhất bồng yên vũ phiếm tình xuân,
Tử các oanh hoa mộng lý thân.
Hồ hải tứ niên đa tật bệnh 5*,
Biển chu sầu sát vị qui nhân.

DỊCH NGHĨA :

TRONG THUYỀN Ở THIÊN TRƯỜNG (1)

Bài một

Phía đông nam là Triệu Khánh, phía tây là bến Vịnh (2),
Chiếc thuyền con sát bên rặng liễu lướt qua dòng khe phía trước.
Gió xuân chẳng gỡ được mối sầu ầm ỉ,
Lại buông tiếng quyên kêu bên kia bờ.

Bài hai

Một mái thuyền khói mưa, lênh đênh dưới nắng xuân,
Trong giấc mộng, tấm thân vẫn ở gác tía oanh hoa.
Hồ hải bốn năm nay, nhiều bệnh tật,
Trong chiếc thuyền con, buồn chết được cho kẻ chưa về.

DỊCH THƠ :

Triệu Khánh đông nam, tây bến Vịnh,
Thuyền con men liễu lướt khe đi.
Gió xuân chẳng gỡ sầu ầm ỉ,
Lại thả quyên gào cách phía kia.

***

Mái thuyền mưa khói thả xuân quang,
Gác tía, oanh hoa, mộng vấn vương.
Hồ hải bốn năm nhiều tật bệnh,
Thuyền con sầu giết kẻ tha hương.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 小 *tiểu.*
2* TVTL2 : 伴 *bạn.*
3* TVTL2 : 清 *thanh.*
4* TVTL1 : không có bài II này.
5* TVTL2, TVTL3 : 病疾 *bệnh tật.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Thiên Trường* : Một khu vực hành chính thời Trần, nơi phát tích của nhà Trần ; nay là vùng Nam Định thuộc tỉnh Hà Nam Ninh.
(2) *Triệu Khánh* và *bến Vịnh* : chưa rõ cụ thể ở chỗ nào.

297

東岸春夢

ĐÔNG NGẠN XUÂN MỘNG

瀘水東邊瀘岸村，	Lô thủy đông biên Lô ngạn thôn,
霏霏江雨暗前門。	Phi phi giang 1* vũ ám tiền môn.
耳邊斷送春歸去，	Nhĩ biên đoạn tống xuân qui khứ,
萬綠叢中杜宇魂。	Vạn lục tùng trung đỗ vũ hồn.

DỊCH NGHĨA :

MỘNG XUÂN Ở ĐÔNG NGẠN (1)

Xóm ở về phía đông trên bờ sông Lô (2),
Mưa mờ mịt trên sông làm tối trước cửa.
Bên tai vẳng tiếng tiễn xuân đi,
Ấy là hồn chim đỗ vũ (3) trong muôn khóm cây xanh.

DỊCH THƠ :

Phía đông Lô thủy, xóm ngàn Lô,
Mù mịt mưa bay, cửa tối mờ.
Tiễn biệt xuân về, tai vẳng tiếng,
Ấy hồn đỗ vũ khóm thanh u.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 紅 *hồng.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Đông Ngàn* : xưa thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc. Nay một phần thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.
Đầu bài trên cũng có thể hiểu «Đông ngạn xuân mộng» và dịch là : *Mộng xuân ở bờ sông phía đông.*
(2) *Sông Lô* : tức sông Hồng.
(3) *Chim đỗ vũ* : tức chim cuốc.

298

洮江郡舍

東風送暖逗晴軒，
堆綠穠紅甲乙繁。
山鳥數聲啼觸處，
夢回疑是蕞村園。

THAO GIANG QUẬN XÁ

Đông phong tống noãn [1*] đậu [2*] tình hiên,
Đôi lục nung [3*] hồng giáp ất [4*] phiền.
Sơn điểu sổ thanh đề xúc xứ.
Mộng hồi [5*] nghi thị Nhị thôn viên.

DỊCH NGHĨA :

Ở QUẬN XÁ MIỀN SÔNG THAO (1)

Gió xuân đưa hơi ấm vào hiên sáng,
Khắp đó đây lá xanh hoa đỏ tốt tươi.
Vài tiếng chim rừng khắc khoải từ đâu vọng tới,
Chiêm bao bừng tỉnh, ngỡ là vườn xóm Nhị Khê.

DỊCH THƠ :

Ngọn gió xuân gieo ấm mái hè,
Lục, hồng chen chúc khắp đây, kia.
Chốn vang chim núi kêu vài tiếng,
Mộng tỉnh nghi là xóm Nhị Khê.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TrDTT : 曉 *hiểu.*
2* TVTL3 : 逕 *kính.*
3* TrDTT : 濃 *nùng*, TVTL1 : 穠 *nung.*
4* TVLV3 : 甲 甲 *giáp giáp.*
5* TVTL2 : 魂 *hồn.*

CHÚ THÍCH :

(1) Sông Thao : Đoạn sông Hồng từ Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phú trở ngược lên.

299

題仙遊寺

天德山河古帝都，
名藍形勝小方壺。
人間何處非陳迹，
虛訪神仙事有無。

ĐỀ TIÊN DU TỰ

Thiên Đức sơn [1*] hà cổ đế đô,
Danh lam[2*] hình thắng tiểu Phương Hồ,
Nhân gian hà xứ phi trần [3*] tích,
Hư phỏng thần tiên sự hữu [4*] vô.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA TIÊN DU (1)

Núi sông Thiên Đức (2) là đế đô thời xưa,
Danh lam thắng cảnh này là nơi Bồng Lai nhỏ.
Trên cõi đời chỗ nào chẳng là dấu vết cũ,
Sao phải tìm ở hư vô chuyện thần tiên có hay không !

DỊCH THƠ :

Thiên Đức nơi đây cổ đế đô,
Danh lam thắng cảnh cũng Bồng Hồ.
Trần gian dấu cũ đâu không có,
Cứ hỏi thần tiên chuyện hữu, vô.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TrĐTT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 江 *giang.*
2* TVTL3 : 薑 *cương.*. Chữ này chắc TVTL3 chép sai, vì cương (là gừng, riềng), ở đây thì hoàn toàn vô nghĩa.
3* VATT, TVTL2, TVTL3 : 塵 *trần.*
4* VATT :已 *dĩ.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Chùa Tiên Du* : ở trên núi Tiên Du, huyện Tiên Du, lộ Kinh Bắc ; nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.
(2) *Thiên Đức* : xưa là châu Cổ Pháp, năm 1010 Lý Thái Tổ đổi là phủ Thiên Đức. Đây là đất phát tích của nhà Lý, nên gọi là cổ đế đô. Nay một phần thuộc huyện Tiên Sơn và huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc.

300

山中

雨餘煙樹籠籠翠，
日暮紅雲冉冉生。
睡醒不知春早晚，
深山啼到杜鵑聲。

SƠN TRUNG

Vũ dư yên thụ lung lung [1*] thúy,
Nhật mộ hồng[2*] vân nhiễm nhiễm sinh.
Thụy tỉnh [3*] bất tri xuân tảo vãn [4*],
Thâm sơn đề đáo đỗ quyên thanh.

DỊCH NGHĨA :

TRONG NÚI

Sau trận mưa cây tỏa khói xanh đầm đậm,
Trời chiều mây hồng dần dần sinh.
Tỉnh giấc không hay xuân sớm hay muộn,
Nghe tiếng chim đỗ quyên vọng từ núi sâu tới.

DỊCH THƠ :

Mưa qua, cây đậm xanh xanh khói,
Mây ráng chiều hôm rực rực lên.
Tỉnh giấc nào hay xuân sớm muộn,
Non sâu văng vẳng tiếng hồn quyên.

TIÊN SƠN, ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TrDTT, TVLT1, TVTL2 : 瓏瓏 *lung lung.*
2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 寒 *hàn.*
3* TVTL2, TVTL3 : 起 *khởi.*
4* TVTL3 : 曉 *hiểu.*

301

江村春景

GIANG THÔN XUÂN CẢNH

繞村春樹綠成堆，
一帶流溪抱徑迴。
岸脇雨晴煙色薄，
杜鵑聲急棟花開。

Nhiễu thôn xuân thụ lục thành đôi,
Nhất đới lưu khê bão kinh hồi [1*].
Ngạn [2*] hiệp vũ tình yên sắc bạc,
Đỗ quyên thanh cấp luyện[3*] hoa khai.

DỊCH NGHĨA :

CẢNH XUÂN Ở XÓM BÊN SÔNG

Cây mùa xuân quanh xóm, mầu xanh dày đặc,
Một dòng suối quanh co, ôm lấy lối đi.
Mưa tạnh, ven đê mầu khói nhàn nhạt,
Tiếng đỗ quyên rộn ràng, hoa xoan đang nở.

DỊCH THƠ :

Cây xuân quanh xóm đậm mầu xanh,
Khe ôm lối nhỏ lượn quanh quanh.
Ven đê mưa tạnh thừa mầu khói,
Rộ nở hoa xoan cuốc gọi nhanh.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 回 *hồi.*
2* TVTL3 : 峯 *phong.*
3* TVTL1 : 凍 *đống* ; TVTL3 : 練 *luyện.*

302

葉馬兜賦

若有物兮至微，闖妙巧兮化機。
何靈靈而異異，復怪怪而奇奇。
形雖虫之特肖，身是葉之皆爲。
蒐圖經於往牒，竟莫識而莫知。
茲非金甌山莊之樹上而化作葉馬兜者乎！

觀其：葱蒨彩浮，擢奇秀擢。
背豎脊兮互連，腹横文兮隱約。
彼角彼蹄，孰剪孰削？
遡想像於鴻蒙，宛龍馬之相若。
跡雖傍於林泉，志寔馳於寥廓。
憩緩嶺之月明，晞扶桑之曉濯。
風揺枝影，驚玉勒之將揮。
霞轉樹腰，恍金羈之初絡。
適遇園丁，如逢伯樂。
轉盼乎青林之側，羅置乎綺席之前。
歡承諾一，價重金千。
彼集蓼之桃蟲，猶見歌於周頌。
而在桑之蠆蠋，尚播詠於豳篇。
矧是物之至微，寓化工之深意。
不生乎寬閑之野，而托迹於洞天。
不處乎寂寞之濱，而來遊於福地。
得非舟中之靈，毛中之異乎！

俯仰兮古，千載符契。
治水畢而龜程，作經成而麟至。
諒氣應之適然，亦聖賢之力致。

我聖相：心造化之心以爲心；智造化之智以爲智。
手天尺而締匠乎乾坤，躬化鈞而陶成乎庶彙。
凡賦形肖質於兩間者，莫不鼓舞乎春風，沐浴乎和氣。
生者樂其生，遂者得其遂。
工者程其能，術者售其技。
至茲蜎蠕之微虫，亦効巧心之一試。
因觀物以興懷，默感乎乎氣類。
其紀述也，唐叔得嘉禾之書。
其賞玩也，成王無剪桐之戲。
苟非造物之妙，化工之至，安能致是乎！

仰惟：聖智之能，而非衆人之所可議也。
竊又：反覆天心，紬繹人事。
與其生樹上靈異之虫，孰若產人中俊邁之才，高邁之士？
與其詠馬兕之詩，孰若講魯頌有駜之章，究魯論德冀之旨？
然而物之靈異者，猶且愛之；況賢於物而最靈最異者乎！
願充愛物之心，而爲愛賢之心；推待物之志，而爲待賢之志。
觀樹葉則思棫樸作人之方，菁莪育才之義。
玩馬兕則念騶虞麟趾之仁，關雎鵲巢之美。
材館之下，駿可市而金可捐；
賓幕之間，温可招而石可致。
使廊廟臻肖像之求，山澤奮卧龍之起。
夫如是則，鋪張宏休，詠歌盛德，顧不光大而烨韙者耶？

嗟微生之何修，幸遭逢於盛際。
忝入幕之嘉賓，荷命題之盛意。
殫刻楮之賤工，效彫虫之末技。
記微物以舒懷，獻得賢爲上瑞！

PHIÊN ÂM :

DIỆP MÃ NHI PHÚ

Nhược hữu vật hề chí vi, sấm diệu xảo hề hóa ky (cơ).
Hà linh linh nhi dị dị, phục quái quái nhi kỳ kỳ.
Hình tuy trùng chi đặc tiếu, thân thị diệp chi giai vi.
Sưu đồ kinh ư vãng điệp, cánh mạc thức nhi mạc tri.
Tư phi Kim Âu sơn trang chi thụ thượng nhi hóa tác Diệp mã nhi giả hồ !

***

Quan kỳ : thông thiến thái phù, quyền kỳ [1*] tú trạc.
Bối thụ tích hề cẳng [2*] liên, phúc hoành văn hề ẩn ước.
Bỉ giác bỉ đề, thục tiễn thục tước ?
Tố tưởng tượng ư hồng mông, uyển Long Mã chi tương nhược.
Tích tuy bạng ư lâm tuyền, chí thực trì ư liêu khoách.
Khệ Hầu Lĩnh chi nguyệt minh, hy Phù Tang chi hiểu trạc.
Phong đao chi ảnh, kinh ngọc lặc chi tương huy.
Hà chuyền thụ yêu, hoảng [3*] kim ky chi sơ lạc.
Thích ngộ viên đình, như phùng Bá Nhạc.
Chuyển miện hồ thanh lâm chi trắc [4*], la trí hồ ỷ tịch chi tiền.
Hoan thừa nặc nhất, giá trọng kim thiên.
Bỉ tập liễu chi đào trùng, do kiến ca ư *Chu tụng*.
Nhi tại tang chi hoắc [5*] thục, thượng bá vịnh ư *Mân thiên*,
Thần thị vật chi chí [6*] vi, ngụ hóa công chi thâm ý.
Bất sinh hồ khoan nhàn chi đã, nhi thác tích ư động thiên.
Bất xứ hồ tịch mịch chi tân, nhi lai du ư phúc địa.
Đắc phi hủy [7*] trung chi linh, mao trung chi dị hồ !

***

Phủ ngưỡng kim cổ, thiên tải phù khế.
Trị thủy tất nhi qui trình, tác kinh thành nhi lân chí.
Lượng khi ứng chi thích nhiên, diệc thánh hiền chi lực trí.
Ngã Thánh tướng : tâm tạo hóa chi tâm dĩ vi tâm ; trí tạo hóa chi trí dĩ vi trí.

Thủ thiên xích nhi đề tượng hồ càn khôn, cung hóa quân nhi đào thành hồ thử vị.

Phàm phú hình tiếu chất ư lưỡng gian giả, mạc bất cổ vũ hồ xuân phong, mộc dục hồ hòa khí.

Sinh giả lạc kỳ sinh, tụy giả đắc kỳ tụy.

Công giả trình kỳ năng, thuật giả thụ kỳ kỹ.

Chí tư quyên nhi chi vi trùng, điệc hiệu xảo tâm chi nhất thi.

Nhân quan vật dĩ hưng hoài, mặc cảm phu hồ khí loại.

Kỳ kỷ thuật dã, Đường Thúc đắc Gia Hòa chi thư.

Kỳ thưởng ngoạn dã, Thành Vương vô tiễn đồng chi hí.

Cầu phi tạo vật chi diệu, hóa công chi chí, an năng trí thị hồ !

***

Ngưỡng duy : Thánh trí chi năng, nhi phi chúng nhân chi sở khả nghị dã.

Thiết hựu : phản phúc thiên tâm, trừu dịch nhân sị (sự).

Dữ kỳ sinh thụ thượng linh dị [8*] chi trùng, thục nhược sản nhân trung tuấn dật chi tài, cao mại chi sĩ ?

Dữ kỳ vịnh «Mã nhi» chi thi, thục nhược giảng *Lỗ tụng Hữu bật* chi chương, cứu *Lỗ luận Đức kỷ* chi chỉ ?

Nhiên nhi vật chi linh dị giả, do thả ái chi ; huống hiền ư vật nhi tối linh tối dị [9*] giả hồ !

Nguyện sung ái vật chi tâm, nhi vi ái hiền chi tâm ; suy đãi vật chi chí, nhi vi đãi hiền chi chí.

Quan thụ diệp tắc tư *Vực phốc* tác nhân chi phương, *Thanh nga* dục tài chi nghĩa.

Ngoạn «Mã nhi» tắc niệm *Sô ngu*, *Lân chỉ* chi nhân, *Quan thư*, *Thước sào* chi mỹ.

Tài quán chi hạ, tuấn khả thị nhi kim khả quyên.

Tân mạc chi gian, Ôn khả triệu nhi Thạch khả trí.

Sử lang miếu trăn tiếu tượng chi cầu, sơn trạch phấn ngọa long chi khởi.

Phù như thị tắc [10*] phô trương hoằng hưu, vịnh ca thịnh đức, cố bất quang đại nhi việp vĩ giả da ?

***

Ta vi sinh chi hà tu, hạnh tao phùng ư thịnh tế.

Thiềm nhập mạc chi gia tân, hà mệnh đề chi thịnh ý.

Đàn [11*] khắc chử chi tiện [12*] công, hiệu điêu trùng chi mạt kỹ.

Ký vi vật dĩ thư hoài, hiến đắc hiền vi thượng thụy !

DỊCH :

PHÚ CON NGỰA LÁ (1)

Một con vật bé bỏng tí ti, vượt tài xảo diệu của hóa ky (2).
Sao thiêng thiêng mà là lạ, lại quái quái mà kỳ kỳ.
Hình tuy giống hệt loài trùng, thân lại đúng là chiếc lá.
Tìm khắp sách truyện kinh xưa, chẳng một ai hề biết cả.
Nó chẳng phải vật trên cây trong trại Kim Âu (3) mà hóa thành con ngựa lá đó sao !

***

Xem nó :

Tươi xanh nổi sắc, đẹp đẽ khác thường.
Lưng liên tiếp xương sống, bụng lờ mờ vằn ngang.
Ai cắt ai gọt, kia móng kia sừng,
Tưởng lại thời mông muội, cùng Long mã sánh hàng (4).
Dấu vết tuy kề nơi rừng suối, mà chỉ thực ruổi rong khôn lường.
Nằm nghỉ dưới trang Hầu Lĩnh (5), tắm mình ngoài nắng Phù Tang (6).
Gió lay cành bóng, giật mình ngỡ sắp mang đàm ngọc.
Ráng lướt thân cây, thoáng trông tưởng mới buộc cương vàng.
Gặp được bác làm vườn nọ tưởng Bá Nhạc (7) đó chăng ?
Mới nháy mắt ở bên rừng rậm, đã đặt mình trên đàm tiệc sang.
Một lời mới ngỏ, giá đáng ngàn vàng.
Đàm liễu, đào tùng còn thấy ở thiên Chu Tụng (8).
Cây dâu hoắc thục còn chép ở thơ Mân Phong (9).
Huống vật này coi thì rất nhỏ, nhưng tạo hóa ngụ ý rất sâu.
Không sinh nơi ruộng đồng hoang dã, mà vào động tiên nương bóng.
Chẳng lánh vùng bến hiu quạnh, mà tới miền đất phúc ngao du.
Vậy chẳng phải vật thiêng trong loài lá, giống lạ trong loài mao đó ư !

***

Xem xét xưa nay, ngàn xưa vẫn thế .

Rùa lên khi trị thủy vừa xong (10), lân hiện lúc kinh kia đã viết (11).
Thực là buổi vận hội đương nhiên, nhưng cũng bởi thánh hiền đốc sức.
Thánh tưởng (12) ta lấy tâm tạo hóa làm tâm, dùng trí hóa công làm trí.
Tay thước trời dựng xây vũ trụ, thân khuôn lớn đúc nên mọi thứ.

Phàm là vật trong trời đất, chẳng vật nào không nhảy múa trước xuân phong, đượm nhuần trong hòa khí.
Người ước mong thỏa nỗi ước mong, kẻ sinh sống vui niềm sinh sống.
Người khéo khôn trổ hết khéo khôn, kẻ tài kỳ dốc nghề tài kỳ.
Đến loài trùng nhỏ cung quăng đua tài khéo cũng thỏa chí.
Nhân xem vật mà sinh tình, thầm cảm tin về vận khí.
Về ghi chép : ông Đường Thúc được lúa tốt có thiên kinh kia (13),
Về thưởng ngoạn : vua Thành Vương cắt lá vông không trò chơi ấy (14).
Nếu không phải tạo vật diệu huyền, hóa công tuyệt xảo thì sao được như thế !

***

Kính xem : tài năng thánh trí, khó kẻ luận bàn.
Lại trộm nghĩ : suy xét lòng trời, dõi tìm nhân sự.
Vì bằng sinh sâu thiêng lạ trên cây, sao bằng sản kẻ sĩ cao thượng, người kỳ tài trong thiên hạ ?
Vì bằng vịnh thơ ngựa lá, sao bằng đọc thơ Hữu Bật *trong thiên* Lỗ Tụng (15), *giải về «Đức ký» ở* Lỗ Luận (16) *?*
Thế nên đối với vật thiêng lạ cũng đã yêu thương ; huống gì đối với loài xảo diệu còn hơn, và cực kỳ thiêng lạ !
Xin hãy đổi lòng yêu vật thành lòng trọng người hiền ; đem chí đãi vật làm chí đãi kẻ sĩ.
Xem lá cây nhớ thơ Vực phốc *trọng dụng con người* (17), *thơ* Thanh nga *dạy nuôi tài sĩ* (18).
Ngắm ngựa lá tưởng vẻ đẹp trong Quan thư, Thước sào, *đức nhân trong* Sô Ngu, Lân Chỉ (19).
Quán đãi hiền, ngựa hay mua được, vàng không sợ phí (20).
Màn tiếp khách, Ôn nọ mời về, Thạch kia vừa ý (21),
Khiến cho chốn triều đình tượng vẽ được tìm (22), *vùng rừng rú rồng nằm phẩn khí* (23).
Được như thế thì phô trương điều lành, ngợi ca đức tốt há chẳng lớn lao rực rỡ hay sao ?

***

Ôi ! kẻ học trò hèn mọn này có đáng gì, chỉ may sao gặp thời thịnh trị.
Ngôi khách qui thẹn dự bên màn, đầu bài phú vâng theo thịnh ý.
Công khắc há dốc hết tài hèn, nghề chạm sâu theo bề cũ kỹ (24).
Mượn vật mọn gửi gắm tình hoài, «được người hiền» dâng làm điềm qui.

TIÊN SƠN, PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

NPKTV chú là sao lại bài phú theo QHPT. Nhưng bản NPKTV này — tức phần *Nguyễn Phi Khanh thi văn* trong *Ức Trai di tập* quyển 2, « Phúc Khê nguyên bản » — được in từ thế kỷ XIX. Như vậy có thể nó không sao lại bài phú theo bản QHPT—A.575. Vì A.575 cũng chỉ là bản QHPT mới được trường Viễn Đông bác cổ chép lại đầu thế kỷ XX, dựa theo một bản QHPT nào đó. Do đó NPKTV vẫn là một dị bản.

1* QHPT : 擁奇 *ủng kỳ*.

2* NPKTV : 亘 *tuyên*.

3* NPKTV : 宛 *uyển*.

4* NPKTV : 測 *trắc*.

5* Các dị bản đều chép chữ 藿 *hoắc*. Nhưng câu này là sử dụng chữ và ý của thiên *Mân phong* trong *Kinh Thi*. Toàn bộ bảy bài của thiên *Mân phong* không có một câu nào có chữ 藿 *hoắc*, chỉ có hai chữ giống chữ « *hoắc* » là 萑 *hoàn* và 雚 *quán*.

Bài 七月 *Thất nguyệt* có câu :

八月萑葦； Bát nguyệt hoàn vĩ,

蠶月條桑。 Tàm nguyệt điều tang.

Ý là : *Tháng 8 dùng cỏ hoàn cỏ vĩ lót ổ cho tằm ; Tháng sau đó thì đi lấy lá dâu.* Theo chú thích của người xưa, bài *Thất nguyệt* là lời Chu Công 周公 ca ngợi công lao gian khổ của những người trước, từ lúc khởi thủy đến lúc dựng nên được vương nghiệp nhà Chu, như việc nuôi tằm từ lúc kết những cọng cỏ hoàn ... đến lúc có tơ.

Bài 東山 *Đông sơn* có câu :

雚鳴于垤； Quán minh vu điệt,

婦歎于室。 Phụ thán vu thất.

Ý là : *Lúc trời sắp mưa to, chim quán kêu mừng mỗ đàn kiến bò ra khỏi tổ ; cũng lúc đó người vợ ở nhà than thở nỗi khổ cực của chồng vẫn phải lặn lội trong cuộc viễn chinh.*

Trong câu phú của Nguyễn Phi Khanh, có lẽ tác giả đã dùng chữ 萑 *hoàn*, hoặc chữ 雚 *quán* mà người sau chép lầm thành 藿 *hoắc* chăng ?

6* NPKTV : 雖 *tuy*.

7* QHPT : 葉 *diệp*.

8* QHPT : chép sót hai chữ *linh dị*.

9* QHPT : chỉ chép *tối dị*.

10* QHPT : không có chữ *tắc*.

11* NPKTV : 彈 *đàn*.

12* QHPT : 殘 *tàn*.

CHÚ THÍCH :

(1) Theo lời chú trong *Quần hiền phú tập* thì sau khi Hồ Quý Ly 胡季犛 dựng thành Tây Đô ở Thanh Hóa, có người dâng con bọ lá hình giống con ngựa ; triều đình cho là điềm tốt, mới đặt tên là Con ngựa lá và ra đề cho các danh sĩ đương thời làm bài phú chúc tụng việc này. Số người làm phú *Con ngựa lá* (Diệp mã nhi) chắc khá nhiều, song hiện nay chỉ mới tìm được bài của Đoàn Xuân Lôi (có trong tập sách này) và bài của Nguyễn Phi Khanh.

(2) *Hóa ky*, cũng đọc *hóa cơ* : như chữ *tạo hóa*.

(3) *Kim Âu* : tức núi Đại Lại 大吏 ở phủ Thanh Hóa, nơi nhà Hồ 胡 xây dựng Tây đô. Theo ĐVSKTT, khoảng cuối năm 1402 đầu năm 1403, nhà Hồ đổi tên núi Đại Lại thành núi Kim Âu.

(4) *Long mã* : Tương truyền vào thời cổ ở Trung Quốc, khi Phục Hi 伏羲 lên làm vua thì có con Long mã xuất hiện ở sông Hà 河.

(5) *Hầu Lĩnh* : Tên một ngọn núi ở Trung Quốc. Tương truyền con vua Linh Vương 靈王 nhà Chu 周 từng đến núi này rồi cưỡi hạc trắng bay lên tiên.

(6) *Phù Tang* : Tên một cây thần ở ngoài biển xanh, chỗ mặt trời mọc. Cây cao đến vài ngàn trượng, tàn rộng đến hơn một ngàn người ôm. Hai điển Hầu Lĩnh và Phù Tang ở đây là để nói Con ngựa lá cũng có một tâm hồn vô cùng cao khiết.

(7) *Bá Nhạc* : tức Tôn Dương, một người rất giỏi xem tướng ngựa thời Xuân Thu, thường được dùng để ví với người lãnh đạo quốc gia biết phát hiện nhân tài.

(8) Câu này dùng một số chữ và ý của bài ca *Tiểu bật* 小毖 ở phần *Chu tụng* 周頌 trong *Kinh Thi* 詩經. Theo lời giải của người xưa, *Tiểu bật* là bài ca thuật lại lời vua Thành Vương 成王 nhà Chu 周 cầu người hiền giúp mình trị nước. Lời cầu này thông qua việc Thành Vương tỏ nỗi ân hận vì trước đây không nhận ra sự dèm pha của Quản Thúc 管叔 và Thái Thúc 蔡叔 mà nghi ngờ người phụ chính tài giỏi và rất đạo đức là Chu Công 周公. Sau khi hiểu rõ lòng trung thành của Chu Công và cũng gặp lúc Quản Thúc, Thái Thúc làm loạn, Thành Vương lại càng tin yêu Chu Công và sai Chu Công đi đánh dẹp. Bài ca có đoạn :

肇允彼桃蟲	Triệu doãn bỉ Đào trùng,
拚飛維鳥。	Phiên phi duy điểu.
未堪家多難,	Vị kham gia đa nạn,
予又集于蓼。	Dư hựu tập vu liễu.

Ý là : *Lúc đầu cứ yên chí tin rằng đó chỉ là con chim Đào trùng hiền lành bé nhỏ, về sau bay lượn hóa ra là con chim ác* (chỉ Quản Thúc và Thái Thúc lúc đầu dèm pha sau làm loạn). *Chưa gánh vác được công việc quốc gia lúc nhiều hoạn nạn. Ta lại rơi vào khổ ải.*

(9) Câu này dùng một số chữ và ý của bài *Đông sơn* 東山 ở thiên *Mân Phong* 豳風 trong *Kinh Thi*. Theo lời giải của người xưa, *Đông sơn* là bài thơ thuật lại lời Chu Công thương cảm ủy lạo quân sĩ phải gian lao theo mình lâu ngày đi đánh dẹp Quản Thúc và Thái Thúc như nỗi vất vả của con sâu dâu ở trong cây dâu. Bài thơ có câu :

蜎蜎者蠋,	Quyên quyên giả thục,
蒸在桑野。	Chưng tại tang dã :

So ro co quắp con sâu dâu kia, cứ phải ở mãi trên cây dâu.

Ở đây chỉ thấy dùng chữ «thục» là con sâu dâu. Nhưng ở bài phú của Phi Khanh lại dùng chữ «hoắc thục». Về loại sâu này, QHPT chú : 蠋豆中大青虫也, Hoắc thục, đậu trung đại thanh trùng dã : *Hoắc thục là con sâu to màu xanh ở cây đậu.* Chú như vậy e không đúng, vì đang nói con sâu dâu, sao lại là con sâu đậu ? Có thể Nguyễn Phi Khanh dùng chữ «hoàn thục», hoặc «quán thục» ? (xem lại Khảo đính số 5*). Hoặc có lẽ Phi Khanh đã thấy ở đâu đó gọi sâu dâu (hoặc con tằm nhú ?) là «hoắc thục» nên mới dùng như thế chăng ?

Câu phú này và câu phú trên tỏ tâm trạng sung sướng của một kẻ được vua hoặc người trên hiểu và tin yêu mình.

(10) Theo lời giải nghĩa *Kinh Thư* 書經, thời thượng cổ ở Trung Quốc, khi vua Vũ 禹 trị thủy đến sông Lạc 洛 thì có con rùa thần (thần qui) nổi lên. Rùa thần là điềm tốt trời báo vua Vũ dựng nên vương đạo.

(11) Thời Xuân Thu, vua Lỗ Ai Công 魯哀公 đi tuần thú miền Tây bắt được một con lân. *Công Dương truyện* 公羊傳 chép : «Vua đi tuần thú miền Tây bắt được con lân, Khổng Tử 孔子 nói, thế là đạo của ta đến chỗ cùng rồi». Và đoạn này được chú thích : «Đây cũng là điềm trời báo cho Khổng Tử biết đạo sắp bị tuyệt diệt». Theo Mạnh Tử 孟子, «lúc đó thế đạo đã rất suy vi, tà thuyết phát triển, hành động tàn bạo diễn ra, con giết cha, tôi giết vua v.v...» Khổng Tử rất lo sợ trước hiện trạng đó, mới nhân điềm con lân mà viết ra bộ kinh *Xuân Thu* 春秋. *Con lân là một điềm trời báo cho biết phải củng cố lại thế đạo.*

(12) *Thánh tướng* : chỉ Hồ Quý Ly.

(13) Theo *Kinh Thư* 書經, em vua Thành Vương nhà Chu là Đường Thúc 唐叔 thấy trong ấp của mình có một bông lúa lạ là gốc lúa thì mọc ở những mảnh ruộng khác nhau, nhưng ngọn thì tất cả chụm lại thành một bông lúa lớn. Bông lúa này được coi là điềm trời cho biết thiên hạ hòa đồng tới chỗ thiện. Chu Công bèn làm ra thiên *Gia hòa* 嘉禾 trong *Kinh Thư* để bố cáo với thiên hạ.

(14) Vua Thành Vương nhà Chu ở ngôi lúc còn nhỏ tuổi, có lần đùa chơi cắt lá vông làm một cái phù hiệu đưa cho em là Thúc Ngu 叔虞 và nói : «Cái này là để phong cho ngươi». Quan chép sử liền xin vua định ngày để làm lễ phong đất. Thành Vương nói đó là ta chỉ đùa thôi. Quan chép sử thưa : «Thiên tử đã nói thì sử chép điều đó, lễ qui định việc đó, nhạc tấu về việc đó». Thế là Thúc Ngu được phong ở đất Đường 唐. Trò chơi cắt lá vông của vị vua trẻ con Thành Vương cũng là một điềm trời đưa đến việc Thúc Ngu trở thành ông chúa ở đất Đường.

(15) *Hữu bật* : tên một bài thơ ở phần *Lỗ tụng* trong *Kinh Thi*. Theo lời giải trong cuốn *Mao thi chính nghĩa* 毛詩正義 (đời Hán), nội dung bài *Hữu bật* là khen vua Hy Công 僖公 nước Lỗ 魯 biết dùng lễ nghĩa hậu đãi bề tôi và bề tôi cũng hết lòng trung với vua ; do đó quốc gia được vững bền.

(16) *Lỗ luận* : bản *Luận ngữ* 論語 do những học trò Khổng Tử là người nước Lỗ, nước quê hương Khổng Tử ghi chép, tức bản *Luận ngữ* thông dụng sau này. Thiên *Hiến vấn* 憲問 sách *Lỗ luận* có câu : 驥,不稱其力;稱其德也。Ký, bất xứng kỳ lực ; xứng kỳ đức dã : *không khen cái sức của con ngựa ký* (loại ngựa thiện lý) *mà chỉ khen cái đức của nó.*

(17) *Vực phốc* : tên bài thơ ở phần *Đại nhã* 大雅 trong *Kinh Thi*. Theo cuốn *Mao Thi chính nghĩa* (đời Hán), nội dung bài *Vực phốc* là nói việc vua Văn Vương 文王 nhà Chu 周 biết sử dụng người hiền, cho họ những địa vị xứng với tài năng của họ, do đó quốc gia phồn thịnh.

(18) *Thanh nga* : tức bài *Thanh thanh giả nga* 青青者莪 ở phần *Tiểu nhã* 小雅 trong *Kinh Thi*. Theo *Mao Thi chính nghĩa* (đời Hán), nội dung bài *Thanh nga* là ca ngợi người làm vua biết tổ chức nền học vấn để nuôi dưỡng và đào tạo các hạng nhân tài cho quốc gia.

(19) *Quan thư, Thước sào, Sô ngu, Lân chỉ* : tên bốn bài thơ ở phần *Quốc phong* 國風 trong *Kinh Thi*. Theo lời giải của người xưa :

— *Quan thư* : ca ngợi bà chính phi của vua Văn Vương 文王 nhà Chu tên là Thái Tự 太姒 là người có đạo đức cao cả. Bà rất vui sướng trong việc tìm kiếm những người thục nữ để cùng mình phụng sự vua Văn Vương, luôn nghĩ ngợi việc nuôi dưỡng người hiền tài, không có lòng làm tổn thương đến điều thiện v.v...

— *Thước sào* : ca ngợi những bà vợ của các vua chư hầu đã tiếp thu được sự giáo hóa của bà Thái Tự và cũng trở thành những người có đạo đức cao cả.

— *Sô ngu* : nói các vua chư hầu nhà Chu tiếp thu được sự giáo hóa của thiên tử là Văn Vương. Do đó họ cũng trở thành những ông vua có đức nhân lớn lao, biết ái mộ con người và thương yêu đến cả muôn loài sinh vật. Vì thế các loài cây cỏ muông thú cũng được phồn thịnh và vương đạo được dựng nên.

— *Lân chỉ* : chính tên bài thơ là 麟之趾 *Lân chi chỉ*. Bài thơ ca ngợi lớp con cháu thuộc dòng dõi vua Văn Vương nhà Chu, tuy ở vào thời kỳ suy vi, nhưng do gìn giữ được di sản giáo hóa của vua Văn Vương cho nên vẫn là những người có đức nhân lớn lao.

(20) Câu này và hai câu tiếp theo là mượn các điển cố để phát biểu những lời khuyên phải khẩn cấp dùng mọi biện pháp tập hợp được những người tài giỏi trên các lĩnh vực khác nhau để giúp vào việc trị nước:

Chiến Quốc sách, Yên sách 戰國策，燕策 : «Vua Chiêu Vương 昭王 nước Yên 燕 hỏi Quách Ngỗi 郭隗 về kế sách tìm người tài giỏi giúp việc trị nước. Quách Ngỗi nói : «Thần nghe nói ngày xưa có một ông vua bỏ ra 1000 nén vàng để tìm mua một con ngựa thiên lý, ba năm mà không mua được. Sau có một viên quan mang số vàng đó đi tìm mua được một con ngựa thiên lý, nhưng là con ngựa đã chết. Viên quan bèn bán bộ xương con ngựa đó được 500 nén vàng (nghĩa là mất không đi 500 nén) rồi trở về tâu vua. Vua nổi giận nói : «Ta cần ngựa sống, chứ ngựa chết thì việc gì ta phải phí 500 nén vàng ?». Viên quan thưa rằng : «Ngựa chết mà bán đi còn được như thế, huống gì ngựa sống ? Xin nhà vua cứ vui vẻ chịu phí 500 nén vàng thì thiên hạ nhất định sẽ bảo nhà vua là biết mua ngựa, do đó ngựa qui thế nào cũng đến».Quả nhiên không đầy một năm sau đã có tới ba con ngựa thiên lý được đưa tới cho vua». Kể xong câu chuyện cổ Quách Ngỗi nói tiếp, nay nếu nhà vua thực tâm muốn tìm người hiền sĩ, thì trước tiên nên trọng đãi Ngỗi tôi. Một người tài hèn như Ngỗi tôi mà còn được trọng vọng thì những người tài giỏi hơn tôi sẽ không quản ngại gì mà không đến giúp vua đâu... Vua Chiêu Vương nghe lời, mới sai làm riêng một cái cung để Quách Ngỗi ở. Về sau quả có nhiều nhân tài đã đến giúp Chiêu Vương».

(21) Hàn Dũ 韓愈 trong bài *Tống Ôn xử sĩ phó Hà Dương quân tự* 送溫處士赴河陽軍序 có đoạn nói : Quan Ngự sử đại phu Ô Công 烏公 đến nhận chức Tiết độ ở Hà Dương muốn tìm người tài giỏi giúp mình thì được biết ở vùng phía bắc sông Lạc có Thạch Sinh là người tài. Ô Công mới dùng lễ (lễ là gồm cả lễ vật và mọi cách cư xử theo phép kính trọng người hiền) làm cái lưới để kéo Thạch Sinh vào trong trướng của mình. Sau đó lại được biết ở vùng phía nam sông Lạc có Ôn Sinh 溫生 là người tài, Ô Công mới nhờ Thạch Sinh làm môi giới và lại dùng lễ làm cái lưới để kéo Ôn Sinh vào trong trướng của mình.

(22) *Hậu Hán thư, Dật dân liệt truyện* 後漢書，逸民列傳 : Nghiêm Quang 嚴光 người đất Cối Kê 會稽 thời Hậu Hán, lúc trẻ đã nổi tiếng là người thông minh, có tài và là bạn thân cùng học với Quang Vũ 光武. Nhưng về sau, khi Quang Vũ lên ngôi vua thì Nghiêm Quang đã đổi họ tên trốn đi ở ẩn không lộ tung tích. Quang Vũ vẫn biết Nghiêm Quang có tài, nên mới sai vẽ chân dung của Nghiêm Quang gửi đi các nơi để tìm về triều đình giúp mình trong việc trị nước.

(23) *Rồng nằm* (Ngọa long) : chỉ Gia Cát Lượng 諸葛亮 tức Khổng Minh 孔明 một người giỏi về chính trị và quân sự ở thời Tam Quốc. Khổng Minh vốn ẩn mình ở đất Tương Dương 襄陽, Lưu Bị 劉備 muốn được Khổng Minh giúp, nên đã ba lần hạ mình đích thân đến lều cỏ ở đất Tương Dương để mời bằng được Khổng Minh.

(24) *Khắc lá* (khắc chữ) : Nước Tống có người dùng ngọc khắc cho vua của mình một chiếc lá cây chử. Khắc trong ba năm mới xong. Từng chi tiết nhỏ nhất cho đến vẻ mềm mại mượt mà của chiếc lá này đều giống hệt lá chử thật. Đặt chiếc lá này vào đám lá chử thì không thể phân biệt được đâu là lá khắc, đâu là lá thật.

Chạm sâu (điêu trùng) : ngày xưa thường gọi việc tỉa gọt câu, chữ trong một bài văn như việc chạm tỉa những hình khối nhỏ như con sâu trong ngành điêu khắc.

Cả câu này Phi Khanh muốn nói mình đã làm một bài văn hết sức công phu để đáp lại thịnh ý của Hồ Quý Ly.

303

清虛洞記

賢達者之出處，其動也以天，其樂也以天。天者何？一至清至虛至大而已。四時成歲而不顯其功，萬物蒙恩而不顯其蹟。非至清至虛至大者疇若是乎？

我水壺相公以天鍾岳降之才，著蔡皇謨棟梁宗社。
頃遭大定之變，有清內難之功。
靜倒懸於國脉線髮之際，
任獨力於邦基艱疏之日。
是乃乾坤締造之一初也，
非動以天者能若是乎？
及其昏亂之迹息，仁義之效白，王業金甌，國家盤石，然後留侯，晉公之志，始浩然而不可遏，是又明哲保身之一機也，非樂以天者又能若是乎？

於是乃奏乞崑山荒閒之地一區，規爲退休之舍。二帝嘉其功，而忘勿之奪，俯以徇之。爰相厥宜，審度形勢。一鼓牛飲，萬夫蟻集，斲幽刈醫，鏟巉斧巇。於是玉渫者灑，榛薄者闢，役徒具材，登陟絡繹。不閱月而椽築鏝飾之工畢濟，高者窿如，卑者皓如，睎遥睇青，圈奇圍秀，凡憩息觀遊之名稱不一，而總則曰"清虛洞"焉。

既成，睿宗皇帝親勒碑，額之洞顏。太上皇帝親製碑銘，勒于岩陰，皆所以旌勲舊示勸奬也。公朝之退，匹馬嘉林，扁舟平灘。攜謝傳遊山之朋，歌陶潛歸去之辭。幅巾倘佯以登乎岩之上。岫烟島霞，錦蟠綺舒；林莽潤葩，綠翻紅駭。亦可漪，劉可掬，芳可嚥，秀可餐。凡所謂清冷之狀，營營之聲，悠悠然而

虛，淵然而靜，與耳目心神謀者，蓋已與溟涬太虛接而遊乎萬物之表。噫！宇宙中間，造物者設如此之境以待夫人者亦多矣。然而成功之會，若發縱指示之蕭何，且械繫焉；椒房至親之馬援，猶謗毀焉，豈成功而不能退休者歟？至若十上丐章之永叔，而思穎之志未償，一年半病之溫公，而思洛之心莫遂，豈退休亦有待而難必者歟？

今我相公，其始也天既以功名之會付之；其終也天又以泉石之趣委之，無成功不退之嫌，無退休難必之歎。是其出與處，動與樂，皆以天也。顧歉於造物有以待之之意耶？若夫大臣一身進退繫國輕重，則君子固有終身之憂，非若鄙夫之事君者，既患得又患失，其得也，售諛獻佞，無所不爲；其失也，艴然遠去，心懷怏怏。此爲足置齒於賢達出處之論耶？

嗚呼！乾坤之光霽難常；豪杰之經綸有會。安得遡紫清，冲碧虛以從遊於造物之所遇耶？

昌符八年甲子腊月藁溪　阮飛卿記

PHIÊN ÂM:

THANH HƯ ĐỘNG KÝ

Hiền đạt giả chi xuất xử, kỳ động dã dĩ thiên, kỳ lạc dã dĩ thiên. Thiên giả hà? Nhất chi thanh chi hư chi đại nhi dĩ. Tứ thời thành tuế nhi bất hiền kỳ công, vạn vật mông ân nhi bất hiền kỳ tích. Phi chi thanh chi hư chi đại giả, trù nhược thị hồ?

Ngã Băng Hồ Tướng công dĩ thiên chung nhạc giáng chi tài, thi thái hoàng mô, đống lương tông xã. Khoảnh tao Đại Định chi biến, hữu thanh nội nạn chi công. Tĩnh đảo huyền ư quốc mạch duyến phát chi tế, nhậm độc lực ư bang cơ niết ngột chi nhật. Thị nãi càn khôn đế tạo chi nhất sơ dã, phi động dĩ thiên giả năng nhược thị hồ? Cập kỳ hôn loạn chi tích tức, nhân nghĩa chi hiệu bạch, vương nghiệp kim âu, quốc gia bàn thạch, nhiên hậu Lưu Hầu, Tấn

Công chi chi, thủy hạo nhiên nhi bất khả át, thị hựu minh triết bảo thân chi nhất cơ dã, phi lạc dĩ thiên giả hựu năng nhược thị hồ ?

Ư thị nãi tấu khất Côn Sơn hoang nhàn chi địa nhất khu, qui vi thoái hưu chi xá. Nhị đế gia kỳ công, nhi chí vật chi đoạt, phủ dĩ tuẫn chi. Viên tưởng quyết nghi, thẩm đạc hình thế. Nhất cổ ngưu ẩm, vạn phu nghĩ tập, trác u nghệ ế, sản sâm phủ hy. Ư thị ngọc tiết giả sái, trăn bạc giả tịch, dịch đồ cụ tài, đăng nhưng lạc dịch. Bất duyệt nguyệt nhi trác trúc man sức chi công tất tế, cao giả long như, ty giả hạo như, hy dao đệ thanh, khuyên kỳ vi tú, phàm thuế tức quan du chi danh xưng bất nhất, nhi tổng tắc viết «Thanh Hư động» yên.

Ký thành, Duệ Tông hoàng đế thân lặc bi, ngạch chi động nhan. Thái Thượng hoàng đế thân chế bi minh, lặc vu nham âm, giai sở dĩ tinh huân cựu, thị khuyến tưởng dã. Công triều chi thoái, thất mã Gia Lâm, biền châu Bình Than. Huề Tạ Phó du sơn chi bằng, ca Đào Tiềm «Qui khứ chi từ». Bức cân thẳng dương dĩ đăng hồ nham chi thượng. Tụ yên đảo hà, cẩm bàn ỷ thư ; lâm di giản ba, lục phiên hồng hãi. Lương khả y, lưu khả cúc, phương khả yết, tú khả xan. Phàm sở vị thanh lãnh chi trạng, dinh dinh chi thanh, du du nhiên nhi hư, uyên nhiên nhi tĩnh, dữ nhĩ mục tâm thần mưu giả, cái dĩ dữ minh hãnh thái hư tiếp nhi du hồ vạn vật chi biểu. Y ! vũ trụ trung gian, tạo vật giả thiết như thử chi cảnh dĩ đãi phù nhân giả diệc đa hĩ. Nhiên nhi thành công chi hội, nhược phát túng chỉ thị chi Tiêu Hà, thả giới hệ yên; tiêu phòng chi thân chi Mã Viện, do báng hủy yên, khởi thành công nhi bất năng thoái hưu giả dư? Chi nhược thập thượng cái chương chi Vĩnh Thúc, nhi tư Dĩnh chi chi vị thường, nhất niên bán bệnh chi Ôn Công, nhi tư Lạc chi tâm mạc toại, khởi thoái hưu diệc hữu đãi nhi nan tất giả dư ?

Kim ngã Tướng công, kỳ thủy dã thiên ký dĩ công danh chi hội phó chi ; kỳ chung dã thiên hựu dĩ tuyền thạch chi thú ủy chi, vô thành cổng bất thoái chi hiềm, vô thoái hưu nan tất chi thán. Thị kỳ xuất dữ xử, động dữ lạc, giai dĩ thiên dã. Cố khiềm ư tạo vật hữu dĩ đãi chi chi ý da ? Nhược phù đại thần nhất thân tiến thoái hệ quốc khinh trọng, tắc quân tử cố hữu chung thân chi ưu, phi nhược bỉ phu chi sự quân giả, kỳ hoạn đắc hựu hoạn thất, kỳ đắc dã, thụ du hiến nịnh, vô sở bất vi ; kỳ thất dã, phất nhiên viễn khứ, tâm hoài ương ương. Thử ô túc tri xỉ ư hiền đạt xuất xử chi luận da ?

Ô hô ! Càn khôn chi quang tễ nan thường, hào kiệt chi kinh luân hữu hội. An đắc tố tử thanh, xung bích hư dĩ tòng du ư tạo vật chi sở ngộ da ?

Xương Phù bát niên, Giáp tý lạp nguyệt ; Nhị Khê Nguyễn Phi Khanh ký.

DỊCH NGHĨA :

BÀI KÝ ĐỘNG THANH HƯ (1)

Trong việc « xuất », « xử » của kẻ hiền đạt, thì « xuất » là để hành động theo lẽ trời, « xử » là để tìm thú yên vui, cũng theo lẽ trời. Trời là gì ? Là

cái chí thanh, chí hư, chí đại đó thôi ! Bốn mùa thành năm mà không tỏ ra có công, vạn vật chịu ơn mà không lộ rõ dấu vết. Không phải trời là chí thanh, chí hư, chí đại, thì đâu được như thế ?

Tướng công Băng Hồ (2) của ta, lấy cái tài trời xây núi dựng để quyết định mưu lược cho nhà vua, làm rường cột cho tông xã. Khi xảy ra cuộc biến Đại Định (3), Người đã có công dẹp yên nội loạn. Trong lúc vận nước đương như treo trên sợi tóc, Người một mình gánh vác công việc của những ngày nước nhà điêu đứng vậy. Đó chính là buổi đầu của sự xây dựng trời đất. Nếu không phải Người đã hành động theo lẽ trời thì có thể làm như thế được chăng ? Đến khi tình hình hỗn loạn đã được dập tắt, hiệu quả của việc nhân, nghĩa đã tỏ rõ, vương nghiệp đã vững như âu vàng, nước nhà đã yên như bàn thạch, thì cái chí của Lưu Hầu, Tấn Công (4) mới mạnh mẽ không có gì ngăn cản được Người nữa, đây lại là một dịp để tỏ rõ sự sáng suốt giữ mình của Người vậy. Nếu không phải Người biết tìm thú yên vui theo lẽ trời, lại có thể như thế được chăng ?

Bấy giờ Người mới tâu xin một khu đất hoang ở Côn Sơn (5), sắp đặt cất một ngôi nhà để làm nơi lui về nghỉ ngơi. Hai đức vua (6) khen ngợi công lao trước đây của Tướng công, không ép buộc cái chí của Người, vì vậy thể theo với ý của Người. Người bèn tìm nơi thích hợp, xem xét hình thế. Một tiếng trống vang, muôn người xúm lại, phạt bụi san đồi, thế là suối nguồn được gạn trong, cỏ rác được dọn sạch, phu thợ đủ các nghề, xây đắp không nghỉ. Chưa đầy một tháng mà việc dựng cột, xây tường đều xong, chỗ cao khoáng khoát, chỗ thấp bằng phẳng, đứng xa trông chỉ thấy một mầu xanh, khu động vây bọc những cảnh kỳ lạ và đẹp đẽ, các nơi nghỉ ngơi chơi ngắm đều có đặt tên riêng, nhưng tất cả khu đó được gọi chung là «Thanh Hư động».

Sau khi làm xong, đức vua Duệ Tông tự tay làm bài bia, khắc vào trước cửa động. Đức Thái Thượng hoàng (7) tự tay làm bài minh, khắc dưới lèn đá, ý đều là để nêu công lớn trước đây của Người, và cũng là để tỏ sự khuyến khích và khen ngợi Người vậy. Sau khi Người từ giã triều đình lui về nghỉ ở đây, có khi rong ngựa chơi vùng Gia Lâm, có khi chèo thuyền dạo miền Bình Than (8). Hoặc có lúc cùng bạn như Tạ Phó đi chơi núi, hoặc có lúc hát bài từ «Qui khứ» của Đào Tiềm (9). Đầu bịt chiếc khăn, lững thững bên đèo. Khói ngàn, ráng đỏ, như gấm cuốn, như lụa giăng ; cỏ rừng, hoa suối, hoặc mầu biếc đung đưa, hoặc mầu hồng rực rỡ. Cảnh mát dịu, trong lành, thơm đến muốn nuốt, xinh đến muốn ăn. Phàm những cái gọi là hình trạng trong mát, tiếng vi vu, xa xa mà vắng không, sâu thẳm mà lặng lẽ, hợp với sự mong mỏi của tai mắt và tinh thần, đều hầu như đã hòa với bầu trời mênh mông mà vui chơi ra ngoài cõi vật. Ôi ! Trong vũ trụ, tạo hóa bày ra những cảnh như thế để chờ đợi người cũng nhiều. Nhưng dịp thành công, như Tiêu Hà (10) là người chỉ huy có tài còn bị cùm trói ; Mã Viện (11) là người có mối chí thân nơi tiêu phòng còn bị dèm pha, đó chẳng phải là họ làm nên công trạng, mà không biết con đường lui đó ư ?

Đến như Vĩnh Thúc (12) mười lần dâng sớ xin nghỉ, mà chỉ nhớ đất Dĩnh chưa thỏa, Ôn Công (13) một năm ốm đến sáu tháng, mà lòng nhớ đất Lạc không nguôi, đó chẳng phải là việc lui về nghỉ ngơi cũng có khi phải chờ đợi mà khó được đó ư ?

Nay Tướng công ta, lúc đầu trời đã giúp cho cái hội công danh ; về sau lại dành cho cái thú sơn thủy, khỏi được tiếng thành công mà không biết đường lui, khỏi cái nỗi phải thở than vì lui về không được. Ấy là khi «xuất» với «xử», khi «động» với «lạc» đều là theo lẽ trời. Vậy còn phàn nàn gì về cái ý tạo vật đã đãi người ? Ôi ! Thân phận một kẻ đại thần, khi tiến, khi lui, đều có quan hệ với vận mệnh của nước nhà, cho nên người quân tử vẫn ôm mối lo suốt đời, nào phải như kẻ bỉ phu thờ vua, đã lo được lại lo mất, khi được thì a dua, nịnh hót, chẳng việc gì là chẳng làm ; khi mất thì hất hủi bỏ đi, trong lòng hậm hực. Như vậy, sao đáng cùng họ mà bàn việc «xuất» và «xử» của người hiền đạt được ?

Than ôi ! Trời đất quang tạnh khó lường ; hào kiệt kinh luân có hội. Ước gì được bay bổng lên giữa khoảng trời trong mát, xanh biếc kia để cùng vui chơi ở chỗ mà tạo hóa đã sắp đặt để chờ Người ?

Tháng chạp năm Giáp tí, niên hiệu Xương Phù thứ tám (1384), Nhị Khê Nguyễn Phi Khanh ghi.

TRẦN LÊ SÁNG.

CHÚ THÍCH :

(1) *Động Thanh Hư* : ở núi Côn Sơn, thuộc huyện Phượng Sơn (nay là huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng).

(2) *Băng Hồ* : hiệu của Trần Nguyên Đán 陳元旦, nhạc phụ của Nguyễn Phi Khanh.

(3) *Đại Định* : niên hiệu của Dương Nhật Lễ 楊日禮.

(4) *Lưu Hầu* : tước phong của Trương Lương 張良, người đời Hán. Tấn công : tước phong của Bùi Độ 裴度, người đời Đường. Hai người này sau khi lập được công lớn đều xin về nghỉ.

(5) *Côn Sơn* : một quả núi ở huyện Phượng Sơn.

(6) *Hai đức vua* : chỉ Trần Nghệ Tông 陳藝宗 và Trần Duệ Tông 陳睿宗.

(7) *Thái Thượng hoàng* : chỉ Trần Nghệ Tông.

(8) *Miền Bình Than* : vùng sông Lục Đầu, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

(9) *Tạ Phó* : tức Tạ An 謝安. Tạ An và Đào Tiềm 陶潛 là những nhà ẩn dật nổi tiếng đời Tấn, Trung Quốc.

(10) *Tiêu Hà* : một trong những công thần của nhà Hán, giữ chức Tướng quốc. Trong thời kỳ làm quan, có lần ông bị bắt giam. Về sau nhà Tây Hán tìm cách giết công thần, Tiêu Hà đi ở ẩn để lánh nạn.

(11) *Mã Viện* : danh tướng đời Đông Hán, con gái làm hoàng hậu. Có lần Mã Viện đi đánh giặc, mang về mấy xe hột ý dĩ, có người dèm với vua là ông mang mấy xe châu báu về nhà.

(12) *Vĩnh Thúc* : tên chữ của Âu Dương Tu 歐陽修, người đời Tống. Ông là một hiền sĩ nổi tiếng, có chí ẩn dật. Dĩnh là quê của ông.

(13) *Ôn công* : biệt hiệu của Tư Mã Quang, một người hiếu học đời Tống, bị Vương An Thạch đẩy ra đất Lạc. Sau về làm Tể tướng được 8 tháng thì mất.

NGUYỄN BÁ THÔNG

阮伯聰

(?)

Nguyễn Bá Thông sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu, sự nghiệp ra sao đều chưa rõ.

Tác phẩm : hiện còn một bài phú chép trong *Quần hiền phú tập*.

304

天興鎮賦

瀑布懸霜，龍隄倚空，傘圓撑空而鎮北，沱江漱玉以流東。此天地設險，以壯南極坤維之勢；而藝皇駐驛，以開萬世中興之功。

觀其：聯絡牢關，控扼雲徼。襟帶百蠻，喉咽六詔。嶒岏崷崒，萬山環擁而青來，蕩漭汪洋，衆水犇騰而白繞。捍諸鎮之限藩；據上流之津要。

爾乃：梗柟栝栢，杞梓豫章，菽麥旆旆兮堆壠；桑麻隧隧兮成行。殲毛齒革兮，波及於鄰界；金銀珠玉兮，衍溢於邊疆。槎浮索引，爲道兎坑，輦琛獻贄，俯仰觀光，誠爲國家之外府，而萬寶之所珍藏。

思昔：鰲極震驚，蘿圖顛躓；尼遭四百，運丁潤季。荒淫無度，昌王移漢祚之隆；孤媚披猖，武氏窃唐家之器。日月昏而無光，天地凜其將毀。惟藝皇之嫌親，常小心之惴惴。逮無可於奈何，乃入山而逃避。捫蘿萬里，而雪染千莖；回首七陵，而血班雙淚。瞻翠華兮搖搖，儼六龍之淚止。翕諸侯兮影從；蓊群英兮麇至。熊羆之士；三千而同心，貔虎之軍，百萬而來萃。整大駕以回京，續壺漿而迎餽。指揮而妖孽迎降，談笑而兇徒送死。洗六合之腥羶，蕩宮庭之氛翳。懸日月於中天，奠丕基於萬世。

然後知：藝皇微斯鎮，安能至成功之巍巍；斯鎮微藝皇，安能稱嘉名之煒煒哉！

嗚呼！噫嘻！雲棧縈紆，劍閣窮崇，雖足以脫明皇之難，而玉纍淹流，不能回唐轍而東，淆隴險阻，洛陽適中，雖足以至平王之幸，而五城自小，不能返岐周之封。

然後知：藝皇之功，天興之鎮，歷萬世而莫與之匹美而比隆也。

乃拜手稽首而爲之歌曰：

壯哉天興，爲南方之表極兮；
啟我皇圖垂千億兮，
於維藝皇，不恃險而恃德兮。

PHIÊN ÂM :

THIÊN HƯNG TRẤN PHÚ

Bộc bố huyền sương, long đê ỷ không. Tản Viên xanh không nhi trấn bắc, Đà giang thấu ngọc dĩ lưu đông. Thử thiên địa thiết hiểm, dĩ tráng Nam

cực khôn duy chi thế ; nhi Nghệ Hoàng trú tất, dĩ khai vạn thế trung hưng chi công.

Quan kỳ : liên lạc Lao quan, khống ách Vân khiếu. Khâm đái bách Man, hầu yết lục Chiếu. Toàn ngoan tù tốt, vạn sơn hoàn ủng nhi thanh lai ; đãng quyết uông dương, chúng thủy bôn đằng nhi bạch nhiễu. Hãn chư trấn chi hạn phiên ; cử thượng lưu chi tân yếu.

Nhĩ nãi : biền nam quát bách, kỷ tử dự chương. Thúc mạch bái bái hề đôi lũng ; tang ma tụy tụy hề thành hàng. Vũ mao xỉ cách hề, ba cập ư lân giới ; kim ngân châu ngọc hề, diễn dật ư biên cương. Sà phù sách dẫn, điều đạo thố hàng. Liễn thâm hiến chí, phủ ngưỡng quan quang. Thành vi quốc gia chi ngoại phủ, nhi vạn bảo chi sở trân tàng.

Tư tích : ngao cực chấn kinh, la đồ điên chí. Ách tao tứ bách, vận đinh nhuận quí. Hoang dâm vô độ, Xương Vương di Hán tộ chi long ; hồ mị phi xương, Vũ thị thiết Đường gia chi khí. Nhật nguyệt hôn nhi vô quang, thiên địa lẫm kỳ tương hủy. Duy Nghệ Hoàng chi hiềm thân, thường tiểu tâm nhi sủy sủy. Đãi vô khả ư nại hà, nãi nhập sơn nhi đào tỵ. Môn la vạn lý, nhi tuyết nhiễm thiên hành ; hồi thủ thất lăng, nhi huyết ban song lệ. Chiêm thúy hoa hề dao dao ; nghiễm lục long chi lệ chỉ. Hấp chư hầu hề ảnh tòng, ông quần anh hề khuẩn chí. Hùng bi chi sĩ, tam thiên nhi đồng tâm ; tì hổ chi quân, bách vạn nhi lai tụy. Chỉnh đại giá dĩ hồi kinh, tân hồ tương nhi nghinh quĩ. Chỉ huy nhi yêu nghiệt nghinh hàng, đàm tiếu nhi hung đồ tống tử. Tầy lục hợp chi tinh chiên, đãng cung đình chi phân ế. Huyền nhật nguyệt ư trung thiên, điện phi cơ ư vạn thế.

Nhiên hậu tri : Nghệ Hoàng vi tư trấn, an năng chi thành công chi nguy nguy ; tư trấn vi Nghệ Hoàng, an năng xứng gia danh chi vĩ vĩ tai. !

Ô hô ! y hi ! Vân Sạn oanh vu, Kiếm Các khung sùng, tuy túc dĩ thoát Minh Hoàng chi nạn, nhi Ngọc Lũy yêm lưu, bất năng hồi Đường triệt nhi đông ; Hào Lũng hiểm trở, Lạc Dương thích trung, tuy túc dĩ chi Bình Vương chi hạnh, nhi ngũ thành tự tiễu, bất năng phản Kỳ Chu chi Phong.

Nhiên hậu tri : Nghệ Hoàng chi công, Thiên Hưng chi trấn, lịch vạn thế nhi mạc dữ chi sất mỹ nhi tỷ long dã.

Nãi bái thủ khể thủ nhi vi chi ca viết :

Tráng tai Thiên Hưng, vi Nam phương chi biểu cực hề,
Khải ngã hoàng đồ thùy thiên ức hề,
Ô duy Nghệ Hoàng, bất thị hiểm nhi thị đức hề.

ĐỊCH NGHĨA :

PHÚ TRẤN THIÊN HƯNG (1)

Trắng phau thác nước, cao ngất đê rồng. Non Tản (2) chống gầm trời phía bắc, sông Đà (3) reo tiếng ngọc xuôi đông. Chốn trời đất đặt bầy, ấy địa trục

phương Nam mạnh thế ; nơi Nghệ Hoàng (4) nương náu, nghiệp trung hưng muôn thuở ghi công.

Kìa xem : Ai Lao tiện đường, Vân Nam chẹn lối. Vây bọc trăm Mường, chặn ngang sáu Chiếu (5). Chênh vênh, chót vót, xanh ngần non bọc muôn trùng ; bát ngát, mênh mông, trắng xóa nước quanh một nẻo. Che cho các trấn, như thế giậu phên ; giữ vững thượng lưu, nắm phần ách yếu.

Thế rồi : Biển, nam, quát, bách, kỷ, tử, dự, chương (6). Đậu, ngô rườm rà chất đống ; dâu, gai bát ngát thành hàng. Xương, ngà, lông, da tràn miền lân cận ; vàng, bạc, châu, báu đầy chốn biên cương. Thuyền bè dây chạc, đường lối chim muông ; quan ngang khách tạm, rộn rịp người sang. Thật chỗ ấy là phủ ngoài nhà nước, nhưng là nơi muôn vật kho tàng.

Nhớ xưa : Xao xác cơ đồ, ngả nghiêng thành lũy ; nạn gặp bốn trăm, thời vừa nhuận qui (7). Hoang dâm vô độ, Xương Vương làm suy nghiệp Hán gia (8) ; yêu quí rông càn, Võ Hậu cướp ngôi Đường thị (9). Lờ mờ nhật nguyệt tối tăm, rùng rợn đất trời muốn hủy. Nghệ Hoàng vì kiêng nể bà con (10), nên thường cứ băn khoăn lo nghĩ. Kịp đến khi không biết làm sao, vùng núi mới lánh mình nơi ấy (11). Ngoài muôn dặm tay vin cây cối, những bạc phơ ngàn sợi tuyết tơ ; Hướng bảy lăng (12) đầu ngoảnh lại nhìn, luống những rỏ đôi giòng huyết lệ. Cờ thủy rung rinh trông thấy, xe ngựa tới nơi ; vương hầu rộn rịp đi theo, anh tài họp đủ. Chung ba ngàn quân lính hùng bi ; họp trăm vạn tì hưu (13) tướng sĩ. Sửa xe rồng xa giá về kinh ; bưng hồ rượu nhân dân dâng lễ. Một vẫy tay mà yêu nghiệt qui hàng ; chỉ cười nói mà hung đồ thất thế. Rửa tanh hôi, non nước thanh bình ; quét dơ bẩn, cung đình sạch sẽ. Sáng ngời nhật nguyệt giữa trời, vững chãi nghiệp vua vạn thế.

Thế mới hay : không có trấn này thì Nghệ Hoàng sao thành được công nghiệp vẻ vang ; không có Nghệ Hoàng thì trấn này sao xứng với tiếng tăm oai vệ.

Ô hô ! Than ôi ! Đường Vân Sạn (14) quanh co trăm dặm, cửa Kiếm Các (15) chót vót ngàn trùng, dù đủ cho Minh Hoàng thoát nạn (16), mà nấn ná bên non Ngọc Lũy (17), bánh xe Đường khôn dễ trở về đông ; đất Hào Lũng (18) là vùng hiểm trở, thành Lạc Dương (19) là chốn thích trung (20), dù đủ cho Bình Vương lánh gót (21), mà năm thành (22) xem ra nhỏ bé, nghiệp nhà Chu khó lấy lại Kỳ, Phong (23).

Vậy mới hay : Công lao Nghệ Hoàng, phiên trấn Thiên Hưng, kể bề tốt đẹp, trải muôn đời ai dễ sánh chung.

Bèn chắp tay cúi đầu mà ca rằng :

Hùng thay là trấn Thiên Hưng,
Một vùng án ngự Nam phương cõi bờ.
Ngàn năm dằng dặc dư đồ,
Nghệ Hoàng nhờ đức có nhờ hiểm đâu !

TRẦN LÊ SÁNG

CHÚ THÍCH :

(1) *Trấn Thiên Hưng :* trấn này trước gọi là trấn Đà Giang, sau Hồ Quí Ly đổi là trấn Thiên Hưng. Nay tương đương với khu vực gồm phía tây tỉnh Hà Tây và phía đông tỉnh Vĩnh Phú.

(2) (3) Núi Tản Viên và sông Đà, ở về phía đông trấn Thiên Hưng.

(4) Nghệ Hoàng : tức Trần Nghệ Tông 陳藝宗(1370 — 1372). Sau khi Trần Dụ Tông 陳裕宗 mất, vì không có con nên Dương Nhật Lễ 楊日禮 được lên ngôi. Dương Nhật Lễ giết Huệ Từ Thái hậu 惠慈太后 ; nhà Trần có nguy cơ mất ngôi. Em Dụ Tông là Nghệ Tông lúc đó làm Hữu tướng quốc, chạy lên mạn Đà Giang, sau về giết được Nhật Lễ, lên ngôi vua.

(5) *Sáu Chiếu :* sáu dân tộc thiểu số ở về phía nam tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

(6) *Biền, nam, quát, bách, kỷ, tự, dự, chương :* tên tám loại cây qui.

(7) *Nhuận qui :* chỉ lúc mạt vận của Dương Nhật Lễ. « Nhuận » nguyên có nghĩa là « thừa » (nhuần), tháng thừa trong một năm. Về sau chữ « nhuận » khi chỉ về ngôi vua lại có ý là coi khinh. Thí dụ : *Hán thư* 漢書 cho Vương Mãng 王莽 đời Hán là « nhuận vị » 閏位 , ý nói làm vua không thuộc giòng chính thống. Sử xưa của ta gọi nhà Hồ 胡 là Nhuận Hồ 閏胡 cũng với ý nghĩa như thế.

(8) *Xương Vương :* tức Xương Ấp Vương 昌邑王 , con Hán Vũ Đế 漢武帝 , gọi Chiêu Đế 昭帝 là bác. Chiêu Đế mất và không có con, Xương Vương lên nối ngôi, nhưng vì hoang dâm vô độ, bị thừa tướng là Hoắc Quang 霍光 phế đi. Ở đây tác giả muốn ví Xương Vương với Dụ Tông, vì Dụ Tông cũng hoang dâm vô độ, gây nên loạn Dương Nhật Lễ.

(9) *Võ Hậu :* tức Võ Tắc Thiên 武則天 , vợ Đường Cao Tông 唐高宗. Cao Tông mất, Võ Hậu cướp ngôi nhà Đường.

(10) Dương Nhật Lễ là em rể của Trần Nghệ Tông. Khi thấy Dương Nhật Lễ hoang dâm vô độ, Nghệ Tông vẫn chần chừ không dám lật ngôi. Sau Công chúa Thiên Ninh 天寧公主 và người trong họ thúc ép, ông mới phải hành động.

(11) Lúc đầu Nghệ Tông tập trung quân ở trấn Đà Giang (tức trấn Thiên Hưng).

(12) *Bảy lăng :* chỉ các lăng cũ của các vua Trần trước, những lăng này ở huyện Hưng Nhân (Thái Bình), thuộc vùng phát tích nhà Trần.

(13) *Hùng, bi, ti, hưu :* các thú rừng dữ, ở đây chỉ quân sĩ hùng mạnh.

(14) *Đường Vân Sạn :* đường cao ngất đến mây.

(15) *Cửa Kiếm Các :* một cửa khẩu ở núi Kiếm Sơn, thuộc huyện Kiếm Các.tỉnh Tứ Xuyên. Cửa khẩu này rất hiểm yếu, nó còn có tên là Kiếm Môn Quan.

(16) Đường Minh Hoàng khi trốn loạn An Lộc Sơn ẩn náu ở vùng núi Kiếm Các.

(17) *Non Ngọc Lũy :* ở huyện Quán, tỉnh Tứ Xuyên.

(18) *Đất Hào, Lũng :* là những vùng núi non hiểm trở, nằm giữa hai tỉnh Sơn Tây và Thiểm Tây.

(19) *Thành Lạc Dương :* ở tỉnh Hà Nam.

(20) *Thích trung :* vào khoảng giữa.

(21) *Bình Vương :* vua đời Chu 周 .Bình Vương bị rợ Nhung uy hiếp phải dời đô tới Lạc Dương, từ đó gọi là nhà Đông Chu.

(22) *Năm thành :* thời Bình Vương đất nhà Chu bị rợ Nhung đánh chiếm, chỉ còn năm thành.

(23) *Đất Kỳ, Phong :* hai nơi này đều thuộc tỉnh Thiểm Tây, nơi nhà Chu khai sáng cơ nghiệp. Câu này và câu trên ý nói Đường Minh Hoàng không trở về được phía đông, Chu Bình Vương không lấy lại được Kỳ Châu, nay Nghệ Tông khôi phục được nghiệp cũ, công lao hơn cả Minh Hoàng và Bình Vương.

TRẦN THUẤN DU (1)

陳舜俞

(?)

Trần Thuấn Du sinh và mất năm nào, người ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông làm chức Thông phán châu Vũ Ninh (2) dưới thời nhà Hồ (1400—1407).

Tác phẩm : hiện còn 2 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục.*

(1) VATT chép là Đoàn Thuấn Du 段舜俞 .

(2) Nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

305

寶山寺

暫承公事偶登臨，
聊把勤勞州縣心。
松蓋倚雲森武衛，
竹鎗戛玉響球琳。
江山花鳥春天地，
城郭樓臺世古今。
欲訪安陽吊塵迹，
日斜流水渺難尋。

BẢO SƠN TỰ

Tạm thừa công sự ngẫu đăng lâm,
Liêu bả cần lao châu huyện tâm.
Tùng cái ỷ vân sâm[1] * vũ vệ,
Trúc thương dát ngọc hưởng cầu lâm.
Giang sơn hoa điểu xuân thiên địa,
Thành quách lâu đài thế cổ câm (kim).
Dục phỏng An[2]* Dương điếu trần tích,
Nhật tà lưu thủy điếu nan tầm.

DỊCH NGHĨA :

CHÙA BẢO SƠN (1)

Nhân việc công, tình cờ được lên chơi chùa,
Xin gửi lại tấm lòng chăm lo công việc châu huyện của ta.
Hàng thông như lọng cao vút tận mây và san sát như vệ sĩ,
Khóm trúc như giáo cọ vào nhau tiếng kêu lanh lảnh.
Sông núi hoa chim đem mùa xuân lại cho trời đất,
Thành quách lâu đài gợi lên ý cổ kim.
Muốn đến thăm An Dương (2) để viếng dấu cũ,
Nhưng chiều tà nước chảy, mông lung khó thấy.

DỊCH THƠ :

Duyên này nhân dịp đến thăm chùa,
Gửi lại dân miền tấc dạ ta.
Thông tỏa tán mây hàng thẳng tắp,
Trúc khua sênh ngọc tiếng ngâm nga.
Lâu đài, thành quách đời bao thuở,
Sông núi, hoa chim xuân bốn mùa.
Muốn đến An Dương thăm dấu cũ,
Chiều tà nước chảy khó nhìn ra!

TRẦN LÊ SẢNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL : 羅 *la.*
2* TVTL : 潯 *tầm.*

CHÚ THÍCH :

(1) Chùa này còn có tên là Bảo Sơn Vương. Chùa ở xã Đường Hào, huyện Phù Ủng (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
(2) *An Dương* : chưa rõ nơi nào.

306

城西大隱盧口占

THÀNH TÂY ĐẠI ẨN LƯ KHẨU CHIẾM 1*

宦途四十五年身，Hoạn đồ tứ thập ngũ niên thân,
城市贏爲大隱民。Thành thị doanh vi đại ẩn dân.
竹石安排詩好景，Trúc thạch an bài thi hảo cảnh,
鳥花團占酒佳賓。Điểu hoa đoàn chiếm tửu giai tân.
衡門自有安心樂，Hành môn tự hữu an tâm lạc,
聖世何憂抱道貧。Thánh thế hà ưu bão đạo bần.
誰道趨時吾計拙，Thùy đạo xu thời ngô kế chuyết,
一閒風味儘吾仁。Nhất nhàn phong vị tẫn ngô nhân.

DỊCH NGHĨA :

VỊNH CĂN NHÀ ĐẠI ẨN (1) Ở PHÍA TÂY THÀNH (2)

Tấm thân bốn lăm năm trên đường làm quan,
Giành được tiếng là dân đại ẩn ở thành thị.
Trúc và đá sắp đặt thành cảnh đẹp cho thơ,
Chim và hoa giữ phần khách qui của tiệc rượu.
Nhà nghèo nhưng có niềm vui vì trong lòng thanh thản,
Sống ở đời thánh nhân này chả có gì đáng lo, tuy nghèo nhưng giữ được đạo.
Ai bảo ta vụng về trong mưu chước xu thời !
Phong vị một chữ nhàn là tất cả lòng nhân ta đó.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL: 占 口 *chiếm khẩu.*

CHÚ THÍCH :

(1) Đại ẩn : *Đường thư* 唐書 có câu : 小隱, 隱林泉 ; 大隱, 隱城市 . *Tiểu ẩn, ẩn lâm tuyền ; đại ẩn, ẩn thành thị* : Ẩn sĩ nhỏ, ẩn ở nơi suối ngàn ; ẩn sĩ lớn, ẩn ở nơi thành thị.

(2) Bài thơ này trong TTCGLT chép là của Nguyễn Phi Khanh 阮飛卿 ,VATT, TVTL chép là của Trần Thuấn Du.

NGUYỄN MỘNG TRANG

阮夢莊

(?)

Nguyễn Mộng Trang sinh và mất năm nào chưa rõ. Người huyện Đông Sơn 東山, Ái Châu 愛州 (1). Làm chức Nội mật viện sứ đời Trần Giản Định 陳簡定. Theo ĐVSKTT, năm 1409, Giản Định nghi Đặng Tất 鄧畢 và Nguyễn Cảnh Chân 阮景真 lộng quyền nên đã tìm cách giết đi, Nguyễn Mộng Trang và hoạn quan Nguyễn Quĩ 阮軌 có tham gia vào vụ giết người vô lý này.

Tác phẩm : hiện có 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay là huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

307

題西都城	ĐỀ TÂY ĐÔ THÀNH
策馬鏕鏕訪古城，	Sách mã ao ao phỏng cổ thành,
映湖官柳自搖青。	Ánh hồ quan liễu tự dao thanh 1*.
存亡不審苞桑計，	Tồn vong bất thẩm bao tang kế,
得失難逃月旦評。	Đắc thất nan đào nguyệt đán bình.
只是閏胡荒德政，	Chỉ thị Nhuận Hồ hoang đức chính,
休言南越乏英靈。	Hưu ngôn Nam Việt phạp anh linh.
如何借得丁公鶴，	Như hà tá đắc Đinh Công hạc,
六合翺翔試一鳴。	Lục hợp cao tường thí nhất minh.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ THÀNH TÂY ĐÔ (1)

Quất ngựa vun vút viếng tòa thành xưa,
Liễu nơi quan xá soi bóng trên hồ, phơ phất mầu xanh.
Mất, còn không xét đến cái chước bao tang (2),
Được, thua khó tránh lời bình nguyệt đán (3).
Chỉ vì nhà Nhuận Hồ bỏ bê đức chính,
Đừng nói rằng nước Nam Việt thiếu khí anh linh.
Ước gì mượn được chim hạc Đinh Công (4),
Bay liệng trên sáu cõi, thử kêu một tiếng.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : 暎 街 官 柳 自 搖 青 ánh giai quan liễu tự dao thanh ;
TVTL2 : 照 闤 官 柳 自 搖 輕 chiếu khuê quan liễu tự dao khinh.

CHÚ THÍCH :

(1) *Thành Tây Đô* : thành nhà Hồ, thuộc động An Tôn 安 尊 , phủ Thiên Xương 天 昌 (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

(2) *Bao tang* : buộc vào gốc dâu. Quẻ *Bĩ* 否 trong *Dịch Kinh* 易 經 có câu : 其 亡 其 亡 , 系 于 苞 桑 Kỳ vong kỳ vong, hệ vu bao tang : *Sẽ mất, sẽ mất, hãy buộc vào gốc dâu.* Ý nói có thể mất thì nên tính trước kế cứu vãn.

(3) *Lời bình nguyệt đán* (nguyệt đán bình) : sách *Hậu Hán thư* 後 漢 書 chép rằng anh em Hứa Thiệu 許 劭 ở Nhữ Nam hay bình luận nhân vật, hàng tháng đến ngày mồng một là mở cuộc bình luận, ngày ấy gọi là «nguyệt đán bình».

(4) *Đinh Công* : tức Đinh Linh Uy 丁 令 威 , một đạo sĩ đời Hán. Sách *Sưu thần hậu ký* 搜 神 後 記 chép rằng ông đắc đạo thành tiên, biến thành chim hạc bay về quê đậu ở cột hoa biểu.

NGUYỄN BIỂU

阮表

(? — 1413)

Nguyễn Biểu người làng Bình Hồ 平湖, huyện Chi La 重光, tỉnh Nghệ An 乂安, nay là xã Yên Hồ, tỉnh Nghệ Tĩnh. Không rõ ông sinh năm nào, chỉ biết mất năm 1413.

Nguyễn Biểu đỗ Thái học sinh cuối đời Trần và làm Điện tiền Thị ngự sử. Năm 1413, niên hiệu Trùng Quang 支羅 thứ năm, tướng Minh là Trương Phụ 張輔 đánh vào Nghệ An, vua Trùng Quang lui vào Hóa Châu, sai ông đến trại của Phụ để điều đình. Để thử tinh thần ông, Phụ thết cỗ đầu người. Nguyễn Biểu không hề run sợ, đàng hoàng ngồi ăn và nói : «Người Nam ta mà được ăn đầu người Bắc a» rồi làm một bài thơ về việc này. Sau đó, Phụ giữ ông lại. Ông giận mắng rằng : «Trong thì mưu kế đánh lấy nước người, ngoài thì phô trương là quân nhân nghĩa. Trước nói lập con cháu nhà Trần, nay lại chia đất làm quận huyện ; không những cướp bóc của cải, lại còn tàn sát lương dân, thật là quân ngược tặc». Phụ rất tức giận, sai trói ông vào chân cầu Lam để nước thủy triều dâng lên dìm chết ông. Nhân dân miền Nghệ Tĩnh lập miếu thờ, suy tôn ông là «Nghĩa Vương».

Tác phẩm còn :

— Bài họa thơ Trùng Quang tiễn ông đi sứ,

— Bài thơ «Ăn cỗ đầu người».

Tác phẩm được phụ chép trong tập thế phả họ Hoàng (1) ở Nghệ Tĩnh.

(1) Theo *Lược truyện các tác gia Việt Nam ; Tập I* của Trần Văn Giáp thì Hoàng Trừng (thế kỷ XVI) là cháu ngoại của Nguyễn Biểu, ở La Sơn, Hà Tĩnh (Nghệ Tĩnh) đã viết *Nghĩa sĩ truyện* 義士傳, trong truyện này có thơ Nguyễn Biểu, Trần Trùng Quang và vị sư chùa Yên Quốc. *Nghĩa sĩ truyện* đã được Hoàng Xuân Hãn giới thiệu trong *Thi văn Việt Nam ;* Nxb. Sông Nhị ; Hà nội, 1951. Những bài thơ văn của Nguyễn Biểu, Trần Trùng Quang, sư chùa Yên Quốc trong tập sách này, chúng tôi tham khảo sách ông Hoàng Xuân Hãn.

308

HỌA THƠ TRÙNG QUANG ĐẾ (1)

Tiếng ngọc từ vâng trước bệ hoa,
Ngóng tai đồng vọng thuở thi ca.
Đường mây gió kỵ lần lần trải,
Ải tuyết cờ mao thức thức pha (2).
Há một cung tên lồng chí trẻ,
Bội mười vàng sắt đúc gan già.
Hồ minh vả thiếu tài chuyên đối (3),
Dịch lộ ba ngàn dám ngại xa ! (4).

(1) Đầu đề do chúng tôi đặt.
(2) *Cờ mao* : cờ kết bằng lông mao, ban cho sứ giả hoặc một vị quan đi làm sứ mệnh quan trọng.
(3) Chuyên đối : sách *Luận ngữ* có câu : 使於四方不能專對 *sứ ư tứ phương bất năng chuyên đối*. Nghĩa là : đi sứ các nước, không thể một mình đối đáp. Có ý nói không có tài của một sứ thần giỏi.
(4) *Dịch lộ* : đường trạm, tức đường quan đi qua. Ba ngàn : tức ba ngàn dặm. Cả câu ý nói không ngại đường xa xôi.

309

ĂN CỖ ĐẦU NGƯỜI

Ngọc thiện trân tu đã đủ mùi (1),
Gia hào thêm có cỗ đầu người (2).
Nem công chả phượng còn thua béo,
Thịt gấu gân lân hẳn kém tươi.
Ca lối Lộc minh so cũng một, (3),
Vật bày Thỏ thủ bội hơn mười (4).
Kìa kìa ngon ngọt tày vai lợn,
Tráng sĩ như Phàn tiếng để đời (5).

(1) *Ngọc thiện trân tu*: Tiệc ngọc, món ăn quí.

(2) *Gia hào*: thức nhắm ngon.

(3) *Lộc minh*: Trong *Kinh Thi*, thơ *Lộc minh* 鹿鳴 tả việc vua đãi yến các sứ giả.

(4) *Thỏ thủ*: đầu con thỏ. Trong *Kinh Thi* thơ *Biều diệp* 瓢葉: Hữu thỏ tư thủ 有兔斯首: *có đầu thỏ ấy*, nói việc đãi yến tân khách.

(5) *Phàn*: tức Phàn Khoái 樊噲. Trong tiệc yến Hồng Môn, Hạng Võ 項羽 muốn giết Hán Cao Tổ, Khoái xông vào lấy cớ là có tiệc rượu xin rượu uống, rồi trợn mắt uy hiếp Võ. Võ phải từ bỏ ý muốn giết Hán Cao Tổ và đem cho rượu thịt; Khoái uống rượu và ăn hết một vai lợn, Võ khen là tráng sĩ! Ở đây, Nguyễn Biểu cho mình ăn đầu người cũng là tráng sĩ như Phàn Khoái.

TRẦN QUÍ KHOÁNG

陳季曠

TRẦN TRÙNG QUANG

陳重光

(? — 1414)

Trần Qui Khoáng là cháu vua Trần Nghệ Tông 陳藝宗, không rõ sinh năm nào, chỉ biết mất năm 1414.

Vào khoảng 1410, ông được Đặng Dung 鄧容 và Nguyễn Cảnh Dị 阮景異 đón vào Nghệ An tôn lên làm vua, lấy hiệu là Trùng Quang Đế 重光帝, tiếp tục cuộc kháng chiến chống quân Minh.

Năm 1413 Trương Phụ 張輔 đưa quân đánh Nghệ An, Qui Khoáng sai Nguyễn Biểu đến điều đình. Phụ giết Nguyễn Biểu, tiến đánh Hóa Châu rồi vào Thuận Hóa. Trần Qui Khoáng và tướng Đặng Dung bị Trương Phụ bắt. Trên đường giải về Minh, Trần Qui Khoáng nhảy xuống sông tự tử.

Tác phẩm: — Thơ tiễn Nguyễn Biểu đi sứ

— Văn tế Nguyễn Biểu

Đều là Nôm phụ chép trong tập thế phả họ Hoàng ở Nghệ Tĩnh (1).

(1) Xem thêm chú thích ở tiểu sử Nguyễn Biểu.

310

TIỄN NGUYỄN BIỀU ĐI SỨ

Mấy vần thơ cũ ngợi Hoàng hoa (1),
Trịnh trọng rày nhân vắng khúc ca.
Chiếu phượng (2) *mấy hàng tơ cặn kẽ,*
Vó câu nghìn dặm tuyết xông pha.
Tang bồng đã bấm lòng (3) *khi trẻ,*
Khương quế thêm cay tính tuổi già (4).
Việc nước một mai công ngõ vẹn,
Gác Lân (5) *danh tiếng dõi lâu xa.*

(1) *Hoàng hoa* : *Kinh Thi* có bài thơ *Hoàng hoàng giả hoa* 皇皇者華, làm lời vua sai tôi đi sứ.

(2) *Chiếu phượng* : tờ chiếu của vua viết trên giấy ngũ sắc hoặc trên gấm vóc bằng tơ, đặt trên đầu chim phượng mà đọc, tỏ vẻ kính trọng.

(3) *Bấm lòng* : quyết chí.

(4) *Khương quế* : Gừng quế càng già thì tính chất càng cay — ý nói tuổi tác càng già thì khí tiết càng cứng rắn.

(5) *Gác Lân* : Thời nhà Hán, lập gác Kỳ Lân vẽ hình những cộng thần để biểu dương công trạng.

311

TẾ NGUYỄN BIỀU

Than rằng :

Sinh sinh hóa hóa, cơ huyền tạo mờ mờ,
Sắc sắc không không, bụi hồng trần phơi phới (1).
Bất cộng thù, thiên địa chứng cho,
Vô cùng hận, quỉ thần thề với (2).
Nhớ thuở tiên sinh cao giơ mũ trãi (3),
Chăm chắm ở nơi đài gián, dành làm cột đá để ngăn dòng.

Tới khi Tiên sinh xa gác vó câu, hăm hăm chỉ,
Cán cờ mao, bỗng trở gió vàng bèn nên nổi (4).
Thói tinh chiên Hồ tặc chỉn hăm (5),
Gan thiết thạch Tô công dễ đổi (6).
Quan Vân Trường gặp Lữ Mông dễ sa cơ ấy,
Mảng thấy chữ «phệ tề hà cập» dạ những ngùi ngùi (7).
Lưu Huyền Đức giận Lục Tốn, mong trả thù này ,
Nghĩ đến câu «thường đảm bất vong», lòng thêm dọi dọi (8).
Sầu kia khôn lấp cạn dòng,
Thảm nọ dễ xây nên núi.
Lấy chi báo chưng hậu đức, rượu kim tương một lọ,
Vơi vơi mượn chuốc ba tuần (9).
Lấy chi ủy thửa phương hồn, văn dụ tế (10) *mấy câu,*
Thăm thẳm ngõ thông chín suối .

CHÚ THÍCH :

(1) *Cơ huyền tạo* : máy tạo hóa mầu nhiệm.
Sắc không : theo sách Phật, sắc chỉ mọi vật có hình có tướng; không là trống rỗng, vượt ra ngoài các vật có hình có tướng.

(2) Thù không đội trời chung.

(3) *Mũ trãi* : mũ có thêu hình con giải trãi, tương truyền là một loài thú biết phân biệt phải trái, chính tà. Tức mũ chức Ngự sử, khi tiết ngay thẳng không tây vị, thiên lệch.

(4) *Cờ mao* : cờ vua ban để đi làm sứ.
Gió vàng : Gió mùa thu, nhắc việc Nguyễn Biểu bị giết vào đầu tháng 7 âm lịch đã sang thu.

(5) *Tinh chiên* : hôi tanh ; chỉn hăm : chỉ hòng làm hại. Cả câu : Giặc Hồ hôi tanh chỉ hòng làm hại.

(6) *Tô công* : tức Tô Vũ 蘇武 . Thời nhà Hán, Tô Vũ đi sứ Hung Nô bị giữ lại 19 năm, vẫn bền gan như sắt đá.

(7) *Phệ tề hà cập* : ăn năn sao kịp. Quan Vân Trường đời Thục Hán sa cơ bị tướng Đông Ngô là Lữ Mộng bắt nên bị hại.

(8) *Lưu Bị* 劉備 giận *Lục Tốn* 陸遜 giúp Lữ Mông 呂蒙 đánh phá quân Thục Hán 蜀漢 cũng như Trần Trùng Quang giận Trương Phụ giết Nguyễn Biểu.
Thường đảm bất vong : nếm mật đắng không quên, ý nói quyết tâm đánh địch trả thù, giống Việt Câu Tiễn nếm mật nằm gai quyết chí đánh bại Ngô Phù Sai.

(9) *Kim tương ba tuần* : Ba lần rót rượu qui để tế.

(10) *Văn dụ tế* : Bài văn làm lời vua, tế một vị quan có công hoặc được vua yêu qui.

SƯ CHÙA YÊN QUỐC

Không rõ tên họ, quê quán, năm sinh năm mất ; chỉ biết vào năm 1413, nhà sư rất cảm kích trước sự hy sinh oanh liệt của Nguyễn Biểu, một nghĩa sĩ chống Minh cuối thời Trần, đã làm một bài cầu siêu cho người anh hùng chống giặc ấy.

Tác phẩm : còn một bài thơ còn chép trong tập thế phả họ Hoàng ở Nghệ Tĩnh (1).

(1) Xem thêm chú thích ở phần tiểu sử Nguyễn Biểu.

312

CẦU SIÊU CHO NGUYỄN BIỂU

Chói chói một vừng tuệ nhật,
Đùn đùn mấy đóa tử vân (1).
Tam giới soi hòa trên dưới,
Thập phương trải khắp xa gần (2).
Giải thoát lần lần nghiệp chướng,
Quang khai chốn chốn mê tân (3).
Trần quốc xảy vừa mạt tạo (4),
Sứ Hoa bỗng có trung thần.
Vàng đúc lòng son một tấm,
Sắt rèn tiết cứng mười phân.

Trần kiếp vì đâu oan khổ,
Phương hồn đến nỗi trầm luân !
Tế độ dặn nhờ từ phiệt (5),
Chân linh ngõ được phúc thần (6).

CHÚ THÍCH :

(1) *Tuệ nhật, từ vân :* trí tuệ của nhà Phật sáng như mặt trời ; đức lành của nhà Phật rộng lớn như tầng mây.

(2) *Tam giới* : ba cõi ở của những người đã trừ bỏ được *dục giới, sắc giới* và *vô sắc giới.* Thập phương : mười phương, tức mọi nguồn ở khắp nơi.

(3) *Nghiệp chướng* : chỉ tội ác làm ở kiếp trước, gây chướng nghiệp cho kiếp sau. *Mê tân* : Bến mê, khiến người đời mê đắm không còn sáng suốt.

(4) *Mạt tạo :* Cuối đời, cuối vận.

(5) *Từ phiệt* : bè từ, tức bè của Phật đi cứu người trầm luân.

(6) *Chân linh* : tinh thần thiêng liêng có thực ; phúc thần : danh nhân sau khi chết được thờ làm thần.

ĐẶNG DUNG
鄧容
(?)

Đặng Dung là con của Đặng Tất 鄧悉, chưa biết ông sinh và mất năm nào; chỉ biết người làng Tả Thiên Lộc 左天祿, huyện Phỉ Lộc 匪祿 (1).

Giận vì cha mình bị Giản Định 簡定 giết oan, ông đem quân từ Thuận Hóa về Thanh Hóa, tôn Trần Quý Khoáng 陳季曠 lên làm vua và bản thân ông được giữ chức Đồng bình chương sự.

Trong khoảng 5 năm giúp Trần Quý Khoáng, ông đã nhiều lần trực tiếp chiến đấu với quân Minh. Một đêm tháng 9 năm Quý tỵ (1413), Đặng Dung đánh úp doanh trại của tướng giặc là Trương Phụ 張輔, đốt phá nhiều thuyền bè khí giới, và nhảy lên thuyền định bắt sống Trương Phụ. Nhưng vì ban đêm, nhìn không rõ mặt, nên Phụ đã trốn thoát được. Sau đó, ông bị quân Minh bắt đưa về Yên Kinh.

Tác phẩm: hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Hiện nay là huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh.

313

感懷

世事悠悠奈老何，
無窮天地入酣歌。
時來屠釣成功易，
運去英雄飲恨多。
致主有懷扶地軸，
洗兵無路挽天河。
國讐未報頭先白，
幾度龍泉戴月磨。

CẢM HOÀI

Thế sự 1* du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm 2* ca.
Thời lai đồ điếu thành công dị,
Vận 3* khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chúa hữu hoài 4* phù địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên 5* bạch,
Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

DỊCH NGHĨA :

CẢM HOÀI

Việc đời dằng dặc, khốn nỗi mình đã già !
Trời đất mênh mông chỉ thu vào cuộc hát say.
Gặp thời, bọn hàng thịt, đi câu cũng dễ thành công (1),
Lỡ vận rồi, người anh hùng nuốt nhiều tủi hận.
Giúp vua, có lòng định đỡ trục đất,
Rửa gươm, tiếc không đường kéo nổi sông Ngân.
Nợ nước chưa đền đầu đã sớm bạc,
Luống tiếc bao phen mài gươm Long Tuyền (3) dưới bóng trăng (4).

DỊCH THƠ :

Việc thế lôi thôi tuổi tác này,
Mênh mông trời đất hát và say.
Gặp thời đồ điếu thừa nên việc,
Lỡ vận anh hùng luống nuốt cay.
Giúp chúa những lăm giằng cốt đất,
Rửa dòng không thể vén sông mây.
Quốc thù chưa trả già sao vội,
Dưới nguyệt mài gươm đã bấy chầy.

PHAN VÕ
(HTTVVN)

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 路 *lộ.*
2* TVTL2, TVTL3 : 酬 *thù.*
3* TVTL1 : 爭 *sự.*
4* TVTL2, TVTL3 : 心 *tâm.*
5* TVTL2 : 將 *tương.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Bọn hàng thịt câu cá* (đồ điếu) : đời Hán, Phàn Khoái 樊噲 làm nghề thịt chó, Hàn Tín 韓信 làm nghề câu cá, cả hai người về sau đều giúp Lưu Bang 劉邦 phá Tần diệt Sở.

(2) Câu này lấy ý từ hai câu thơ trong bài *Tẩy binh mã* của Đỗ Phủ ;

安得壯士挽銀河 An đắc tráng sĩ vãn Ngân Hà

淨洗甲兵長不用 Tịnh tẩy giáp binh trường bất dụng

Ước gì có được người tráng sĩ kéo sông Ngân Hà

Rửa sạch giáp binh để mãi mãi không dùng đến nữa.

(3) *Long Tuyền* : tên một loại gươm báu thời xưa.

(4) Lý Tử Tấn 李子晋 phê bình bài thơ này là 非豪傑之士不能 Phi hào kiệt chi sĩ bất năng : *Nếu không phải là kẻ sĩ hào kiệt, không thể làm được bài thơ này.*

LÊ CẢNH TUÂN

黎景詢

(? — 1416 ?)

Lê Cảnh Tuân tên chữ là Tử Mưu 子謀, hiệu là Tỉnh Trai 省齋, người làng Mộ Trạch 慕澤, huyện Đường An 唐安(1) (nguyên trước ở làng Lão Lạt 老辣 phủ Thanh Hóa). Không rõ ông sinh năm nào. Lê Cảnh Tuân đỗ Thái học sinh vào năm Canh thìn (1400), dưới triều Hồ.

Năm 1406, nhà Minh mượn cớ «phù Trần diệt Hồ» sang xâm lược nước ta.

Tháng 10 năm Đinh hợi (1407), Cảnh Tuân gửi cho Bùi Bá Kỳ (2) bức *Vạn ngôn thư* 萬言書 (bức thư muôn lời). Không may, bức thư bị quân giặc bắt được. Chúng tìm bắt Lê Cảnh Tuân, nhưng ông đã trốn đi xa.

Mấy năm sau, người Minh lập các nhà dạy học ở kinh đô nước ta. Lê Cảnh Tuân cải trang làm một người đến chơi kinh đô, rồi nhận chức dạy học ở đây để tiện dò xét tình hình và dự định sẽ tham gia vào một tổ chức đánh đuổi quân Minh giành lại quyền tự chủ cho đất nước. Nhưng năm Tân mão (1411), quân Minh phát hiện ra ông chính là tác giả bức *Vạn ngôn thư* và bắt ông đưa về Yên Kinh. Vua Minh hỏi ông: «Ngươi khuyên Bá Kỳ làm phản là cớ sao ?» Lê Cảnh Tuân nói: «Người nước Nam mong nước Nam còn, hỏi mà làm gì ?» Vua Minh tức giận, sai giam ông vào ngục Kim Lăng. Theo ĐVSKTT, thì ông đã chết ở trong ngục 5 năm sau đó (3).

Tác phẩm: Bức *Vạn ngôn thư* đã mất (4). Hiện chỉ còn lại 12 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Huyện Đường An nay là huyện Bình Giang thuộc tỉnh Hải Hưng.

(2) Bùi Bá Kỳ là cựu thần nhà Trần. Khi Hồ Quý Ly làm vua, Bá Kỳ chạy sang cầu cứu nhà Minh diệt nhà Hồ. Quân Minh sang xâm lược nước ta có đem Bùi Bá Kỳ về, cho làm quan. Lê Cảnh Tuân nguyên là bạn của Bùi Bá Kỳ, nên gửi thư cho Bùi.

(3) Năm Tân mão (1411) Lê Cảnh Tuân bị bắt, và 5 năm sau thì mất, do đó năm mất có thể là khoảng năm 1416?

(4) Trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目; quyển 12, có chép bức *Vạn ngôn thư*; Dương Quảng Hàm dịch (đại lược) trong *Việt Nam Văn học sử yếu*; Nxb Nha Học chính Đông Pháp; Hà Nội, 1943; song nhiều chứng cớ cho thấy đây chỉ là bài do người sau viết ra.

314

春日喜晴

淋漓一雨便經旬，
剩喜今朝霽色新。
日麗風輕增氣象，
山青水綠倍精神。
長空湛湛無餘景，
四海熙熙共一春。
風物滿前吟興足，
騷翁從此賞芳辰。

XUÂN NHẬT HỶ TÌNH

Lâm ly nhất vũ tiện kinh tuần,
Thặng hỉ kim triêu tễ sắc tân.
Nhật lệ phong khinh tăng khí tượng,
Sơn thanh thủy lục bội tinh thần,
Trường không trạm trạm vô dư cảnh,
Tứ hải hy hy cộng nhất xuân.
Phong vật mãn tiền ngâm hứng túc,
Tao ông tòng [1*] thử thưởng phương thần[2*].

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN MỪNG TRỜI TẠNH NẮNG

Trận mưa dầm kéo suốt mươi ngày,
Sáng nay mừng thấy tạnh ráo mới mẻ.
Mặt trời đẹp, gió nhẹ, làm tăng thêm cảnh sắc,
Non xanh nước biếc phấn chấn tinh thần.
Bầu trời trong trẻo không gợn cảnh gì khác,
Bốn biển hài hòa chung một màu xuân.
Cảnh vật đầy trước mắt, thỏa hứng ngâm nga,
Từ bữa nay nhà thơ được thưởng thức tiết trời thơm tho.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 知 *tri*.
2* TTCGLT : 時 *thì*.

315

無意

VÔ Ý [1*]

無意於知便見知，
此生行止豈人爲。
身雖老矣志仍在，
義有當然死不辭。
躡磴捫蘿更萬險，
上灘下瀨涉千危。
四方自是男兒事，
踏遍江山也一奇。

Vô ý ư tri tiện kiến tri,
Thử sinh hành chỉ khởi nhân vi [2*],
Thân [3*] tuy lão hỹ chi nhưng tại [4*],
Nghĩa hữu đương nhiên tử bất ti (từ).
Nhiếp đẳng môn la canh vạn hiểm,
Thượng than hạ lại thiệp thiên nguy.
Tứ phương tự thị nam nhi sự [5*],
Đạp biến giang sơn dã [6*] nhất kỳ.

DỊCH NGHĨA :

VÔ Ý

Không để tâm đến cái biết thì lại hóa biết,
Trong kiếp này, ra giúp đời hay ở ẩn đâu phải người định được!
Thân dẫu già, chí hướng vẫn còn vững,
Việc nghĩa phải làm, dù chết chẳng chối từ.
Leo dốc đá, níu dây rừng, muôn trùng hiểm trở,
Lúc lên thác, khi xuống ghềnh, ngàn nỗi gian nguy.
Ngang dọc bốn phương chính là sự nghiệp của kẻ làm trai,
Được dạo khắp non sông cũng là một việc hiếm có.

DỊCH THƠ :

Tri ngộ thờ ơ chẳng ý gì,
Dễ ai ngăn đứng lại ngừa đi.
Tới già lòng đỏ còn nguyên vậy,
Đương nghĩa thần vàng dám tiếc chi.
Gai góc xông pha ghê nỗi hiểm,
Thác ghềnh lên xuống trải cơn nguy.
Cung tên trắng nợ làm trai phải,
Tuyết khắp non sông mới gọi kỳ.

ĐINH VĂN CHẤP
(*Nam phong*; số 116 ; 1927)

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 當意 *đương ý.*
2* TTCGLT : 知 *tri.*
3* TVTL2 : TVTL3 : 人 *nhân.*
4* TVTL2 : 心猶壯 *tâm do tráng.*
TVTL3, HVTT, MĐT : 心仍壯 *tâm nhưng tráng.*
5* HVTT, MĐT : 志 *chí.*
6* TVTL2, TVTL3 : 地 *địa.*

316

舟中詠懷

CHU TRUNG VỊNH HOÀI

滿眼青山又綠波，　Mãn nhãn thanh xuân hựu lục ba,
遙遙萬里赴京華。　Dao dao vạn lý phó kinh hoa.
已堪斥鷃槍枋足，　Dĩ kham xích án thương phương túc,
豈謂烏公以禮羅！　Khởi vị Ô Công dĩ lễ la !
今日聖朝真有道？　Kim nhật thánh triều chân hữu đạo ?
此生浪迹豈無家？　Thử sinh lãng tích khởi vô gia ?
青春作伴還鄉好，　Thanh xuân tác bạn[1*] hoàn hương hảo.
所得於天亦已多。　Sở đắc ư thiên diệc dĩ đa !

DỊCH NGHĨA :

VỊNH NỖI LÒNG KHI Ở TRONG THUYỀN

Đầy trước mắt cảnh non xanh, nước biếc.
Từ xa xôi muôn dặm đi tới kinh đô.
Phận chim xích án, bay lên được ngọn cây phương là đủ (1),
Đâu như việc Ô Công, dùng lễ làm lưới bắt người ! (2)
Ngày nay thánh triều nếu thật có đạo,
Sao kiếp này đi lang thang, không nơi nương tựa ?
Tuổi thanh xuân đã làm bạn cùng quê hương, thế là tốt,
Trời ban phúc cho ta cũng đã nhiều rồi.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : Trước chữ 作伴 *tác bạn* còn thêm chữ 有 *hữu*, và trở thành câu có 8 chữ ; TVTL2, TVTL3 : 伴我 *bạn ngã*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Xích án* : Loại chim nhỏ, không bay được cao, chuyên sống những vùng đầm lầy.
Phương : Cây Tô phương, một loại cây thấp, thường mọc ở ven hải đảo.
Bài *Tiêu dao du* 逍遙遊 sách *Trang tử* 莊子 có đoạn nói, ở biển bắc có chim bằng dài đến mấy ngàn dặm, phủ kín bầu trời, và có thể bay một mạch từ biển bắc xuống biển nam. Nghe vậy chim xích án cười chim bằng và nói, ta vút nhảy mà bay lên, không quá vài nhận rồi xuống, thì cũng là bay chí cực rồi.
Ý của đoạn này là chê những kẻ tầm thường tự thỏa mãn với những hành động nhỏ mọn. Nhưng Lê Cảnh Tuân đã dùng điển này với một ý khác hơn. Ở đây ông tự khiêm tốn cho mình như lũ chim nhỏ không bay được cao.

(2) Hàn Dũ, *Tống Ôn xử sĩ phó Hà dương quân tự* : Ô Công làm quan, biết Thạch Sinh có tài, tìm cách bắt Thạch về làm việc với mình. Ở đây, Lê Cảnh Tuân ám chỉ việc mình bị quân Minh bắt.

317

先祖忌日有感

TIÊN TỔ KỴ NHẬT HỮU CẢM 1*

不才承重不勝任，　Bất tài thừa trọng bất thăng nhâm.
浪蹟無家八載今。　Lãng tích vô gia 2* bát tải câm (kim),
鬱鬱幾時仍作客，　Uất uất kỷ thời 3* nhưng tác khách,
悽悽此日倍傷心。　Thê thê thử nhật bội thương tâm.
左江丘壠寒霜積，　Tả Giang khâu 4* lũng hàn sương tích,
澤水先廬蔓草深。　Trạch Thủy tiên lư mạn thảo 5* thâm.
蘋藻若爲供菲奠，　Tần tảo nhược vi cung phỉ điện 6*,
松楸回首暮雲沈。　Tùng thu hồi thủ mộ vân trầm.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC NHÂN NGÀY GIỖ TỔ TIÊN

Kẻ bất tài này đâu dám đảm đương gánh nặng,
Lang thang không nhà đã tám năm ròng.
Bấy lâu ngậm ngùi vẫn làm khách phương xa,
Buổi nay ảm đạm, càng thêm đau lòng.

Mồ mả tổ tiên ở Tả Giang, sương lạnh chất chứa,
Ngôi nhà của ông cha ở Trạch Thủy cây cỏ mọc đầy.
Rau tần rau tảo (1) nếu có thể làm được để cúng đạm bạc,
Ngoảnh trông bãi tùng thu, chỉ thấy nặng trĩu mây chiều (2).

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : Sau chữ 感 *cảm* có thêm chữ 作 *tác* ; MĐT : Chép đầu đề bài thơ là 感作 *cảm tác.*
2* TVTL2, TVTL3 :當家 *đương gia.*
3* TVTL2, TVTL3 : 辰 *thần* (Đây là chép tránh chữ thời 時 một chữ húy của nhà Nguyễn).
4* TVTL2 : 上 *thượng.*
5* TTCGLT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 :草蔓 *thảo mạn.*
6* MĐT : Chép cả câu là 獨許高是將藁莫 *Độc tố cao mân tương tảo diện.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Rau tần rau tảo* : hai loại rau người xưa hay dùng để cúng tế.
(2) *Tùng thu* : loại cây thường trồng ở các bãi tha ma, mộ địa. Do đó người xưa hay dùng hai chữ «Tùng thu» để chỉ nơi có mồ mả tổ tiên.

318

南海縣胥江驛夜泊

NAM HẢI HUYỆN 1* TƯ GIANG DỊCH DẠ BẠC

行止何心任坎流，
飄飄不定此生浮。
百年身世雙蓬鬢，
萬里關河一葉舟。
趙武逢時伸壯志，
伍員無處售忠謀。
那堪南海胥江泊，
懷古情懷動客愁。

Hành chỉ hà tâm, nhậm 2* khảm lưu,
Phiêu dao 3* bất định thử sinh phù.
Bách niên thân thế song bồng mấn,
Vạn lý quan hà 4* nhất diệp chu.
Triệu Vũ phùng 5* thời 6* thân tráng chí,
Ngũ Viên vô xứ 7* thụ 8* trung mưu.
Na kham Nam Hải Tư Giang bạc !
Hoài 9* cổ tình hoài động khách sầu.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM DỪNG THUYỀN Ở TRẠM TƯ GIANG HUYỆN NAM HẢI

Chuyện giúp đời hay đi ở ẩn, mặc dòng nước trôi, còn lòng nào nghĩ đến,
Cuộc đời trôi nổi này lênh đênh bất định.
Thân thể trăm năm, hai mái tóc rối như cỏ bồng,
Quan hà muôn dặm, một lá thuyền con.
Triệu Võ gặp thời thi thố được chí lớn (2),
Ngũ Viên không nơi thực hiện mưu trung của mình (3).
Khôn xiết nỗi lúc dừng thuyền ở trạm Tư Giang huyện Nam Hải !
Lòng hoài cổ gợi lên mối sầu của kẻ xa nhà.

KHẢO ĐÍNH :

1* MĐT : Đầu đề bài thơ không có ba chữ 南海縣 *Nam Hải huyện.*
2* TVTL2, TVTL3 : 用 *dụng*
3* TVTL2, TVTL3, MĐT : 飄飄 *phiêu phiêu.*
4* TVTL2, TVTL3 : 江山 *giang sơn.*
5* MĐT : 幾 *kỷ.*
6* TVTL2, TVTL3 : 辰 *thần.*
7* TTCGLT : 無處 *vô lự* ; TVTL2, TVTL3 : 當處 *đương xứ*
8* TVTL3 : 隻 *chích.*
9* MĐT : 訪 *phỏng*

CHÚ THÍCH :

(1) Huyện Nam Hải : thuộc tỉnh Giang Đông. Có lẽ bài thơ này Lê Cảnh Tuân làm lúc bị bắt sang Yên Kinh.

(2) *Triệu Võ* : Tức Triệu Mạnh 趙孟, người nước Tấn thời Xuân Thu. Được vua Tấn Bình Công 晉平公 yêu dùng, Triệu Võ ra sức giúp nước Tấn cường thịnh, khuất phục được các chư hầu.

(3) *Ngũ Viên* : Tức Ngũ Tử Tư 伍子胥, người nước Sở thời Xuân Thu, làm quan nước Ngô. Tử Tư nhiều lần khuyên can vua Phù Sai 夫差 nước Ngô không nên hòa với Câu Tiễn 勾踐. Phù Sai chẳng những không nghe, cuối cùng còn giết Tử Tư. Quả nhiên, chín năm sau nước Ngô bị Câu Tiễn diệt.

319

過南昌府滕王閣故址

江山如此一開顏，
遺構傾欹不可攀！
雨捲珠簾空捲去；
雲飛畫棟自飛還。
陵遷谷變寒沙上，
古往今來落照間。
當日繁華何處在？
依然南浦對西山。

QUÁ NAM XƯƠNG PHỦ [1*] ĐẰNG VƯƠNG CÁC CỐ CHỈ [2*]

Giang sơn như thử nhất khai nhan [3*],
Di cấu khuynh y [4*] bất khả phan.
Vũ quyển châu liêm không[5*] quyển khứ,
Vân phi họa đống tự [6*] phi hoàn.
Lăng thiên cốc [7*] biến hàn sa thượng,
Cổ vãng kim lai lạc chiếu [9*] gian.
Đương nhật phồn hoa hà xứ tại ?
Y nhiên Nam Phố đối Tây San [10*].

DỊCH NGHĨA :

QUA NỀN CŨ ĐẰNG VƯƠNG CÁC (1) Ở PHỦ NAM XƯƠNG

Giang sơn thế này đã từng một phen mở mặt,
Nay nếp kiến trúc cũ đã xiêu đổ không thể vin lại được nữa.
«Mưa cuốn rèm châu» nay đà cuốn sạch,
«Mây bay cột vẽ» giờ lại bay về (2).
Gò đồi, hang thay trên bãi cát lạnh,
Xưa qua, nay lại trong ánh chiều buông.
Cảnh phồn hoa ngày ấy nay ở đâu ?
Chỉ còn trơ lại Nam Phố đối diện với Tây Sơn (3).

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 縣 *huyện.*
2* TTCGLT : Sau chữ 址 *chỉ,* có chữ 作 *tác* ; MĐT chép đầu đề bài thơ là 過 滕 王 閣 *Quá Đằng Vương các.*
3* MĐT : Cả câu 1 là : 長 江 波 影 撼 欄 干 *Trường Giang ba ảnh hám lan can.*
4* TTCGLT, TVTL3 : 遺 構 傾 歌 *Di cấu khuynh ca* ; MĐT : 高 閣 傾 歌 *Cao các khuynh ca.*
5* MĐT : 朝 *triều.*
6* MĐT : 暮 *mộ.*
7* TVTL3 : 容 *dung.*
8* TVTL3 : 嘲 *điều.*
9* TVTL3 : 照 落 *chiếu lạc.*

10* MĐT : chép bốn câu sau cùng là :

星移物換流舟外,	Tinh di vật hoán lưu chu ngoại,
鳳起蛟騰落照間。	Phượng khởi giao đằng lạc chiếu gian.
滿目繁華何處是,	Mãn mục phồn hoa hà xứ thị ?
依依霞鶩此江山。	Y y hà vụ thử giang san.

CHÚ THÍCH :

(1) *Đằng Vương các* : Một lầu gác lớn do Nguyên Anh 元嬰, tước Đằng Vương, con của Đường Cao Tổ 唐高祖, xây dựng ở phủ Nam Xương (tỉnh Giang Tây).

(2) (3) Câu thơ thứ 3, 4 và 8 là lấy ý từ hai câu sau đây ở cuối bài *Đằng Vương các tự* 滕王閣序 của Vương Bột 王勃 :

畫棟朝飛南浦雲,	Họa đống triêu phi Nam Phố vân,
珠簾暮捲西山雨。	Châu liêm mộ quyển Tây Sơn vũ.

Buổi sớm mây Nam Phố bay trên cột vẽ,

Buổi chiều mưa Tây Sơn cuốn bức rèm châu.

Hai câu thơ này tả nếp kiến trúc nguy nga và khung cảnh thơ mộng nơi lầu gác của Đằng Vương.

320

江中逢立春日

行色蒼茫歲正闌,
蕭蕭風雪別離間。
山重水復客程遠,
冬盡春生天道還。
萬事無心隨節變,
此生任運更誰班。
鳳城二月華如海,
準擬韶光一破顏。

GIANG TRUNG PHÙNG LẬP XUÂN NHẬT 1*

Hành sắc thương mang 2* tuế chính lan,
Tiêu tiêu phong tuyết biệt ly gian.
Sơn trùng thủy phục khách trình viễn,
Đông tận xuân sinh thiên đạo hoàn.
Vạn sự vô tâm tùy tiết biến,
Thử sinh 4* nhâm vận 5* cánh thùy ban 6*.
Phượng 7* thành nhị nguyệt hoa 8* như hải,
Chuẩn nghĩ thiều quang nhất phá 9* nhan.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN SÔNG GẶP NGÀY LẬP XUÂN (1)

Cảnh đi đường mịt mờ, năm cũ đang tàn,
Gió tuyết xào xạc trong lúc biệt ly.
Núi sông trùng điệp, đường khách xa xăm,
Đông qua xuân tới, đạo trời vần xoay.
Muôn việc hững hờ qua, theo thời tiết thay đổi,
Kiếp này phó mặc số phận, nào ai xếp đặt nên.
Tháng hai ở phượng thành (3), hoa nhiều như biển,
Chắc hẳn ánh xuân sẽ làm tươi nét mặt.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : Sau chữ 日 *nhật*, có thêm chữ 作 *tác*.
2* TVTL1, TVTL3 : 蒼花 *thương mang*, TVTL2 : 蒼忙 *thương mang*, MĐT : 匆忙 *thông mang*.
3* MĐT : 心 *tâm*.
4* TVTL2 : 運用 *vận dụng*, TVTL3 : 用運 *dụng vận*.
5* TVTL2 : 難 *nan*.
6* TTCGLT, TVTL2, TVTL3, MĐT : 慳 *kiên*.
7* TTCGLT : 風 *phong*.
8* MĐT : 春 *xuân*.
9* TVTL1, TVTL2 : 過 *quá* ; TVTL3 : 遇 *ngộ*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Ngày lập xuân* : Ngày báo hiệu mùa xuân đến, thường vào khoảng mồng 4 hoặc 5 tháng 2 dương lịch.

(2) *Phượng thành* : Danh từ chỉ kinh đô. Ở bài này có thể là chỉ kinh đô của nhà Minh.

321

至日書懷

CHÍ NHẬT [1*] THƯ HOÀI

歲月匆匆還至日，
飄零鬱鬱只窮愁。
滿前風雪難禁得，
何處親朋更可求？
清夢三更頻斷續；
虛生半世足沈浮。
陽回便是乾坤泰，
未合明時一虜囚。

Tuế nguyệt thông thông hoàn chí nhật[2*],
Phiêu linh [3*] uất uất chỉ cùng sầu.
Mãn tiền phong tuyết nan câm đắc [4*],
Hà xứ thân bằng cánh khả cầu [5*].
Thanh mộng tam canh tần đoạn tục,
Hư sinh [6*] bán thế túc [7*] trầm phù [8*].
Dương hồi tiện thị càn khôn thái [9*],
Vị [10*] hợp minh thời [11*] nhất lỗ [12*] tù [13*].

DỊCH NGHĨA :

GHI NỖI LÒNG TRONG NGÀY CHÍ NHẬT (1)

Năm tháng vùn vụt, lại đến ngày chí nhật,
Cảnh trôi dạt uất ức, những da diết buồn !
Phía trước đầy gió tuyết, khôn nỗi cầm lòng !
Nơi nào còn bà con bạn hữu, để cố tìm kiếm ?
Giấc mộng đẹp đêm khuya, luôn luôn đứt nối,
Cuộc sống hão nửa đời, đầy sự nổi chìm.
Khi dương về, trời đất sáng sủa,
Tấm thân tù thực không hợp với thời thịnh !

KHẢO ĐÍNH :

1* MĐT : 冬至 *đông chí.*
2* MĐT : 駸駸逢好節 *xâm xâm phùng hảo tiết.*
3* MĐT : 心眉 *tâm mi.*
4* MĐT : 瘦 *sầu.*
5* MĐT : Chép cả câu 幾是親朋合與遊 *Kỷ thị thân bằng hợp dữ du.*
6* TVTL1, TVTL2, TVTT3, MĐT : 名 *danh.*
7* TVTL2 : 即 *tức.* ; MĐT : 只 *chỉ.*
8* TVTL1 : 浮沈 *phù trầm.*

9* MĐT : cả câu : 陽回想得與周日 *Dương hồi tưởng đắc hưng chu nhật.*
10* TVTL1 : 來 *lai.*
11* TVTL2 : 好辰 *hảo thần* ; TVTL3 : 如辰 *như thần.*
12* TTCGLT : 慮 *lự.*
13* MĐT : Cả câu : 道起明夷美里因 *Đạo khởi minh di dĩu lý tù.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Chí nhật* : Theo chú thích ở *Dịch kinh* 易經, ngày hạ chí và đông chí đều gọi là «chí nhật». Và theo cảnh vật trong bài thơ này thì đây là ngày đông chí.

322

贛州江中逢先妣忌日	CỐNG CHÂU GIANG TRUNG PHÙNG TIÊN TỈ KỴ NHẬT 1*
一從避地遥先壠,	Nhất tòng tị địa 2* giao tiên lũng 3*,
奄忽今朝又忌辰。	Yêm hốt kim triêu hựu kỵ 4* thần 5*.
霜露孝思空在念,	Sương lộ 6* hiếu tư không tại niệm,
蘋蘩薄奠更誰因。	Tần phồn bạc điện 7* cánh thùy 8* nhân.
八千里路他鄉客,	Bát thiên lý lộ tha hương khách,
四十五年無母身。	Tứ thập ngũ niên vô mẫu thân 9*.
心析此時禁不得,	Tâm tích 10* thử thời 11* câm 12* bất đắc 13*,
臨風洒淚倍傷神!	Lâm phong sái lệ bội thương thần !

DỊCH NGHĨA :

THUYỀN ĐI TRÊN SÔNG Ở CỐNG CHÂU (1) GẶP NGÀY GIỖ MẸ

Từ khi sang đất khác, xa cách mồ mả tổ tiên,
Thấm thoắt hôm nay lại đến ngày giỗ.
Nỗi lo đạo hiếu trước làn móc sương (2) đành để trong lòng,
Chốn quê ai thay dâng lễ mọn rau cỏ (3).
Xa tám ngàn dặm, làm khách quê người,
Tròn bốn lăm năm, tấm thân không mẹ.
Lòng đau xé, lúc này không cầm lại được,
Trước gió rơi lệ, tinh thần thêm đau !

ĐỊCH THƠ :

Đất lạ long đong, mộ mẹ xa,
Lại thêm tiết giỗ bỏ trôi qua.
Thảo thơm chốn cũ ai hương khói,
Hiếu đễ quê người dạ xót xa.
Bốn chục năm dư đời thiếu mẹ,
Tám ngàn dặm chẵn khách không nhà.
Nỗi đau xé ruột khôn cầm được,
Trước gió tuôn rơi lệ ướt nhòa !

TIÊN SƠN

KHẢO ĐÍNH :

1* MĐT : Chép đầu đề : 贛州江中遭諱日感作 *Cống Châu giang trung tao húy nhật cảm tác.*
2* TTCGLT : 北 *bắc.*
3* TTCGLT : 違先壠 *vi tiên lũng ;* TVTL2 : 建先墳 *kiến tiên phần ;* TVTL3 : 見先墳 *kiến tiên phần ;* MĐT : 遠先墳 *viễn tiên phần.*
4* MĐT : 諱 *húy.*
5* TTCGLT : 時 *thời.*
6* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 霧 *vụ.*
7* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 味 *vị ;* MĐT : 況 *huống.*
8* MĐT : 難 *nan.*
9* TTCGLT, TVTL2 : 親 *thân.*
10* TVTL2, TVTL3 : 折 *chiết.*
11* TVTL2, TVTL3 : 辰 *thần ;* MĐT : 回 *hồi.*
12* TVTL2, TVTL3 : 難 *nan.*
13* MĐT : 著 *trứ.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Cống Châu* : Tên một phủ ở tỉnh Giang Tây. Đây là một bài thơ làm trong lúc Lê Cảnh Tuân bị quân Minh bắt giải về Kim Lăng.

(2) *Nỗi lo đạo hiếu trước làn móc sương* (Sương lộ hiếu tư) : Theo *Kinh Lễ* 禮經, khi sương mùa xuân, móc mùa thu rơi xuống, người quân tử giẫm phải thì trong lòng thấy lo sợ bàng hoàng. Vì giẫm phải sương móc như vậy sẽ có thể tổn thương cho thân thể hoặc chân tay của mình. Người làm con mà để cho thân thể mình bị hủy hoại hoặc suy giảm thì cũng là một điều bất hiếu lớn đối với cha mẹ.

(3) *Lễ mọn rau cỏ* : Dịch ý hai chữ «tần» và «phồn». Theo bài *Thái tần thái phồn* 采蘋采蘩 trong *Thi kinh* 詩經, tần và phồn là hai loại rau người đời xưa dùng để cúng tế.

323

元日

NGUYÊN NHẬT

旅館客仍在，　Lữ quán khách nhưng tại,
去年春復來。　Khứ niên xuân phục lai.
歸期何日是，　Quy kỳ hà nhật thị,
老盡故園梅。　Lão tận cố viên mai !

DỊCH NGHĨA :

NGÀY ĐẦU NĂM

Vẫn làm khách ở nơi quán trọ,
Mùa xuân năm ngoái lại trở về.
Ngày về biết lúc nào,
Những cây mai nơi vườn cũ đã cỗi hết !

DỊCH THƠ :

NGÀY ĐẦU NĂM

Quê người, khách vẫn còn đây,
Mùa xuân năm ngoái năm nay lại về.
Còn ta biết đến bao giờ,
Vườn xưa e đã mai già còn chi !

Theo Bd. HVTVT

324

濛裡驛偶成

MÔNG LÝ DỊCH NGAU THÀNH

短棹擱晴沙，　Đoản trạo [1*] các [2*] tình sa,
前村日已斜。　Tiền thôn nhật dĩ tà.
似無還似有，　Tự vô hoàn tự hữu,
煙際兩三家。　Yên tế lưỡng tam gia.

DỊCH NGHĨA :

ĐẾN TRẠM MÔNG LÝ (1) CẢM XÚC THÀNH THƠ

Mái chèo ngắn gác lên bãi cát dưới nắng,
Nhìn về xóm phía trước, mặt trời đã xế chiều.
Cảnh hư ảo như không lại như có,
Trong lớp khói mờ có hai ba mái nhà.

DỊCH THƠ :

Mái chèo gác bãi cát khô,
Nhìn lên xóm trước, bóng mờ bên sông.
Chập chờn như có, như không,
Nhà đâu mấy mái lẫn trong khói chiều.

TIÊN SƠN

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL3 : 棹 *trạo.*
2* MĐT : 攔 *lan.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Trạm Mông Lý* : nằm trên đường từ nước ta sang Trung Quốc, chưa rõ đích xác ở nơi nào.

325

元日江驛

NGUYÊN NHẬT GIANG DỊCH 1*

好景逢元日，Hảo cảnh phùng nguyên nhật,
無家憫此身。Vô gia 2* mẫn thử thân.
客愁渾滅去，Khách sầu hồn giảm khứ,
老眼看青春。Lão nhãn khán thanh xuân.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY NGUYÊN ĐÁN Ở TRẠM TRÊN SÔNG

Cảnh đẹp gặp ngày mồng một tết,
Luống thương thân này không nơi nương náu.
Nơi quán trọ, nỗi buồn có vơi tí chút,
Thưởng thức cảnh xuân tươi với đôi mắt già.

DỊCH THƠ :

Cảnh đẹp lại ngày đầu năm,
Thương thân vì nước xa xăm quê nhà.
Nỗi buồn như được nhẹ ra,
Tuổi già vui chút mặn mà mầu xuân.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* MĐT : chép đầu đề bài thơ là 江驛元日 *Giang dịch nguyên nhật.*
2* TVTL2, TVTL3, MĐT : 愧 *qui.*